

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG NGHĨA CHÁNH**

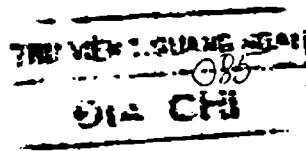
**PHONG TRÀO YÊU NƯỚC
CỦA NHÂN DÂN
VÀ
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG NGHĨA CHÁNH
(SƠ THẢO)**

Năm 2003

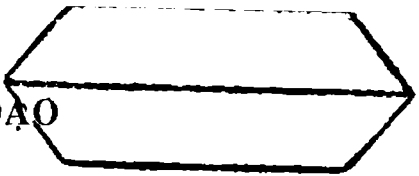
324 . 259 . 767 . 153
11 431 TR

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG NGHĨA CHÁNH**

**PHONG TRÀO YÊU NƯỚC
CỦA NHÂN DÂN
VÀ
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
PHƯỜNG NGHĨA CHÁNH
(SƠ THẢO)**



RECEIVED
JAN 10 1964
U.S. DEPT. OF JUSTICE
FEDERAL BUREAU OF INVESTIGATION
WASHINGTON, D.C.



BAN CHỈ ĐẠO

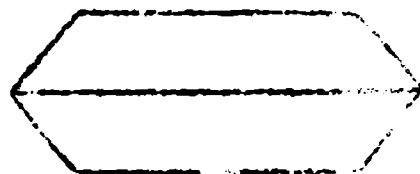
Trần Đại
Phạm Ngọc Châu
Tạ Minh Tuấn

DỰ TỌA ĐÀM CUNG CẤP TƯ LIỆU, ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Nguyễn Văn Huynh	Đoàn Thành
Cao Hùng	Đinh Minh
Nguyễn Nghĩa	Nguyễn Lý
Tạ Công Hiền	Bùi Quang Minh
Nguyễn Đức Tấn	Vũ Minh Niềm
Đỗ Cao Đệ	Lê Ngọc Trung
Lê Văn Phú	Tạ Văn Tới
Lê Văn Phước	Nguyễn Hữu Trung
Phạm Ngọc Châu	Tạ Duy Nghĩa
Tạ Minh Tuấn	Nguyễn Ngọc Cang
Trần Đình Hoàng	Lý Chiêu Hoàng
Hồ Văn Bảy	Nguyễn Thị Thu Thủy
Trần Đức Biên	Phạm Văn Trung
Nguyễn Nam	Phạm Đình Nhẫn
Trương Tịch	Đỗ Minh Cảnh
Trịnh Hào	Nguyễn Thị Bích Liên
Lý Minh Tâm	Lê Thanh Thuần
Trần Thục	Tạ Tấn Thành
Phạm Nghệ	

BIÊN SOẠN

Trần Văn Thận
Tạ Thanh
Cao Chư



LỜI NÓI ĐẦU

Tên Nghĩa Chánh, xã Nghĩa Chánh rồi nay là phường Nghĩa Chánh thực sự mới ra đời từ hơn 20 năm nay. Nhưng những cơ sở hình thành nên Nghĩa Chánh hôm nay đã có từ hàng ngàn năm trước. Núi Thiên Bút tuy có bị bào mòn nhưng vẫn sừng sững đứng ở phía Nam và là nguồn cảm hứng sáng tác của bao nhiêu thế hệ tao nhân mặc khách. Sông Trà Khúc không ít lần bên lở, bên bồi nhưng vẫn là dải lụa xanh, biểu tượng cho mối tình chung thủy tuyệt đẹp luôn lượn lờ ở phía Bắc. Những nét thiên nhiên gân guốc nhưng ân tình đầy kỳ thú đã in đậm dấu ấn lên phế tích Chàm, lên ruộng đồng Bàu He, Bàu Liên. Nhưng dấu ấn đậm nét nhất vẫn là dấu ấn do con người tạo nên. Cộng đồng cư dân ở khu vực Nghĩa Chánh, dù trước đây thuộc thôn nào, xã nào vẫn là những con người đã từng chung lưng đấu cật đem tài trí, mồ hôi nước mắt của mình để chống thiên tai, địch họa khai phá vùng đồi cao rừng rậm, vùng ao hồ ngập nước quanh năm, muối đũa hoành hành thành những ruộng đồng màu mỡ, làng xóm trù phú để lại cho chúng ta ngày hôm nay. Các thế hệ cha ông trước đây cũng đã chung sức đấu tranh chống mọi sự bất công xã hội, bảo vệ thành quả lao động sáng tạo của mình để sinh tồn và phát triển. Vì thế, không có điều gì lạ lạ khi thấy người ở khu vực Nghĩa Chánh luôn có mặt trong tất cả phong trào yêu nước và cách mạng từ trước đến nay.

Từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, được lý tưởng cao cả của Đảng cổ vũ, lại được sự điều dắt trực tiếp của Đảng, truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng vốn có

đã được phát huy đến cao độ trong cuộc đấu tranh xóa bỏ nền thống trị thực dân phong kiến, tiêu diệt mọi kẻ thù xâm lược góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc lấy lòng trong những năm đầy sôi động của thế kỷ XX. Và chỉ mới hơn 20 năm ngắn ngủi, nhân dân Nghĩa Chánh, trong vòng tay ân tình của Đảng, đã bước những bước đi khá nhanh từ một xã nông thôn nghèo nàn lạc hậu sang một phường với đường sá trải nhựa ngang dọc, nhà cửa khang trang hòa nhập vào khí thế chung của cả thị xã đang xây dựng trở thành thành phố loại III của tỉnh Quảng Ngãi trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thiên niên kỷ mới. Bộ mặt Nghĩa Chánh đang biến đổi nhanh chóng từng ngày, từng giờ.

*Ông cha ta đã có lời dặn: “No lòng nhớ buổi đói cơm...”, càng đổi mới, càng đi vào hiện đại, càng không được quên quá khứ đói nghèo lạc hậu, càng cần phải hiểu sâu về cội nguồn của cha ông thuở trước. Với nhận thức đó và thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và được sự chỉ đạo hướng dẫn trực tiếp của Thị ủy Quảng Ngãi, Đại hội Đảng bộ lần thứ IX xã Nghĩa Chánh đã có chủ trương biên soạn cuốn sách “**Truyền thống yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ xã Nghĩa Chánh**”⁽¹⁾ từ buổi khởi đầu cho đến năm 2000 với mong ước:*

- Ghi chép lại một cách trung thực công lao, trí tuệ của các thế hệ cha ông trong sự nghiệp khai canh, khai cư xây dựng nên những xóm làng trù phú và những đóng góp của

⁽¹⁾ Không viết là phường, vì lúc có Nghị quyết phường Nghĩa Chánh còn là đơn vị xã

nhân dân trong sự nghiệp chống ngoại xâm, chống bất công để có thể sinh tồn và phát triển trong thời kỳ chưa có Đảng. Từ khi có Đảng đến nay, truyền thống và sức mạnh của nhân dân ở đây đã được phát huy ra sao trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng đất nước, giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Qua đó giúp mọi người hiểu rõ bên cái chung là nền văn hóa Việt Nam, có gì là đặc điểm riêng của vùng đất này nhất là tính cách, cá tính của con người đã được hình thành trong tiến trình lịch sử, giúp mỗi người hiểu được chỗ mạnh, chỗ yếu để tự điều chỉnh mình, nhất là giúp cho cán bộ, đảng viên ở đây biết những gì cần phát huy, những gì cần khắc phục trong việc lãnh đạo nhân dân đi vào thời kỳ xây dựng mới.

- Giúp cho nhân dân toàn phường, kể cả người dân chính gốc cũng như những người mới đến thường trú, nhất là thế hệ trẻ hiểu được căn nguyên, cội nguồn của mảnh đất mình đang ở, thực hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây” đối với các thế hệ cha ông đi trước và tiếp tục phát huy truyền thống lao động sáng tạo, truyền thống yêu nước và cách mạng xây dựng phường Nghĩa Chánh thành một phường sản xuất giỏi, văn hóa tiên tiến góp phần làm cho thị xã Quảng Ngãi thành thành phố loại III vững về chính trị, giàu về kinh tế, đẹp về văn hóa, mạnh về an ninh quốc phòng.

Để thực hiện được mong ước đó, Đảng ủy đã thành lập Ban chỉ đạo và Ban chỉ đạo đã dành mọi thuận lợi cho ban biên tập, biên soạn cuốn sách này. Trong quá trình chỉ đạo,

chúng tôi đã gặp không ít khó khăn trong việc tra cứu , xác minh tư liệu, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự đóng góp quý báu của các đồng chí, đồng bào trong xã, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy, Thị ủy và các đồng chí lãnh đạo xã Nghĩa Lộ qua các thời kỳ, của Ban Tuyên giáo và Văn phòng Thị ủy Quảng Ngãi. Chúng tôi cũng chân thành cảm ơn sự nhiệt tình và tinh thần vượt khó khăn, làm việc nghiêm túc của Ban biên tập để cuốn sách được hoàn thành đúng mong muốn.

Tuy vậy, phường Nghĩa Chánh mới được thành lập, còn lịch sử lại phải phản ánh những sự kiện, con người của hàng trăm năm trước. Trong lúc đó, tư liệu thành văn thì quá ít, nhiều đồng chí lãnh đạo, đảng viên lâu năm đã từng sống trong cuộc thì lần lượt qua đời. Ký ức của con người cũng không tránh khỏi sự sai lệch qua năm tháng. Trình độ sâu tầm, nghiên cứu, biên soạn cũng có hạn. Do đó cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót.

Có thiếu sót còn hơn là không có, với nhận thức như vậy, chúng tôi đã xin ý kiến của Thị ủy Quảng Ngãi cho ra đời cuốn sách với mong ước đồng bào, đồng chí trong phường và các bạn đọc gần xa tham gia đóng góp nhiều ý kiến để khi tái bản, cuốn sách được đầy đủ, chính xác và phong phú hơn.

Nghĩa Chánh, ngày 30 tháng 5 năm 2003

TM. BAN CHỈ ĐẠO

Bí thư Đảng ủy, Trưởng ban

Trần Đại



Ban chỉ đạo

VÀI LỜI CỦA NGƯỜI VIẾT

Làng xã Việt Nam là những cộng đồng dân cư đã hình thành và cố kết từ lâu đời. Tuy mang chung bản sắc của nền văn hóa Việt Nam, nhưng vì hoàn cảnh địa lý, lịch sử của mỗi nơi có khác nhau nên có những đặc thù riêng của mình. Viết về truyền thống đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội của cộng đồng cư dân một làng xã, hoặc lịch sử ra đời và lãnh đạo của một Đảng bộ làng xã, làm rõ cái chung và cái riêng, có lẽ cũng không phải là điều gì mới lạ và khó khăn lắm. Nhưng với phường Nghĩa Chánh thì có khác. Nếu tính chi ly, tên Nghĩa Chánh ra đời chưa lâu, xã Nghĩa Chánh thực sự trở thành một đơn vị hành chính tính đến năm 2000 cũng chỉ mới được 21 năm 7 tháng. Hơn nữa xã Nghĩa Chánh chỉ là một bộ phận của xã Nghĩa Lộ trước kia. Vả lại xã Nghĩa Lộ cũng mới ra đời từ sau Cách mạng tháng Tám trên cơ sở nhập hai xã Chánh Lộ và Ngọc Ấn lại với nhau, mà phường Nghĩa Chánh ngày nay bao gồm một phần của xã Chánh Lộ và toàn bộ xã Ngọc Ấn cũ. Trong lịch sử đã từng là hai cộng đồng cư dân khác nhau, vậy cái chung và cái riêng cần được thể hiện như thế nào cho đúng? Người viết đã gặp không ít khó khăn về phương pháp luận trong việc tiếp cận vấn đề và trong phương pháp thể hiện. Cũng may, trải qua mấy trăm năm với nhiều biến thiên lịch sử, núi sông tuy có lở bồi, mòn khuyết nhưng vẫn là núi sông đó, đất trời đó. Nhất là con người, tổ tiên người Nghĩa Chánh vẫn là con người thế hệ nọ tiếp thế hệ kia nối nhau khai phá đất đai, xây dựng nên gia đình, dòng họ, định ra phong tục tập quán

để lại cho con cháu ngày nay. Họ cùng sống sát kề bên nhau, cùng trên một bờ sông, chịu ảnh hưởng tốt xấu của chế độ thủy văn như nhau, cho nên sự khác biệt tuy có nhưng không nhiều.

Viết lịch sử là viết về sự kiện và con người với tinh thần tôn trọng tất cả cái chung và cái riêng đó. Sự kiện nào đã diễn ra ở đâu sẽ được phản ánh đầy đủ ở nơi đó, nhất là từ năm 1979 về trước. Còn về con người trong sự kiện thì xin được nhắc đến con người vốn đã sinh sống trên khu vực Nghĩa Chánh ngày nay. Ví như sự kiện cách mạng Tháng Tám 1945 là sự kiện chung của xã Chánh Lộ thời bấy giờ, cùng chung một ban lãnh đạo khởi nghĩa, cùng chung một kế hoạch đánh chiếm dinh lũy của kẻ thù giành quyền làm chủ. Làm sao không nhắc đến chủ trương chung, kế hoạch chung và những con người cốt cán chỉ huy thực hiện những cái chung ấy. Nhưng chủ trương ấy, kế hoạch ấy đi vào cuộc sống như thế nào, tác động qua lại ra sao đối với từng thành viên xã hội xin được nói đến chủ yếu là những người sinh sống trên khu vực Nghĩa Chánh ngày nay. Người viết không hề có tình cảm thiên vị, cục bộ, trọng khinh, khi không nhắc đến những con người ở những khu vực khác. Xã, phường là đơn vị cơ sở của bất cứ hệ thống chính trị nào. Nó có nhiệm vụ biến mọi chủ trương của cấp trên thành hiện thực. Viết lịch sử một xã, phường, một Đảng bộ không phải là viết về chủ trương mà là viết những chủ trương của cấp trên đã biến thành hiện thực - có thể có nhiều sáng tạo độc đáo - như thế nào? Đối tượng phản ánh buộc ngòi bút của người viết phải xử lý như vậy. Vì thế trong sách này thường có cụm từ “khu

vực Nghĩa Chánh” - chỉ một bộ phận của xã Nghĩa Lộ tương ứng với xã Nghĩa Chánh sau này. Mong độc giả lưu ý và thông cảm trong khi đọc.

Truyền thống và lịch sử trong sách này được viết từ đầu đến năm 2000 - năm Nghĩa Chánh còn là đơn vị hành chính cấp xã. Nhưng khi viết và hoàn thành sách này thì xã Nghĩa Chánh đã được nâng lên thành phường Nghĩa Chánh, vì thế xin được lấy tên cuốn sách là *“Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ phường Nghĩa Chánh”*.

Tuy nhận thức như vậy và bằng mọi cách để thu thập tư liệu rồi so sánh, đối chiếu với mong ước mọi sự kiện con người được phản ánh trong sách này đảm bảo tính chuẩn xác, trung thực nhất. Nhưng dù cố gắng đến đâu, những người viết chúng tôi có thể do thu thập tư liệu chưa đầy đủ, do việc xử lý tư liệu chưa tốt, nên không tránh khỏi những thiếu sót, lầm lẫn. Chúng tôi vui lòng đón nhận mọi ý kiến đóng góp và nghiêm túc nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý khi được tái bản.

Nhân dịp này, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Ban chỉ đạo biên tập đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để chúng tôi hoàn thành việc biên soạn cuốn sách, cảm ơn nhiều đồng chí đã vui lòng cung cấp cho chúng tôi những tư liệu cần thiết, và xin gửi lời biết ơn chân thành đến các đồng chí Tạ Công Hiền, đại tá Cao Hùng, nhà giáo ưu tú Nguyễn Đức Tấn, ngoài việc cung cấp những tư liệu quý giá còn đóng góp nhiều ý kiến hết sức bổ ích về phương hướng, về cách viết truyền thống lịch sử một phường, một Đảng bộ phường -

một việc làm hết sức bổ ích trong việc bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chế độ cho mỗi người dân, nhưng cũng là việc làm còn rất mới mẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm.

Trước khi đọc cuốn sách, những người viết chúng tôi mong độc giả xa gần hiểu cho tấm lòng chân thực của chúng tôi gửi gắm trong những lời cần bạch nói trên.

Quảng Ngãi, Tháng 5 năm 2003

TM.BAN BIÊN TẬP

Trần Văn Thận

PHẦN THỨ NHẤT

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN LỊCH SỬ VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Xã Nghĩa Chánh được thành lập vào tháng 3 năm 1979. Tuy là một đơn vị hành chính cấp cơ sở của thị xã Quảng Ngãi nhưng khác với các phường khác thuộc nội thị sống chủ yếu bằng nghề buôn bán, dịch vụ, sản xuất thủ công nghiệp, nhân dân xã Nghĩa Chánh vẫn tiếp nối truyền thống 500 năm của tổ tiên mình, sống chủ yếu bằng nghề làm nông. Nhưng với vị trí có nhiều ưu thế, Nghĩa Chánh được tỉnh chọn làm khu vực mở rộng thị xã và xây dựng thị xã thành thành phố tỉnh lỵ vào năm 2005⁽¹⁾, nhiều đường sá, công trình được xây dựng mới. Nhân dân xã Nghĩa Chánh phấn khởi được sống trong hòa bình, đang nô nức thi đua xây dựng cuộc sống mới, tiếp nhận chủ trương trên càng phấn khởi hơn trong lao động xây dựng quê hương mình. Bộ mặt của xã Nghĩa Chánh đã thay đổi về cơ bản và có đủ tiêu chí của một phường ở đô thị. Căn cứ vào đó, ngày 17 tháng 12 năm 2001 Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ra Nghị định 97/2001/NĐ nâng cấp xã Nghĩa Chánh thành phường Nghĩa Chánh. Bước vào đầu thế kỷ XXI với tư thế là khu vực đô thị hóa mạnh nhất của thị xã Quảng Ngãi, Nghĩa Chánh chắc chắn sẽ có trục trung tâm văn hóa, có một số công trình kỹ thuật đầu mối như điện, đường cho cả thị xã. Đó là niềm phấn khởi lớn lao của nhân dân xã Nghĩa Chánh. Nhưng viết về truyền thống lịch sử Nghĩa Chánh, nhất là viết từ năm 2000 trở về trước, người viết xin tôn

(1) Nghị quyết 09/NQ-TU-9/1998 và 4/2003 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi

trọng sự thật lịch sử, xin được viết tên xã thôn như nó vốn có.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, LỊCH SỬ KINH TẾ, XÃ HỘI

1- Điều kiện tự nhiên.

Xã Nghĩa Chánh là một xã trong 6 phường, 4 xã của thị xã Quảng Ngãi, ở vị trí trung độ, cách trung tâm thị xã chưa đầy 1 km, nằm ở tọa độ 15⁰03 độ vĩ bắc và 180⁰48 độ kinh đông⁽¹⁾, phía Bắc giáp sông Trà Khúc và phường Nguyễn Nghiêm, phía Tây giáp phường Chánh Lộ, phía Đông giáp xã Nghĩa Đông, phía Nam giáp sông Bàu Giang, xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa. Chiều dài theo trục Bắc Nam tính từ xóm Bàu Dầu đến sông Bàu Giang nơi dài nhất khoảng 3 km; chiều ngang theo trục đông tây tính từ điểm cuối thôn gò Hống đến đường Quang Trung nơi dài nhất khoảng 2 km. Tổng diện tích tự nhiên là 403,48 ha⁽²⁾.

Cũng như vùng ven biển miền Trung Trung bộ, xã Nghĩa Chánh nằm trong vùng khí hậu á nhiệt đới và khu vực gió mùa Đông Nam Á. Mỗi năm có 2 mùa mưa nắng rõ rệt. Mùa mưa ngắn thường từ tháng 9 năm trước đến tháng 1 năm sau. Mùa nắng thường dài hơn từ tháng 2 đến tháng 8. Số giờ nắng trung bình hàng năm là 2043 giờ. Trong mùa nắng, buổi chiều thường có mưa dông. Mưa kèm theo sấm sét trong vài giờ rồi tạnh và kéo dài trong 3 buổi chiều mới dứt.

(1) Theo quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi - Viện quy hoạch đô thị và nông thôn - 1996.

(2) Theo quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh - Viện quy hoạch đô thị và nông thôn - 1996.

Có năm nắng gay gắt kéo dài 4, 5 tháng liền dẫn đến hạn hán gây trở ngại cho sản xuất nông nghiệp. Ngược lại, trong mùa mưa, Nghĩa Chánh chịu ảnh hưởng mạnh của thủy văn sông Trà Khúc, thường hay bị lũ lụt, tuy thời gian lụt không kéo dài. Lượng mưa trung bình năm là 2.181 mm thường tập trung cao nhất vào tháng 9, 10, 11⁽¹⁾. Lượng bốc hơi trung bình là 837mm. Về gió, mùa hè hướng chủ đạo là Đông-Đông Nam mát mẻ và dễ chịu, nhưng thỉnh thoảng gió đổi hướng Tây Nam trong 5, 7 ngày mang đến khí hậu oi bức, nóng nảy. Mùa Đông hướng chủ đạo là gió Tây-Tây Bắc thường mang theo gió mùa Đông Bắc rét buốt tuy không kéo dài và thường kèm theo 2, 3 trận bão.

Nhiệt độ trung bình tháng là 25,8⁰C. Nhiệt độ cao nhất trung bình tháng là 30,4⁰C, tháng 6, 7 có ngày nhiệt độ lên đến 38⁰C. Nhiệt độ thấp nhất trung bình tháng là 22,4⁰C vào tháng 12 có lúc nhiệt độ xuống đến 16⁰C⁽²⁾. Độ ẩm trung bình năm là 85,3%, độ ẩm thấp nhất là 36,8%⁽³⁾

Cùng một giải liền mạch với các phường xã khác của thị xã Quảng Ngãi, nằm ở bờ nam Sông Trà Khúc nhưng địa hình xã Nghĩa Chánh có nhiều đặc điểm riêng. Nói chung đều nằm ở khu vực bồi tích sông, thấp và tương đối bằng phẳng, dốc về phía Tây-Nam với độ dốc từ 0,001-0,003, cao độ địa hình phổ biến là từ 5-6, 8m, địa chất lại tốt, thuộc khu vực đất xây dựng loại 1. Núi Thiên Bút với độ cao trước đây

(1) Theo quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh - Viện quy hoạch đô thị và nông thôn - 1996

(2) Đặc điểm khí hậu tỉnh Nghĩa Bình - Trạm khí tượng thủy văn tỉnh Nghĩa Bình 1982.

(3) Theo quy hoạch chung xây dựng thị xã Quảng Ngãi

là 61m bị xói mòn bởi hàng trăm năm mưa gió, nay chỉ còn khoảng 50m⁽¹⁾ nhưng vẫn là điểm cao đột phá giữa bốn phía là ruộng đồng làng xóm tạo nên một cảnh quan đa dạng, địa chất phức tạp. Bởi vì cách đó không xa, ở vùng Gò Nại lại có lớp cát bồi dày 5-7m cường độ chịu tải kém. Đào ao, đào giếng nhân dân ở đây thường lượm được dây thừng, mỏ neo - dấu vết của thuyền bè từ xa xưa còn lưu lại. Phải chăng đây là một vịnh biển, hay cửa sông lớn mà ngày xưa thuyền bè thường hay đậu, hoặc là một cánh đồng muối nên có chữ “Nại”, như nhân dân ta đã lưu truyền. Ở dọc sông Trà Khúc, địa hình thấp, thường xuyên bị ngập lụt nên không thuận lợi cho việc xây dựng.

Xã Nghĩa Chánh tuy nằm giữa đồng bằng nhưng lại có thiên nhiên trời phú, có đủ cả núi sông với nhiều giai thoại kỳ thú⁽²⁾ mà ít xã có được. Núi Bút nằm gọn ở phần phía Nam xã, tuy không cao lắm nhưng từ xa xưa vẫn được gọi là núi. Đứng từ xa ở phía nào người ta cũng thấy núi có hình chóp gần cân đối, trước kia có nhiều trâm, bứa, xoài... phân bố đều khắp từ chân đến đỉnh. Cây cao sừng sững tạo cho núi có dáng một ngọn bút lông dựng ngược lên trời nên được các nho sĩ ngày xưa đặt tên là “Thiên Bút Phê Vân” (bút trời viết vào mây). Dưới chân núi Bút về phía nam còn có hòn Nghiên. Bút, Nghiên đi liền với nhau nên người xưa thường lấy đó làm biểu tượng cho văn phong, sĩ khí, tinh thần hiếu học của nhân dân Quảng Ngãi. Phía đông núi Bút còn có gò Ngựa, gò Rùa (nơi trạm điện hạ thế ngày nay). Cả quần thể

(1) Theo phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi-NXB chính trị Quốc Gia-1999-tr14.

(2) Xin xem phần phụ lục.

Thiên Bút này được tạo nhân mặc khách ngày trước xem là một trong 12 thắng cảnh của Quảng Ngãi với nhiều thơ văn đề vịnh⁽¹⁾. Tuy không còn độ cao như cũ nhưng hiện nay đứng trên đỉnh núi Bút người ta có thể nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, phía bắc là sông Trà Khúc đang uốn lượn với thắng cảnh “Thiên Ấn niêm hà” (ấn trời đóng trên sông), phía nam là cánh đồng Tư Nghĩa, Nghĩa Hành nối liền nhau xanh tốt, phía tây xa xa là giải Trường Sơn hùng vĩ, còn phía đông là biển rộng với cát vàng, sóng bạc, xa hơn còn thấy cả cù lao Lý Sơn nằm phơi mình giữa sóng cả và nắng vàng. Tương lai không xa, núi Thiên Bút sẽ là công viên cây xanh một địa điểm văn hóa du lịch của cả tỉnh Quảng Ngãi.

Hai đầu phía bắc và phía nam xã là 2 con sông Trà Khúc và sông Bàu Giang. Sông Trà Khúc là con sông lớn của tỉnh. Sông ngắn và dốc thường gây lũ lụt cho vùng hạ lưu, trong đó có 1 km sông chảy dọc phía bắc xã Nghĩa Chánh. Lưu lượng bình quân 163,4m³/s, cao nhất là 946,8m³/s, thấp nhất là 25,9m³/s. Tuy sông gây nhiều tác hại trong mùa mưa nhưng cũng qua mỗi mùa lụt hàng năm, sông Trà Khúc trước đây đã bồi đắp thêm một lớp phù sa màu mỡ cho ruộng đồng Nghĩa Chánh. Đặc biệt trong mùa hè, sông Trà Khúc lại là nguồn nước quan trọng mà nhân dân Nghĩa Chánh đã biến thủy năng của nó thành động lực đẩy các bờ xe nước đưa nước vào tưới hầu hết các đồng ruộng ở đây.

Ngày nay có công trình Thạch Nham, các bờ xe nước không còn nữa, nhưng bờ xe nước là một sáng tác độc đáo, một hình ảnh nên thơ không phai mờ trong tâm trí người dân

(1) Xin xem phần phụ lục

Quảng Ngãi nói chung và người dân Nghĩa Chánh nói riêng.

Sông Bàu Giang hội tụ nước sông Giăng (Hành Dũng - Nghĩa Hành) và suối Bà Đờn (Nghĩa Kỳ - Tư Nghĩa) chảy dọc phía nam xã vừa làm ranh giới tự nhiên giữa xã Nghĩa Chánh (thuộc thị xã Quảng Ngãi) với xã Nghĩa Thương (thuộc huyện Tư Nghĩa). Sông Bàu Giang là một con sông nhỏ, ít nước không đủ điều kiện làm bờ xe nước. Người ta phải đắp đập Ba La giữ nước và dùng gàu tát vào ruộng. Tuy thế, nước sông thường bị cạn kiệt. Sau Cách mạng tháng Tám, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân đào kênh Tư Nghĩa đưa nước sông Trà Khúc về bổ sung nước cho sông Bàu Giang đủ nhu cầu cho nhân dân sản xuất không chỉ cho Nghĩa Lộ, mà còn cho cả Nghĩa Trung, Nghĩa Thương, Nghĩa Đông đúng như lời nhà thơ Tế Hanh đã viết:

“Nước sông Trà chảy qua núi Bút

Nông dân mình được chút thành thời”

Nhờ nguồn nước quan trọng đó mà các cánh đồng phía nam Nghĩa Chánh cũng trải màu xanh lúa bắp trong mùa hè. Ngày nay chỉ cần một tuyến kênh N6 thuộc hệ thống thủy lợi Thạch Nham, chảy qua gần ở giữa xã (phía bắc chân núi Bút) là đã tưới khắp các cánh đồng phía bắc cũng như phía nam xã. Thủy lợi hóa nông nghiệp đã giúp cho người nông dân dưới chế độ mới bớt đi biết bao gian khổ nhọc nhằn.

2- Lịch sử hình thành.

Từ xa xưa Nghĩa Chánh là một bộ phận của đất Việt thường thị - 1 trong 15 bộ của nước Văn Lang thời Hồng Bàng. Sau đó bị người Chiêm chiếm cứ trong nhiều thế kỷ.

Đến năm 1402 nhà Hồ mới giành lại, nhưng phải đến năm

1471 với chiến thắng của vua Lê Thánh Tông, vùng đất này mới vĩnh viễn về với nước Đại Việt với tên là phủ Tư Nghĩa. Phủ Tư Nghĩa có 3 huyện Bình Sơn, huyện Chương Nghĩa, huyện Mộ Hoa. Nghĩa Chánh ngày nay là một bộ phận của huyện Chương Nghĩa. Người Việt đã vào đây giao thương từ lâu, nhưng đến đây hàng loạt người Việt từ nhiều tỉnh miền Bắc, nhất là Nghệ An, Hà Tĩnh, bằng nhiều nguồn khác nhau kéo vào đây, cộng cư với người Chăm (dân bản địa) khai phá đất hoang, lập nên làng xóm, xây dựng nhà cửa định kế lâu dài, trong đó có cả những tiền hiền, hậu hiền là tổ tiên người Nghĩa Chánh ngày nay. Trải qua nhiều thế hệ khai phá và xây dựng đến giữa thế kỷ XVIII, Nghĩa Chánh ngày nay là một trong những vùng được học giả Lê Quý Đôn (1726-1786) viết là “đất đều gần sông, đất nước tốt lành đồng, điền rộng rãi, cao mà bằng, ước hơn nghìn mẫu cũng gọi là Tiểu Đồng Nai⁽¹⁾”. Gần 50 năm sau học giả Phan Huy Chú (1782-1840) lại viết: “... Đất được mở mang, phong thổ mỗi ngày một phần thịnh, đồng ruộng rộng rãi, các thứ lúa xanh tốt ...”⁽²⁾. Trong biến thiên lịch sử, tên phủ Tư Nghĩa đã nhiều lần thay đổi. Năm 1802 Gia Long lên ngôi đổi là dinh Quảng Nghĩa. Đến năm 1832 dưới thời Minh Mạng mới đổi thành tỉnh Quảng Nghĩa cho đến ngày nay. Đặc biệt là từ năm 1807, nhà Nguyễn cho xây dựng thành Quảng Nghĩa⁽³⁾ tại xã Cù Mông, sau thành Chánh Mông (thuộc

(1) Phủ biên tạp lục - nxb KHXH - 1977, trang 119.

(2) Lịch triều hiến chương loại chí-NXB Sử học-1960, trang 136.

(3) Thành Quảng Nghĩa được kiến trúc theo kiểu Vô bang (vauban) của Pháp, có bình đồ hình vuông, mỗi cạnh có 500m, tổng diện tích khoảng 26ha, thành dày 5m, cao 4m, có 4 cửa đông, tây, nam, bắc (về sau không còn cửa nam). Xung quanh thành có hào sâu 3m rộng 20m.

huyện Chương Nghĩa) đưa các cơ quan cai trị đứng đầu tỉnh về làm việc tại đây. Sự kiện trên gây nên biến động về nhiều mặt, trong đó có việc biến khu vực Nghĩa Chánh- một bộ phận của xã Chánh Mông - nằm sát nách lỵ sở của tỉnh Quảng Ngãi và người dân ở đây vừa trở nên chủ nhân, vừa trở nên chứng nhân của nhiều sự kiện lịch sử của tỉnh nhà. Đến năm 1886 xã Chánh Mông vì tránh kiêng kỵ tên thường gọi của vua Đồng Khánh⁽¹⁾ đổi thành xã Chánh Lộ. Xã Chánh Lộ với sự tồn tại của tỉnh lỵ dần dần biến đổi. Khu vực phía tây tính từ cửa Đông đến ngã năm Thu Lộ ngày nay dần dần thành Chánh Lộ phố, trái lại khu vực phía đông, phía nam và các vùng phụ cận khác được xem là Chánh Lộ xã, giữ nguyên cấu trúc xóm làng, chuyên sống bằng nông nghiệp như trước kia.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng đổi phủ Tư Nghĩa thành huyện Tư Nghĩa. Xã Chánh Lộ hợp nhất với xã Ngọc Án thành xã Nghĩa Lộ trực thuộc huyện Tư Nghĩa. Xã Nghĩa Lộ lúc này có 5 thôn:

Thôn 1 gồm có: Lâm Quỳ (Ngọc Án), Tịch Điền, Phú Hòa Trung.

Thôn 2 gồm có: Chợ Cũ, Tàu Tượng, Thạch Bích, Chùa Dầu, Gò Trầy.

Thôn 3 gồm có: Phú Yên 1, Phú Yên 2, Phú Yên 3; Gò Gai.

Thôn 4 gồm có: Phú Mỹ Thượng, Phú Mỹ Trung, Phú Mỹ Hạ.

(1) Đồng Khánh có nhà học là Chánh Mông đường nên người ta thường gọi là ông Chánh Mông.

Thôn 5 gồm có: Quán Dân, Gò Nại, Gò Hống, La Tá.

Từ tháng 10/1954 đến tháng 3/1975, ngụy quyền Sài Gòn đổi tên xã Nghĩa Lộ thành xã Tư Chánh, trực thuộc quận Tư Nghĩa. Sau đại thắng mùa xuân 1975, chính quyền thị xã Quảng Ngãi được thành lập và sau đó cả huyện Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi hợp nhất thành thị xã Quảng Ngãi⁽¹⁾. Đầu năm 1979, sau khi chia tỉnh, thị xã Quảng Ngãi lại được tách ra thành thị xã Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa như cũ. Đến tháng 3 năm 1979 xã Nghĩa Lộ chia thành 2 xã: Nghĩa Lộ (gồm khu vực phía Tây đường Quang Trung trở lên) và xã Nghĩa Chánh (gồm khu vực phía Đông đường Quang Trung). Xã Nghĩa Chánh chính thức ra đời từ đó và trực thuộc thị xã Quảng Ngãi. Xã Nghĩa Chánh ngay từ đầu được chia thành 4 thôn:

Thôn 1: Tịch Điền, Ngọc Án, Phú Hòa trung.

Thôn 2: Phú Mỹ hạ.

Thôn 3: Gò Hống, gò Nại.

Thôn 4: Quán Dân, La Tá⁽²⁾.

Đến năm 1989 chia làm 10 thôn như hiện nay.

Đến năm 2000 xã Nghĩa Chánh mới thành lập được hơn 20 năm. Nhưng sông núi hàng vạn năm nay đã chứng kiến các cư dân từng sinh sống trên mảnh đất này, đặc biệt chứng kiến các thế hệ tổ tiên người Nghĩa Chánh đã nối tiếp nhau trong hơn 500 năm lao động và chiến đấu, xây dựng nên truyền thống lịch sử của riêng mình.

(1) Ngày 12 tháng 2 năm 1976.

(2) Năm 1982, La Tá được cắt giao cho xã Nghĩa Thương (Tư Nghĩa).

3. Dân cư.

Chưa có đủ tư liệu để viết về cộng đồng cư dân sống trên mảnh đất này thời còn là bộ phận của Việt Thường Thị từ xa xưa. Khi vương quốc Chiêm thành thống trị ở đây thì cư dân bản địa chủ yếu là dân tộc Chăm. Người Chăm sinh sống bằng nghề trồng lúa nước và săn bắn thú rừng. Tuy cũng dùng chài lưới đánh bắt cá trên các sông hồ, mò cua bắt ốc ở các đầm ao, nhưng họ chưa đủ sức chế ngự được lũ lụt xảy ra hàng năm. Cho nên họ thường sống tập trung ở các gò cao, dọc theo bờ rừng. Ở vùng này, họ sống ở các vùng đất cao quanh chân núi Bút⁽¹⁾ vắt qua rừng Lăng, núi Ông. Tuy nhiên họ đã đạt được đến một trình độ văn hóa khá cao mà dấu vết còn lại là phế tích tháp Chăm nằm ngay trên đỉnh núi Thiên Bút. Tháp Chăm ở núi Bút đã bị nắng mưa của thời gian phá hủy gần như hoàn toàn. Nhưng căn cứ vào một số hiện vật như tượng, bi ký còn lưu giữ được, người ta thấy được tháp Chăm Thiên Bút cùng phong cách với tháp Chánh Lộ - khu tháp trung tâm thờ thần lớn và là trung tâm hành hương của người Chăm trong vùng⁽²⁾. Qua nhiều khai quật, khảo sát đối chiếu các di vật, người ta đi đến kết luận. Phong cách Chánh Lộ nằm ở giai đoạn muộn của “phong cách Trà Kiệu” (Quảng Nam), khoảng thế kỷ IX, X sau công nguyên.

(1) Xóm Trại ở góc đông bắc cách núi Bút khoảng 50m, tương truyền là nơi người Hời (tức Chăm) ở ngày xưa. Ngày nay đồng bào ta ở đây cuốc đất, đào mương cũng thường gặp gạch, chum vại của người Chăm.

(2) Tháp Chăm Chánh Lộ nằm ở khu bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi ngày nay, được người Pháp khai quật từ đầu thế kỷ XX. Năm 1978 cán bộ chuyên môn của Viện khảo cổ trung ương và bảo tàng tỉnh tiếp tục khai quật. Nhiều di vật tìm được ở đây cũng như ở tháp Chăm núi Bút được đưa về trưng bày ở bảo tàng Chăm Đà Nẵng và bảo tàng tỉnh ta.

Một di vật khác là đám ruộng có tên là “Đám ruộng Một” ở gần chân núi Bút rộng khoảng 3 sào mà từ xa xưa luôn luôn bỏ hoang, vì đời này truyền cho đời kia là ruộng thiêng, ai cày cấy trên đám ruộng ấy thì gãy cây, gãy bữa, trâu, bò chết, người chết và nhiều người còn bảo đó là ruộng Chàm⁽¹⁾. Mặc dù người Việt đã thực hiện chính sách cộng cư, thân thiện, cùng đoàn kết xây dựng, tôn trọng lẫn nhau nhưng người Chăm không yên tâm, lại bị bọn tay sai vương quốc Chăm đe dọa dụ dỗ, họ dần dần đi về phía Nam⁽²⁾.

Về người Việt, lúc đầu mới chỉ là những người làm việc giao thương giữa miền Ô, Lý thuộc đất Thuận Quảng với Cổ Lũy động thuộc vương quốc Chiêm Thành. Sau thắng lợi của vua Lê Thánh Tông, các đơn vị quân đội đồn trú tại đây lúc động thì đánh dẹp, lúc bình thì khai khẩn binh điền cùng với những người bị tội lưu đi ngoại châu. Đông đảo nhất là từ đầu thế kỷ XVI, đến thời chúa Nguyễn thống trị ở phương Nam với chính sách chiêu mộ dân miền Bắc vào khai khẩn vùng đất mới, người dân mới ào ạt kéo vào cùng với vợ con. Tổ tiên người Nghĩa Chánh ở gần đủ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và trung châu Bắc Bộ đã thuộc lớp người đầu tiên vào khai phá mảnh đất này. Lúc đầu thực hiện chính sách cộng cư với người Chăm, họ không động chạm gì đến mảnh đất mà người Chăm đã ăn ở và sinh sống. Ở theo đồn trại,

(1) Ruộng Chàm nằm ở góc Đông Bắc núi Bút cách Trung tâm văn hóa triển lãm hiện nay khoảng 30m về phía đông, gần Xóm Trại đã nói trên. Ruộng đã được khai phá, canh tác từ năm 1948, hiện nay đã thành nền của bãi xe du lịch.

(2) Mãi đến đầu thế kỷ XX còn rải rác một ít người Chăm sinh sống ở ven rừng Tư Nghĩa, Mộ Đức.

họ tập trung khai phá những vùng đất trũng bị ngập úng quanh năm, cỏ năng, cỏ lát trùm kín từ đời nọ sang đời kia, mà người Chăm đã để hoang hóa. Những bầu Liên, bầu Ruộng, bầu Đĩa còn lại đến hôm nay nói lên quá trình khai phá của người Việt trong thời đó. Họ sống bằng trồng trọt lúa mầu, chăn nuôi lợn gà, đánh bắt cá tôm trên sông hồ như ở quê miền Bắc cũ, nhưng cũng tiếp thu một số thành quả của nhân dân bản địa như nghề làm đồ gốm, nguyên liệu và phương thức đan lát, xây dựng nhà cửa v.v.. Khi đã đủ sức, họ tập hợp nhau chọn các gò cao lập nên thôn xóm, làng xã đúng theo truyền thống văn hóa của dân tộc Việt. Tổ chức gia đình gồm nhiều thế hệ, coi trọng chữ hiếu, trong nhà có bàn thờ tổ tiên, trong xóm có miếu thờ thổ thần, cả xã Chánh Lộ có một đình Chánh Lộ xây dựng quy mô từ 1772⁽¹⁾.

Dân số trên khu vực Nghĩa Chánh vào đầu thế kỷ XX ước lượng có khoảng 3.000 người. Đến Cách mạng tháng Tám có khoảng 4.800 người. Đến năm 1975 có khoảng 5.500 người. Đến lúc chia xã tháng 3 năm 1979 có 1.050 hộ với 7.160 người. Đến năm 1985 có 1.229 hộ với 7.645 người. Đến năm 2000 số hộ lên đến 2.425 hộ với 11.385 người⁽²⁾. Nếu từ năm 1979 về trước tỷ lệ dân số tăng nhanh về sinh học thì từ đó về sau tỉ lệ tăng dân số về sinh học chỉ còn 1,1-1,2% năm 2000, ngược lại số hộ tăng hơn gấp đôi, hệ quả của việc tăng dân số về mặt cơ học do chủ trương mở rộng

(1) Ở dưới ngã tư chính, bắc đường Lê Trung Đình. Đã hư đổ từ lâu, nhưng nay vẫn còn cây đa to đã sống trên 200 năm. Đến nay vẫn còn câu ca dao: Đình nào to bằng đình Chánh Lộ. Bộ nào rộng bằng bộ Ba La.

(2) Theo số liệu thống kê 5 năm (1996-2000) của xã.

thị xã, nhân dân các phủ huyện đưa gia đình về đây ở ngày càng đông.

Mang đặc trưng của dân tộc Việt đến lao động sinh sống trên một vùng đất lắm gió bão, nhiều lũ lụt, suốt năm tháng phải “cắm mặt xuống đất, bán lưng cho trời”, lại tiếp tục phải chống chọi 2 tầng áp bức phong kiến và đế quốc, người dân Nghĩa Chánh đã hình thành nên tính cách cần cù, nhẫn nại trong lao động, kiên nghị, bất khuất trong đấu tranh, thông minh sáng tạo trong xử thế như những người dân Quảng Ngãi nói chung, người dân thị xã Quảng Ngãi nói riêng. Nếu cần tìm một nét riêng nào đó của người Nghĩa Chánh, chúng ta có thể thấy tính năng động linh hoạt sau cái vỏ nông dân hiền lành chất phát của họ. Nhờ đó họ tiếp thu, ứng dụng cái mới khá nhanh và thường xuyên giữ vai trò cốt cán trong các phong trào yêu nước và cách mạng.

4 - Kinh tế.

Suốt mấy trăm năm liền người dân ở khu vực Nghĩa Chánh đã đem tài trí, sức lao động cơ bắp vật lộn với thiên nhiên khắc nghiệt, làm ra lương thực, thực phẩm để nuôi sống mình và nuôi sống cả vùng xung quanh (số dân ở phía đông đường Quang Trung, phía nam đường Nguyễn Nghiêm, phía nam đường Lê Trung Đình cũng mới chuyển sang buôn bán kinh doanh dịch vụ vài chục năm nay. Hiện vẫn còn có người vẫn sống bằng nông nghiệp, cấy lúa, trồng rau làm nguồn sống chính). Diện tích tự nhiên của xã là 403,48 ha, nhưng đất thổ cư, đất ở, vườn đã chiếm 107,25 ha và trừ các đất lâm nghiệp (núi Bút) và đất chuyên dùng khác diện tích đất nông nghiệp chỉ còn 153,26 ha, bình quân chưa đến 150

m²/đầu người⁽¹⁾. Tuyệt đại bộ phận đất ruộng dành cho việc cấy lúa, một ít trồng rau màu, cây công nghiệp.

Trước kia sống trong nền nông nghiệp lạc hậu, người dân Nghĩa Chánh không còn cách nào khác là phải bới đất lật cỏ trên mảnh ruộng của mình, dùng giống lúa cũ, bón phân chuồng, cày cấy 2 vụ một năm. Mùa tháng 3 nhờ vào nước mưa, thường bị hạn hán tháng giêng, tháng hai, bà con phải đào ao vét giếng, tát nước trâu dê để cứu lúa nhưng thu hoạch thường thất bát. Mùa tháng tám, bà con nông dân phía bắc Nghĩa Chánh bằng sức lao động cần cù sáng tạo của mình đã “cuốc ải”⁽²⁾ dựng bờ xe nước lớn, loại 9, 10 bánh. Bờ xe Giữa (còn gọi là bờ xe đôi, bến trâu) đưa nước vào tưới ruộng Bàu Liên, Bàu Sung, Bàu He,... Bờ xe Tân (cũng gọi là bờ xe đôi vì cùng một đường dẫn nước với bờ xe Giữa) đưa nước vào tưới cánh đồng Thối Quyển, Bàu Ruộng, đồng Cống Đạt, đồng Trai. Bờ xe Sông Cát ở Ngọc Án đưa nước vào tưới các cánh đồng quanh gò Hống, Xà Bang, Rộc Ngang, Bàu Đĩa. Thế là gần 200 mẫu ruộng được tưới nước đảm bảo cho vụ tháng Tám chắc ăn, còn có thể làm thêm vụ màu, ngô, khoai, đậu rau. Còn khu vực phía nam Nghĩa Chánh, nước bờ xe không đến được, nông dân ở đây đắp bờ cản ngang sông Bàu Giang, buộc nước dâng lên các kênh rồi dùng gàu tát vào ruộng. Tuy vất vả hơn nhiều, suốt ngày đêm phải dầm mưa giã nắng kéo từng gàu nước đưa vào

(1) Theo quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh 1999 TLDD - trang 5. Đã bị thu hẹp nhiều so với trước và hiện đang bị thu hẹp rất nhanh vì chủ trương đô thị hóa.

(2) Một kỹ thuật làm đất cổ truyền, cuốc đất thành những mảnh lớn phơi nắng thật nỏ, khi thả nước vào là đất bùn ra, năng suất lúa sẽ tăng.

ruộng, nhưng dù sao cũng đủ nước tưới cho hàng chục mẫu trên các cánh đồng phía nam, còn một số diện tích ở phía đông rìa núi Bút, gò Công nước không đến được. Mỗi năm chỉ làm được một mùa gieo lúa “trì trì” nhờ vào nước trời. Ngoài 2 vụ lúa nước, nông dân khu vực Nghĩa Chánh còn trồng mía, trồng khoai lang, trồng ngô, trồng mì (sắn), trồng dâu nuôi tằm; phát triển chăn nuôi heo, bò, gà vịt... Có thể nói rằng, với sự cố gắng không ngừng của những người nông dân nơi đây, sản xuất nông nghiệp theo phương thức lạc hậu tuy năng suất không cao nhưng nông nghiệp đã phát triển khá toàn diện, đủ trang trải cho cuộc sống gia đình mình, còn cung cấp một phần quan trọng cho nhân dân đô thị nằm sát bên cạnh.

Nghề nông được khuyến khích với quan niệm “dĩ nông vi bản” (lấy nghề nông là gốc) trong hàng nghìn năm thống trị của các vua quan phong kiến. Các triều đại đã nối tiếp nhau làm lễ tế thần nông vào đầu năm, mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng xanh tốt, nhân dân no ấm. Quan đầu tỉnh được vua cho phép đứng làm chủ lễ, lễ xong cày mấy đường cày làm phép mở đầu cho các nông vụ trong năm⁽¹⁾, Nghĩa Chánh được vinh dự là mảnh đất chọn làm nơi lễ tế thần nông hàng năm. Tên Tịch Điền (hiện nay là khối 2) là mảnh đất tiêu biểu cho việc khuyến khích sản xuất nông nghiệp cho toàn tỉnh trước đây, hiện còn lưu lại nhiều dấu vết.

Để đáp ứng các nhu cầu tối thiểu của cuộc sống, người

(1) Lễ tế được trưng bày bức ảnh “đầu một con trâu” trên một đàn cao được trang hoàng cờ xí rất nghiêm trang. Quan đầu tỉnh mặc lễ phục cử hành lễ đứng thủ tục quy định, giữa tiếng trống, chiêng và lễ nhạc vang lên.

nông dân còn làm thêm các nghề phụ, nhất là từ khi có lý sở của tỉnh (1807) các nghề phụ phát triển, cuộc sống thuần nông dần dần biến đổi. Nghề đáng gọi là nghề thủ công, gắn liền với sản xuất nông nghiệp là nghề ép mía đường, thường là ở Ngọc Án, Phú Mỹ. Người có nhiều ruộng đất dành một phần đất đai để trồng mía, đến mùa thu hoạch họ dựng chòi, dựng che⁽¹⁾ thuê nông dân nghèo hàng 20-30 người chặt mía, ép mía lấy nước đổ vào chảo nấu thành đường đem đổ vào muống bán cho thương nhân hoặc đem chế biến tiếp. Có người đem số đường nấu được và mua thêm đem rút mật, chặt nhỏ, phơi khô thành đường dăm, hoặc chà nhỏ thành hạt được gọi là đường cát, có 2 loại “Bạch on” và “Bạch đơ”⁽²⁾ rồi đóng bao xuất đi các nơi trong tỉnh và cả nước.

Một số người học được kỹ thuật đắp lò, mua đường cát và trứng gà chế biến thành đường phèn, đường phổi hoặc làm kẹo gừng - những đặc sản của Quảng Ngãi - rồi bán đi các nơi. Một số gia đình khác tranh thủ lúc nông nhàn dùng mộng lúa, mộng nếp nấu thành mạch nha đổ vào lon, hoặc dùng đường, đậu phụng (lạc), mè (vừng) làm thành kẹo lạc, kẹo vừng bán cho các tiểu thương hoặc tự mang ra chợ bán để kiếm thêm đồng tiền bổ sung vào phần thu nhập quá hạn hẹp của gia đình sản xuất nông nghiệp.

(1) Hệ thống ép mía thủ công này được gọi là các ống che, tức 3 khúc gỗ lớn, nửa trên đục thành những tai lớn bắt vào khuôn chúng ôm chặt vào nhau, dùng trâu bò kéo vòng quanh. Người chụm mía mỗi lần cho vào 3 cây vào kẽ, nước mía bị ép chảy ra máng và tập trung vào một vại trước khi đưa vào chảo để nấu.

(2) “Bạch on”, “Bạch đơ” do ghép một từ Hán (bạch là trắng) và một từ Pháp (on là một, deux là hai). Bạch on tương đương với đường công nghiệp RS. Bạch đơ tương đương với đường quay máy ly tâm ngày nay.

Phụ nữ khu vực Nghĩa Chánh nổi tiếng là những người khéo tay trong việc làm bánh nỏ, bánh in, bánh thuẫn, bánh mè... phục vụ chủ yếu trong những ngày giỗ, ngày tết của gia đình, nhưng cũng nhiều người vào những dịp lễ lớn, ngày tết Nguyên Đán làm một số lượng khá lớn bán cho con buôn ở chợ hoặc gánh đi sâu vào vùng nông thôn xa xôi để bán, như một nghề làm thêm xen giữa các vụ nông nghiệp. Phụ nữ Phú Mỹ Hạ còn chuyên nghề làm giá đậu. Từ những hạt đậu xanh, người ta đem ngâm ủ chồ nảy mầm thành những cộng màu trắng, non mướt đem ra chợ bán cho người ta mua làm rau ăn. Lỵ sở của tỉnh ngày càng phát triển, để phục vụ việc đi lại, ở đây còn thêm nghề nuôi ngựa, buôn bán ngựa để cung cấp cho những quan lại và những người giàu có. Đến đầu thế kỷ XX, xe ngựa phát triển, ngựa còn được dùng để kéo xe ngựa - một phương tiện vận chuyển thô sơ nhưng rất cần thiết cho lớp người bình dân đi lại, mua bán, giao lưu giữa các huyện trong tỉnh. Khoảng năm 1920 ông Mười Thu, người Phú Yên đến ở Tịch Điền chuyên kinh doanh vận chuyển bằng xe ngựa trên tuyến đường Quảng Ngãi - Châu Ổ. Nhà ông có đến 5, 7 cỗ xe ngựa, trong chuồng lúc nào cũng có hàng chục con ngựa và có hàng mấy chục người ở vùng Tịch Điền, Ngọc Án đến làm thuê: cắt cỏ, nuôi ngựa, đánh xe ngựa cho ông. Sau đó ít lâu, ông Phạm Trình ở Phú Mỹ Hạ cũng mua ngựa, cải tiến xe, cùng với nhiều anh em trong gia đình độc chiếm đường vận chuyển từ Quảng Ngãi đi Mộ Đức. Ngoài một số người vừa làm nông vừa làm thợ mộc, thợ nề, phục vụ việc sửa chữa nhà cửa trong thôn xóm, lần lần xuất hiện thêm những người ra phố làm nghề khuân vác hoặc đẩy xe bò chuyên chở gạch ngói để kiếm thêm

đồng ra đồng vào. Xe kéo⁽¹⁾ lúc đầu chỉ là phương tiện đi lại của bọn quan lại, người giàu có, về sau phổ biến thành phương tiện vận chuyển công cộng. Một số người tranh thủ mua xe, hoặc thuê xe ở phố rồi gò lưng kéo phục vụ việc đi lại cho mọi người để kiếm thêm góp phần với vợ thu hoạch bằng nông nghiệp trang trải mọi việc của gia đình. Từ năm 1930 về sau, ô tô vận chuyển hành khách dần dần phổ biến, một số thanh niên đi học nghề lái ô tô hoặc nghề làm cơ khí, sửa chữa ô tô, xe kéo ...

Nói chung, cho đến năm 1975, ở khu vực Nghĩa Chánh chưa có nghề nghiệp nào đáng kể. Một số nghề thủ công cũng ít ỏi manh mún. Các nghề kể trên chủ yếu là nghề phụ, tranh thủ làm thêm cũng như một số phụ nữ mua gánh, bán bưng ở chợ, ở phố tùy theo mùa vụ. Cuộc sống chủ yếu vẫn là ở những lũy tre bao quanh xóm làng. Trong xóm làng là đường đất chật chội, khắp khênh, vườn tược nhỏ hẹp, trừ một ít nhà rường, nhà lá mái của địa chủ, còn đại bộ phận là nhà tranh vách đất. Quanh xóm làng là ruộng đồng, đường sá từ xóm nọ đến xóm kia là đường ruộng, đường mòn, lũy bùn.... Nền nếp, lối sống mang đầy đủ tính chất nông thôn với nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

5 - Tình hình xã hội.

Cũng như nhân dân cả nước và cả tỉnh, nhân dân lao động trên địa bàn xã Chánh Lộ nói chung, khu vực Nghĩa Chánh nói riêng trước Cách mạng tháng Tám đã liên tục chịu nhiều tầng áp bức, bóc lột của địa chủ, phong kiến và thực dân đế

(1) Xe kéo giống như xích lô hiện nay, nhưng có 2 gọng trước, người kéo đứng ở trước cầm gọng kéo để xe di chuyển.

quốc. Dưới thời phong kiến, bộ máy thống trị ở địa phương đại diện cho địa chủ phong kiến. Khi thực dân Pháp thống trị Việt Nam, chúng cấu kết với Nam triều duy trì bộ máy thống trị cũ. Ở mỗi làng, trong đó có cả Chánh Lộ chúng đặt Ngũ hương⁽¹⁾ do một lý trưởng cầm đầu (chưa kể ở Chánh Lộ phổ chúng còn đặt ra bộ máy do Bang tá cầm đầu, còn có sở phòng thành, sở cò (cảnh sát) do sĩ quan Pháp chỉ huy). Bộ máy thống trị của thực dân, phong kiến là bộ máy kìm kẹp, thu thuế bắt trâu, bắt lính, ra sức đàn áp về chính trị, vơ vét bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa đối với nhân dân. Chính sách thống trị đó, ngoài việc bóc lột, vơ vét cho đầy túi tham của chúng còn làm phân hóa xã hội một cách sâu sắc. Chánh Lộ tuy nổi tiếng là vùng trù phú, phì nhiêu nhưng cộng đồng cư dân ở đây đã phân hóa giàu nghèo thành năm giai cấp rõ rệt:

Địa chủ, ở khu vực Nghĩa Chánh không nhiều, các ông Ký Sự, Biện Chồn, Nguyễn Miêu có được từ 20 - 30 mẫu, chỉ có ông Phạm Đình Tường chiếm gần 100 mẫu. Nhưng ruộng đất ở đây tốt làm được hai mùa, nên địa chủ ở xa như Nguyễn Thân⁽²⁾ và nhiều địa chủ ở các khu vực khác thuộc xã Chánh Lộ chiếm đến hơn 70% diện tích ruộng đất phần lớn là thượng đẳng, nhất đẳng điền⁽³⁾ như địa chủ Võ Sum (còn gọi là huyện Sum) nay thuộc phường Lê Hồng Phong

(1) Bộ máy Ngũ hương gồm có: hương bộ trông coi hộ tịch, sinh tử, giá thú; Hương bốn lo việc tài chính, tài sản; Hương mục lo việc đường sá rừng núi; Hương kiểm lo việc canh phòng; Hương dịch lo việc bắt trâu, thuế...

(2) Nguyễn Thân: quan lại cao cấp của Nam triều về nghỉ hưu tại Phú Thọ (Nghĩa Phú, Tư Nghĩa).

(3) Theo phong trào yêu nước ... thị xã Quảng Ngãi - TLdd trang 37. Nghĩa Lộ có 80 địa chủ.

chiếm nhiều ruộng đất phát canh, thu tô, ông còn cho vay nặng lãi. Nhiều gia đình ở Nghĩa Chánh điêu đứng vì ông ta. Địa chủ không lao động, họ dùng ruộng đất phát canh thu tô chiếm phần lớn hoa lợi, còn buộc tá điền (người nhận ruộng cày cấy) phải nộp nhiều thứ tô phụ khác. Bản chất giai cấp đã khiến họ gắn chặt với bộ máy thống trị của thực dân Pháp và Nam triều để bóc lột nông dân. Nhưng cũng có nhiều người vì lòng yêu nước họ coi nhẹ của cải tham gia các hoạt động kháng chiến, nhất là nhiều con em họ, phần lớn thuộc lớp tân học, không tham gia bóc lột, tiếp thu tư tưởng mới, được Đảng giác ngộ đã đi theo con đường Cách mạng và thực sự trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến cứu nước vừa qua.

Nông dân lao động chiếm hơn 90% dân số, nhưng chỉ chiếm khoảng 30% ruộng đất, người 2 - 3 sào đến 1 mẫu, phần lớn là ruộng gò, ruộng xấu. Nhiều nông dân không có hoặc có ít ruộng đất, đành phải đến địa chủ nhận ruộng làm rồi nộp tô, còn vô số người khác ngoài việc làm rẫy ruộng, còn phải suốt đời cày thuê, cấy mướn. Dù thiên tai, mất mùa, tô tức vẫn là những định mức bắt phải nộp đủ số cho địa chủ, vì thế họ luôn luôn rơi vào cảnh “treo hái, treo niêu”⁽¹⁾. Nhưng khổ nhất là những cố nông không có một tấc đất trong tay hoặc đến làm tôi đòi cho các nhà giàu có, hoặc ngày ngày chổng đi cày thuê, vợ đi cấy mướn, đi cuộc ải, đi tát nước thuê,... làm bất cứ việc gì theo thời vụ để kiếm sống hàng ngày và kiếm lon gạo công về nuôi con. Thiếu thốn, đói rét, bệnh tật buộc họ phải vay tiền, vay thóc

(1) Có nghĩa là hết mùa gặt cũng hết gạo nấu.

nặng lãi của địa chủ. Đến hạn không trả được nợ, lãi mẹ lại để lãi con đến mức nhiều người không sao trả nổi đành phải “bán vợ đợ con”. Đã thế, thuế thân và sưu dịch hàng năm lại bổ lên đầu mỗi người. Không nộp đủ, không đi là roi vọt, tù đầy như chính lời ca thán của họ:

Thuế sâu tô tức nặng nề.

Nông dân lao động trăm bề điều linh.

Chính họ là những người sớm ra phố làm phu khuân vác, kéo xe,... để mong duy trì được cuộc sống và cũng chính họ là những người hăng hái, kiên cường, dũng cảm trong các cuộc đấu tranh chống phong kiến và đế quốc vừa qua.

- Tư sản: Cho đến năm 1940 ở khu vực Nghĩa Chánh chưa có ai đáng được gọi là tư sản theo đúng nghĩa của nó. Ông Nguyễn Tấn Thân (thường được gọi là ông Thừa Bị) người gốc ở Huế, làm thầu khoán, bóc lột công nhân qua việc thầu xây dựng các công trình nhà cửa, cầu cống thời đó. Tuy nhà cửa vườn tược ở Tịch Điền nhưng ông lại có rạp chiếu bóng ở trên thị và kinh doanh khá béo bở. Ông lại sống như một địa chủ với vợ lẽ, người hầu. Người Nghĩa Chánh đi làm công, làm thuê cho các tư sản thương nghiệp Hoa kiều và Ấn kiều trên phố⁽¹⁾ cũng bị trả đồng lương rẻ mạt và bị đối xử tồi tệ.

- Công nhân và lao động làm thuê - Cũng như các khu vực khác của Chánh Lộ, khu vực Nghĩa Chánh lúc đầu chỉ xuất hiện những bản, cố nông ít ruộng hoặc không có ruộng ra phố làm thuê, sớm đi tối về hoặc vừa làm ruộng, vừa làm

(1) Thị xã Quảng Ngãi thời ấy chưa có ai là tư sản công nghiệp.

thuê theo thời vụ. Họ làm đủ nghề như kéo xe ba gác, khuôn vác hàng, làm một số dịch vụ sửa chữa nhà cửa, về sau là kéo xe,... Công việc thường không ổn định, gặp đâu làm đó, thu nhập cũng thất thường, bữa có bữa không. Đến khi đắp đường Quốc lộ, đường xe lửa, cần một số lao động lớn, nhiều người đã gia nhập vào đội ngũ đào đất, đắp đường, khiêng rây, vác tà vẹt. Công việc có chắc chắn hơn nhưng lại bị bọn thầu khoán bắt ép làm lao động 10-12 giờ một ngày. Tiền công thấp, không có dụng cụ bảo hộ lao động. Ngày mưa, ngày nắng, bão lụt, ốm đau, bị tai nạn lao động phải nghỉ việc không được trả tiền, còn thường bị phạt, bị cúp lương và hoàn toàn không có bảo hiểm xã hội. Mãi về sau mới có nhà máy đèn (điện), nhà máy nước, từ đó mới có được một ít công nhân chuyên nghiệp là người Nghĩa Chánh nhưng đời sống của họ cũng chẳng hơn gì những người lao động làm thuê. Xuất thân từ nông dân nghèo, chạy đâu cũng không tránh khỏi gông cùm của thực dân phong kiến, họ luôn có ý thức căm thù đối với đế quốc, phong kiến nên khi được Đảng giáo dục họ nhanh chóng cùng với nông dân liên minh thành một khối trong sự nghiệp đấu tranh chống kẻ thù dân tộc và giai cấp.

- Tiểu tư sản: Cũng là vùng nông thôn nhưng ở khu vực Nghĩa Chánh nằm sát đô thị, tầng lớp tiểu tư sản phát triển khá đông. Họ gồm nhiều thành phần khác nhau như tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, trí thức, viên chức, người làm nghề tự do. Trong thân phận người nô lệ bị chèn ép về mặt kinh tế, bị khinh rẻ về chính trị, họ có ý thức bảo vệ truyền thống yêu nước của cha ông nên chỉ trừ một số người xuất thân từ gia đình địa chủ, tư sản, quan lại cam tâm làm tay sai

cho thực dân, phong kiến, còn tuyệt đại bộ phận họ có tinh thần yêu nước, căm thù đế quốc và sẵn sàng tiếp nhận sự lãnh đạo của Đảng, tiến hành các cuộc đấu tranh cách mạng. Nhiều người đã trở thành Đảng viên, trở thành cán bộ của Đảng ta.

Tóm lại trừ một số ít địa chủ, nhân dân khu vực Nghĩa Chánh trước năm 1945 chủ yếu là nhân dân lao động, người làm thuê, một bộ phận tiểu tư sản đều sống trong thiếu thốn, bị bóc lột và chèn ép nhiều mặt nên có tinh thần chống đế quốc, phong kiến và sẵn sàng đi theo cách mạng khi có điều kiện.

6 - Văn hóa, giáo dục.

Nền giáo dục Hán học dạy những lời giáo huấn về trung hiếu của Khổng Mạnh được duy trì đến mãi nhiều năm đầu của thế kỷ XX. Trừ một nơi được nhà nước dành cho con em bọn quan lại, những nhà giàu có đến học với mục đích thi đậu cử nhân, tiến sĩ rồi ra làm quan, còn lại là một số lớp học do các cụ tú, cử không ra làm quan hoặc làm quan rồi về trí sĩ mở tại nhà ở xã Chánh Lộ. Số học sinh cũng chẳng có bao nhiêu, thường là con nhà khá giả học vừa đủ biết đọc, biết viết để làm thư lại hoặc hương chức của làng. Tuyệt đại bộ phận nhân dân lao động không có ai dám nghĩ đến việc đi học. Vì thế gần như hầu hết nhân dân bị mù chữ, số đi học cũng không có ai đủ trình độ đi thi tú tài, cử nhân. Đến năm 1920 mới có trường sơ học yếu lược⁽¹⁾ năm 1925 mới có thi

(1) Trường Sơ học yếu lược (Ecole élémentaire) có 3 lớp: lớp đồng ấu (cours enfantin), lớp dự bị (cours préparatoire), lớp sơ đẳng (cours élémentaire) tương đương lớp 1, 2 ngày nay.

sơ học yếu lược, năm 1924 mới có trường tiểu học Pháp Việt⁽¹⁾. Nhưng đó là những trường cho cả Chánh Lộ, được thành lập trên phố. Ở nông thôn, làng mạc xung quanh tuyệt nhiên không hề có bóng dáng nhà trường. Về sau có một số trường tư thực như Cẩm Bàn, Mai Xưa, dạy ở bậc tiểu học, sau nâng lên trung học⁽²⁾ được mở cũng ở trên phố dành cho con em các nhà khá giả các nơi đến học, trong đó có một số con em Nghĩa Chánh nhưng chẳng đáng là bao.

Chính sách giáo dục của thực dân Pháp là chính sách ngu dân, chỉ nhằm đào tạo một ít người đủ làm tay sai trong các bộ máy đàn áp của chúng. Cũng vì vậy chúng triệt để dùng chính sách giáo dục nhồi sọ. Chúng cho dạy tiếng Pháp, bắt nói tiếng Pháp, học lịch sử Pháp, ca ngợi văn hóa Pháp và tạo tâm lý coi thường lịch sử anh hùng của đất nước, truyền thống văn hóa của cha ông, tự ti dân tộc, sùng bái Âu Tây. Chính sách ngu dân đó khiến cho người Nghĩa Chánh mặc dù sống sát đô thị vẫn phải mù chữ đến 95%. Mãi đến năm 1940 mới được vài người thi đậu bằng thành chung như các ông Thái Đức Nhân, Lê Văn Phú và đến năm 1945 mới được vài người thi đậu tú tài như các ông Phạm Đình Nghị, Phạm Văn Diêu.

Dân trí thấp, người dân lại bị kìm hãm trong vòng lạc hậu đến mức trở trêu. Năm 1930 thực dân Pháp làm nhà đèn

(1) Trường tiểu học Pháp Việt (Ecole primaire Franco-Indigène) có 3 lớp, lớp nhì đệ nhất (cours moyen premier), lớp nhì đệ nhị (cours moyen deux), lớp nhất (cours supérieure) tương đương lớp 3, 4, 5 ngày nay.

(2) Trường trung học tư thực Cẩm Bàn có 4 lớp: đệ nhất niên, đệ nhị niên, đệ tam niên, đệ tứ niên rồi thi tốt nghiệp (diplôme) tương đương trung học cơ sở hiện nay.

(ở Gốc Gáo) vừa đủ công suất thấp sáng nhà cửa và công sở của chúng. Năm 1940 xây dựng tháp nước máy (gần Bưu điện tỉnh hiện nay) cũng vừa đủ dùng cho chúng và quan lại công chức tay sai. Người dân Chánh Lộ nói chung vẫn suốt đời với chiếc đèn dầu phụng, dầu hỏa tù mù với chiếc gầu kéo nước giếng khơi có nhiều tạp chất thường gây ra ốm đau, bệnh tật. Năm 1929 thực dân Pháp cho mở nhà thương (bệnh viện đặt trong nội thành gần cửa Bắc) nhưng cũng chủ yếu dành phục vụ bọn quan lại Pháp - Việt và những người giàu có, thỉnh thoảng chúng mới tổ chức “trồng trái” (tiêm chủng để phòng bệnh đậu mùa) và “nhỏ mắt” (để chữa bệnh đau mắt cho dân). Nhân dân lúc ốm đau đều chủ yếu dùng thuốc Nam, thuốc Bắc. Lúc sinh đẻ đều nhờ “Bà Mụ” (bà đỡ đẻ) chẳng có học hành gì, chỉ làm nghề theo kinh nghiệm, cắt rốn trẻ con bằng dụng cụ tự tạo không khử trùng... nên nhiều khi có những cái chết thương tâm cho cả mẹ, con. Do thiếu ăn, thiếu mặc, lại bị kìm hãm trong cuộc sống tối tăm, lạc hậu, thiếu hiểu biết, thiếu vệ sinh nên các bệnh tê phù, sâu quầng, sốt rét, ghẻ lở là những bệnh khá phổ biến. Các bệnh dịch như thương hàn, sốt rét, thổ tả, bệnh dịch hạch gây nên cảnh chết hàng loạt đáng thương tâm cũng thường xảy ra. Cũng chẳng khác gì những vùng nông thôn khác, tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh ở đây là từ 18-20% (5 cháu sinh thì 1 cháu chết), tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 năm là 50%. Tỷ lệ chết chung là 2,6%. Tuổi thọ trung bình của người dân chỉ có 32 tuổi⁽¹⁾.

(1) Trích "Sơ lược lịch sử y tế Việt Nam. Nhà xuất bản Y học Hà Nội - 1995, tập 1 trang 71.

Về tín ngưỡng, tôn giáo - người Nghĩa Chánh vẫn giữ được tín ngưỡng truyền thống. Tại nhà thờ tổ tiên, tại đình thờ tiền hiền, hậu hiền thành hoàng, tại thôn xóm thờ thổ thần, thổ địa⁽¹⁾ và giữ đúng ngày tháng tế lễ hàng năm. Từ xưa, hầu như ai cũng tìm thấy trong kinh kệ đạo Phật những lời răn dạy bổ ích như “Từ bi hỷ xả”, “ở hiền gặp lành”... và làm theo. Việc hành đạo thường chỉ là một ít tu sĩ chuyên nghiệp, cạo tóc ăn chay, mặc áo cà sa, đêm ngày niệm Phật. Còn phần lớn dân chúng thì tín niệm khá tự do. Có người rước Phật về nhà thờ và tụng niệm hằng ngày. Nhiều người lại chỉ ăn chay, niệm Phật vào những ngày rằm, mừng một. Đại bộ phận chỉ đi lễ chùa vào những ngày lễ lớn. Hiện trong xã còn 3 ngôi chùa. Chùa Hội Phước làm năm 1942, chùa Ngọc Điền, chùa Thiên Bút đều do nhân dân đóng góp xây dựng nên sau đó. Còn một số người theo các tôn giáo khác nhưng không đáng kể.

Diểm qua các mặt trên chúng ta thấy được tổ tiên người Nghĩa Chánh trải qua mấy trăm năm, tuyệt đại bộ phận vẫn là những người nông dân Việt Nam cần cù trong lao động, chân chất trong cuộc sống nhưng lại bị hãm vào cuộc sống vô cùng cơ cực, tủi nhục triền miên trong chế độ phong kiến và thực dân. Chính vì thế mà nhân dân ở đây luôn luôn có ý thức phản kháng đối với các chế độ áp bức, bất công và sẵn sàng đứng lên chiến đấu giành lại quyền sống, quyền tự do cho bản thân mình và quyền độc lập cho đất nước.

(1) Ở Gò Nại có Đình Bà là nơi cán bộ thường ẩn náu trong thời gian chống Mỹ.

CHƯƠNG II

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Từ lâu, sống dưới chế độ áp bức, bóc lột nặng nề của địa chủ phong kiến, nông dân lao động đã nhiều lần đứng lên chống lại việc thu tô, thu tức quá nặng của địa chủ; chống lại việc hà thu lạm bổ trong thuế, sưu và việc dùng quyền lực cướp của, giết người của bọn quan lại, cường hào. Những cuộc đấu tranh như vậy thường diễn ra lẻ tẻ, từng người hoặc trong một tập thể nhỏ hầu như lúc nào cũng có và kết quả cuối cùng là những người nông dân cam phần thất bại phản ánh mối mâu thuẫn cơ bản của xã hội không thể dung hòa được. Không cam chịu mãi cuộc sống bất công, người nông dân Nghĩa Chánh cũng như người nông dân ở các nơi khác sẵn sàng đứng lên cầm vũ khí chống lại kẻ thù khi có điều kiện.

I. Góp phần làm nên cuộc khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn thế kỷ XVIII: -

Mâu thuẫn giai cấp giữa chính quyền địa chủ phong kiến chúa Nguyễn và nông dân ở Đàng Trong đã đến mức cực kỳ gay gắt. Lời kêu gọi “đánh đổ bọn quan lại tàn ác”, “đem của người giàu chia bớt cho người nghèo”... năm 1771 của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ có sức lan tỏa nhanh chóng và có sức tập hợp đặc biệt. Nông dân Bình Định sau đó là nông dân Quảng Ngãi, Phú Yên⁽¹⁾ nhanh chóng rèn vũ khí làm nên cuộc khởi nghĩa nông dân rộng lớn, mạnh mẽ chưa từng có. Từ chỗ đánh đổ toàn bộ chính

(1) Theo tên gọi ngày nay.

quyền phong kiến của chúa Nguyễn ở Đàng Trong⁽¹⁾ tiến lên đánh đổ chính quyền của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài⁽²⁾ rồi đánh bại hơn 20 vạn quân Thanh xâm lược làm nên những kỳ tích trong lịch sử đất nước. Phủ Quảng Nghĩa (được đổi là phủ Hòa Nghĩa) lúc bấy giờ được xác định là một trong những cái nôi - Tây Sơn tả đạo - của phong trào nông dân Tây Sơn⁽³⁾ về sau còn được Vua Quang Trung trong chiếu của mình khẳng định rõ Hoà Nghĩa là đất “Phên dậu” của phong trào đã góp công, góp sức to lớn làm nên những kỳ công nói trên.

Theo giai thoại và chứng tích thì nhiều địa danh như Tàu Tượng (nơi nuôi voi, thuộc khối 4, phường Lê Hồng Phong hiện nay), bãi Ông Bành (bãi tập của Tượng binh), khu mã voi (nơi chôn voi chết cũng ở Lê Hồng Phong và Trần Phú), Bàu voi (nơi tắm cho voi, ở thôn 1, xã Nghĩa Đông) và Nghĩa Tự Quan (nơi thờ các nghĩa quân Tây Sơn đã chết ở Ba La, Nghĩa Đông) cho chúng ta thấy đại quân Tây Sơn đã từng tập hợp, luyện tập cả bộ binh và tượng binh và đồn trú một thời gian khá lâu trên một dải đất rộng và dài ở phía nam sông Trà Khúc. Nhân dân khu vực Nghĩa Chánh nằm ngay trong vùng đã góp công, góp sức rèn đúc vũ khí, vận chuyển lương thực... phục vụ nghĩa quân và cũng không ít người nông dân tạm thời rời cày cuốc, cầm lấy giáo mác làm nên

(1), (2) Từ thế kỷ XVI -XVIII đất nước ta bị chia cắt: Bắc đèo Ngang được gọi là Đàng Ngoài do chúa Trịnh cai quản, từ đèo Ngang trở vào được gọi là Đàng Trong do chúa Nguyễn cai quản.

(3) Theo thư tịch thì lúc đầu Tây Sơn chia làm bốn đạo: Tây Sơn thượng đạo (An Khê, Vĩnh Thạnh), Tây Sơn hạ đạo (Bình Định, Quy Nhơn), Tây Sơn tả đạo (Quảng Nghĩa), Tây Sơn hữu đạo (Phú Yên).

những sự kiện long trời, lở đất của một thời mở ra con đường tiến tới thống nhất đất nước.

2. Tham gia các cuộc vận động cứu nước dưới ngọn cờ Cần Vương:

Thực dân Pháp giúp Nguyễn Ánh tiêu diệt nhà Tây Sơn với manh tâm xâm lược nước ta từ lâu. Sau khi nổ đại bác ở Đà Nẵng, chúng đưa quân vào lần lượt xâm chiếm các tỉnh ở Nam Kỳ. Theo các cụ già người họ Phạm ở Phú Mỹ Hạ kể lại: Từ lâu đã có người họ Phạm vào đất Gò Công (Nam Kỳ) làm ăn và trở nên giàu có, nhiều thế lực. Về sau nhiều con cháu họ Phạm thiếu ruộng, nghèo khổ cùng nhau kéo vào Gò Công với mong ước dựa vào người bà con đi trước tìm kiếm một cuộc sống mới no đủ hơn. Gặp lúc thực dân Pháp đang đánh chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ, tất cả họ đã tham gia đội ngũ nghĩa quân cứu nước do ông Trương Định - người cùng quê Quảng Ngãi - lãnh đạo và đã hy sinh theo chủ tướng khi nghĩa quân bị tiêu diệt. Thế là người Nghĩa Chánh đã có mặt ngay từ đầu trên trận tuyến chống quân xâm lược ở Nam Kỳ và đã góp phần xương máu vào sự nghiệp cứu nước.

Sau khi thực dân Pháp buộc triều đình Huế ký điều ước Patơnốt (Patenôtre) vào tháng 6 năm 1884 công nhận quyền bảo hộ của Pháp đối với Bắc Kỳ và Trung Kỳ thì nhân dân khắp nơi ở Quảng Ngãi hưởng ứng phong trào xây dựng hương binh và đoàn kiệt do Binh bộ thượng thư Tôn Thất Thuyết - trụ cột của phái chủ chiến đề xuất. Các văn thân ở Chánh Mông⁽¹⁾ liên tiếp hội họp, góp tiền, lương thực, liên lạc với bọn quan đầu tỉnh bàn việc phối hợp giữ thành,

(1) Tên xã Nghĩa Chánh rồi Nghĩa Lộ ngày trước.

chống quân xâm lược. Nông dân Chánh Mông được phiên chế thành đơn vị hương binh dưới quyền chỉ huy của ông Bùi Phụ Cát (người Quảng Phú) tập luyện và sẵn sàng đứng lên khi cần thiết. Hương binh Chánh Mông đã cùng 3.000 hương binh do cử nhân Lê Trung Đình chỉ huy được Nguyễn Viện (người Chánh Mông) lãnh đạo quân triều đình làm nội ứng đánh chiếm thành ngày 13 tháng 7 năm 1885 (mùng 1 tháng 6 Ất Dậu) mọi người nô nức vui mừng trước những thắng lợi của hương binh, tiến hành triệt bỏ bộ máy quan lại sẵn sàng đầu hàng giặc, phá ngục thả phạm nhân, mở kho lấy vũ khí trang bị cho nghĩa quân và ban bố các mệnh lệnh cứu nước... Nhưng 4 ngày sau đó, Nguyễn Thân tiểu phủ sứ sơn phòng Nghĩa Định kéo quân vào thành ra mặt phản bội phong trào cứu nước, đánh phá nghĩa quân⁽¹⁾. Các vị chỉ huy hương binh người bị giết, người bị bắt. Ông Bùi Phụ Cát bị bắt giam và hy sinh trong tù. Ông Nguyễn Viện đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu ác liệt chống tên phản bội Nguyễn Thân. Nghĩa Quân bị tiêu diệt phần chết, phần chạy tán loạn ra xung quanh. Nhân dân Chánh Mông nói chung, khu vực Nghĩa Chánh nói riêng, phần lo khóc người thân đã tham gia chiến đấu và hy sinh, phần lo nuôi nấng, che giấu và tạo điều kiện để các hương binh còn sống sót bí mật quay về phía bắc sông Trà Khúc. Các văn thân Chánh Mông nhiều người bị bắt, bị giam cầm. Nhân đó Nguyễn Thân chiếm 2 mẫu 5 sào ruộng ở Bàu He.

Đêm 7 rạng ngày 8 tháng 12 năm 1894 nhân dân Chánh Mông lại hồi hộp theo dõi nghĩa quân do cử nhân Nguyễn

(1) Nguyên trước đó Nguyễn Thân cũng là người tham gia phong trào Văn Thân chống quân xâm lược Pháp.

Vịnh chỉ huy cùng phối hợp với nghĩa quân do ông Thái Thú chỉ huy định đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi. Cuộc tiến quân thất bại. Nhân dân ở đây lại đau xót chia sẻ sự thất bại của nghĩa quân, lại vừa tìm cách che giấu, nuôi nấng, tạo điều kiện cho các nghĩa quân còn lại trở về quê quán.

3 - Tham gia phong trào vận động dân chủ và đòi giảm sưu, giảm thuế.

Người Pháp đến xây dựng trụ sở, làm nhà dây thép (bưu điện)... ngày càng nhiều. Lính lê dương da trắng, da đen đủ loại xì xồ không biết chúng nói với nhau những gì, tạo ra những nét xa lạ, trở trêu trên quê hương. Khó chịu nhất là lúc nào chúng cũng cầm súng có cấm lưỡi lê sáng quắc với vẻ mặt đăm đăm của những kẻ chỉ có biết vũ lực, và sẵn sàng dùng vũ lực vùi dập tất cả. Bao nhiêu các sĩ phu yêu nước, bao nhiêu bà con ruột thịt vì nghĩa lớn cứu nước đã lần lượt ngã xuống trước vũ lực tàn bạo của chúng. Trong lúc đó bọn quan lại người Việt thì khăn đen, áo dài luôn luôn khúm núm làm theo mọi mệnh lệnh của chúng từ việc thu thuế, bắt sưu, đến cả việc lùng bắt tra tấn, giết hại những người một lòng thành tâm cứu nước. Hình ảnh ngang trái đó diễn ra ngày càng nhiều làm đau lòng nhiều người có ý thức dân tộc trong đó có những người dân thuộc khu vực Nghĩa Chánh. Trước mắt là thuế sưu ngày càng nặng nề hơn, tô tức ngày càng nhiều hơn. Thực dân và địa chủ lại câu kết với nhau, thi nhau bòn rút máu xương của người lao động. Quê hương thanh bình, bốn mùa xanh tốt đã trở thành địa ngục! Bốn bề đều bế tắc, khắp nơi chỉ một màu đen tối mịt mù.

Muốn tự cứu chỉ còn con đường đi theo “phong trào đồng

bào” và quả là phong trào “đồng bào” ra đời nhen nhóm lại một niềm tin mới. Bà con thì nhau bỏ khăn đen, áo dài, bỏ nhuộm răng đen vì khắp nơi cho đó là hủ tục, là lạc hậu. Nhiều ông già cầm kéo cắt búi tóc bạc trắng đã đeo đẳng suốt đời trên đầu vứt đi. Những người đam mê rượu chè, cờ bạc, thuốc phiện đều bị lên án vì đã làm bại hoại chí khí tự tôn, tự cường dân tộc. Các hoạt động mê tín dị đoan, phù thủy lên đồng, xem bói đều bị buộc tội làm mê hoặc dân trí. Một số người xưng phong không dùng “hàng Tàu”, “vải quynh”, “trăng đầm” - những thứ đồ ngoại hóa - mà chỉ mặc vải thô, quần áo ngắn với tinh thần dùng đồ nội hóa để góp phần chấn hưng kinh tế nước nhà. Tiếp theo đó là nhiều thanh niên ở vùng Ngọc Án, Tịch Điền, rồi sau đó là thanh niên ở Phú Mỹ Hạ như Phạm Phương không xấn quân lợi nước qua “Lỗ Lội” để học ông thầy dạy chữ Hán ở Gò Cát nữa mà xuống Vạn Tượng (thuộc Nghĩa Đông) học chữ Quốc Ngữ - lớp học do thầy Nguyễn Thụy⁽¹⁾ và thầy Nguyễn Lương Kiệt dạy tại đây. Tuy phải đi xa nhưng được học chữ Quốc Ngữ, chữ mà “hội đồng bào” cho là tân tiến và hết lòng khuyến khích mọi người theo học để nhanh chóng mở mang dân trí. Phong trào lập hội buôn, hội công kỹ nghệ ở phố cũng tác động đến các khu vực nông thôn. Ở Ngọc Án lập hội cấy, ở Gò Nại lại lập hội cà. Dân trí đã bắt đầu khai mở, ý chí tự lực tự cường bắt đầu được khơi dậy với mong muốn:

(1) Nguyễn Thụy (1880-1916) người làng Hồ Tiếu (Nghĩa Đông) đậu cử nhân năm 1903 - không ra làm quan, ở nhà dạy học, tham gia phong trào Duy Tân rồi phong trào khất thuế 1908 - bị lưu đầy đi Côn Đảo. 1913 mãn tù về nhà ông tham gia phong trào Việt Nam Quang Phục Hội và là một trong những lãnh tụ ở Quảng Ngãi. Khởi nghĩa thất bại ông bị xử chém năm 1916.

... đường vinh nhục ta nay phải sáng.

Chí tự cường cật hân nhân dân.

Mong sao trên dưới một lòng.

Cùng nhau lấp hố bất bằng từ đây.

Đời nô lệ đặng cay quét sạch.

Đất tự do hạnh phúc xây nên.

Nghìn thụ lộc cảnh rồng tiên.

Việt Nam chung đúc văn minh loài người.⁽¹⁾

Làng xóm như đang bao trùm trong khí thế mới thì đột nhiên nghe tin ông Lê Đình Cẩn bị công sứ Pháp đón bắt ở Bàu Giang⁽²⁾. Mọi người đang ngỡ ngàng không hiểu lý do, thì đã có người nhỏ lời nói cho mọi người biết chính ông là Hội trưởng Hội đồng bào của tỉnh. Thực dân Pháp vì sợ phong trào này ngày càng phát triển đe dọa đến nền thống trị của chúng nên chúng gây cớ để bắt theo kiểu “Chặt đầu để diệt phong trào”. Nhưng tinh thần đổi mới đã được khơi dậy, ý thức tự cường đã được bồi dưỡng do đó phong trào chẳng những phát triển ngày càng sâu rộng hơn mà còn bộc lộ ý chí chiến đấu rõ hơn mà trước mắt là ý thức chống lại nạn sưu cao, thuế nặng đang bòn rút đến tận xương tủy của mọi con người.

(1) Trích phần cuối bài “Xin đúc một chữ đồng” của Lê Đình Cẩn, được phổ biến rộng rãi trong thời ấy.

(2) Công sứ Daudet đã đưa lính đến đón ở Bàu Giang. Ông Lê Đình Cẩn từ tỉnh về. Daudet đón gây sự. Ông Lê Đình Cẩn cầm dù rẽ Daudet để lấy lối đi. Daudet la toáng lên là Lê Đình Cẩn đã đánh hấn rồi bắt về tỉnh buộc tội “Đả mạ thượng quan” (đánh chửi quan lớn) và ngày 1/8/1907 đem giam ở làng Rí.

Trong số tài liệu do học sinh trường ông Nguyễn Thụy mang về từ lâu đã có bài lên án nạn sưu cao, thuế nặng. Không ai bảo ai nhưng truyền đọc mãi rồi cũng thuộc lòng:

Từ ngày “bảo hộ”⁽¹⁾ đảo lai.

Thuế thêm đồng mốt, sưu sai thêm bốn ngày.

Chẳng biết ai gian dối tau bày.

Hai đồng hai rồi lại gia thêm ba hào⁽²⁾.

Câu vè đã phản ánh đúng tình hình tăng sưu, tăng thuế của thực dân phong kiến thời bấy giờ. Thuế cao, sưu nặng đã làm cho không ít gia đình tan gia bại sản, nhất là nhân dân lao động đã nghèo khổ còn rơi vào cảnh khốn cùng từ những mùa thuế năm trước.

Theo cụ Trịnh Hào ở Ngọc Án kể lại, lúc nhỏ cụ nghe cha mình nói lại nỗi lo thuế sưu năm Mậu Thân. Nhân ông Nguyễn Thụy lúc bấy giờ thường lên xuống tỉnh thành thăm người quen, mọi người quý trọng ông hỏi thăm ông về cách giải quyết. Ông thật lòng thông cảm nỗi lo của mọi người nhưng về cách giải quyết thì ông tỏ rõ sự lúng túng thực sự. Đến khi nghe tin phong trào kháng thuế, cự sưu đã nổ ra mạnh mẽ ở Quảng Nam, tiếp theo được tin dân làng An Điểm (Bình Sơn) cùng với lý hương kéo vào tỉnh xin giảm thuế, giảm sưu, mọi người như đã tìm được lối thoát. Số thanh niên hăng hái hơn ai hết, thúc giục mọi người cùng làm đơn, cùng ký tên xin giảm sưu, giảm thuế. Nhưng số lý hương ở đây lo ngại tìm cách cản trở mọi người. Mấy ngày

(1) “Bảo hộ” chỉ thực dân xâm lược Pháp.

(2) Đồng bạc Đông dương thời ấy có mười hào. Mỗi hào có giá trị 7,5 kg lúa.

sau dân các phủ, huyện kéo về vây quanh tỉnh thành kêu gào xin giảm sưu, giảm thuế. Nhiều người ở Ngọc Ấn cũng như Chánh Lộ tự ý gia nhập vào các đoàn cùng kêu gào, cùng đấu tranh. Theo cụ Phạm Hách⁽¹⁾ kể lại, nhân dân Phú Mỹ Hạ, Quán Đàn tập trung ở cửa Tây và cửa Nam vào ngày thứ tư của cuộc đấu tranh và làm cả hai việc: cùng sát cánh đấu tranh với nhân dân các phủ huyện, mặt khác ra sức giúp đỡ nhân dân các đoàn ở xa đến từ việc giúp đỡ chỗ nấu ăn, lấy nước uống, nghỉ ngơi và chạy chữa cho những người ốm yếu. Cuộc đấu tranh kéo dài hơn 10 ngày liên tiếp, khó khăn ngày càng nhiều. Từ chỗ thiếu cơm gạo, thuốc men, việc ốm đau ngày càng nhiều, đến cả việc tắm rửa, đi vệ sinh cho hàng chục nghìn người cũng trở nên bức bách. Nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Ấn đã giúp đỡ hết lòng, nhưng chỉ mấy hôm sau thì nghe tin bọn chúng đã bắt ông Lê Tự Khiết, Nguyễn Bá Loan và đang lùng bắt nhiều người khác mà chúng loan tin là những người lãnh đạo phong trào. Đến chiều ngày 8 tháng 3 Mậu Thân, sứ Daudet ra lệnh cho lính trên thành bắn thẳng vào quần chúng đang vây quanh gần Trường Tập ở phía cửa Nam làm chết 7 người và bị thương mấy chục người khác, trong đó có 5 người ở Phú Mỹ Hạ và gò Hống. Máu đã đổ, uất hận ngày càng tăng. Nhân dân Phú Mỹ Hạ đưa thân nhân mình bị thương về nhà để băng bó và giúp đỡ bà con các phủ huyện khác băng bó người bị thương, tắm liệm người chết và làm tế lễ ngay tại chỗ với quyết tâm siết chặt hàng ngũ để tiếp tục đấu tranh. Nhưng cuộc đấu tranh của quần chúng ngày càng khó khăn. Tiếp đó Công sứ lại cấp

(1) Cụ Phạm Hách người Phú Mỹ Hạ qua đời năm 2000 lúc 94 tuổi.

quân và súng đạn cho Phạm Kế Năng xuống Xuân Quang⁽¹⁾ để cứu vợ con. Nhân dân Phú Hòa, Tịch Điền, Ngọc Án hay tin kéo nhau ra chặn lại. Chúng đã bắn thẳng vào quần chúng để mở đường, và trên đường đến Xuân Quang để giải tỏa vợ con, chúng đã bắn chết đến 150 người⁽²⁾. Nhân dân Tịch Điền, Ngọc Án vừa đau xót, phần uất chôn cất hàng chục thân nhân của mình vừa ngã xuống. Phong trào đấu tranh rơi vào thế bế tắc, vì thiếu sự lãnh đạo. Cái đói khát, ốm đau triền miên không còn lối giải quyết. Cuộc đấu tranh mất phương hướng, loạn choạng rồi kiệt sức. Đến ngày 17 tháng 3 năm Mậu Thân thì dần dần rồi chấm dứt. Nhưng đến gần 10 ngày sau nhân dân Chánh Lộ vẫn còn phải nuôi dưỡng, chăm sóc những người ở tận Mộ Đức, Đức Phổ, Bình Sơn... bị ốm đau, thương tật chưa về hết.

Ngày 24 tháng 4 năm 1908⁽³⁾ thực Dân Pháp đem chém hai ông Lê Tự Khiết và Nguyễn Bá Loan - những người mà chúng cho là đã “thủ xướng cho dân náo động” ở bờ xe nước Sông Cát (giữa ranh giới Tịch Điền và Ngọc Án). Nhiều người lớn tuổi thấm thía với nỗi nhục mất nước ở nhà không đi, nhưng nhiều người trẻ tuổi ở Chánh Lộ nhất là vùng Tịch Điền, Ngọc Án đã đến tận nơi để chứng kiến cái chết anh dũng của những người mà họ đã khâm phục và quyết tâm

(1) Quần chúng đã kéo nhau lên làng Ri (Sơn Hà) nơi vợ con Phạm Kế Năng đang ở bắt tất cả đem về nhốt ở Xuân Quang (Nghĩa Hà, Tư Nghĩa ngày nay).

(2) Số người bị chết phần lớn ở vùng đông Tư Nghĩa vì không có thân nhân nhận xác nên nhiều thi hài được tập trung lại chôn thành hai liếp lớn gần Nghĩa Từ Quan.

(3) Viết theo khuôn mặt Quảng Ngãi và Quảng Nghĩa tỉnh chí - có sách viết là 23 tháng 4 năm 1908.

bảo vệ trong cuộc đấu tranh vừa qua. Sau vụ này ở Quảng Ngãi có 4 người bị xử tử, hàng chục người bị đày đi Côn Đảo trong đó có cử nhân Nguyễn Thụy mà hầu hết nhân dân Chánh Lộ đều biết. Hơn 50 người bị đưa đi giam ở các nhà tù. Ông Cao Trí, Phạm Lang và một số người khác ở Chánh Lộ và Ngọc Án bị buộc tội là đã xúi giục dân làng làm loạn, nhưng không có bằng chứng cụ thể nên bị chúng kết án treo cho được tại ngoại và cấm cố ở địa phương.

Nhân dân Phú Mỹ Hạ, Tịch Điền, Ngọc Án, Ba La còn nuôi nấng giúp đỡ ông Nguyễn Công Phương đang lẩn trốn sự lùng bắt của địch, tạm thời ẩn nấp tại đây. Theo hồi ký của cụ Nguyễn Công Phương⁽¹⁾ thì lúc bấy giờ ông còn rất trẻ, tham gia hoạt động tích cực trong phong trào đồng bào (Duy Tân), được chọn làm thư ký cho nông trại Tỉnh Phú do ông Nguyễn Bá Loan tổ chức, rồi được các nhà lãnh đạo hội Duy tân cử làm liên lạc viên giữa lãnh đạo và các đoàn ở phủ huyện trong cuộc đấu tranh đòi giảm thuế, sưu ở quanh thành Quảng Ngãi. Khi các nhà lãnh đạo bị lùng bắt, ông đã chạy trốn được vào dân, sống nhờ vào sự nuôi nấng, che chở của hết gia đình này đến gia đình khác với danh nghĩa là người quê Đức Phổ đi tìm xác thân nhân. Cho đến sau cuộc xử chém ông Lê Tự Khiết và Nguyễn Bá Loan, biết không có ai đến nhận xác của ông Nguyễn Bá Loan, ông giả làm cháu vào dinh tuần vũ xin nhận xác cậu về chôn. Tuần vũ

(1) Cụ Nguyễn Công Phương (1888-1972) nhà yêu nước và nhà lãnh đạo cách mạng lớn ở Quảng Ngãi. Nhiều lần bị tù đày, từng làm Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBHC tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Hội liên Việt Liên khu V, Chủ tịch đoàn UBMTTQ Việt Nam, Ủy viên Cố vấn của Chính phủ Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

Nguyễn Triêm (vừa mới thay cho Lê Từ) không biết là ai nhưng thấy có người thân nhân đến xin nhận xác Nguyễn Bá Loan thì mừng quá, cho nhận ngay. Ông đã cùng một số người khác tẩm liệm, đưa thi hài ông Nguyễn Bá Loan về tổng táng ở núi An Đại (Nghĩa Thương, Tư Nghĩa) nhờ sự giúp đỡ rất lớn của nhiều gia đình ở Phú Mỹ Hạ, Tịch Điền, Ngọc Án. Mấy hôm sau thì ông cũng bị bắt và bị tù đầy⁽¹⁾.

4. Tham gia cuộc vận động khởi nghĩa vũ trang do Việt Nam Quang Phục hội tổ chức.

Khoảng năm 1909, 1910 ông Bùi Phụ Thiệu ⁽²⁾ vừa ra tù thường bí mật đi lại nhà các ông Phạm Lang, Cao Chung, Nguyễn Huynh. Khi thấy các ông này đều có lòng hướng về sự nghiệp cứu nước, ông mới chuyển bức thư “Kính cáo toàn quốc phụ lão” (Kính thưa các cụ phụ lão trong nước)⁽³⁾ của cụ Phan Bội Châu. Các ông này ngoài việc vui vẻ đóng tiền bạc của mình, còn bí mật vận động các cụ phụ lão khác trong vùng đóng góp được một số tiền bạc rất lớn để “Hội kín” cử người xuất dương sang Trung Quốc, Nhật Bản học tập, lo việc giải phóng nước nhà.

Nhưng mãi đến năm 1913 sau khi ông Nguyễn Thụy ở Côn Đảo về mới truyền bá tôn chỉ của Việt Nam Quang Phục Hội (VNQPH) là “Đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập của đất nước, thành lập nước Cộng hòa dân

(1) Viết theo hồi ký của cụ Nguyễn Công Phương.

(2) Ông Bùi Phụ Thiệu còn có tên là Đặc, nhà yêu nước người làng Phú Văn (nay thuộc xã Nghĩa Trung huyện Tư Nghĩa).

(3) Bức thư cụ Phan Bội Châu viết năm 1906 (lúc cụ ở nước ngoài) kêu gọi các vị phụ lão trong nước góp tiền cho học sinh xuất dương sang Trung Quốc, Nhật Bản học tập lo việc cứu nước.

quốc Việt Nam”. Ông Huỳnh Quang Tú lại bí mật liên hệ với các ông trên vận động góp tiền bạc, lương thực để Hội lo sự nghiệp cứu nước. Hội cần tuyển người trai trẻ, khỏe mạnh vào tân binh. Các ông Trịnh Thừa, Phạm Phương được chọn là tân binh nằm tại chỗ lo việc điều tra, theo dõi địch tình và dẫn đường khi cần thiết.

Đến đầu năm 1916, tin tức từ Pháp đưa sang được các báo chí đăng tải: Pháp đang yếu thế. Bọn quan lại Pháp ở Quảng Ngãi lo đến xanh mặt, bọn quan lại Nam triều cũng ngỡ ngác, bỏ bê công việc. Trong lúc đó câu chữ Hán “Phổ thắng Pháp chiến tranh chi nhật, tức ngã Nam quốc độc lập chi kỳ” (Ngày Phổ thắng Pháp trong chiến tranh là ngày nước Nam ta giành được độc lập) được bí mật truyền nhau khá rộng rãi trong dân chúng ở vùng này gây nên nỗi hồi hộp chờ đợi mới. Một số người còn ngấm bảo nhau lần này có sự khởi lên đồng loạt từ Bắc chí Nam, có quân đội hùng mạnh và có sự chỉ huy của cả triều đình khiến cho nhiều người, tuy không nói ra nhưng nuôi nhiều hy vọng thắng lợi.

Giữa tháng 4 năm 1916 nhận được chỉ thị, Phạm Phương, Trịnh Thừa điều tra và báo cáo tình hình địch ở tại tỉnh thành, kèm một số đề nghị là phải có thang để vượt thành khi tấn công.

Đến sáng ngày 28 tháng 3 Bính Thìn (30/4/1916) Phạm Phương, Trịnh Thừa được lệnh đến nơi đã quy định sẵn và sẵn sàng hướng dẫn tân quân nhập thành ở phía đông vào đêm 1 rạng ngày 2 Bính Thìn. Đúng giờ khắc quy định Phạm Phương, Trịnh Thừa người đến Quán Đàn, người đến Gò Nại chờ đợi, nhưng chờ mãi vẫn không thấy tín hiệu trong thành

bắn lên, mà cũng không thấy tân quân đâu cả; trái lại, lại thấy một đơn vị lính được phái đến đóng trại ở Gò Rùa với tư thế canh gác cẩn mật. Chờ đến sáng không thấy động tĩnh gì, hai người quay về thì vỡ lẽ là cuộc khởi nghĩa bị lộ, kế hoạch tấn công chiếm thành của ta không thực hiện được. Về sau mới biết rõ là kế hoạch khởi nghĩa bị lộ trước giờ khởi sự ngay từ cơ sở yêu nước trong thành. Công sức bỏ ra bấy nhiêu năm của hàng chục ngàn người đã đổ vỡ trong một lúc⁽¹⁾. Theo cụ Nguyễn Công Phương cho biết, cuộc khởi sự đã chuẩn bị ở Quảng Ngãi thật đầy đủ. Lực lượng tân quân, cả tỉnh có đến 600 người, 350 ở cánh Nam do Nguyễn Công Phương chỉ huy, 250 ở cánh Bắc do Nguyễn Hà và Trần Côn chỉ huy. Tân binh đã được tập luyện chu đáo và trang bị đầy đủ vũ khí như trái nổ và mặc quân trang là bộ quần áo bằng vải Sơn Đông màu đen có thêu huy hiệu đầu gà ở bầu áo (nên có tên gọi là đội quân đầu gà). Tân Quân ở hai cánh đã tập trung đầy đủ trước giờ khởi sự ở nơi quy định. Nhưng chờ mãi không có hiệu lệnh, đến gần sáng biết việc không thành, đành phải cho tân quân giải tán.

Thực dân Pháp lại một lần nữa dìm phong trào yêu nước các tỉnh miền Trung vào bể máu. Ở Quảng Ngãi các ông Nguyễn Thụy, Lê Ngung, Trần Thêm, Võ Cư, Mai Tuấn, Hứa Thọ đều bị giặc xử chém. Ở Chánh Lộ và Ngọc Ấn cũng bị chúng truy lùng dữ dội, nhưng may nhờ người đốt tất cả sổ sách, tài liệu liên quan đến Hội, nên nhiều lính khố xanh yêu nước - kể cả 2 ông Phạm Phương, Trịnh Thừa - những người giữ mối quan hệ qua lại giữa Hội và binh lính yêu nước cũng lọt khỏi lưới bố ráp của kẻ thù. Về ông Nguyễn

(1) Viết theo lời kể của Phạm Hách-như đã dẫn.

Công Phương, sau khi cho tân quân giải tán, ông vào ẩn nấp nhà dân ở Quán Đàn. Bốn ngày liên tiếp ông được người dân ở đây nuôi nấng, che chở để tìm hiểu và biết đầy đủ nguyên nhân thất bại của cuộc khởi nghĩa. Ông còn biết tin hết người này bị bắt đến người kia tự sát. Không cam đành ngồi nghĩ đến sự thất bại đắng cay và nghe bao nhiêu tin đau lòng dồn dập báo đến, ông đành cảm tạ những người dân đã nuôi nấng che chở cho mình rồi nhân đêm tối, ông ngậm ngùi ra đi về hướng miền núi⁽¹⁾

Nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án đã góp công, góp của cho cuộc vận động cứu nước này. Tuy không tổn thất lớn về người, nhưng nỗi đau đớn đã hằn sâu hơn bao giờ hết. Vì ngoài việc chứng kiến bao nhiêu cảnh bắt bớ, tù đầy, chứng kiến bao nhiêu con người giàu lòng yêu nước, giàu chí khí đã hy sinh anh dũng dưới lưỡi dao oan nghiệt của kẻ thù, còn là sự tổn thất to lớn của tình thầy trò của khá đông thanh niên trong xã đối với thầy Nguyễn Thụy, và sự quý trọng, gần gũi của hầu hết nhân dân trong xã với một ông cử để tính, khiêm nhường.

Phong trào yêu nước lặng đi một thời gian, nhưng các nhà yêu nước vẫn cố hướng các hoạt động xã hội vào con đường ích nước, lợi dân. Nhân có dụ “Cải lương hương chính của Khải Định”⁽²⁾ phong trào mở hiệu buôn ở trên phố diễn ra sôi nổi. Không khí “chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa,

(1) Viết theo hồi ký cụ Nguyễn Công Phương. Sau phong trào đòi giảm sưu, thuế và chôn cất thi hài ông Nguyễn Bá Loan, ông bị bắt và bị kết án 4 năm tù giam và đày lên sơn phòng Ba Tơ. Mãn hạn tù ông trở về tham gia VNQPH và được giao chỉ huy tân quân cánh Nam. Khởi nghĩa thất bại, ông trốn lên miền Tây nuôi chí đợi thời.

(2) Năm 1923.

phát triển công thương nghiệp để cạnh tranh với tư bản nước ngoài của những năm 1906, 1907 lại hồi phục dưới một dạng mới. Phong trào đó đã có tác động trực tiếp đến các thôn xã xung quanh. Các ông Phạm Lang, Nguyễn Huynh và nhiều người có tâm huyết lại ra sức vận động mọi người mặc đồ nội hóa, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, vận động bỏ chữ Hán, học Quốc ngữ. Các hình thức đấu tranh công khai, hợp pháp cũng dần dần hồi phục. Các ông cũng vận động đưa người tốt, người tiến bộ vào bộ máy ngũ hương, làm đơn tố cáo và loại bỏ những tên dựa vào Tây bóc lột ức hiếp nhân dân. Số thanh niên có học như Phạm Phương, Đoàn Lang còn thường lên phố chơi với bạn bè, tiếp xúc với sách báo mới. Không chỉ đọc mà còn nghe khá nhỏ với nhau về lý thuyết mới mà ông thầy thuốc chủ hiệu Châu Khê⁽¹⁾ vừa ở Côn Đảo về truyền bá lại. Tha thiết muốn đến gặp ông chủ hiệu để hỏi cho rõ những điều mà mình muốn biết, bằng mọi cách rồi Phạm Phương, Đoàn Lang cũng gặp được ông. Ông nói ít nhưng ca ngợi hết lời chủ nghĩa Mác, mà ông cho là có sức thần thông, có thể thay ông Bành Tổ xoay trời lại. Người Nga, họ theo chủ nghĩa này nên làm cách mạng thắng lợi. Việt Nam mình muốn độc lập cũng phải làm theo chủ nghĩa ấy. Nhưng hỏi những sách, báo viết về chủ nghĩa ấy, ông thành thật bảo, ông chỉ mới được nghe, chưa được đọc và nói thêm, bọn thống trị Pháp đã ra sức cấm, chủ nghĩa ấy làm sao được phổ biến công khai?! Càng khó khăn càng thêm

(1) Hiệu thuốc Châu Khê do cụ Trần Kỳ Phong mở tại nhà ông Đường, thời ấy còn là nhà tranh, ở đúng số 350-352 đường Quang Trung hiện nay. Cụ Trần Kỳ Phong (1872-1941) người làng Châu Me (Bình Châu, Bình Sơn), tham gia phong trào kháng thuế năm 1908 bị địch bắt đi đày Côn Đảo. Tháng 3/1921 hết hạn tù, ông về quê ít lâu rồi vào đây mở hiệu thuốc Bắc.

gợi trí tò mò của tuổi trẻ. Chủ nghĩa Mác từ đó trở nên niềm khao khát tìm hiểu của lớp trẻ Quảng Ngãi cũng như thanh niên Chánh Lộ, Ngọc Án.

Năm 1925, báo chí đưa tin cụ Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải (Trung Quốc) đưa về giam tại Hà Nội chờ ngày xét xử. Cụ Phan là nhà yêu nước nổi tiếng, được các sĩ phu thân hào và nhân dân Quảng Ngãi hết lòng ngưỡng mộ. Ai cũng xót thương, lo lắng và thấy cần phải làm gì đó để xứng đáng với cả cuộc đời hy sinh cao cả của cụ. Vừa lúc ấy một số học sinh Quảng Ngãi đang theo học ở Hà Nội đã trở về Quảng Ngãi vận động lấy chữ ký đòi thả cụ Phan Bội Châu. Cuộc vận động lấy chữ ký cả tháng, từ tỉnh thành cho đến các phủ huyện. Ở Chánh Lộ có ông Phạm Lang, ở Ngọc Án có ông Nguyễn Huỳnh phân công nhau đến từng nhà vận động ký tên vào bản yêu sách đòi thả cụ Phan Bội Châu, bất chấp sự đe dọa và theo dõi của bọn lý hương, mã tà, mật thám. Sang năm 1926 lại được tin nhà yêu nước Phan Châu Trinh ở Pháp về Sài Gòn thì đột ngột từ trần. Tin loan đến đâu nhân dân xôn xao bàn tán đến đó. Các thân hào, thân sĩ, đã từng biết danh tiếng của cụ hoặc có quan hệ chặt chẽ với cụ trong phong trào Duy Tân đều xót thương và đặt ra một nghi vấn. Phải chăng bọn thực dân Pháp hay bọn quan lại Nam triều đã tìm cách ám hại?! Giữa lúc xót thương và tràn đầy nghi vấn đó thì lễ truy điệu cụ được tổ chức tại tiệm thuốc Bắc của ông Phan Đình Hiến⁽¹⁾. Hầu hết các thân hào, thân sĩ trong cả tỉnh cũng như Chánh

(1) Thường gọi là thầy Chín - Tiệm thuốc Bắc đó nằm ở địa điểm 343-345 đường Quang Trung hiện nay, gần đối diện với hiệu thuốc Bắc Châu Khê của cụ Trần Kỳ Phong..

Lộ, Ngọc Ấn đều có mặt. Người quen biết đã gặp cụ Phạm Lang và ông Phạm Phương, cả hai cha con đều có mặt trong buổi truy điệu này. Cuộc gặp gỡ không hẹn trước đó nói lên lòng kính yêu của mọi người đối với cụ Phan Châu Trinh, còn nói lên điều quan trọng hơn: là người Việt Nam thì ai chẳng là người yêu nước và dù thế hệ nào, đi theo xu hướng chính trị nào cũng không xa rời được mục tiêu giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước, đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

*

* *

Nhìn lại lịch sử hơn 500 năm qua, người Nghĩa Chánh (một phần Chánh Lộ và Ngọc Ấn) đã đến định cư trên mảnh đất có sông núi hữu tình nhưng thiên nhiên không kém phần khắc nghiệt này. Hết thế hệ nọ đến thế hệ kia đã dãi dầm mưa nắng, vượt qua mưa bão, khai phá vùng đất đầy lũng, lát, ngập úng, đầy muỗi dĩa, xây dựng nên ruộng đồng phì nhiêu, làng mạc trù phú mà sử sách đã ghi chép khá đầy đủ trong hàng trăm năm đã qua. Ngày nay dù bất cứ ai đã ở trên mảnh đất này thì như “kẻ ăn quả” làm sao quên được công ơn “người trồng cây”. Ông ấy càng sâu đậm hơn khi biết ông cha đã chiến đấu vượt qua mọi bất công xã hội, bảo vệ sự tồn vong và phát triển cho cả đất nước và cho xóm làng của riêng mình. Nhất là từ ngày (1807) tỉnh lỵ Quảng Ngãi được đưa về đây, dù chỉ là những làng xóm cận kề quanh tỉnh thành, nhưng vẫn là ở vị trí trung tâm của cả tỉnh, vẫn là nơi trực tiếp tham gia, trực tiếp chứng kiến mọi sự kiện lịch sử lớn lao của đất nước và của cả tỉnh. Cho đến đây (1926) ấm

no hạnh phúc vẫn chưa tìm thấy, độc lập tự do lại càng mờ mịt, nhất là từ khi thực dân Pháp đặt nền đô hộ, nhân dân Nghĩa Chánh cũng như nhân dân cả nước bị cột chặt bởi mấy vòng xiềng xích. Đói khổ, máu chảy, đầu rơi ngày càng nhiều. Nhưng nhân dân Nghĩa Chánh vẫn tự hào là đã góp phần xứng đáng trong mọi cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân toàn tỉnh, đánh thẳng vào bộ máy thống trị của thực dân và phong kiến.

Lòng yêu nước chưa bao giờ vơi, ý chí chiến đấu chưa bao giờ cạn trong lòng người dân khu vực Nghĩa Chánh cũng như nhân dân Quảng Ngãi. Nhưng vì sao sự nghiệp giải phóng đất nước, quê hương, giải phóng dân tộc và giai cấp chưa thành công ?? Câu hỏi đó đã vò xé tâm can biết bao người. Về sau Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ nguyên nhân của tình trạng đó.

“Từ ngày bị đế quốc Pháp xâm chiếm, nước ta là một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô. Tổ quốc bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác. Trong mấy mươi năm khi chưa có Đảng, tình hình đen tối như không có đường ra”(1).

Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đảng theo đường lối chủ nghĩa Mác-Lênin là bí quyết cứu nước, cứu nhà. Người dân ở khu vực Nghĩa Chánh tiếp thu tư tưởng tiên tiến và đi theo Đảng hoàn toàn tự giác gần như một lẽ sống trong sự nghiệp cứu nước, cứu nhà từ đây.

(1) Hồ Chí Minh - toàn tập - Nxb Chính trị Quốc gia-Hà Nội, 1996, tập 10 trang 3.

PHẦN THỨ HAI
TIẾP THU CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN.
ĐẢNG CỘNG SẢN RA ĐỜI LÃNH ĐẠO
CÁC CAO TRÀO CÁCH MẠNG (1927-1945)

CHƯƠNG III

TIẾP THU CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN
TỔ CHỨC ĐẢNG RA ĐỜI, CAO TRÀO CÁCH MẠNG
1930-1931

1- Tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin.

Thật ra, nghe nói về ông Mã Khắc Tư, ông Liệt Ninh⁽¹⁾ và về chủ nghĩa Cộng sản là từ những năm 1924, 1925, nhưng mới nghe chứ chưa phải là đọc và không phải bằng những luận giải khoa học mà lại bằng những bài thơ được hình thành bằng sự tưởng tượng về một xã hội đầy tốt đẹp, một thế giới đại đồng trong tương lai. Lớp trẻ Quảng Ngãi trong đó có các ông Cao Trí, Phạm Phương, Bùi Bích, Trần Hường, Đoàn Lang đã đi đến với chủ nghĩa Mác-Lênin bằng những bước đi đầu tiên như thế. Các ông đã lần lượt đến hiệu thuốc Châu Khê xin cụ Trần Kỳ Phong cho chép nhiều bài thơ của cụ rồi bí mật truyền cho nhau về hình ảnh của một thế giới đại đồng.

... Sự thế không còn phân quý tiện
Dân gian mất hết tiếng giàu nghèo
Hang cùng, ngõ hẻm ca bình đẳng

(1) Mã Khắc Tư (C.Mác); Liệt Ninh (V.I.Lênin). Viết theo cách phiên âm thời ấy.

*Góc bể đầu non xương tự do
Bằng phẳng núi sông thôi quốc giới
Năm châu hòa hợp, xếp binh đao ...⁽¹⁾*

Còn với nước ta tuy hiện còn mịt mù trong tăm tối
nhưng hình ảnh một tương lai huy hoàng đã mở ra trước mắt.

*... Đường muôn dặm đi hoài phải đến
Cuộc ngàn năm có biến mới thông
Ngày mai thế giới đại đồng
Việt Nam ta cũng góp chung một phần...⁽²⁾*

Sống trong cảnh nô lệ đen tối, những hình ảnh đó càng kích thích trí tò mò ham hiểu biết và khát khao hành động của tuổi trẻ. Họ đã lục tìm sách vở ở các hiệu sách, thăm hỏi mọi người có hiểu biết kể cả những học sinh học ở Hà Nội, ở Huế như Trương Quang Trọng, Đặng Tông mỗi khi về thăm nhà. Họ được giới thiệu và đọc một số sách mới như Thế giới sử, Lịch sử tiến hóa loài người ... do Quang Hải từng thư ở Huế xuất bản. Hiểu biết được mở rộng thêm nhưng đâu là chủ nghĩa Mác-Lênin, đâu là Đảng lãnh đạo vẫn không tìm thấy. Khi các học sinh ở Hà Nội về thì mới có những thông tin mới về ông Nguyễn Ái Quốc và Việt Nam cách mạng thanh niên (VNCMTN)⁽³⁾. Nhưng cùng lúc lại nghe tin có nhiều tổ chức Đảng cùng có mặt ở Quảng Ngãi. Các ông Cao Trí, Phạm Phương, Trần Hường lại phân công nhau đến hỏi cụ Trần Kỳ Phong, người mà các anh tin tưởng nhất. Ông Nguyễn Ái Quốc nghe nói là người đã ở Pháp, ở

(1), (2) Trích thơ của cụ Trần Kỳ Phong.

(3) Nhiều tài liệu trước đây thường viết là Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội.

Nga rất lâu, thông hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin mới là người thật sự đáng tin cậy và cụ khuyên anh em thanh niên chờ lúc nào có VNCOMTN do ông Nguyễn Ái Quốc lập ra mới tham gia. Cũng vẫn chưa đáp ứng được khát khao tìm hiểu và hành động của mình, nhưng mọi người lại biết thêm về Nguyễn Ái Quốc, về vai trò quan trọng của một lãnh tụ dẫn đường cho mọi người hành động theo một chủ nghĩa cách mạng yêu nước. Đến tháng 7/1927 Phạm Phương, Bùi Bích được chọn là đối tượng tích cực của VNCOMTN và được triệu tập đến dự lớp huấn luyện bí mật do Nguyễn Thiệu truyền đạt về tôn chỉ, mục đích của VNCOMTN, về đường Kách Mệnh của ông Nguyễn Ái Quốc (được xem là chương trình, cương lĩnh đấu tranh của Hội). Đến đây việc tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin mới bắt đầu đi vào lý luận có hệ thống. Phạm Phương, Bùi Bích thấy sáng ra nhiều điều. Bao nhiêu khát khao hiểu biết như vừa được đáp ứng. Tinh thần phấn khởi truyền sang cả Cao Trí, Trần Hường, Phạm Cẩn, Trần Xương,... và họ lần lượt được kết nạp vào VNCOMTN và bắt tay vào xây dựng hội tương tế, hội thể thao, nông hội, công hội và hướng dẫn các đoàn thể quần chúng này đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ. Đầu tháng 8/1929, đồng chí Trương Quang Trọng bí mật gặp gỡ các đồng chí Cao Trí, Phạm Phương trao đổi về tiêu chuẩn của người Cách mạng Thanh niên là tiêu chuẩn của người Cộng sản phải “Vô sản hóa”⁽¹⁾, phải suốt đời chiến đấu hy sinh cho lý tưởng cộng

(1) Lúc này có chủ trương đưa một số hội viên VNCOMTN đến cùng ăn, cùng ở, cùng làm với giai cấp công nhân để rèn luyện ý thức giai cấp vô sản. Trương Quang Trọng tổ chức cuộc gặp mặt với ý định chuyển các đồng chí này thành Dự bị cộng sản theo quyết định của cuộc họp Xương Rồng-Đức Phổ (7/1929).

sản... Nhưng đến giữa tháng 8/1929 Hội bị đánh phá ác liệt. Đầu tiên là các hiệu buôn Châu Khê, Quảng Minh Đường, Quảng Hòa bị khám xét hết sức nghiêm ngặt. Tiếp theo là các đồng chí Hồ Độ, Lê Trọng Kha, rồi đến đồng chí Trương Quang Trọng và cả cụ Trần Kỳ Phong cũng bị bắt⁽¹⁾. Được chỉ thị của cấp trên là tăng cường bảo mật, bảo vệ lực lượng, các đồng chí VNCMTN ở Chánh Lộ, Ngọc Án vội vàng cất giấu tài liệu, thay đổi hoạt động, thay đổi chỗ ở, hạn chế đi lại. Nhờ thế bọn cảnh sát, mật thám, tuần tra, dòm ngó khắp nơi vẫn không phát hiện được gì. Đồng chí Cao Trí được chỉ thị mời cô Nguyễn Thị Du- người yêu của đồng chí Trương Quang Trọng - đến một chỗ hẹn ở cửa Bức để gặp mặt một đồng chí cấp trên. Đúng ngày giờ quy định, tại địa điểm đã hẹn trước, một đồng chí tên là Lang⁽²⁾ đã đến gặp cô Nguyễn Thị Du bàn việc giải cứu cho đồng chí Trương Quang Trọng. Đồng chí Cao Trí canh gác, bảo vệ bên ngoài. Cuộc trao đổi bàn bạc khá lâu nhưng hình như không tìm ra giải pháp gì nên khi chia tay, đồng chí Cao Trí thấy mặt của cả hai người đều rất buồn. Các đồng chí Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Chánh Lộ và Ngọc Án đã bí mật phân công nhau theo dõi cuộc xử án ngày 26/10/1929 và truyền lại cho nhau về thái độ bình tĩnh, kiên nghị, lời biện hộ đồng đạo, đánh thép về sự nghiệp cứu nước cứu dân tộc của Hội và hành động hy sinh đầy cao cả của hội viên VNCMTN của đồng chí Trương Quang Trọng, của cụ Trần Kỳ Phong mà nhiều đồng chí đã vô cùng cảm phục từ trước. Nhân dân

(1) Do bị lộ ở một ứng phía Bắc Trung Kỳ, VNCMTN bị đánh phá khắp nơi. Quảng Ngãi chúng bắt 21 người, trong đó có cụ Trần Kỳ Phong, mặc dù không phải là hội viên nhưng bị kết tội là chứa chấp, bảo trợ.

(2) Tên bí mật của đồng chí Nguyễn Nghiêm.

nghe tin các đồng chí bị bắt, bị xử án và rồi bị đày đi các nhà lao với khí thế hào hùng, lạc quan, ai cũng yêu thương, kính phục.

Tổ chức thanh niên theo chủ nghĩa Mác-Lênin mới thành lập, thì người đứng đầu⁽¹⁾ đã bị bắt, mọi người đang hết sức lo lắng thì tại núi Bút và dọc nhiều đường trên phố, truyền đơn được rải rất nhiều, nhưng lại đề là An Nam Cộng sản Đảng⁽²⁾, thế là đã có Đảng! Nhưng các đồng chí vừa mừng, vừa lo, vì không rõ VNCOMTN và An Nam Cộng sản Đảng giống khác nhau thế nào?

2/ Chi bộ Đảng Cộng sản ra đời.

Nghe tin ở vùng Ba La đã có chi bộ Cộng sản⁽³⁾ Phạm Phương, Bùi Bích đến dò hỏi. Trần Tư, Nguyễn Năng Lực đều là bạn học cũ, lại đã từng gặp nhau ở lớp huấn luyện của VNCOMTN tổ chức đón tiếp thật thân tình, nhưng vì nguyên tắc tổ chức và chủ trương bảo vệ cơ sở Đảng, những người đó không nói gì về tổ chức Dự bị Cộng sản. Còn về An Nam Cộng sản Đảng, những người này cũng thật thà bảo là không biết chính xác ở đâu, chỉ nghe người đi buôn ở Sài Gòn về bảo truyền đơn của An Nam Cộng sản Đảng thì có khắp nơi ở Nam Kỳ.

Ngày 1 tháng 5 năm 1930, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, trước đó một ngày đồng chí Cao Trí phụ trách chi

(1) Đồng chí Trương Quang Trọng.

(2) Tháng 11/1929 có truyền đơn của An Nam Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ đưa ra rải một số nơi ở Quảng Ngãi.

(3) Đây là chi bộ dự bị Cộng sản đầu tiên ở huyện Tư Nghĩa do đồng chí Nguyễn Nghiêm thành lập vào tháng 1/1930 theo quyết nghị của hội nghị Xương Rồng (7/1929).

hội VNCOMTN Chánh Lộ nhận được chỉ thị treo cờ búa liềm. Không kịp phổ biến cho toàn thể các đồng chí trong chi hội, đồng chí trao đổi với đồng chí Trần Xương. Nửa đêm 30/4, hai đồng chí cùng đi, đồng chí Trần Xương treo cờ ở miếu Âm Hồn ở xóm Gốc Gáo, đồng chí Cao Trí cảnh giới bảo vệ. Mọi việc thực hiện trót lọt, an toàn và đúng thời gian cấp trên quy định. Hôm sau định đến tin cho các đồng chí khác biết thì nghe tin ở tòa Công sứ, ở Băng ga lô (khách sạn Tây) cũng có cờ búa liềm được treo⁽¹⁾. Đồng chí Cao Trí vừa khâm phục vì đã có những người gan dạ đến ngay trước mũi thẳng Tây đầu sỏ mà treo và treo vào những chỗ như vậy mới thật có ý nghĩa, vừa vui mừng vì Hội tuy bị khủng bố, nhưng tổ chức cách mạng vẫn phát triển, chủ nghĩa Mác-Lênin qua biểu tượng lá cờ đỏ búa liềm vẫn sáng chói rực rỡ. Lần treo cờ này quả thật đã gây ảnh hưởng lớn. Nhân dân khắp nơi bàn tán vui mừng. Bọn lý hương khiếp sợ lạnh mặt. Bọn binh lính ngơ ngác, sợ hãi. Còn Công sứ, tuần vũ thì vừa tức tối, liên tiếp ra lệnh lùng sục khắp nơi, vừa tăng cường lực lượng canh gác nơi ở, nơi làm việc của chúng. Sau đó đồng chí Cao Trí lại đến Ba La hỏi đồng chí Trần Tư về tin tức của Hội. Đồng chí Trần Tư đã nói rõ là VNCOMTN không còn nữa. Sau nhiều ý kiến đề nghị chuyển Hội thành Đảng, cấp trên đã quyết định thành lập Đảng từ lâu. Nhớ lại chuyện đồng chí Trương Quang Trọng nói về tiêu chuẩn người đảng viên trước đây, đồng chí Cao Trí vừa tỏ ra thất mắc vừa tỏ ra băn khoăn:

(1) Đồng chí Võ Khuê (lính phòng thành) cùng đồng chí Phạm Thía treo cờ ở cây dầu lai trước tòa Công sứ. Đồng chí Bạch Ngọc Phú treo cờ ở Băng galô.

- Sao người ta cũng nói chuyện đó với chúng tôi rồi chẳng thấy chuyển đổi gì cả. Còn bây giờ thì Đảng ở đâu?

Trần Tư ghé vào sát tai Cao Trí và nói nhỏ:

- Nghe nói việc chuyển lên Đảng khá phức tạp. Mỗi xứ chuyển thành một Đảng khác nhau. Phải chờ có ông Nguyễn Ái Quốc mới đủ uy tín triệu tập cuộc họp bàn việc thống nhất và đã thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam hồi đầu năm.

Cao Trí nói thẳng:

- Thế thì bây giờ Đảng ở đâu! Liệu bây giờ người ta còn quan tâm gì đến chúng tôi không?

Trần Tư nói lơ lửng:

- Tôi cũng chẳng biết đâu! Nhưng mình đã có lòng ắt người ta hẳn quan tâm đến. Có điều phải tuyệt đối giữ bí mật.

Đầu tháng 6/1930, đồng chí Nguyễn Nghiêm có đồng chí Bùi Tá Hiệp⁽¹⁾ vừa là người bảo vệ, vừa là người dẫn đường đến nhà đồng chí Phạm Phương ở lại một ngày vừa tìm hiểu tình hình thầy giáo và các học sinh các trường trên phố để tìm cách phát triển Đảng vào đây, vừa chờ triệu tập các đồng chí Cao Trí, Phạm Cẩn. Ngay tại đây đồng chí Nguyễn Nghiêm đã làm lễ kết nạp 3 đồng chí Phạm Phương, Cao Trí, Phạm Cẩn vào Đảng Cộng sản Việt Nam; quyết định thành lập chi bộ và chỉ định đồng chí Cao Trí làm Bí thư chi bộ ⁽²⁾.

(1) Đồng chí Bùi Tá Hiệp lúc này chưa phải là đảng viên, nhưng là một cốt cán tin cậy nên được đồng chí Nguyễn Nghiêm chọn làm người bảo vệ.

(2) Theo Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi - Sđd trang 76 viết là tháng 4/1930 và do đồng chí Trần Ngô làm Bí thư. Xin ghi lại chỗ chưa thống nhất này để nghiên cứu thêm.

Thế là tìm Đảng đã có Đảng. Đảng viên phải thế nào thì như đồng chí Trương Quang Trọng đã nói trước khi bị bắt, bị tù, bây giờ đồng chí Nguyễn Nghiêm đã nghiêm túc nhắc lại. Mọi người vừa sung sướng, vừa nghiêm trang nói lên lời hứa hẹn của mình. Sau đó ít lâu thì Chi bộ Ngọc Án cũng được thành lập có các đồng chí Trần Hường, Bùi Bích⁽¹⁾. Đây là những chi bộ đầu tiên của Chánh Lộ và Ngọc Án. Sau một thời gian các đồng chí Trần Ngô, Trần Xương (ở Chánh Lộ), đồng chí Lâm Quỳ (ở Ngọc Án) được kết nạp tiếp vào Đảng. Nghe chủ nghĩa Mác - Lênin và được tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin từ rất sớm, có lẽ còn sớm hơn nhiều nơi khác trong tỉnh, nhưng do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân Đảng phải phát triển hết sức thận trọng trên một khu vực sát tỉnh thành nhiều phức tạp và bị kẻ địch kiểm tra, kiểm soát gắt gao hàng ngày nên chi bộ được thành lập chậm hơn nhiều nơi khác. Nhưng một khi chủ nghĩa Mác - Lênin đã cắm được rễ trên mảnh đất này, được nhân dân xem là sự nghiệp chung của mọi người, là lẽ sống của riêng mình và hết lòng bảo vệ thì không kẻ thù tàn bạo nào có thể tiêu diệt được.

Các đồng chí trong Chi bộ đã bí mật họp với nhau học điều lệ Đảng, tự liên hệ với nhận thức của mình và bàn với nhau những điểm cần bổ khuyết ở từng người. Hai vấn đề được bàn bạc rất kỹ: Một là vấn đề “Vô sản hóa” đảng viên,

(1) Chi bộ Ngọc Án do Phủ ủy Tư Nghĩa lâm thời thành lập. Chưa rõ ai là Bí thư. Phủ ủy lâm thời Tư Nghĩa có các đồng chí Trần Tư, Nguyễn Năng Lự, Phạm Viết Khoa do đồng chí Trần Tư làm Bí thư, cũng do đồng chí Nguyễn Nghiêm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ định trong thời gian này (Xem “đồng chí Nguyễn Nghiêm, người chiến sĩ cách mạng kiên cường”... Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi, 2000 - trang 108.)

đồng chí Trần Xương được phân công thực hiện “vô sản hóa” đầu tiên; Hai là bàn chuyện liên hệ chặt chẽ với quần chúng tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng kể cả những khuyết nhược điểm của họ, xây dựng những cốt cán trong họ. Mỗi đảng viên được phân công phụ trách một hai khu vực, một hai giới lo việc xây dựng đoàn thể và hướng dẫn các đoàn thể đó đấu tranh đòi giảm các thứ thuế mới bị tăng lên, đòi bỏ các thứ thuế do bọn thống trị mới đặt ra, đòi giảm tô, giảm tức... Các đồng chí phân công nhau tiếp tục phụ trách Hội vòng đời công, hội tương tế, hội trợ táng, hội thể thao đã có trước đây, đồng thời xây dựng các đoàn thể cách mạng mới theo chỉ thị của cấp trên như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên cộng sản... Một thời gian ngắn, Nông hội đỏ đã xây dựng thành nhiều tổ nhỏ có đến 50 hội viên. Công hội đỏ cũng phát triển khá nhanh ở trên phố. Bốn tổ được tổ chức theo ngành nghề gồm thợ may, thợ cắt tóc, phu khuân vác, người kéo xe... Ở chợ chị em tiểu thương cũng chia thành 3 nhóm, nhóm bán hàng xén, nhóm bán thịt cá và nhóm bán rau quả. Họ đã dựa vào nhau mua bán, đấu tranh đòi bỏ thuế chợ, thuế muối... và sự cướp bóc, lấy không của giám thị chợ, binh lính, cảnh sát. Hội cứu tế đỏ nhờ đó cũng phát triển khá nhanh, có đến hàng trăm hội viên. Chủ trương của Đảng hợp với lòng dân. Các tầng lớp nhân dân lao động hưởng ứng và hành động.

Gần đến ngày 01 tháng 8 năm 1930, nhận được chỉ thị của cấp trên đến nơi quy định để bí mật nhận “tài liệu”. Tài liệu mật là một lá cờ búa liềm và một bó truyền đơn. Truyền đơn được chia ra cho từng đảng viên và một ít cốt cán quần chúng thật tin cẩn để rải ở chợ, ở một vài nơi đông người qua



Hội thảo lần thứ I.

lại, nhiều nhất vẫn dành rải ở các đường trên phố. Lá cờ được giao cho đồng chí Phạm Phương treo ở một ngọn cây sát đường quốc lộ ở chân núi Bút. Mọi việc đã tiến hành trót lọt và an toàn vào ban đêm. Kẻ địch lại một lần nữa bất ngờ. Đến 9 giờ sáng hôm sau chúng mới xua quân đi hạ cờ, thu lượm truyền đơn ở các nơi. Nhân dân nhiều người nhặt được cất giấu, truyền cho nhau và tỏ ra vui sướng thật sự, vì truyền đơn đòi hỏi đúng điều mình mong muốn, như đòi bỏ thuế đinh, thuế dò, thuế chợ, giảm thuế điền thổ, đòi bỏ độc quyền rượu, muối; không được bắt xâu, bắt lính, phản đối chiến tranh đế quốc; đòi Đông Dương độc lập; Nước Việt Nam của người Việt Nam. Ở Ngọc Ấn cũng có tình hình tương tự, nhưng chỉ rải truyền đơn. Vì truyền đơn có ở quá nhiều nơi, kẻ địch nghi là đã có cơ sở Đảng trong xã - sát ngay nơi chúng ăn ở, đe dọa trực tiếp quyền thống trị của chúng, chúng đã cho mã tà, mật thám đi sâu vào từng nơi, rà soát từng người, hết ngày nọ đến ngày kia, vẫn không phát hiện được gì, nhưng vẫn không thôi, chúng ngấm ngấm theo dõi...

3- Chi bộ lãnh đạo cao trào cách mạng

Hoảng sợ trước phong trào Cộng sản nổi lên, thực dân Pháp thi hành ngay chính sách chống phá cách mạng một cách toàn diện ở trong tỉnh. Chúng củng cố lại bộ máy quan lại ở các phủ huyện, bộ máy lý hương ở thôn xã, đưa vào đó những tên gian ngoan bất bảo nhằm thực hiện chính sách “dùng người Việt trị người Việt”, lấy “quan làng trị dân làng”. Đồng thời, chúng củng cố lực lượng lính lê dương, lính khố đỏ, tuyển thêm lính khố xanh giao cho nhiệm vụ bình định và chiếm đóng ở từng khu vực. Chúng cũng bắt tay

nhau thành lập lực lượng bán vũ trang gọi là “đoàn phu”, “đoàn đồng” giao cho việc canh gác, khống chế ở từng khu dân cư. Mặt khác chúng ra sức tuyên truyền chống cộng, gây chia rẽ các tầng lớp nhân dân, lôi kéo các tầng lớp trên cùng với chúng chống Cộng sản. Riêng ở Chánh Lộ, chúng củng cố lại bộ máy thống trị ở Chánh Lộ xã và Chánh Lộ phố⁽¹⁾. Chúng chọn những tên có thành tích bất hảo đưa vào bộ máy lý hương, thay đổi các phường trưởng có cảm tình với dân. Ở Chánh Lộ phố đã có Sở Phòng thành, chúng còn đặt thêm Sở Cò⁽²⁾ do một sĩ quan Pháp chỉ huy thúc ép bọn tay sai ra sức đánh phá cách mạng ngay từng khu phố.

Tình hình đang căng thẳng, nhưng chi bộ vẫn tiến hành học tập chính cương, sách lược tóm tắt của Đảng. Trên một chiếc thuyền giả đi đánh cá, rời bến Tam Thương do đồng chí Cao Trí sắp xếp, đồng chí Trần Tư, Bí thư Phủ ủy lâm thời Tư Nghĩa truyền đạt tài liệu. Qua một ngày học tập các đồng chí càng hiểu sâu hơn về nhiệm vụ lâu dài đấu tranh giành độc lập cho đất nước, xây dựng chế độ mới theo lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa, mà trước mắt là vạch trần tội ác của giặc Pháp và bọn phong kiến tay sai, trừng trị những tên gian ác, hạ uy thế bọn cường hào địa chủ, thực hiện khẩu

(1) Lúc bấy giờ ở Chánh Lộ có Chánh Lộ xã do bộ máy ngũ hương đứng đầu các thôn xóm thuộc vùng nông thôn xung quanh, lại có Chánh Lộ phố có một bang tá đứng đầu lo việc hành chính, Sở Phòng thành do một sĩ quan Pháp chỉ huy lo việc trật tự, trị an. Chánh Lộ phố chia thành 3 phường: Bắc Lộ phường, từ [Cổng Bàu Cả (Sông Đào) đến ngã tư chính]. Nam Lộ phường (từ ngã tư chính đến Cổng Kiếu). Thu Lộ phường (từ sân vận động Diên Hồng đến ngã năm Thu Lộ ngày nay). Mỗi phường có một bộ máy hành chính do phường trưởng đứng đầu.

(2) Tức Sở cảnh sát.

hiệu “nhà máy về tay thợ thuyền”, “ruộng đất về tay dân cày”. Cũng trong ngày học tập này đồng chí Trần Tư còn chuyển thêm cho chi bộ một số tờ báo của Đảng như Dân cày, Bạn gái... và hướng dẫn cách tổ chức tự vệ đỏ, theo chỉ thị của Đảng cấp trên. Qua một ngày học tập, các đồng chí biết thêm nhiều điều, nâng thêm được ý chí chiến đấu và cũng thấy rõ cách mạng, không chỉ còn là rải truyền đơn, treo cờ như trước mà đã bước vào giai đoạn quyết liệt: Giai đoạn xây dựng lực lượng, đấu tranh quyết liệt nâng cao uy thế cách mạng và “trừng trị”, “hạ uy thế” một số đối tượng trong hàng ngũ kẻ thù.

Chỉ thị của cấp trên nhắc nhở việc tổ chức tự vệ đỏ, đội xích vệ rất khẩn trương, dồn dập. Việc cử người đi học lớp huấn luyện do Phủ ủy tổ chức thì đã làm xong, việc chọn người thật trung thành, có sức khỏe sung vào đội cũng không khó khăn gì. Bao nhiêu thanh niên con gia đình bản cố nông, gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Đảng sẵn sàng sung vào đội ngũ. Nhưng tập luyện như thế nào, ở đâu để không lộ bí mật? Cả chi bộ đã họp bàn nhiều lần vẫn chưa tìm được cách bảo đảm an toàn nhất. Cuối cùng chỉ còn cách tổ chức huấn luyện nhỏ lẻ, 3,4 người một lần vào giờ rất khuya trong đêm, rồi những người ấy lại tự mình huấn luyện cho 3,4 người khác ở 3 nơi Gò Thối Quyển, ở Núi Bút và Rừng Lãng⁽¹⁾ Ở Ngọc Án cũng chia nhỏ lẻ nhưng huấn luyện trên bãi sông vắng, hoặc trên thuyền giả bộ xuôi ngược trên sông Trà Khúc. Lúc tập luyện đều bố trí người canh gác báo tin

(1) Viết theo lời kể của cụ Phạm Hách -nđd - Gò Thối Quyển (hiện là khu dân cư khối 8-hồi đó là bãi tha ma rất rộng. Ban đêm không ai dám đến - Rừng Lãng lúc bấy giờ cây cối còn rất rậm.

thật chu đáo, nhưng một lần ở núi Bút, lính đi tuần bất ngờ lùng sục gần đến chỗ anh em tập luyện, nhờ mật hiệu của người cảnh giới, anh em lạng lã tản ra nên không bị lộ⁽¹⁾.

Đầu tháng 10 năm 1930, có người đến tận nhà đồng chí Cao Trí hẹn ngày giờ, địa điểm phải đến nhận mật lệnh. Đến đúng ngày giờ, địa điểm, nói đúng mật khẩu, đồng chí Cao Trí nhận được lệnh tổ chức bãi thị và rải truyền đơn vào các ngày 6 và 7 tháng 10. Giao nhận nhiều khâu, lại phải nói đúng mật khẩu, làm đúng hiệu lệnh khá nhiều rắc rối nhưng rồi truyền đơn đều được nhận đầy đủ, đảm bảo được bí mật. Truyền đơn lần này ngoài những khẩu hiệu cũ, còn có thêm những yêu sách mới : Việt Nam độc lập; Chính quyền về tay công nông; Nam nữ bình quyền; Ủng hộ Nghệ An đỏ. Bàn bạc, phân công nhau mỗi người một việc, rồi mỗi người triển khai việc mình được phân công. Việc rải truyền đơn thì đã có nhiều kinh nghiệm, bây giờ lại có tự vệ đỏ canh gác bảo vệ cho. Việc bãi thị có khó khăn hơn vì phải được đông đảo chị em đồng tình nhưng rồi cũng giải quyết được bằng cách chị em trong các tổ tiểu thương đấu tranh chống thu thuế chợ gây hỗn loạn trong ngày trước, sau đó tung tin không thêm họp chợ hôm sau. Tối đó chị em rải truyền đơn khắp nơi trong chợ. Trước giờ họp chợ có người la lên “có truyền đơn Cộng sản” cảnh sát nghe tin bố trí canh gác các ngã đường không cho ai đến để thu lượm cho hết truyền đơn. Buổi họp chợ không thành. Chủ trương bãi thị thành công. Nhưng đến sáng ngày 9 tháng 10 năm 1930 khi nghe hàng nghìn nhân

(1) Viết theo lời kể của cụ Phạm Hách -nđd - Gò Thổi Quyển (hiện là khu dân cư khối 8-hồi đó là bãi tha ma rất rộng. Ban đêm không ai dám đến - Rừng Lăng lúc bấy giờ cây cối còn rất rậm.

dân Đức Phổ đã biểu tình tuần hành rồi kéo đến bao vây chiếm lĩnh huyện đường Đức Phổ suốt đêm 8 rạng ngày 9 tháng 10 năm 1930, các đồng chí mới thấy hết ý nghĩa thắng lợi của việc bãi thị, rải truyền đơn lần này. Thành công đó đã vượt qua giới hạn một địa phương, một cuộc bãi thị bình thường mà nó buộc địch tập trung và giải quyết những việc không quan trọng lắm ở đây để cho cuộc nổi dậy của nhân dân cả huyện Đức Phổ giành được thắng lợi rực rỡ. Cuộc biểu tình của nhân dân Đức Phổ hào hùng, dũng mãnh ra sao, chiếm huyện lỵ như thế nào, tên tri huyện trốn chạy như thế nào, nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án vui vẻ kể cho nhau nghe hàng ngày và công khai trước mặt bọn binh lính cảnh sát. Ai cũng hồ hởi phấn khởi, đến nỗi có người khá lạc quan cho rằng cách mạng thắng lợi chỉ còn là chuyện nay, mai. Ngược lại, bọn quan lại, cường hào, lý hương bắt hẩn việc bắt nạt, hoạch hộc. Số địa chủ có nợ máu trốn hẩn trong nhà không dám đi lại, tiếp xúc với quần chúng. Còn cảnh sát được vũ trang đầy đủ lòng sục sâu vào từng thôn xóm, cả ngày lẫn đêm. Lại nhận được chỉ thị chọn người tốt kết nạp vào Đảng và ra sức xây dựng tổ chức quần chúng; không có lệnh không được tự ý tổ chức cho quần chúng nổi dậy, biểu tình; phải tăng cường bảo mật; đồng chí nào bị lộ phải thoát ly gia đình để hoạt động; cấp ủy phải có người dự bị. Chưa kịp bàn bạc và triển khai thì được tin cuộc biểu tình lớn ở vùng đông Sơn Tịnh kéo về huyện. Tiếng trống biểu tình vang động cả bờ bắc sông Trà Khúc nhưng rồi bị đàn áp, bị bắt đi nhiều người. Cùng lúc đó kẻ địch ra lệnh giới nghiêm vùng quanh tỉnh thành, kiểm soát chặt chẽ các ngã đường. Việc đi lại hết sức khó khăn. Tiếp đó lại nghe nhân dân tây

Sơn Tịnh tổ chức mít ting trương cờ, biểu ngữ ở các đình rồi tập trung tại đó hô khẩu hiệu, lên án thực dân đế quốc, đòi giảm thuế, giảm sưu (lúc đó gọi là “đại náo”) khiến kẻ địch lúng túng, không có cách nào đàn áp được.

Các cuộc biểu tình ở Đức Phổ, Sơn Tịnh đã có tác động mạnh mẽ đến quần chúng nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án. Qua việc kẻ địch hời hả điều quân đi chỗ này chỗ khác; bọn cường hào, địa chủ hoảng sợ chạy trốn vào thành, quần chúng như thấy rõ uy thế của cách mạng và khao khát mình cũng được vùng lên như những nơi khác. Mọi người náo nức đòi được nổi dậy như đồng Sơn Tịnh hoặc như tây Sơn Tịnh. Chi bộ đã họp quyết định kết nạp các đồng chí Nguyễn Hội, Trần Lan vào Đảng, bàn bạc kế hoạch bảo mật và đồng chí Phạm Phương được cử làm dự bị bí thư sẵn sàng thay đồng chí Cao Trí lúc cần thiết và phân công nhau đi giải thích cho quần chúng không được tự ý nổi dậy, phải tuân thủ kỷ luật, chờ mệnh lệnh của cấp trên. Sau đó một thời gian ở Ngọc Án, đồng chí Lâm Quý cũng được cử làm dự bị bí thư.

Giữa tháng 11 năm 1930 lại nghe cuộc biểu tình lớn ở Mộ Đức tuy cũng bị đàn áp, bị bắt đi nhiều người, nhưng khí thế quần chúng vẫn sôi nổi quyết liệt chưa bao giờ có. Nhất là nghe tin hầu hết các thôn xóm ở nông thôn các phủ huyện, nhân dân được tự do hội họp, luyện tập quân sự, cùng nhau giải quyết mọi việc, lo cả việc canh gác trị an, trấn áp bọn cường hào địa chủ gian ác có hành động chống lại cách mạng; một số lý hương đi theo cách mạng còn đa số trốn chui, trốn nhủi; quần chúng thật sự làm chủ xóm làng; nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án lại càng náo nức mong chờ đến lượt

mình nổi dậy. Mặc dù mọi người đều biết khá rõ, kẻ địch đang tập trung quân đủ loại ⁽¹⁾ đóng giữ xung quanh thành, các trục đường giao thông lớn và điều nhiều đơn vị về đóng giữ ở các phủ huyện hỗ trợ cho bang tá điều khiển các xã đoàn, đoàn phu, đoàn đồng⁽²⁾ đốt nhà, bắt người, triệt hạ cả xóm để trấn áp quần chúng. Nơi nào không chế được chúng bắt phải treo cờ quy thuận, bắt tộc biểu⁽³⁾, các bà, các chị đi gọi bà con dòng họ, chồng con ra đầu thú... Bằng cách đó chúng bắt nhiều người giam ở nhà lao các phủ huyện và đưa không ít người về giam ở nhà lao tỉnh. Những tin tức không vui đó vẫn không làm nản lòng quần chúng. Được vùng lên làm chủ vẫn là ước mơ đang cháy bỏng trong lòng mọi người ở đây.

Chấp thuận đề nghị nhiều lần của chi bộ, Phủ ủy Tư Nghĩa cho phép Chánh Lộ cùng các xã nam Tư Nghĩa tổ chức hai cuộc tuần hành vũ trang của lực lượng tự vệ và Nông hội đỏ đến phủ lý⁽⁴⁾ vào những ngày đầu tháng một năm 1931. Cuộc tuần hành được tổ chức vào ban đêm để tránh sự ngăn chặn của địch với mục đích bắt xử tội một vài tên mật thám gian ác và uy hiếp tinh thần bọn quan lại, binh lính. Tuy chúng đã chạy trốn từ sớm, không bắt được tên nào, nhưng cuộc tuần hành đã uy hiếp tinh thần bọn lý

(1) Lúc này ở Quảng Ngãi có khoảng 3.000 quân bao gồm lính lê dương, sơn đá, khố đỏ, khố xanh, tuần sát. Theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi 1985- trang 62.

(2) Như lực lượng dân binh.

(3) Chúng đặt ra mỗi họ có một tộc biểu, chịu trách nhiệm quản lý con cháu trong họ không cho tham gia cách mạng.

(4) Phủ lý Tư Nghĩa lúc đó đóng ở Diên Trang, nay thuộc xã Nghĩa Trung huyện Tư Nghĩa.

hương trên dọc đường đi, đến phủ lý hô khẩu hiệu, hò hét vang trời, bọn chúng vẫn đóng cửa khiếp sợ nằm im. Cả hai cuộc tuần hành được tổ chức tốt, an toàn càng gây tin tưởng phấn khởi cho tất cả mọi người.

Đến ngày 15/01/1931, nhân dân Chánh Lộ tổ chức cuộc biểu tình phối hợp với cuộc biểu tình của nhân dân đông Tư Nghĩa, nhưng theo Chỉ thị của Phủ ủy là chỉ đi lại trong các thôn xóm, không ra đường lớn để tránh tàn sát của địch, cốt để hỗ trợ cho cuộc biểu tình ở phía đông. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ và nòng cốt của các đoàn thể cách mạng, nhân dân các thôn xã quanh Chánh Lộ phố, cũng cờ băng rợp trời, trống mõ vang lừng, tiếng hô khẩu hiệu, tiếng ca hát các bài thơ ca, hò, vè cổ vũ đấu tranh, lên án thực dân, đế quốc⁽¹⁾ vang dội dưới các lũy tre xanh. Từ Tịch Điền, Phú Hòa Trung đến Thạch Bích Chùa Dầu, rồi Phú Yên, Gò Gai, Phú Mỹ, Quán Đàn, Gò Nại không khí như sôi lên suốt từ sáng đến tối, bao vây lấy Chánh Lộ phố và uy hiếp khu vực nội thành nhỏ bé. Kẻ địch không còn hiểu ra sao và cũng không biết hướng nào để đối phó. Thợ thủ công, người làm thuê, phu khuân vác đều về tham gia. Chị em liễu thương đều có mặt trong hàng ngũ biểu tình. Chợ không họp, các hiệu buôn đều đóng cửa. Cả Chánh Lộ phố im lìm trong ngưng trệ. Bọn gian ác và lý hương đều chạy trốn trong thành, nhân dân hoàn toàn làm chủ. Tiếng cười vui reo hò khắp các xóm thôn⁽²⁾. Đến chiều tối thì khắp mọi nơi đều ngừng hoạt động, nhưng niềm phấn khởi như được tăng thêm khi nghe tin cuộc

(1) Xem một bài trích ở phần phụ lục.

(2) Ở Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi - Sdd - trang 65 có nói đến cuộc biểu tình này nhưng không đầy đủ.

biểu tình ở đông Tư Nghĩa thắng lợi và trừng trị, cảnh cáo được một số tên gian ác⁽¹⁾.

Tiếp ngay sau đó được Chỉ thị phối hợp với cuộc biểu tình đông Tư Nghĩa. Ngọc Án tập trung tại Ba La. Chánh Lộ vẫn tiến hành theo phương thức cũ. Đúng là ngày 19 tháng 01 năm 1931, một cuộc biểu tình lớn đã nổ ra ở các xã phía đông Tư Nghĩa kéo đến Ba La, nhân dân Ngọc Án vừa bổ sung thêm vào đội ngũ thì bị lính lê dương chặn đường, bắn thẳng vào quần chúng làm chết 6 người, làm bị thương nhiều người trong đó có đồng chí Kiều Hoàng và bắt đi nhiều người khác, trong đó có đồng chí Bùi Bích. Cuộc biểu tình phải giải tán tại đây⁽²⁾. Ở Chánh Lộ từ mờ sáng đã trống mõ vang lừng khắp các thôn xóm, nhưng đến trưa được tin trên, đồng chí Cao Trí đã đến các nơi hạ lệnh dừng. Bị kẻ địch theo dõi, hai hôm sau, lính đến bắt đồng chí tại nhà.

Sau đó là các cuộc biểu tình của quần chúng tại Sơn Tịnh, Bình Sơn, Mộ Đức, Nghĩa Hành, Đức Phổ cả ở Cổ Lũy (Trường Yên, Tư Nghĩa) liên tiếp nổ ra với tính chất quyết liệt hơn. Nhân dân xử trị nhiều tên gian ác hơn và kẻ địch cũng tàn sát dã man hơn, nhưng Chánh Lộ cũng phải chấp hành chỉ thị cấp trên là tạm nằm im để củng cố, xây dựng thêm lực lượng chờ mệnh lệnh mới. Nhờ ảnh hưởng của phong trào đấu tranh của nhân dân trong toàn tỉnh, bọn địa

(1) Đây là nói cuộc biểu tình ở đông Tư Nghĩa do đồng chí Trần Tư lãnh đạo đã trị tội tên phó Tổng đoàn Nguyễn Mai và cảnh cáo một số tên khác.

(2) Đây là cuộc biểu tình do đồng chí Nguyễn Năng Lự (còn có tên là Độ) chỉ huy. Viết theo Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi - Sdd- trang 66. Còn trong Phong trào... Thị xã Quảng Ngãi - Sdd trang 81 lại viết là ngày 31/01/1931, xin ghi lại chỗ chưa thống nhất để tìm hiểu thêm.

chủ, tư sản, lý hương đều chạy trốn trong thành. Bọn lính chỉ đi lùng sục vào ban ngày. Bộ máy thống trị trong các thôn xóm hầu như bị tê liệt. Nhân dân tha hồ hội họp, mít ting. Thuế đồ, thuế chợ, thuế môn bài không phải nộp. Tiền công làm thuê được nâng lên. Các đoàn thể cách mạng được mở rộng thêm. Hội thanh niên học sinh ra đời.

Nhận được Chỉ thị “Phát động 3 ngày căm thù, chống khủng bố” của địch⁽¹⁾, Chi bộ đã vận động nhân dân không ăn tết linh đình, không đốt pháo, không tổ chức vui xuân, không thăm viếng, không mua bán lương thực, thực phẩm cho địch. Ở Chánh Lộ đạt được kết quả về nhiều mặt. Các mặt hàng gạo, khoai, thịt cá vắng hẳn. Trước tết, sau tết chợ tỉnh vắng teo người. Các cửa hàng viện cớ bận ăn tết đều đóng cửa. Đường phố vắng hẳn. Ban đêm trừ bọn tuần sát đi kiểm tra, còn phố xá, làng mạc vắng lặng đến rợn người. Sau tết, không khí ở đây lại càng căng thẳng hơn. Kẻ địch ra mặt bắt bớ, đàn áp, nói xấu cộng sản. Đảng cũng ra sức xây dựng để đủ sức đương đầu với sự khủng bố tàn bạo của kẻ thù. Tại nhà đồng chí Lâm Quỳnh ở Ngọc Án, Phủ ủy chính thức của Tư Nghĩa được thành lập do đồng chí Phạm Trung Mưu làm Bí thư, đồng chí Lâm Quỳnh được tin nhiệm bầu làm Phủ ủy viên⁽²⁾.

Cũng sau tết Nguyên đán không bao lâu, đồng chí Phạm Phương (thay đồng chí Cao Trí bị bắt) nhận nhiều chỉ thị mật

(1) Tức 3 ngày tết Nguyên đán năm Tân Mùi.

(2) Đầu tháng 3/1931, tại nhà đồng chí Lâm Quỳnh (Ngọc Án) Phủ ủy chính thức Tư Nghĩa được thành lập gồm các đồng chí Nguyễn Năng Lực, Lâm Quỳnh, Trúc, Tòng, Diệp (không rõ họ tên) do đồng chí Phạm Trung Mưu làm Bí thư. Viết theo hồi ký của đồng chí Phạm Trung Mưu.

chỉ đạo việc quyên góp và giúp đỡ các đồng chí đang bị nhốt trong tù. Đồng chí đã cùng Chi bộ tổ chức được nhiều lần. Nhưng khi có chỉ thị mật yêu cầu dò tìm đồng chí Lang và chăm sóc đặc biệt, đồng chí nhờ người quen dò tìm mãi không ra, đến khi một lính khố xanh, người trong họ tình cờ nói về đồng chí Nguyễn Nghiêm bị bắt và bị công sứ, tuần vũ xem là “đầu sỏ cộng sản” đang bị biệt giam, đồng chí mới biết rõ đầu đuôi. Đồng chí không nói với ai, kể cả các đảng viên trong Chi bộ và cũng không lấy của quyên góp, tự xuất tiền của mình mua nhiều thuốc men, đường sữa và nhờ người bà con thân cận nhất của mình là ông Phạm Hách giả làm người kéo xe mang vào. Mặc dù ông Phạm Hách lanh lợi, tháo vát, nhưng đi mấy lần cũng không vào được chỗ biệt giam. Đến ngày 6 tháng 3 năm Tân Mùi, biết tin chúng sẽ đem chém đồng chí Nguyễn Nghiêm ở bãi Tàu Tượng (thuộc phường Lê Hồng Phong hiện nay), đồng chí đã len lỏi trong đám quần chúng ở pháp trường để chứng kiến sự hy sinh anh dũng của người đã kết nạp mình vào Đảng, người đã lãnh đạo cao trào cách mạng hiện nay. Cố giữ tình cảm của mình để bảo mật, nhưng đã mấy lần đồng chí chực rơi nước mắt, nhất là lúc đồng chí Nguyễn Nghiêm bình tĩnh, anh dũng ngã trước lưỡi dao oan nghiệt của kẻ thù. Trên đường về đồng chí đã ghé vào quán bà Lê Thị Nhơn - một phụ nữ gan dạ có cảm tình đặc biệt với những người yêu nước mà đồng chí đã biết từ lâu - trao đổi việc nhờ bà thuê người chôn cất cho đồng chí Nguyễn Nghiêm⁽¹⁾, mọi tổn phí

(1) Theo cụ Cao Ký - lão thành cách mạng vừa mới qua đời cũng nói như vậy, nhưng lại bảo là bà Trần Thị Nhơn. Quán cơm của bà bằng tranh tre ở gần ngã tư Quang Trung, Trường Quang Trọng hiện nay.

đồng chí xin chịu tất cả. Khi các đồng chí trong Chi bộ hỏi việc đồng chí Nguyễn Nghiêm bị xử tử với tất cả tấm lòng thương tiếc, đồng chí Phương cũng giữ kín những việc mình đã làm và cùng mọi người bàn bạc việc thực hiện chỉ thị về tổ chức lễ kỷ niệm Quốc tế Lao động 1/5/1931 kết hợp với lễ để tang đồng chí Nguyễn Nghiêm. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ, các đoàn thể cách mạng đã làm được khá nhiều việc: Liên lạc với các đồng chí đang bị giam trong nhà lao, các đồng chí đó đã để tang tuyệt thực trong 7 ngày. Chi em tiểu thương ở chợ đã vận động được nhiều người mang băng tang và không họp chợ trong 2 ngày. Một số hiệu buôn đóng cửa, hầu hết nhân dân trong khắp thôn xóm đều đốt hương trong một tuần. Một số cán bộ được bố trí đi rải truyền đơn ở một số nơi tập trung đông người⁽¹⁾. Định tổ chức lễ truy điệu đồng chí Nguyễn Nghiêm tại Gò Trảy (chỗ khu 96 hộ thuộc phường Trần Phú hiện nay) nhưng bị thực dân phát hiện được, đã kịp thời giải tán. Nhưng một số đảng viên bị lộ trong dịp này. Nghe tin cả tỉnh đang biểu tình quyết liệt “Phản đối xử tử đồng chí Nguyễn Nghiêm” nhiều quần chúng tha thiết muốn tổ chức biểu tình. Nhưng Chi bộ thấy kẻ địch đang chờ cơ hội để tàn sát nên không tổ chức. Tuy thế một số người ở Thạch Bích, Phú Mỹ Thượng đã kéo lên tham gia cuộc biểu tình ở Thu Phố⁽²⁾. Dựa vào cơ tham gia cuộc biểu tình ở Thu Phố, kẻ địch mở cuộc vây lùng đốt nhà,

(1) Truyền đơn lúc này có nội dung: Phản đối xử tử đồng chí Nguyễn Nghiêm. Phản đối bắn giết thường dân vô tội. Ủng hộ và bảo vệ phong trào Nghệ An đỏ! Ủng hộ Liên bang Xô viết! Ngày Quốc tế Lao động muôn năm!

(2) Cuộc biểu tình ở Thu Phố bị địch bắn chết 12 người và hơn 20 người bị thương.

bắt người ở Cửa Bức và Phú Yên. Nhiều đồng chí Đảng viên bị lộ trước đây như Đoàn Lang, Trần Ngô, Phạm Phương, Huỳnh Rơi ở Chánh Lộ và Lâm Quỳ, Phan Sách, Võ Tri ở Ngọc Án bị bắt giam trong dịp này.

Như vậy phong trào cách mạng của quần chúng được nung nấu từ thời Việt Nam cách mạng thanh niên, tiếp theo lại được Đảng giáo dục, rèn luyện vững chắc thêm, nhờ đó các cuộc đấu tranh đã diễn ra liên tiếp và ngày càng quyết liệt. Với vị trí ở sát cạnh kẻ thù, bị kẻ thù kìm kẹp, giám sát ngặt nghèo, quần chúng nhân dân ở đây được các đảng viên làm nòng cốt đã đưa cuộc đấu tranh ngày càng lên cao góp phần tích cực vào cao trào cách mạng cả tỉnh. Trước sự đàn áp dã man của kẻ thù, nhiều đồng chí bị bắt, bị tù, có lúc không còn một ai, phong trào tạm thời lắng xuống, nhưng mục tiêu đấu tranh của Đảng nêu ra chính là yêu cầu, nguyện vọng, là lẽ sống của nhân dân, nhất là nhân dân lao động vẫn chưa đạt được. Cuộc đấu tranh vẫn còn tiếp tục, mà muốn đấu tranh thì phải có Đảng dẫn đường, quần chúng nhân dân lại mong ước Đảng từng ngày, từng giờ.

CHƯƠNG IV

CỦNG CỐ ĐẢNG - LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO DÂN CHỦ, CHỐNG CHIẾN TRANH, TIẾN TỚI CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1932 - 1945)

1. Khôi phục tổ chức Đảng, tiếp tục lãnh đạo đấu tranh:

Bọn thống trị thực dân, phong kiến vẫn tiếp tục khủng bố, đàn áp. Hầu như nhà nào cũng nằm trong diện tình nghi.

Không ít gia đình có người bị bắt, bị tù. Tổ chức Đảng ở Chánh Lộ và Ngọc Án bị tổn thất nặng, chỉ còn một vài đồng chí đang tìm cách tránh sự truy bắt của kẻ thù.

Quần chúng nhân dân cũng đang lâm vào cảnh khốn đốn do kẻ thù lùng bắt, sục sạo liên tục. Cuộc khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng ngày càng sâu. Giá nông sản xuống quá thấp⁽¹⁾ bán một ang thóc không mua được 1/4 lít dầu hỏa. Bán 3 ang thóc không mua được 1m vải. Sức mua của dân bị giảm hẳn. Các nhà buôn cũng ế ẩm. Cả vùng nông thôn cũng như phố phường đang bị rơi vào cảnh điêu đứng. Cuộc sống đang nằm trong vòng bóng tối. Cuộc đấu tranh sôi động, hồ hởi đã để lại biết bao nuối tiếc. Làng mạc nông thôn im lìm nặng nề như mất hẳn khí thế dưới các lũy tre xanh. Không nhận được chỉ đạo của cấp trên, nhưng không thể để cho ý chí đấu tranh của quần chúng giảm sút, một vài đồng chí ở Chánh Lộ đã thu thập được số truyền đơn còn cất giấu trước đây và rải khá nhiều ở núi Bút và gò Thối Quyển vào đêm cuối tháng 12 năm 1931. Kẻ địch từng rêu rao là đã quét sạch mọi “mầm mống cộng sản” tức điên lên, cho binh lính, cảnh sát lùng vào các thôn Phú Mỹ Hạ, Gò Quán, bới móc khắp chỗ, nhưng không tìm được dấu vết chứng cứ gì. Ngược lại, quần chúng nghe tin truyền đơn cộng sản như phấn khởi hẳn lên và tin là Đảng vẫn còn và nuôi niềm hy vọng mới.

Đầu năm 1932 tình hình có sáng sủa hơn. Một số đồng chí bị bắt thời Việt Nam Cách mạng Thanh niên hết tù đã về nhà. Đồng chí Trần Xương, Trần Lành bí mật chấp nối lại. Liên lạc với cấp trên cũng lại thông suốt. Phủ ủy Tư Nghĩa

(1) 0,09 đồng (9 xu) một ang thóc.

đã tạo điều kiện và giao trách nhiệm cho Chi bộ Chánh Lộ liên hệ giúp đỡ anh em trong tù và tổ chức tổ in ấn truyền đơn, tài liệu cung cấp cho các vùng xung quanh. Đồng chí Trần Xương đã bàn với anh Trần Mẹo nhóm trưởng nhóm thanh niên học sinh có cảm tình với Đảng⁽¹⁾ ở trường tiểu học Pháp Việt (ở ngay vị trí trường phổ thông trung học Trần Quốc Tuấn hiện nay). Thế là việc in ấn được bí mật tổ chức do anh Trần Mẹo phụ trách và đặt tại nhà đồng chí Trần Lành gần Gốc Gáo. Chấp hành chỉ thị của cấp trên, các đồng chí đã treo cờ ở núi Bút và rải truyền đơn suốt dọc từ ngã tư chính đến núi Bút trót lọt, an toàn vào đêm 24/02/1932, sáng ra nghe tin ở cầu Xóm Xiếc (cuối xã Nghĩa Điền giáp ranh giới với huyện Nghĩa Hành hiện nay) cũng có cờ, truyền đơn của Đảng ở đây. Các đồng chí như có thêm niềm động viên mới. Việc liên hệ và giúp đỡ cho anh chị em trong tù đã có nhiều kinh nghiệm nên được tổ chức tốt và an toàn. Ngày 27/3/1932, một đợt rải truyền đơn treo cờ khắp nơi trong tỉnh, có cả ở vùng phụ cận Chánh Lộ, Ngọc Án. Kẻ địch lòng bất bừa bãi khắp nơi đến 25 người. Đồng chí Trần Xương ở Chi bộ Chánh Lộ và một số cốt cán của các đoàn thể cách mạng như Nguyễn Nhi, Nguyễn Học, Cao Ú tuy không có chứng cứ gì cũng đều bị chúng bắt. Anh Trần Mẹo người phụ trách in truyền đơn cho Đảng, đang học lớp nhất⁽²⁾ vì vô ý để một lá truyền đơn trong cuốn vở bị thầy giáo phát hiện và báo cho địch. Anh bị bắt và bị tra tấn dã man, anh đã tìm

(1) Nhóm thanh niên học sinh có cảm tình với Đảng có các anh Trần Mẹo, Nguyễn Thông, Nguyễn Dụng (còn có tên là Quyết) do anh Trần Mẹo làm nhóm trưởng.

(2) Tức cours supérieur lớp cuối cùng bậc tiểu học - Học xong thi đậu lấy bằng Primaire.

cách tin về cơ sở in ấn. Đồng chí Trần Lành đã kịp xóa đi mọi tang vật. Tuy thế kẻ địch vẫn bắt đồng chí Trần Lành. Tổ chức Đảng ở Chánh Lộ, Ngọc Án bị tổn thất nghiêm trọng, không còn người chấp nối.

Vào giữa năm 1932, nhiều đồng chí bị bắt giam trước đây, không có chứng cứ chúng không kết án được buộc phải cho về. Các đồng chí Cao Trí, Trần Xương, Bùi Bích (ở Ngọc Án) đã nhanh chóng liên hệ với các đồng chí còn lại gây dựng lại tổ chức Đảng và lần lượt khôi phục lại công hội đỏ, nông hội đỏ... Cấp trên lại đưa hai đồng chí Bùi Định, Phạm Dương vào thị hoạt động dưới danh nghĩa người làm nghề thợ may ăn công. Đồng chí Bùi Định đã kịp thời liên hệ với đồng chí Cao Trí bàn việc tổ chức nhóm “Bút đỏ”, một nhóm mua bán sách báo do đồng chí Nguyễn Hữu Thông và ông Hồ Quảng - một người có cảm tình với Đảng làm nơi tiếp xúc những người tiến bộ và truyền bá sách báo có nội dung tốt và bí mật truyền bá các tài liệu của Đảng. Tổ chức Đảng cũng đã liên hệ với các đồng chí trong nhà tù bàn việc phối hợp hành động. Ngày 29 tháng 4 năm 1933 các nữ tù chính trị đã tổ chức đợt tuyệt thực, phản đối hành động tàn bạo của bọn cai ngục gây được tiếng vang ra các vùng xung quanh. Chi bộ lại tìm mọi cách đưa đường, sữa, thuốc men vào hỗ trợ cho những chị em ốm đau, đuối sức.

Ngay từ cuối năm 1931, lúc Đảng có khó khăn nhất, Đảng viên hầu như không còn ai, nông dân ở các thôn ấp cứ dựa vào các tổ chức biến tướng “Hội vòng công”, “Hội đổi công”, “Đoàn cày”, “Đoàn gặt” đã được Đảng hướng dẫn tổ chức trước đây tiếp tục đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức, tăng

công cày, công gặt, đòi chia lại công điền, công thổ, đòi giảm thuế và đấu tranh chống tệ hà thu lạm bổ, tham nhũng của bọn địa chủ, cường hào. Còn người làm công, phu khuân vác cũng theo con đường của Đảng đã chỉ dẫn cho công hội trước đây đòi tăng lương, chống cúp phạt vô lý. Các tổ chức đã chủ trương một vài việc làm quá mức, đòi hỏi quá cao. Khi chi bộ được khôi phục, chi bộ phải góp ý điều chỉnh để giúp cho quần chúng giành được thắng lợi chắc chắn. Tình hình đó cũng giống như các nơi trong toàn tỉnh khiến kẻ thù phải thừa nhận là “điều nguy hại lớn nhất là cộng sản đã gây nên sự đảo lộn, đặc biệt là giảm quyền của hương lý đối với dân chúng”(1). Nhận được chỉ thị chuẩn bị tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 01/5/1935, cờ băng, truyền đơn đã chuẩn bị đầy đủ, nhưng chưa đến giờ thực hiện thì đã bại lộ. Định tiến hành bắt bớ hàng mấy trăm người trong toàn tỉnh. Ở Chánh Lộ, Ngọc Án chúng chẳng tìm được chứng cứ gì, bắt được tài liệu gì, nhưng không cần, tất cả ai là tù chính trị đã bị giam trước đây, kể cả đồng chí Bùi Định chúng đều bắt cả. Cơ sở Đảng lại một lần nữa bị đánh phá không còn một người.

Sau một thời gian điều tra, thẩm vấn, ngày 12/7/1935 chúng mở phiên tòa xử án tại Quảng Ngãi đưa ra 60 người mà chúng gọi là can tội “tái tổ Đảng cộng sản Đông Dương” để xét xử, và chúng đã kết án 44 đồng chí ta từ 20 năm tù khổ sai đến 1 năm tù giam, trong đó có đồng chí Phạm Xuân Hòa, Bí thư Tỉnh ủy, 20 năm tù khổ sai, đồng chí Bùi Định phụ trách vùng Chánh Lộ, Ngọc Án 5 năm tù và 10 năm

(1) Theo tài liệu của mật thám.

quản thúc. Nhưng qua những lời bào chữa hùng hồn của các đồng chí trong phiên tòa và qua việc mọi người đồng thanh hô khẩu hiệu “Phản đối Hoàng Việt hình luật”, “đả đảo đế quốc Pháp cướp nước và Nam triều bán nước” rồi đồng dục hô to:

Đảng cộng sản Đông Dương muôn năm!

Việt Nam độc lập muôn năm!

đã gây xúc động sâu sắc trong lòng nhân dân quanh vùng. Thanh thế của Đảng càng được tỏa rộng, uy tín của Đảng càng được nâng cao.

Chính sách đàn áp, khủng bố dã man của thực dân Pháp những năm 1931-1935 đã gây cho phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi nói chung, ở Chánh Lộ, Ngọc Ấn nói riêng những khó khăn hầu như không vượt qua được. Nhưng nhờ tinh thần yêu nước nồng nàn, tinh thần đấu tranh bất khuất của hầu hết đảng viên, nhờ lòng tin yêu Đảng, sự gắn bó mật thiết với sự nghiệp cao quý của Đảng nên quần chúng nhân dân đã hết lòng bảo vệ Đảng, Đảng vẫn tồn tại qua những năm tháng đấu tranh vô cùng gian khổ này, Đảng cũng như quần chúng ở đây đã được tôi luyện thêm vững vàng về tư tưởng và tổ chức. Đó là những bài học vô cùng có ý nghĩa để Đảng nhanh chóng khôi phục, kịp thời lãnh đạo quần chúng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương trong những năm 1936-1939.

2- Tham gia lãnh đạo Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936-1939):

Đầu năm 1936 nhiều đồng chí bị bắt trong vụ án “tái tổ

Đảng Cộng sản Đông dương” vì không khai thác được gì và cũng chẳng tìm được chứng cứ gì để buộc tội buộc chúng phải thả về nhà. Một số đồng chí bị tù trước kia cũng đã hết hạn bị đưa về quản thúc ở địa phương, trong đó có các đồng chí Cao Trí, Bùi Bích, Phạm Phương, Trần Xương. Tìm hiểu tình hình, các đồng chí biết Tỉnh ủy đã được thành lập lại. Cố liên lạc để xin chỉ đạo của cấp trên. Nhưng cấp trên trả lời là các đồng chí nên liên hệ với quần chúng mà mình từng phụ trách, hoạt động theo hướng dẫn của Đảng; tạm chỉ định đồng chí Cao Trí ở Chánh Lộ, đồng chí Bùi Bích ở Ngọc Án làm cầu nối giữa Đảng cấp trên với đảng viên, còn việc thành lập lại Chi bộ phải chờ thời gian kiểm tra thanh lọc tránh bọn A.B đoàn chui vào hoạt động phá hoại Đảng⁽¹⁾. Trên cơ sở đó, các đồng chí bắt tay vào khôi phục các tổ hội quần chúng, thực hiện chỉ thị của cấp trên mở rộng cơ sở “Bút đỏ” đã có từ trước và đổi là “Tín thành thư quán”, một cơ sở tuyên truyền văn hóa của Tỉnh ủy, chuyên mua bán sách báo tiến bộ, tập hợp những người có quan tâm về chính trị, nhất là số thanh niên có học. Nhân 01/5/1936 nhận được chỉ thị cấp trên, các đồng chí đã treo cờ và rải truyền đơn ở một số vùng ven nội thị.

Báo chí đưa tin hàng ngày về việc cánh tả giành thắng lợi lớn trong bầu cử và tháng 6/1936 Mặt trận nhân dân Pháp, có Đảng Cộng sản tham gia lên nắm chính quyền ở Pháp. Mọi người loan báo tin đó với niềm phấn khởi lớn và ai cũng cho đây là cơ hội tốt cho các hoạt động dân chủ ở nước Pháp

(1) A.B đoàn (Anti Bolchevick) bọn mang danh Cộng sản do địch cài vào nội bộ Đảng để đánh phá Đảng từ trong ra.

và cho cả các nước thuộc địa. Lợi dụng tình hình đó, cấp trên liên tiếp chỉ thị việc xây dựng, củng cố công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ... và đẩy mạnh các hoạt động đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đẩy mạnh các hình thức đấu tranh công khai hợp pháp. Nhờ thế hội cứu tế của thợ thuyền trong nội thị, hội tương tế, hội trợ táng, đoàn cấy, đoàn cày ở nông thôn có nhiều hoạt động thiết thực, sôi nổi. Mọi người bàn bạc về tình hình thế giới, tình hình trong nước khá tự do thoải mái. Không khí tự do, cởi mở trong ngôn luận, trong truyền tải tin tức khác hẳn trước. Bọn thực dân Pháp như co lại trong lúng túng trước tình hình mới.

Giữa lúc đó có tin một đoàn đại biểu của Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp sẽ sang Đông Dương và đến Quảng Ngãi. Các đồng chí Chánh Lộ liên tiếp nhận các chỉ thị: vận động nhân dân ký vào các bản dân nguyện, vận động thật đông đủ nhân dân đi đón tiếp phái đoàn, bố trí lực lượng tiếp đón, tiếp tế nước uống... cho các đoàn ở xa đến. Kẻ địch thì ra sức bung bít, chỉ thị cho tay sai các địa phương ngăn chặn quần chúng không cho đến thị, không cho ký tên vào các bản dân nguyện, đặt các vọng gác từ xa ngăn cản quần chúng nhập thị... Nhưng đúng ngày 01 tháng 3 năm 1937 (19/01 Đinh Sửu) Guyt-Tanh Gô-đa dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp đến Quảng Ngãi thì đã có hàng chục nghìn người trong cả tỉnh đứng khắp trên các ngã đường với cờ, băng, khẩu hiệu rợp trời⁽¹⁾. Bọn công sứ, tuần

(1) Khẩu hiệu lần này có nội dung mới: Ủng hộ Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Chống bọn phát xít và bọn phản động thuộc địa! Cải thiện đời sống nhân dân! Tự do hội họp, tự do báo chí, tự do nghiệp đoàn! Bãi bỏ thuế thân, các thứ thuế phụ ngách! Thả hết tù chính trị, cải thiện sinh hoạt nhà tù!

vũ vừa tức giận, vừa lo sợ trước uy thế của đông đảo quần chúng, chúng càng cay đắng chứng kiến cánh Guyt-Tanh Gô-đa tiếp nhận những bản dân nguyện của nhân dân Quảng Ngãi do cụ Trần Kỳ Phong trao cho. Tức tối trước thắng lợi của quần chúng, sau khi Gô - đa rời Quảng Ngãi, bọn phản động Pháp ra mặt khủng bố phong trào, bắt giam, tra tấn nhiều đại biểu nhân dân trong tỉnh. Bất chấp địch khủng bố, tháng 6 năm 1937, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân Quảng Ngãi lại một lần nữa tổ chức đón tiếp, đưa dân nguyện trong lần toàn quyền Brêviê đến Quảng Ngãi, còn yêu sách đòi các nhà cầm quyền phải thả các đại biểu của nhân dân đã bị bắt lần trước. Thắng lợi từ các cuộc đón tiếp công khai đã tạo được lòng tin và nâng được uy thế chính trị của quần chúng và giúp cho các đảng viên nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo quần chúng đấu tranh công khai hợp pháp.

Gần cuối năm 1937⁽¹⁾ đồng chí Bùi Định ra tù, về lại thị xã cùng bàn bạc với đồng chí Nguyễn Thành Nghi rồi căn cứ vào kết quả kiểm tra của tỉnh và Phủ ủy, đồng chí Nguyễn Thành Nghi xây dựng lại Chi bộ Chánh Lộ chỉ định đồng chí Nguyễn Hữu Thông làm Bí thư, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy. Còn Chi bộ Ngọc Án được đồng chí Bùi Định xây dựng lại do đồng chí Bùi Bích làm Bí thư có các đảng viên Nguyễn Y, Nguyễn Hường, Hồ Trân trực thuộc Phủ ủy Tư Nghĩa. Chi bộ đã dần dần quán triệt Nghị quyết Trung ương (7/1936) là “tạm gác khẩu hiệu đánh đuổi

(1) Theo truyền thống yêu nước thị xã Quảng Ngãi - Sdd -trang 101 viết là tháng 3/1938 xin ghi lại chỗ chưa thống nhất để nghiên cứu thêm.

để quốc Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày” để “tập trung vào chống kẻ thù trước mắt là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai, dành quyền dân chủ, cải thiện dân sinh, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới...”. Trên cơ sở những nhận thức mới, các Chi bộ đã vận động quần chúng đi rất đông trong cuộc bầu cử các đại biểu vào Viện Dân biểu Trung Kỳ - một trò cải cách dân chủ bịp bợm do thực dân Pháp lập ra để lừa bịp quần chúng và bỏ phiếu cho các nhân sĩ tiến bộ do Đảng vận động đứng ra tranh cử, nhằm biến tổ chức của địch lập ra thành nơi nói lên tiếng nói của nhân dân, bình vực quyền dân sinh dân chủ cho nhân dân.

Ở Chánh Lộ nổi lên là phong trào vận động thành lập Hội tương tế ái hữu trong thợ may, thợ thủ công và tiểu thương tiểu chủ. Đồng chí Trần Xương (Một Phố) đã vận động nhiều thợ may gia nhập “Hội ái hữu thợ may” với điều lệ thợ cũ dìu dắt thợ mới, hiệu may nhiều khách nhường bớt cho hiệu may ít khách giúp đỡ nhau nâng cao tay nghề, giúp đỡ nhau trong hoạn nạn... Hội tiến tới thành lập Ban trị sự do ông Phạm Tấn, một chủ hiệu may làm trưởng ban, đồng chí Trương Quang Viên (Giao) làm thư ký và đồng chí Trần Xương làm thủ quỹ. Ban trị sự đã làm đơn xin thành lập hội, Công sứ Quảng Ngãi tìm mọi cách trì hoãn, cuối cùng không từ chối được phải ký chấp nhận vào tháng 4/1938. Các ngành nghề khác cũng cố gắng tổ chức theo hướng ấy. Phong trào đấu tranh thành lập hội, đấu tranh đòi dân sinh dân chủ lên mạnh ở khắp nơi đã có tác động tốt đến việc đòi tăng công cày, công cấy, đòi giảm tô tức, đòi giảm nợ, lãi ở Phú Mỹ Hạ, Tịch Điền, Ngọc Ấn. Nông hội Phú Mỹ Hạ đã

rút kinh nghiệm ở Hòa Vinh (Nghĩa Hành), Thi Phổ Nhì (Mộ Đức) lãnh đạo nông dân đấu tranh đòi chia lại công điền, bỏ lối quân cấp theo tọa thứ⁽¹⁾ mà chia theo kiểu “bất thăm”, được đâu nhận đấy kèm theo quy định “phì giảm, xấu gia” (ruộng tốt thì giảm diện tích, ruộng xấu thì tăng diện tích) để được công bằng hơn.

Ông Trương Thanh người Gò Quán đi làm ăn ở Sài Gòn đã tham gia vào Hội tương tế ở đây, được giao nhiệm vụ rải truyền đơn và vận động công nhân, bồi bếp biểu tình chống chiến tranh đế quốc. Ông được Hội giao truyền đơn mang về Quảng Ngãi (bí mật giấu trong lòng chiếc đôn sứ). Ông đã liên hệ được với đồng chí Nguyễn Hữu Thông và được sự hỗ trợ của quần chúng cách mạng, toàn bộ truyền đơn mang về⁽²⁾ đã được rải ở các đường phố, thôn xóm vào đêm ngày 1/8/1938. Nhận được chỉ thị chuẩn bị cho cuộc đấu tranh lớn nhân ngày Quốc khánh Pháp (14/7/1939). Chi bộ Chánh Lộ đã phân công nhau chuẩn bị một số lớn băng, cờ, khẩu hiệu, tổ chức lực lượng hỗ trợ, bảo vệ... theo đúng kế hoạch của cấp trên. Sáng ngày 14/07 đông đảo các tầng lớp nhân dân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đã kéo về tỉnh với danh nghĩa đi mừng lễ Chánh Chung⁽³⁾ với tư thế sẵn sàng. Khi kẻ địch tổ chức các trò chơi thì mọi người tập hợp thành

(1) Sắp xếp thứ tự theo chức vị xã hội: Như vậy số chức sắc, phẩm hàm, cường hào, địa chủ đều đứng trước được chia ruộng tốt, ruộng gần còn dân đen chỉ được nhận phần ở xa, đất xám bạc màu.

(2) Truyền đơn có nhiều loại: Lời kêu gọi đồng bào đứng lên đánh đổ cường quyền; lời kêu gọi binh lính làm cách mạng; lời kêu gọi chị em phụ nữ đứng lên chống đế quốc. Xin xem phần phụ lục. Viết theo tài liệu do ông Trương Tích, Trương Sửu cung cấp.

(3) Từ thường dùng chỉ ngày lễ Quốc khánh Pháp ngày 14/7 hàng năm hồi ấy.

đội ngũ trên các ngã đường với đầy đủ cờ, băng và hô vang các khẩu hiệu:

- Tự do, cơm áo, hòa bình.
- Chống phát xít Nhật gây chiến tranh.
- Tích cực phòng thủ Đông Dương.
- Không được tăng thuế, tăng sưu, bắt lính...

Các đoàn kéo nhau đến Trường Tập⁽¹⁾ dự cuộc mít ting do ta tổ chức tại đây. Đồng chí Bùi Định đứng lên diễn thuyết đòi phòng thủ Đông Dương, đòi bãi bỏ các thứ thuế vô lý, đòi cải thiện đời sống... Bọn thống trị hoàn toàn bất ngờ, không hiểu cuộc biểu tình khởi đầu từ đâu mà băng, cờ rầm rộ đến thế. Chúng lúng túng trong đối phó. Cuối cùng chúng huy động binh lính bằng vũ lực xông đến bắt đồng chí Bùi Định, đồng chí Phan Chất tiếp tục lên diễn thuyết đòi không được bắt sưu, bắt lính... chúng lại lao vào bắt đồng chí Phan Chất, Cao Ngưu, Nguyễn Xuân Dương. Thanh niên Chánh Lộ xông lên vây địch giành lại các đồng chí. Cuộc xô xát nổ ra dữ dội. Đến chiều một cuộc mít ting khác được tổ chức ở cửa Tây, địch lại xông đến bắt đồng chí Mai Thị Én và một số người khác. Cả một vùng tỉnh thành náo động. Kẻ địch dùng vũ lực đàn áp bắt người, quốc khánh của chúng chẳng còn là quốc khánh, cuộc vui hóa thành cuộc hỗn loạn. Bọn địch đành ngậm đắng nuốt cay trước những gì diễn ra trái ngược với ý muốn của chúng. Chi bộ lại tìm cách liên hệ với nhà tù, giao cho đồng chí Phạm Phương lo việc quyên góp,

(1) Nơi tập của lính khổ xanh, vừa là sân vận động của thị xã lúc đó, hiện nay là khối 2 của phường Nguyễn Nghiêm.

tiếp tế cho các đồng chí trong tù. Đồng chí Phạm Phương đã biến tiền bạc quyền góp được thành thuốc men, đường sữa và nhờ ông Phạm Hách giả làm người kéo xe mang các thứ đó cho các đồng chí trong tù. Quyết trả thù, tháng 10 chúng kết án đồng chí Bùi Định 10 năm tù, đồng chí Phan Chất 5 năm tù, các đồng chí Cao Ngưu, Nguyễn Xuân Dương 3 năm tù và đưa đi đày ở các nơi.

Đấu tranh công khai, hợp pháp với những mục tiêu độc lập dân tộc lâu dài cả những mục tiêu đòi dân sinh, dân chủ tự do, cơm áo, hòa bình trước mắt, Đảng và nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án gắn bó nhau trong lần tập dượt mới này. Đảng rút ra được bao nhiêu kinh nghiệm về tổ chức quần chúng, về chỉ đạo đấu tranh theo hình thức mới. Quần chúng cũng được rèn luyện qua những thử thách mới nhưng quan trọng hơn hết là quần chúng thấy rõ sự nghiệp đấu tranh của Đảng tất cả chỉ vì độc lập đất nước, vì hạnh phúc nhân dân qua những người cộng sản bằng xương, bằng thịt cụ thể. Họ đấu tranh vì quyền lợi cho nhân dân, cho đất nước, bất chấp tù đày, hy sinh tính mạng. Uy tín của Đảng càng được nâng cao. Quần chúng càng gắn bó với Đảng.

3- Góp phần vào cao trào đấu tranh giải phóng dân tộc giành chính quyền về tay nhân dân (1940-1945):

Từ năm 1938 tình hình thế giới có nhiều biến động lớn. Nguy cơ chiến tranh thế giới lần thứ II sắp bùng nổ. Ở Pháp chính phủ của Mặt trận Bình dân bị đổ, chính phủ Daladié ngày càng ngả sang hữu. Bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương tìm mọi cách chống lại phong trào đấu tranh vì dân

sinh, dân chủ của nhân dân và ra sức bóc lột vợ vệt sức người, sức của để phục vụ chiến tranh ở chính quốc. Tháng 6/1940 phát xít Đức tuyên chiến với Pháp, đế quốc Pháp nhanh chóng thua trận và chịu làm tay sai cho phát xít. Noi gương quan thầy ở chính quốc, bọn phản động Pháp ở Đông Dương thực hiện chính sách cai trị thời chiến cực kỳ phản động, chúng tấn công điên cuồng vào Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của quần chúng.

Địch đã tiến hành chiến dịch khủng bố trong toàn tỉnh. Hầu hết các đồng chí ở tỉnh, ở phủ huyện bị bắt. Hai chi bộ Chánh Lộ, Ngọc Án nhận được chỉ thị rút vào hoạt động bí mật, nhưng cũng bị bắt gần hết. Liên lạc với cấp trên bị đứt. Các đồng chí Nguyễn Hữu Thông, Trần Xương ở Chánh Lộ, đồng chí Bùi Bích ở Ngọc Án tìm mọi cách nắm giữ các cốt cán của quần chúng để duy trì phong trào. Trong lúc đó bọn phản động Pháp chịu sức ép của quân phiệt Nhật đành để cho quân Nhật kéo vào Đông Dương, đóng quân một số nơi ở Quảng Ngãi. Nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án trực tiếp thấy cảnh hai tên thống trị đua nhau vợ vệt bóc lột và thối tha với cảnh đời nô lệ một cổ hai tròng của cả dân tộc. Nhưng trong đen tối nhân dân vẫn không mất niềm tin. Qua báo chí người ta truyền cho nhau biết cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (23/9/1940), khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940), binh biến ở Đô Lương (13/01/1941), người ta biết cách mạng vẫn còn, Đảng vẫn còn và còn hy vọng. Các đoàn thể cách mạng dần dần hồi phục tập trung vào chống bắt lính, chống thu mua, cướp giật lúa gạo...

Đến cuối năm 1941, nhiều người được tin Đảng đã khôi

phục ở các huyện phía nam⁽¹⁾, lại nghe tin Mặt trận Việt Minh đã ra đời, dẫn dắt nhân dân làm cách mạng. Tin tức về cách mạng ngày càng nhiều. Bọn thống trị Pháp biết nhưng chúng cố dìm đi để che mắt quần chúng. Các công chức, binh lính địch lại kháo nhau. Tình hình mới tạo nên sự chuyển biến mới trong các tầng lớp trên như địa chủ, tư sản ở đây. Từ ngày chiến tranh thế giới nổ ra, thực dân Pháp ra sức bóc lột bằng thuế khóa, bằng việc buộc phải mua công trái...rồi giặc Nhật đến vơ vét hết lúa gạo, bắt phu... làm đảo lộn cả cuộc sống. Trừ một số ít nhảy ra học tiếng Nhật, còn mọi người nói chung mong có một đường thoát, nhiều người mong chờ cách mạng.

Dưới sự hướng dẫn của vài đồng chí ở Chánh Lộ còn lại, anh chị em tiểu thương đã đấu tranh chống bọn quản lý chợ thu lệ phí cao, chống bọn thu nhiều thứ thuế vô lý, chống cảnh sát đánh đập... Cuộc đấu tranh khá quy mô và quyết liệt, kéo dài mấy ngày liền trong tháng 3/1942. Một số chị em bị chúng bắt giam trong đó có chị Huỳnh Thị Liên (vợ đồng chí Bùi Định), một cốt cán vững của Hội phụ nữ. Những ngày sau, nhiều phụ nữ khác mượn cớ đi chợ để hỗ trợ đấu tranh. Cuối cùng địch phải nhượng bộ nhiều mặt, lệ phí được hạ thấp, các thứ thuế được điều chỉnh lại, bọn cảnh sát giảm bớt hoành hành và chị Huỳnh Thị Liên bị nhốt mấy ngày được trả lại tự do.

Tháng 9/1942 đồng chí Nguyễn Hữu Thông, nguyên Bí thư Chi bộ ở Chánh Lộ bị bệnh nặng từ trần. Còn lại duy

(1) Do đồng chí Nguyễn Năng Lực (Độ) trốn về, móc nối xây dựng lại.

nhất đồng chí Trần Xương làm trụ cột⁽¹⁾ ở đây. Đồng chí Trần Xương đã qua các cốt cán trong nhóm đọc sách vận động mọi người giúp gia đình đồng chí Nguyễn Hữu Thông tổ chức một đám ma khá lớn, rất nhiều người đi tiễn đồng chí Thông đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Đến cuối năm 1942 có nhiều người đi thăm thân nhân bị an trí ở Ba Tơ mang về nhiều tin tức mới như nhiều đồng chí bị tù ở Gia Lai, Ban Mê Thuột đã bị đưa về an trí ở Ba Tơ, như cách mạng đã khôi phục và chủ trương “đánh đuổi Pháp, Nhật để cứu nước...”. Lại có không ít tin tức do những người buôn đường, buôn cau ra miền Bắc đưa về như du kích Việt Minh đã nổi lên ở Lạng Sơn, Cao Bằng... Là địa phương ở sát trung tâm chính trị, thương mại nên thường xuyên nhận được tin tức cách mạng từ khắp nơi sưởi ấm tinh thần cách mạng và kích thích mong ước được đấu tranh như mọi người.

Ngày 17/7/1943 được biết truyền đơn cách mạng đã rải ở gần núi Bút, về sau mới biết còn có ở Bình Sơn, Đức Phổ. Riêng ở Cầu Cát (La Hà - Tư Nghĩa) ngoài truyền đơn còn có băng kêu gọi đồng bào hăng hái đứng lên đánh đuổi Pháp Nhật giành độc lập cho Tổ quốc. Truyền đơn đều ký tên Việt Nam Độc lập Đồng Minh (Việt Minh) và Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi. Sự kiện đặc biệt ấy làm xôn xao cả tỉnh lỵ. Quần chúng nhân dân vui mừng, phấn khởi, kẻ thù

(1) Xin tạm dùng từ “trụ cột” vì lúc này chỉ còn vài đồng chí, không còn Chi bộ. Khi đồng chí Nguyễn Hữu Thông mất, chỉ còn một mình đồng chí Trần Xương, đồng chí chỉ lấy tinh thần người Đảng viên cũ đứng ra vận động. Nhưng trong phong trào yêu nước.... thị xã Quảng Ngãi. Sđd, trang 106 viết là “anh em trong Chi bộ... cử đồng chí Trần Xương làm Bí thư.”. Xin ghi lại chỗ chưa thống nhất để xác minh.

tức tối kể cả lo sợ và ra sức lũng bắt khắp nơi. Chúng đưa cảnh sát đến nhà bắt đồng chí Trần Xương, ông Lương Thế Kỷ (Chánh Lộ), đồng chí Bùi Bích (Ngọc Án). Thế là tổ chức Đảng ở Chánh Lộ từ 1940 đến đây đã bị đánh phá đến 3 lần, bắt đến người cuối cùng. Đảng bị tổn thương nghiêm trọng, nhưng ảnh hưởng của Việt Minh ngày càng lan rộng, khí thế cách mạng của quần chúng không hề suy giảm. Khí thế đó lại được tiếp thêm sức khi một số đồng chí Cao Trí, Phạm Phương (Chánh Lộ), Trần Hường (Ngọc Án) được ra tù. Nhờ tiếp thu được Nghị quyết VIII và chương trình Việt Minh trong nhà tù, các đồng chí cố bắt liên lạc với cấp trên để xin thành lập lại chi bộ, nhưng tìm mãi không được. Các đồng chí bàn nhau, trong khi chờ đợi, dựa vào chương trình, điều lệ Việt Minh các đồng chí chọn người, hình thành dần Mặt trận Việt Minh trong xã. Sang năm 1944 số tù chính trị mãn hạn tù về càng nhiều. Nhưng thỉnh thoảng mới liên lạc được với Phủ ủy Tư Nghĩa và được giải thích việc xây dựng lại chi bộ còn phải chờ sự kiểm tra chu đáo từng đảng viên, việc trước mắt là huy động tất cả các đồng chí mới ra tù tham gia vào Mặt trận Việt Minh và hoạt động theo chương trình, chủ trương của Mặt trận. Việc này tiến hành khá thuận lợi và việc phân công nhau xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng cũng chẳng có gì khó khăn. Nhờ đó điều lệ Đoàn thanh niên cứu quốc, Hội nông dân cứu quốc được phổ biến. Nhưng cũng có một vài đồng chí ra tù tỏ ra dao động, nằm im. Dựa vào điều lệ Hội Nông dân cứu quốc, ông Nguyễn Thế Minh vừa đi làm ăn ở Sài Gòn về đứng ra lập Hội đồng canh ở làng Ngọc Án. Nông dân tham gia rất đông. Một thời gian sau ông Nguyễn Thế Minh được kết nạp vào Đảng.

trong lúc đó tình hình xã hội trong tỉnh, nhất là ở tỉnh thành ngày một diễn biến phức tạp. Từ ngày có quân phiệt Nhật đến đóng trong tỉnh, bọn thống trị Pháp chịu lép một bề, số công chức Pháp ngày càng chênh mảng, lo lắng, trái lại một số ít cố tình ôm chân chủ cũ, luôn miệng nêu chiêu bài “Cần lao, gia đình, Tổ quốc”, và Đại Pháp văn minh. Một số khác làm tay sai cho quân phiệt Nhật, tuyên truyền chính sách Đại Đông Á; người Nhật đồng văn, đồng chủng giúp Việt Nam giành độc lập; ra sức cổ vũ thanh niên học tiếng Nhật, đi theo con đường cách tân của Nhật. Một số tên thân Nhật trong tôn giáo hoạt động chính trị, tuyên truyền cho Nhật. Quốc dân Đảng lập “quỹ Độc lập”, bắt ép mọi người đóng góp và cưỡng bức phải ký tên vào Đảng. Quần chúng nhân dân được các đoàn thể cách mạng giáo dục nên sớm phân biệt được chân, giả, nhưng các đồng chí Việt Minh ở đây đã tốn không ít công sức trong việc đến các gia đình lớp trên, phân rõ đúng sai, vạch rõ luận điệu chống phá đường lối giải phóng đất nước bằng vũ trang của Việt Minh và giúp họ từ chối hoặc né tránh các tổ chức chính trị phản động trên.

Cuối năm 1944, sau nhiều ngày khai thác, khảo tra không được gì, kẻ địch buộc phải trả tự do cho nhiều đồng chí, trong đó có đồng chí Trần Xương. Tuy có thêm người nhưng chương trình hành động không có, liên hệ với Phủ ủy lúc được, lúc mất. Các đồng chí chỉ dựa vào những điều đã học trong Nghị quyết VIII xây dựng lực lượng cách mạng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống thuế, chống vơ vét lúa gạo, chống bắt lính.

Sau 3 ngày Tết Ất Dậu (1945) đây khó khăn, thiếu thốn,

không khí ở tỉnh thành như có gì bức bối khó chịu hơn. Lính Nhật thì hoang mang, căng thẳng trước những tin thất trận ở khắp nơi. Thực dân Pháp một mặt ra sức nhún nhường, mặt khác mong chờ quân đội Đồng Minh đổ bộ lên Đông Dương. Hai con hổ gầm ghe nhau, thì tối 9/3/1945 suốt đêm súng nổ trong nội thành, một số căn cứ quân sự ở ngoại thành. Nhật đảo chính Pháp ngay trong đêm. Sáng ra lính Nhật canh gác tất cả các nơi quan trọng. Thực dân Pháp một số bị bắt, một số đang chạy trốn. Ở tỉnh thành đang có nhiều đảo lộn. Chưa kịp bàn bạc về lợi, hại các sự kiện trên thì nghe tin các tù chính trị ở Ba Tơ đã làm cuộc khởi nghĩa thắng lợi. Mỗi ngày lại có thêm tin tức mới, tin về châu lỵ Ba Tơ bị quân chúng cách mạng chiếm, cờ đỏ sao vàng bay ngạo nghễ, tin về viên kiểm lý Bùi Danh Ngũ bị bắt gọn, tin về súng đạn thu được ở đồn Ba Tơ không biết bao nhiêu mà kể, tin về đội du kích được trang bị đầy đủ súng ống, có người còn kháo nhau không bao lâu nữa đội quân đó sẽ xuống đồng bằng... các tầng lớp nhân dân ở đây bị thu hút vào những tin tức mới mẻ đó. Sự kiện khởi nghĩa Ba Tơ đã tạo nhiều chuyển biến mới. Mặc dù, sau đó giặc Nhật đã dựng lên ở Huế rồi ở tỉnh bộ máy bù nhìn và tuyên truyền rùm beng về việc “Nhật đánh Pháp trả độc lập cho Việt Nam” nhưng bộ máy tay sai chưa có, chúng phải dùng bộ máy công chức của thực dân Pháp để lại. Số này đang hoang mang vì mất chủ cũ, còn làm việc cho chủ mới thì chưa biết ngày mai sẽ ra sao? Hệ thống chính quyền ở phủ huyện, làng xã hầu như ngơ ngác, lo sợ, có nơi tê liệt hẳn. Trong lúc đó bọn tay sai thân Nhật lên mặt hoành hành quần chúng, nhóm “Thanh niên tiên tiến” khoe khoang tôn chỉ, mục đích của mình. Tân Việt Đảng, Quốc

dân Đảng hoạt động gần như công khai, lung lạc tinh thần quần chúng, gây mơ hồ cho nhiều người, trong đó có cả một vài đảng viên vừa ở tù ra.

Giữa lúc tranh tối, tranh sáng, bọn thống trị Nhật không kiểm soát được tình hình, nhiều đảng viên ở các nhà tù có tổ chức hoặc tự ý trốn thoát trở về quê hoạt động. Đồng chí Phạm Trung Mưu từ cảng an trí Di Lãng về thành lập Ban vận động cứu quốc lâm thời phủ Tư Nghĩa. Đồng chí Nguyễn Thành Nghi, đồng chí Bùi Định thoát khỏi trại giam Đắc Tô về và được Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh giao nhiệm vụ về công tác ở thị xã Quảng Ngãi. Thế là từ cuối tháng 4/1945 mối liên lạc giữa Mặt trận Việt Minh và Ban vận động cứu quốc tỉnh, phủ, xã được kết nối chặt chẽ. Đồng chí Bùi Định đã trực tiếp bàn bạc với đồng chí Trần Xương (Chánh Lộ), đồng chí Nguyễn Thế Minh (Ngọc Ẩn) vạch chương trình hoạt động, phân công cho tất cả tù chính trị (ở trong Mặt trận Việt Minh) làm công tác tuyên truyền giáo dục, xây dựng các đoàn thể cứu quốc, tập trung vào mục tiêu “đánh Nhật để cứu nước, đánh bại những tư tưởng cơ hội, phản động: Chương trình điều lệ của Mặt trận Việt Minh, điều lệ các đoàn thể thanh niên cứu quốc, nông dân cứu quốc ... và thư kêu gọi “cứu quốc” của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được phổ biến rộng rãi và như luôn luôn thôi thúc mọi người: “Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm ...!”. Hội phụ nữ cứu quốc Chánh Lộ được thành lập đầu tiên do chị Huỳnh Thị Liên làm Hội trưởng, Đoàn thanh niên cứu quốc do các đồng chí Cao Hùng, Đoàn

Thành lãnh đạo, đồng chí Cao Hùng làm Bí thư. Đồng chí Trương Thanh làm Bí thư Hội Nông dân cứu quốc. Ở Ngọc Ấn đồng chí Nguyễn Thế Minh, Chủ nhiệm Việt Minh cũng lần lượt xây dựng các đoàn thể cứu quốc trên. Đến giữa tháng 5/1945 ở Chánh Lộ Chi hội công nhân cứu quốc cũng được thành lập do đồng chí Trần Xương (Chủ nhiệm Việt Minh) trực tiếp lãnh đạo, có đồng chí Hồ Giảng giúp đỡ. Được giới thiệu, đồng chí Bùi Định đã qua anh Cao Hùng (ở Tịch Điền) tuyên truyền giác ngộ anh Cao Thanh Trà (em ruột anh Cao Hùng - một đội khố xanh) xây dựng được một tổ binh nhân cứu quốc 3 người, đến đầu tháng 7/1945 phát triển được 10 người. Thanh thế của Mặt trận Việt Minh lan rộng làm phân hóa hàng ngũ kẻ thù và các thế lực phản động. Hàng ngũ công chức dần dần rệu rã, ông Lợi ở Sở Giấy thép, ông Đào Trọng Hiến ở Sở Thú y lần lượt tự nguyện đứng vào hàng ngũ Việt Minh. Tổ viên chức cứu quốc được thành lập do ông Hoàng Ngọc Phiên ở Sở Địa chính phụ trách. Đến đầu tháng 7/1945 hàng ngũ Việt Minh (kể cả các đoàn thể cứu quốc) ở Chánh Lộ đã đến hàng trăm, ở Ngọc Ấn đã có đến hơn 50 người. Được chỉ thị quyền góp lương thực, quân nhu cho du kích Ba Tơ, đồng chí Phạm Phương được giao nhiệm vụ này cùng 3 cựu tù chính trị khác lần lượt đi vận động khắp nơi. Các nhà giàu có, các hiệu buôn đều hưởng ứng đóng góp tiền của, lương thực, thuốc men,... và ông Đoàn Văn Tường được cử phụ trách chuyển lên chiến khu. Vào giữa tháng 7 có chỉ thị cho phép thành lập tiểu đội tự vệ cứu quốc. Đồng chí Đoàn Thành được giao nhiệm vụ chọn người, lo vũ khí (gươm, giáo, mã tấu) và tập huấn cho đơn vị. Người kéo xe thường mang quà cho các tù

chính trị trong nhà lao Quảng Ngãi Phạm Hách trước đây, bây giờ là một đội viên tự vệ hăng hái, nhiệt tình còn nổi tiếng cho đến bây giờ⁽¹⁾. Lực lượng cách mạng trong tỉnh lớn mạnh đã áp đảo thế lực chính quyền bù nhìn ở nhiều nơi. Tình hình đó đã tác động mạnh đến tỉnh thành. Hàng ngũ lý hương, kẻ trốn người nằm im, người xin vào đoàn thể cách mạng. Các thành phần trung gian, thân hào, thân sĩ ngã hẳn về phía cách mạng. Các đảng phái phản động, các tổ chức thân Nhật bị cô lập, có người nằm im hoặc trốn chạy. Các đoàn thể cứu quốc hoạt động gần như công khai. Các cán bộ cách mạng đi lại hoạt động khá dễ dàng không còn lén lút như trước. Trước tình hình đó, tuần vũ Lương Trọng Hối lo sợ thả đồng chí Trần Ruộng và trả lại số tiền ủng hộ du kích Ba Tư mà nhân dân Đức Phổ đã quyên góp được.

Sang đầu tháng 8/1945, Hội thân hào cứu quốc được thành lập thu hút các bậc cao niên có uy tín vào hội, khiến cho cả gia đình, con cháu đều đứng hẳn về cách mạng. Ở Ngọc Án, Việt Minh hầu như đã nắm được chính quyền, nhân dân tự làm chủ mọi việc.

Tin tức đăng tải trên các báo chí càng làm phấn khởi lòng người. Quân phiệt Nhật thua liểng xiểng ở khắp nơi. Bộ máy cai trị của Nhật ở đây hoang mang dao động. Đến ngày 13/8/1945 nghe tin Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng đồng minh, quân lính Nhật và tay sai mất hết tinh thần, co cụm lại nằm im đợi lệnh. Quần chúng reo vui. Mọi người đều hân

(1) Có người còn kể ông Phạm Hách đã lấy cắp được 3 lưỡi lê ở đồn khố xanh và đưa du kích đến kho vũ khí Nhật lấy được mấy khẩu súng trang bị cho đội tự vệ. Vì còn kiểm tra tính xác thực nên chưa dám viết chính thức. Nhưng xin ghi ở đây để nghiên cứu tiếp.

hoan vì cảm thấy thời cơ “cứu nước” đã đến.

Đồng chí Bùi Định từ Thi Phổ⁽¹⁾ về ngay Chánh Lộ vào chiều 14/8/1945 triệu tập ngay cuộc họp ở gốc Bún xóm cửa Bắc, thành lập Ban khởi nghĩa gồm các đồng chí Cao Hùng, Trần Xương, Đoàn Thành, Hồ Tín ... do đồng chí Trần Xương làm Trưởng ban⁽²⁾. Ban khởi nghĩa đã bàn kế hoạch và cho triển khai mệnh lệnh ngay trong đêm. Ở Ngọc Án, lệnh khởi nghĩa vừa ban bố đến nơi thì 16 giờ ngày 14/8/1945 quần chúng đã hàng ngũ chỉnh tề, băng cờ rợp trời, trống mõ vang lừng, tự vệ với gươm giáo sáng rực biểu tình thị uy suốt cả đêm. Sáng ngày 15/8/1945, Ngọc Án xem như giành xong chính quyền, đồng chí Nguyễn Thế Minh, chủ nhiệm Việt Minh, điều hành cả công việc hành chính của làng. Ở Chánh Lộ có khó khăn hơn. Sáng ngày 15/8/1945 cuộc biểu tình rầm rộ của toàn xã đã diễn ra suốt ngày. Hầu như mọi người đều có trong hàng ngũ biểu tình, có cả các cụ già 50, 60 tuổi. Ở Phú Mỹ Hạ, bên các cựu tù chính trị như ông Phạm Phương, Trương Gia, còn có số trẻ là đoàn viên thanh niên cứu quốc Phạm Đức, Bùi Hay và có cả lý hương, lính tập như ông Phạm Nga. Đến chiều thì toàn

(1) Thi Phổ thuộc phủ Mộ Đức nơi Tỉnh ủy và Ban vận động cứu Quốc chuyển thành Ban lãnh đạo khởi nghĩa của tỉnh ra mệnh lệnh khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

(2) Theo Quảng Ngãi Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm. Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình - 1988-trang 69 thì đồng chí Cao Hùng làm Trưởng ban. Nhưng theo đồng chí Đoàn Thành người trong cuộc và các đồng chí trong hội thảo ngày 26/11/2002 đều khẳng định là do đồng chí Trần Xương làm Trưởng ban. Đồng chí Cao Hùng là một cốt cán lãnh đạo khởi nghĩa ở Chánh Lộ, đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng, sau đó tham gia Vệ quốc đoàn cho mãi đến khi về hưu với cấp đại tá, hiện sinh sống tại phòng 102, nhà C3 khu tập thể Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội.

bộ chính quyền tay sai ở cơ sở của Chánh Lộ phố, Chánh Lộ xã đều bị đập tan, chỉ có đồn khố xanh (đóng ở cửa Đông trong nội thành) là chưa chiếm được đúng như kế hoạch. Do đồng chí Cao Thanh Trà trước đó đã bị chúng điều đi Lý Sơn⁽¹⁾ nên kế hoạch phối hợp gặp khó khăn. Việc phối hợp phải bàn lại và ngay tối 15/8/1945, tự vệ cứu quốc và nhân dân đã phối hợp với Chi hội binh nhân cứu quốc được trang bị súng đạn (do ông Cao Thanh Trà bí mật để lại) nổi dậy cướp đồn khố xanh, và đồn khố đỏ, thu toàn bộ súng ống, đạn dược, quân trang, quân dụng. Sở mật thám cũng bị quân khởi nghĩa chiếm ngay trong đêm, thu toàn bộ hồ sơ, tên chủ sở Bùi Trọng Lệ, một tên việt gian khét tiếng tàn ác đã bỏ trốn⁽²⁾. Cũng tối 15/8/1945 ta mở tòa xử án tên Trịnh Đình Thảo (người Huế) làm mật thám cho Nhật tại nhà ông Cao Tửu, có nhiều hội viên Hội Binh nhân cứu quốc canh gác, bảo vệ bên ngoài. Các đồng chí Bùi Định, Nguyễn Thế Minh đều có mặt. Trịnh Đình Thảo bị kết án tử hình và đưa đến Vạn Tượng (Nghĩa Đông) để thi hành án⁽³⁾. Tối ngày 16/8 cuộc biểu tình tuần hành ngày càng đông đảo, mãnh liệt hơn. Quân chúng cách mạng đã xông vào chiếm dinh tỉnh trưởng và các công sở khác, thu toàn bộ hồ sơ, vũ khí. Tuần vũ Lương Trọng Hối được giao cho đại diện Việt Minh tỉnh giải quyết. Thế là trong 3 ngày đêm, chúng ta tránh

(1) Cách mạng tháng Tám thắng lợi, đồng chí Bùi Định đã viết thư, đồng chí Đoàn Thành đã cho người ra Lý Sơn mời về và điều ra Huế sung vào Ủy ban Quốc phòng Trung bộ.

(2) Bùi Trọng Lệ chạy trốn xuống nhà Giám thủ ở Vạn Tượng ngày 17/8/1945 thì bị cách mạng bắt cùng một số tay chân.

(3) Viết theo tư liệu do ông Trịnh Hào - người đã tham gia dẫn Trịnh Đình Thảo đi - cung cấp.

đụng chạm đến quân đội Nhật (theo chỉ thị của cấp trên) quần chúng cách mạng đã giành quyền làm chủ cả nội và ngoại thành, xóa sạch bộ máy thống trị thân Nhật không chỉ cho Chánh Lộ mà cho cả tỉnh. Thắng lợi đó đã gây phẫn khởi lớn lao cho quần chúng. Chưa bao giờ được thấy bọn quan lại thống trị cúi đầu run sợ trước uy lực của quần chúng và quần chúng cũng chưa bao giờ thấy mình lại có sức mạnh thay cảnh đổi đời như lúc này. Nhưng vẫn còn một trở lực lớn là một tiểu đoàn lính Nhật do một đại úy chỉ huy, đại bộ phận đóng ở đồn khố xanh cũ (gần cửa Tây), một số đóng rải rác ở ga Ông Bó, ở nhà Đình Chấn Thông (Hoa Kiều), trước cổng Bệnh viện đa khoa hiện nay. Trong ngày 16/8 một đơn vị tiền trạm của du kích Ba Tơ đi ngựa về nắm tình hình tại thị xã. Ủy ban khởi nghĩa Chánh Lộ đã giao cho đồng chí Phạm Phương lo việc ăn ở cho người và ngựa. Đồng chí Phạm Phương đã nhờ ông Phạm Có gánh 3 gánh thóc đến trường tiểu học Pháp Việt (trường PTTH Trần Quốc Tuấn hiện nay) cho ngựa ăn⁽¹⁾. Nhân dịp này, ta tung tin đội du kích Ba Tơ đã về để uy hiếp tinh thần quân Nhật và bọn tay sai. Ngày 17/8 gần một trung đội Nhật hành quân về phía Đông đến địa phương Ngọc Án, Ba La, bị tự vệ 2 làng này phối hợp vây đánh, cả hai bên đều có người bị thương. Quần chúng cách mạng kéo nhau vừa đánh trống mõ, vừa hô khẩu hiệu. Chúng hoảng sợ rút chạy về nội thành nằm im, nhưng vẫn không chịu điều đình với ta. Chấp hành chỉ thị của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh⁽²⁾, Ủy ban vận động cứu quốc

(1) Theo lời kể của ông Phạm Có, 76 tuổi, hiện đang ở khối 4, phường Nghĩa Chánh.

(2) Lúc này các cơ quan lãnh đạo tỉnh đã về đóng ở ngoại thành để chỉ đạo mọi việc ở đây và toàn tỉnh.

Chánh Lộ lãnh đạo Chi hội Công nhân cứu quốc cắt điện, cắt nước, cắt các đường tiếp tế. Quân Nhật lâm vào cảnh khốn đốn buộc phải nhận điều đình với đại diện của tỉnh từ ngày 18/8/1945 đến ngày 25/8/1945 mới ký được biên bản, ta chấp nhận không xâm phạm đến quân Nhật, không gây trở ngại trong sinh hoạt hàng ngày và tạo điều kiện để chúng rút lui khi có lệnh với điều kiện, quân Nhật phải tạm đồn trú một chỗ, không được hành quân, không được can thiệp vào nội bộ của người Việt Nam. Cũng trong ngày 25/8 một trung đội du kích Ba Tơ do đồng chí Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên) chỉ huy được điều đến đóng ở xóm cửa Bức phối hợp với tự vệ, du kích Chánh Lộ canh gác các công sở, bảo đảm an ninh trật tự cả trong và ngoài thị. Chỉ mấy ngày sau, quân Nhật rút đi, trên đất Quảng Ngãi không còn bóng kẻ thù xâm lược nào.

Ngày 26, 27/8/1945 các cơ quan lãnh đạo tỉnh đã họp và ra những quyết định quan trọng như ban bố mọi quyền tự do dân chủ cho nhân dân, thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh (UBNDCLMT) duyệt danh sách UBND-CMLT các phủ huyện, quyết định lấy tên các chí sĩ cách mạng đặt tên cho các đơn vị hành chính và chọn ngày tổ chức cuộc mít ting toàn tỉnh mừng thắng lợi Cách mạng tháng Tám và làm lễ ra mắt UBNDCLMT tỉnh. Nhân dân Chánh Lộ lại được huy động tận lực; tham gia hàng ngũ biểu tình, đoàn viên thanh niên cứu quốc phối hợp với tự vệ canh gác, giữ trật tự trên các ngã đường, phụ nữ lo tiếp tế nước uống... phục vụ cuộc biểu tình toàn tỉnh.

Ngày 30/8/1945, một cuộc biểu dương lực lượng của quần

chúng cách mạng đủ mọi sắc tộc trên toàn tỉnh kéo về tỉnh lỵ. Cờ băng rợp trời, trống chiêng dậy đất, tiếng hô khẩu hiệu vang động cả không gian. Các đường sá chen kín chân người, cuộc mít ting lớn đã diễn ra chào mừng thắng lợi cuộc của cách mạng, chào mừng tên mới của tỉnh nhà: tỉnh Lê Trung Đình⁽¹⁾ và chào mừng UBNDCMILT tỉnh Lê Trung Đình do đồng chí Trần Toại làm Chủ tịch.

Sau đó, được cấp trên duyệt y, xã Chánh Lộ được mang tên xã mới: xã Nguyễn Viện⁽²⁾, UBNDCMILT xã do đồng chí Hồ Trân làm Chủ tịch, đồng chí Trần Xương làm Chủ nhiệm Việt Minh. Ở Ngọc Án cũng thế, làng được mang tên mới, làng Lâm Quý⁽³⁾ và UBNDCMILT do đồng chí Nguyễn Thế Minh làm Chủ tịch kiêm cả Chủ nhiệm Việt Minh.

Nằm sát vùng trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của một tỉnh có truyền thống đấu tranh bất khuất, nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án gần suốt 150 năm (kể từ ngày tỉnh thành về đóng ở đây) thế hệ nọ đến thế hệ kia đã tham gia và chứng kiến bao nhiêu sự kiện sôi động của đất nước và của tỉnh nhà với thân phận là người bị áp bức, người nô lệ. Vùng lên góp sức vào sự nghiệp cứu nhà, cứu nước, thì hơn ở đâu

(1) Lê Trung Đình, người Phú Nhơn, Sơn Tịnh, chí sĩ yêu nước lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chiếm thành Quảng Ngãi năm 1885. Bị Nguyễn Thân phản bội bắt và xử tử.

(2) Nguyễn Viện quan võ yêu nước người Chánh Lộ, lãnh đạo binh sĩ trong thành làm nội ứng cho hương binh do Lê Trung Đình lãnh đạo chiếm thành. Khi Nguyễn Thân ra mặt phản bội, ông lãnh đạo nghĩa binh chiến đấu và hy sinh tại trận.

(3) Lâm Quý, chiến sĩ vô sản, người Ngọc Án, được kết nạp vào Đảng Cộng sản năm 1930, chiến đấu trong cao trào cách mạng 1930-1931. Bị địch bắt tra tấn dã man và hy sinh trong tù.

hết lại trực tiếp chứng kiến cảnh máu chảy đầu rơi. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời như ánh sáng bùng lên trong đêm trường tăm tối. Đi theo Đảng trở thành nguyện vọng, nhu cầu, lẽ sống vì sự nghiệp của Đảng cũng là sự nghiệp của chính mỗi người. Mười lăm năm dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng không ít xương máu đã đổ ra, nhưng đã giành được thắng lợi này đến thắng lợi khác để đến tháng 8/1945 cùng nhân dân cả tỉnh, cả nước vùng lên làm cuộc cách mạng long trời lở đất, loại bỏ kẻ thù và hoàn toàn giành quyền làm chủ trên quê hương thân yêu của mình. Nhân dân Chánh Lộ, Ngọc Án chính thức bước vào thời kỳ mới, thời kỳ chiến đấu chống mọi kẻ thù, giữ vững nền độc lập của đất nước và xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, hạnh phúc hơn.

PHẦN THỨ BA

XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI - THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP 1945 - 1954.

CHƯƠNG V

XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI - PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN (1945 - 1946).

Nhận được điện của Trung ương về lễ tuyên bố độc lập vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, Quảng Ngãi lại rục rờ cờ, trống chào mừng Cách mạng tháng Tám thắng lợi trong cả nước và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Sau đó mấy ngày bản Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc tại quảng trường Ba Đình được in phát rộng rãi⁽¹⁾. Mọi người đã đọc và đọc cho nhau nghe đều cảm nhận sâu sắc cuộc đổi đời từ đêm trường tăm tối bước ra ánh sáng tự do - nghìn năm mới có một lần.

Chính quyền cách mạng tiếp tục ban bố các quyền tự do, dân chủ, nam nữ bình đẳng, bãi bỏ các luật lệ hà khắc, bãi bỏ các loại thuế không hợp lý⁽²⁾ do chế độ cũ đặt ra, từng bước giải quyết quyền lợi cho nhân dân lao động. Trước mắt là động viên các địa chủ thực hiện giảm tô, giảm tức, xóa bỏ nợ lãi lâu đời cho nông dân, thực hiện luật ngày làm 8 giờ để cải thiện một phần đời sống cho nhân dân lao động nghèo. Xã Nguyễn Viện điều chỉnh việc quân cấp công điền

(1) Thời ấy chưa có phát thanh, truyền hình được nghe, xem trực tiếp như bây giờ.

(2) Xóa bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò.

bất hợp lý trước đây, và tịch thu 2 mẫu 5 sào ruộng của Việt gian Nguyễn Thân bao chiếm ở bầu He chia lại cho những người không có ruộng. Cuộc sống tinh thần được cởi mở, đời sống vật chất được chú trọng càng làm cho tất cả các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động càng gắn bó với cách mạng. Mặt trận Việt Minh có uy tín tuyệt đối. Mọi người nô nức xin gia nhập các đoàn thể cứu quốc, và xem đó là một vinh dự chính trị của cả đời mình. Các đoàn thể như Hội nông dân cứu quốc, Đoàn thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc phát triển rất nhanh và giữ vị trí đoàn kết giáo dục rất lớn. Mỗi nhiệm vụ cách mạng đưa ra được mọi người nô nức thực hiện. Một lời kêu gọi của Đảng, của Hồ Chủ tịch muôn người như một tự giác chấp hành. Bác Hồ kêu gọi cứu đói ở miền Bắc, nhà nhà đóng góp tiền bạc, gạo ngô. Có nhà thiếu ăn vẫn tăng tiền đủ cách để có phần đóng góp của mình. Hồ Chủ tịch kêu gọi diệt giặc đói, khắp thôn xóm, tối nào các chị phụ nữ, các anh nông dân cũng học đánh vần, làm tính dưới ánh sáng đèn dầu. Phong trào Bình dân học vụ lên rất mạnh. Đến cuối 1946 hầu hết người lớn tuổi đã thoát nạn mù chữ. Nghĩa Lộ là một trong nhiều xã thoát nạn mù chữ sớm nhất. Chính quyền tỉnh và thị xã tạo điều kiện để các nhà trường mở thêm nhiều lớp hơn và mở trường trung học đầu tiên của tỉnh đặt tên là trường Lê Khiết. Số lượng thiếu niên đi học ở xã tăng vọt hẳn.

Do hậu quả của chính sách bóc lột, vơ vét của Pháp, Nhật, nhân dân vùng biển, vùng núi gặp nhiều khó khăn lớn về đời sống. Ở đây tuy chưa nghiêm trọng lắm, chỉ có khoai, ngô thay cơm nhưng vẫn thường xuyên đứt bữa. Tình hình

trật tự an ninh lại rất tốt. Bọn tay chân của các đảng phái phản động khiếp sợ nằm im. Bọn cờ bạc, trộm cắp, đi điểm hầu như biến mất. Các hoạt động mê tín dị đoan không còn đất sống. Tồi ngủ không cần đóng cửa, mọi người như yêu thương, đoàn kết gắn bó nhau hơn.

Được cấp trên thẩm tra, xét duyệt, một số đảng viên cũ lần lượt được phục hồi Đảng tịch, một số đảng viên mới được kết nạp đến đầu năm 1946 chi bộ Nguyễn Viện được chính thức thành lập do đồng chí Trần Xương làm Bí thư, chi bộ Lâm Quý do đồng chí Nguyễn Thế Minh làm Bí thư lần lượt thực hiện chức năng lãnh đạo toàn diện thay dần vai trò của Mặt trận Việt Minh⁽¹⁾.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ lâm thời về xây dựng quỹ độc lập và tuần lễ vàng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự vận động của Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cách mạng đã được nhân dân hai xã tích cực hưởng ứng. Nhiều người đem cả kiềng vàng, xuyên vàng của mình ra ủng hộ, nhiều chị tiểu thương lết cả đôi hoa tai đang đeo để đóng góp vào quỹ.

Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc xâm lược nước ta một lần nữa. Không khí trong tỉnh, trong các xã sôi động hẳn lên. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Hy sinh hết thảy vì kháng chiến, hy sinh hết thảy vì mặt trận miền Nam...” hàng trăm thanh niên trong xã tình nguyện và đã chọn được gần 30

(1) Để tránh sự tấn công của kẻ thù, từ ngày 11 tháng 11 năm 1945 Đảng ta tự tuyên bố giải tán Đảng, nhưng thực chất là rút lui vào bí mật lãnh đạo cách mạng.

người, trong đó có các đồng chí Trương Liên, Đinh Minh, Phạm Đức sung ngay vào đội giải phóng đầu tiên do đồng chí Tuyền Nga làm đại đội trưởng lên đường vào Nam chiến đấu. Ở địa phương, các chi ủy cũng lãnh đạo thành lập các trung đội dân quân, tổ chức tập luyện, lo việc tuần tra, canh gác giữ gìn trật tự an ninh ở từng thôn.

Xã nào cũng thành lập đội thông tin tuyên truyền. Được sự hướng dẫn giúp đỡ của thị xã, Đoàn thanh niên cứu quốc làm nòng cốt, xã nào cũng có thêm đội văn nghệ, thường xuyên tập luyện các bài hát cách mạng, hát bài chòi, hát hò vè và dựng nhiều kịch ngắn, vừa kết hợp giữa biểu diễn văn nghệ với phổ biến các chủ trương chính sách, phê phán các tập tục lạc hậu luôn luôn tạo một không khí sôi động, vui vẻ trong các xóm làng.

Từ đầu tháng 12/1945 cuộc tổng tuyển cử bầu cử Quốc hội đầu tiên được phổ biến đến từng người dân. Các cuộc họp đoàn thể, các cuộc mít ting trao đổi, các buổi “truyền hịch”⁽¹⁾ về mục đích ý nghĩa, về quyền bình đẳng đi bỏ phiếu của mọi người liên tục diễn ra. Các cử tri tìm hiểu và học thuộc tên họ những ứng cử viên mà mình chọn và náo nức chờ ngày đi bỏ phiếu. Và đúng ngày 6/1/1946 khắp nơi cờ hoa, băng, áp phích, người người ăn mặc lịch sự đến nơi bỏ phiếu, nhiều người nhờ học bình dân học vụ đã biết đọc, biết viết không cần nhờ người viết thay và chỉ quá trưa ở cả 2 xã đều bầu cử xong với 100% cử tri đi bỏ phiếu.

Sau Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, thực hiện chủ trương

(1) Thời đó thường dùng hình thức “truyền hịch” để phổ biến chủ trương kết hợp với hát, hò vào ban đêm.

của cấp trên bỏ cấp tổng, cấp phủ, đều thống nhất gọi là huyện nhập các xã nhỏ và lấy lại tên cũ thống nhất trong cả nước. Cấp ủy 2 xã Nguyễn Viện và Lâm Quý đã bàn bạc và đưa ra nhân dân thảo luận, được nhân dân đồng tình. Thế là 2 xã nhập vào nhau lấy tên là xã Nghĩa Lộ⁽¹⁾. Bí thư chi bộ được cấp trên tạm thời chỉ định là ông Trần Xương, Chủ nhiệm Việt Minh ông Nguyễn Thế Minh. Chủ tịch Ủy ban Hành chánh lâm thời là ông Hồ Trân. Ông Phạm Phương được giao nhiệm vụ tư pháp. Toàn xã được chia làm 5 thôn.⁽²⁾

Các thôn này được nhân dân duy trì mãi trong thời kháng chiến chống Mỹ, mặc dù tên xã bị kẻ địch đổi tên là xã Tư Chánh.

Tiếp ngay sau đó, ngày 17/2/1946 nhân dân Nghĩa Lộ lại nô nức đi bầu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và ngày 14/4/1946 bầu cử 31 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã mình. Nhờ ý thức ngày càng giác ngộ của nhân dân và nhờ kinh nghiệm lần bầu cử quốc hội, 2 cuộc bầu cử này đã thành công toàn diện. Hội đồng nhân dân xã đã họp và bầu Ủy ban hành chính xã chính thức. Đồng chí Hồ Trân lại được tín nhiệm cử tiếp làm Chủ tịch. Thế là chỉ trong một thời gian ngắn, chính quyền các cấp từ trung ương đến cơ sở được nhân dân bầu ra với tinh thần dân chủ hoàn toàn mới. Cùng với việc xây dựng chính quyền, các đoàn thể cứu quốc cũng được tổ chức lại. Hội nông dân cứu quốc do đồng chí Hồ Ngọc Đường làm Hội trưởng, Đoàn thanh niên cứu quốc do

(1) Không kể 3 phường nội thị - được xem là thị xã.

(2) Đã viết rõ ở trang 14.

đồng chí Phạm Đình Long làm Bí thư, Hội phụ nữ cứu quốc do chị Huỳnh Thị Liên làm Hội trưởng. Các Hội Phật giáo cứu quốc, Hội phụ lão cứu quốc cũng lần lượt được thành lập. Nhiều nhân sĩ, thân hào nhiệt tình tham gia và hướng dẫn con cháu tham gia mọi hoạt động cách mạng. Nhờ đó về sau nhiều người là con địa chủ, thân hào, thân sĩ trở thành đảng viên và có nhiều đóng góp cho cách mạng.

Trong lúc đó thực dân Pháp càng mở rộng xâm lược ở Nam Bộ và các tỉnh miền Nam Trung bộ. Đồng chí Nguyễn Sơn được Hồ Chủ tịch cử vào làm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, đặt trụ sở tại Quảng Ngãi. Ngoài những công việc to lớn của cả miền, đồng chí đã giúp cho Quảng Ngãi nói chung, cho Nghĩa Lộ nói riêng nhiều vấn đề như thuyết trình về chủ nghĩa Mác-Lênin cho các nhân sĩ trí thức trong xã⁽¹⁾ về tình hình chiến tranh ở miền Nam và kêu gọi thanh niên tòng quân. Hàng loạt thanh niên nhập ngũ trong dịp này, chỉ kể riêng khu vực Nghĩa Chánh ngày nay đã có mấy chục người như các ông Bùi Quang Minh, Bùi Hay, Phạm Lý, Nguyễn Vinh, Trương Tịch,... Nhân dân Nghĩa Lộ còn đóng góp hàng chục nghìn đồng trong ngày đồng tâm ủng hộ Nam bộ kháng chiến, góp hàng vạn đồng khác, hàng nghìn bộ áo, 30 chiếc mền, hàng trăm cây vải và

(1) Ngày 11/11/1945 Đảng tuyên bố tự giải tán, rút vào lãnh đạo bí mật, nhưng chủ trương thành lập Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác-Lênin Hội của Quảng Ngãi rất mạnh, thường tổ chức trình bày chủ nghĩa Mác-Lênin vào thứ 7, chủ nhật hàng tuần. Rất nhiều người từ Quảng Nam vào, Bình Định ra chờ đợi để được nghe học thuyết mới. Đồng nhất vẫn là người ở Nghĩa Lộ. Thị xã Quảng Ngãi một thời được xem là cội Thiên trúc, nơi cầu kinh chủ nghĩa Mác-Lênin.

37 đôi giày gửi cho binh sĩ ngoài mặt trận; góp quà bánh, phân công nhau lên ga đón tiếp, ủy lạo các đoàn quân Nam tiến từ Bắc vào.

Đến cuối năm 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập đến xã nhằm thu hút mọi lực lượng còn đứng ngoài Mặt trận Việt Minh, mở rộng khối đoàn kết toàn dân kháng chiến. Nhiều nhân sĩ, trí thức và các tôn giáo đã gia nhập hội trong dịp này. Sau một thời gian ổn định về mọi mặt, chi bộ kết nạp được nhiều đảng viên mới. Tháng 10/1946, chi bộ đã mở đại hội bầu ra chi ủy mới do đồng chí Phan Phụ làm Bí thư.

Biết trước cuộc kháng chiến cứu nước phải mở rộng ra toàn quốc, Hồ Chủ tịch đã cử cụ Huỳnh Thúc Kháng và tiếp theo là đồng chí Phạm Văn Đồng làm đại diện cho Đảng và Chính phủ chỉ đạo kháng chiến ở miền Nam Trung bộ. Nhân dân Nghĩa Lộ được vinh dự đi đón tiếp các vị lãnh đạo cao cấp của mình.

Ngày 26/11/1946 tàu chiến Pháp ở ngoài biển đã bắn 6 quả đại bác vào nhiều nơi như sân ga, Tàu Tượng, tỏ rõ thái độ bất chấp mọi thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân ta, thực sự ra mặt khiêu khích. Để đáp lại, ngày 19/12/1946 Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đất nước Việt Nam, nhân dân Quảng Ngãi cũng như Nghĩa Lộ bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn trường kỳ kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp, bảo vệ nền độc lập của đất nước và quyền được sống tự do vừa mới giành được.

CHƯƠNG VI

BẢO VỆ VÙNG TỰ DO - GÓP PHẦN XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG KHÁNG CHIẾN (1947 - 1954)

Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh, chứ không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ... Chúng ta phải đứng lên! Giờ cứu nước đã đến!...

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch ngày 19/12/1946 như đã nói đúng tâm tư, nguyện vọng của mỗi người, lại được đội thông tin tổ chức “truyền hịch” vào các đêm thanh vắng như có sức vang động sâu xa và cổ vũ mọi người đứng lên làm được nhiều việc không ngờ. Các thôn Phú Mỹ Hạ, Tịch Điền, Ngọc Án... là nông thôn không phải tản cư nhưng phải dẫn dân. Các gia đình đưa bớt người già, trẻ em về gửi cho bà con ở các huyện nông thôn. Còn toàn thể người lớn, khỏe mạnh được huy động hết đợt này đến đợt khác di chuyển các cơ quan tỉnh và Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam, về các hướng Nghĩa Hành, Sơn Tịnh; rồi lại phải giúp bà con buôn bán ở 3 phường nội thị tản cư về những nơi thuận tiện việc ăn ở và làm ăn lâu dài. Đến giữa năm 1947 cả 3 phường nội thị vắng hắt. Các hiệu buôn đóng cửa, các xí nghiệp thủ công ngừng sản xuất. Người thưa, đường vắng, dân quân tự vệ Nghĩa Lộ được giao thêm nhiệm vụ tuần tra canh gác ở đây. Để phù hợp với tình hình

mới, cấp trên đã quyết định giải tán cấp hành chính thị xã, đưa 3 phường nội thị nhập vào Nghĩa Lộ và trực thuộc huyện Tư Nghĩa.

Tháng 4/1947, Ban phá hoại được thành lập và triển khai mọi việc. Lại “truyền hịch”⁽¹⁾ đêm đêm lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “... phá hoại để kháng chiến ... đánh thì phải phá hoại... phải phá đi, để chặn địch lại, không cho chúng tiến lên, không cho chúng sử dụng...”. Theo chủ trương của tỉnh, lực lượng phá hoại sẽ huy động sức của nhân dân các phủ huyện, nhưng nhân dân Nghĩa Lộ ở tại nơi chẳng những phải gánh vác phần nặng nhọc nhất mà còn phải giúp chỗ ăn, chỗ ở, giúp đỡ mọi mặt sinh hoạt, ốm đau cho hàng vạn người từ các nơi đến. Chi bộ, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể cứu quốc, tất bật suốt ngày đêm, hết tháng nọ đến tháng kia lãnh đạo quần chúng thực hiện mọi việc. Các nhà lớn như nhà Phạm Chung, Bả-ga-lô (gần Cống Kiểu) đồn khố xanh (trong nội thành) lần lượt bị phá. Cầu Trà Khúc bị đánh sập. Thành cổ cũng bị đào phá di chuyển hàng triệu m³ đất đi nơi khác. Chưa xong việc đó đã chuyển sang dỡ đường sắt, khiêng dấu đường ray, tà vẹt vào chỗ kín và đào hầm chữ chi, đắp ụ nổi trên các ngã đường Bắc Nam, đường thị xã đi Nghĩa Hành, đi Thu Xà để ngăn xe cơ giới của địch. Cơ ngơi vừa giành lại được từ tay kẻ địch bây giờ phải phá đi, lòng ai cũng cảm thấy xót xa, nhưng quyết tâm kháng chiến đã

(1) Hình thức “Truyền hịch” được sử dụng phổ biến trong thời này để kêu gọi tòng quân, phá hoại để kháng chiến... thường kết hợp với hát các bài “Đoàn vệ quốc quân”, “Cùng nhau đi hồng binh” và hát các bài hò, điệu lý thích hợp. Thời đó ở Phú Mỹ Hạ đã có câu: “Anh Mão nhắn với chị Chi. Tối nay truyền hịch có đi không nào?”.

giúp mọi người đủ sức lực hoàn thành kế hoạch vào nửa cuối năm 1948.

Trong lúc đó lực lượng dân quân, tự vệ được nhanh chóng phát triển và củng cố. Toàn xã đã thành lập 2 đại đội. Chỉ huy cả 2 đại đội là xã đội do đồng chí Đoàn Khắc Bảng làm xã đội trưởng, đồng chí Nguyễn Vỹ làm chính trị viên. Vũ khí tuy chỉ là giáo mác, lưỡi lê nhưng tập luyện khá chu đáo và hàng ngũ kỷ luật rất chặt chẽ. Dân quân tự vệ được huy động vào việc đào hầm trú ẩn dọc các ngã đường để chống máy bay, cắm chông ở Gò Thối Quyển, quanh núi Bút và sân bay, xây dựng làng chiến đấu, xây cộng sự chiến đấu ở Nam cầu Trà Khúc, xây dựng một số hầm chứa lương thực, mắm muối theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên để đề phòng phải chiến đấu lâu dài.

Mặc dù phải đảm đương nhiều công việc nặng nhọc nhưng ngày 27/7/1947 Hội mẹ binh sĩ và Hội phụ nữ cứu quốc Nghĩa Lộ đã tổ chức tốt ngày thương binh liệt sĩ đầu tiên với việc vận động gia đình nào cũng có hũ gạo nuôi quân, nuôi một con gà kháng chiến và có 50 gia đình nhận nuôi 50 thương, bệnh binh tại nhà.

Nhân dân Nghĩa Lộ còn phải bận bịu thêm về việc lo cho con em chỗ ở, lương thực, thực phẩm để theo học các trường ở nơi sơ tán.

Đầu năm 1948, thực hiện chủ trương “vừa kháng chiến vừa kiến quốc” và lời kêu gọi “... sĩ, nông, công, thương, binh, trai, gái, già, trẻ, toàn thể quốc dân ta, vô luận ở địa vị nào, làm công việc gì, phải ra sức tham gia cuộc thi đua yêu nước”.

Người người thi đua.

Ngành ngành thi đua.

Ngày ngày thi đua.

Ta nhất định thắng.

Địch nhất định thua.

Nhân dân Nghĩa Lộ thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đã tập trung sức vào sản xuất lúa gạo, hoa màu. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, chính quyền và mặt trận nhân dân ra sức duy trì 2 bờ xe nước đã được khôi phục từ năm trước, nhưng đang khó khăn về quản lý. Ông Quản Thiện được mời ra chăm lo bờ xe Đồi (còn gọi là bờ xe Tân) ông Trùm Lượng phụ trách bờ xe Cự. Nước đổ được các cánh đồng Bầu He, Bầu Liên, Bầu Ruộng, đến đồng Thối Quyển. Ở phía Nam khôi phục lại đập Bầu Giang rồi dùng gàu, guồng đưa nước vào ruộng. Vùng xa nước được huy động đào ao, vét giếng dùng cần vọt đưa nước lên ruộng, quyết không để đám ruộng nào bỏ không. Để tăng thêm diện tích trồng trọt, nông dân đã ra sức khai hoang vỡ hóa. Nổi tiếng trong việc này có hai ông Phạm Được, Nguyễn Ân đã khai phá “Đám ruộng Một” (có người gọi là đám ruộng Chàm) không ai dám cày cấy đến hàng trăm năm trước. Ông Phạm Hách khai phá mọi chỗ trống và vùng rìa gò Thối Quyển (bãi tha ma rộng lớn - nơi người ta cho là ma quỷ thần linh tác oai tác quái) tất cả được trồng mì, trồng đậu, trồng rau xanh mướt cả bốn mùa. Kỹ thuật sản xuất dần dần được phổ biến, nông dân ở đây thuộc lòng và ra sức vận dụng kỹ thuật “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”. Giải quyết được nước rồi, người ta tập

trung vào làm đủ loại phân, phân lá xanh ủ vôi, phân tro nước tiểu, cả phân người từ hố xí hai ngăn... và tích cực “cuốc ải” - thứ kỹ thuật truyền thống để tăng năng suất. Tuy làm lụng có vất vả hơn, phải hai sương một nắng nhưng nông dân làm chủ ruộng đất, làm ăn có bài bản, đồng ruộng tươi tốt, đời sống được đảm bảo nên mọi người rất tin tưởng phấn khởi. Nông dân Nghĩa Lộ còn được huy động tham gia đào kênh Tư Nghĩa để đưa nước sông Trà Khúc về bổ sung nước cho sông Bàu Giang. Chi đoàn thanh niên cứu quốc thôn 5 xuất sắc trong vượt năng suất được tặng cờ thi đua và tuyên dương trước toàn công trường.

Để tiến đến tự túc các nhu cầu trong cuộc sống, nhân dân hưởng ứng chủ trương bột mía, trồng bông, trồng dâu, trồng lạc. Các vùng đất cao sát Bàu He trước kia chuyên trồng mía, nay chuyển sang trồng mì, bông, trồng đậu lạc. Nhà nào cũng lo trồng 10 cây bông vải. Dọc bờ sông bà con trồng dâu, nuôi tằm. Bà Nguyễn Thị Phố ở Bàu Dâu đã nuôi tằm và xây dựng cơ sở kéo tơ, dệt lụa. Trong nhà bà có lúc có đến 5 khung dệt lụa. Nghề ép dầu dừa, dầu phụng (để phục vụ thắp sáng) phát triển khá sớm. Các nghề mộc, nghề rèn, nghề may tằm vào thôn xóm cũng dần dần được khôi phục lại phục vụ nhu cầu mới. Nghề làm đường phèn, đường phối tuy ít hơn nhưng vẫn được duy trì. Nghề làm giấy, làm phấn viết, làm xà phòng bắt đầu xuất hiện. Hàng hóa bắt đầu dồi dào. Việc họp chợ, mua bán phải chuyển vào ban đêm (tránh máy bay địch oanh tạc) nhưng cũng khá tấp nập. Quán Ấm (ngã năm cũ hiện nay) trở thành nơi buôn bán sầm uất. Giữa năm 1948, đường xe lửa được khôi phục chạy bằng goòng từ



**Quang cảnh một góc thôn Gò Nại,
tiêu biểu cho nông thôn Nghĩa Chánh trước đây.**

An Tân (Quảng Nam) đến Phú Yên. Đồng bạc tín phiếu có hình Hồ Chủ tịch, có chữ ký của đại diện Chính phủ Phạm Văn Đồng được phát hành giúp trao đổi, lưu thông trong 4 tỉnh thuận lợi gây niềm tin lớn cho nhân dân. Mặc dầu cuộc sống dần dần ổn định, sản xuất phát triển, đời sống được cải thiện nhưng nhân dân vẫn “triệt để thực hành tiết kiệm”, nhất là trong việc không dùng gạo để nấu rượu, làm bánh, làm bún,...

Ngày 14/4/1948, máy bay địch thả bom ở cửa Bức làm 2 người bị thương, thả bom và bắn phá bến đò Trà Khúc (thế cho cầu bị đánh sập trong lần phá hoại) làm chết hàng chục khách vãng lai, rồi thả bom trường trung học bình dân đang sơ tán ở Nghĩa Hành. Vì thế thi đua sản xuất nhưng không lơ là việc xây dựng địa phương về mọi mặt để sẵn sàng đánh địch. Lực lượng dân quân tự vệ xã được tổ chức lại. Mỗi thôn thành lập 1 trung đội dân quân, tập luyện ít, chăm lo tuần tra canh gác trong thôn. Số khỏe mạnh trong toàn xã được tổ chức thành 2 đại đội du kích, tập luyện nhiều hơn, trang bị vũ khí đầy đủ hơn với tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Hệ thống chỉ huy các đơn vị cũng được kiện toàn. Cán bộ trung đội, tiểu đội được chọn lựa và bồi dưỡng chu đáo. Tất cả đều do Ban xã đội chỉ huy. Đồng chí Nguyễn Hữu Thiệu làm xã đội trưởng, đồng chí Đoàn Thành, Thường vụ chi ủy làm chính trị viên. Xã đội dân quân, du kích ra sức thực hiện chủ trương của chi bộ làm nòng cốt trong cuộc vận động toàn dân tham gia kháng chiến với khẩu hiệu “mỗi người là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một chiến lũy”. Việc nuôi dưỡng chăm sóc các kỳ tập luyện được

các mẹ chiến sĩ và Hội phụ nữ lo lắng chu đáo, mẹ Hòa và mẹ Lăng nổi tiếng cả xã về mặt này. Đại đội du kích đã được huy động tham gia cuộc tổng diễn tập cùng bộ đội chính quy Liên khu V ở sân vận động (sân vận động Diên Hồng ngày nay). Sau đó các trung đội được lần lượt đưa ra tham chiến ở chiến trường Quảng Nam để được thật sự tiếp cận với chiến trường và quen dần với tác phong chiến đấu. Trong năm này đã có hơn hai chục thanh niên, du kích gia nhập tiểu đoàn 14 và trung đoàn 126. Tuần lễ mùa đông binh sĩ được tổ chức rất chu đáo, ngoài việc chăm sóc những thương bệnh binh đã nuôi ở xã, ủy lạo dân quân tự vệ, Hội mẹ binh sĩ còn quyên góp hàng chục nghìn đồng, 50 ang lúa và nhiều thuốc men gửi cho các trại điều dưỡng thương bệnh binh. Tình hình văn hóa giáo dục cũng phát triển tốt, nạn mù chữ đã thanh toán từ lâu, toàn xã có đến 18 lớp bổ túc văn hóa. Việc ăn ở theo đời sống mới, ăn sạch ở sạch, đi vào nề nếp.

Chi bộ sau một thời gian ngừng kết nạp đảng viên mới để củng cố, đã được phát triển trở lại và phát triển khá nhanh, Đại hội chi bộ đã kiểm điểm ưu khuyết điểm trong lãnh đạo mọi mặt công tác, bàn bạc chủ trương, biện pháp mới và bầu cử cấp ủy, đồng chí Nguyễn Thế Minh được bầu làm Bí thư (1).

Tháng 3/1949 địch thả bom bắn phá trường trung học Lê Khiết đang sơ tán ở Nghĩa Mỹ (gần sông Vệ) giết chết cô giáo Cúc Hoa dạy toán, người Nghĩa Lộ và 18 em học sinh trong tỉnh.

(1) Đồng chí Nguyễn Thế Minh được rút lên huyện từ giữa năm 1946. Nay được đưa về tăng cường cho xã.

Chấp hành chủ trương biệt phái cán bộ, tăng cường cho các chiến trường, chi bộ đã cử đồng chí Võ Thành Lượng đi Hạ Lào, các đồng chí Nguyễn Vỹ, Nguyễn Bút đi chiến trường Khu VI.

Ngày 13/6/1949 bầu cử Hội đồng nhân dân xã thu hút nhiều nhân sĩ tiêu biểu nhằm tăng cường đoàn kết kháng chiến. Ủy ban kháng chiến hành chính được bầu lại, ông Tạ Tuynh được bầu làm Chủ tịch. Hàng chục thanh niên nhập ngũ như các ông Phạm Văn Thành, Nguyễn Trợ.

Tháng 7/1949, địch lại thả bom và bắn phá ở ngã ba Quán Ấm, Phú Yên 3, Tàu Tượng và các bờ xe nước, phá hủy nhiều nhà cửa, đình chùa, làm một số người bị thương, cả hai bờ xe phải ngưng hoạt động. Lãnh đạo xã đã kịp thời huy động các động cơ ô tô thay thế việc đưa nước vào ruộng rồi huy động mọi lực lượng chữa lại các bánh xe, mương máng để các bờ xe chạy trở lại. Nhờ thế mùa màng vẫn được tươi tốt, sản xuất lương thực vẫn đạt chỉ tiêu, các ngành nghề thủ công phát triển nhanh. Giấy, phấn, xà phòng tự túc đã ra đời. Đồ gốm, đồ thủy tinh bắt đầu sản xuất lần lượt tự cung tự cấp các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Về Đảng, Đảng đã phát triển rất nhanh, đã có đến trên 100 đảng viên.

Sang năm 1950 tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển có lợi cho cách mạng Việt Nam. Thực dân Pháp ngày càng thua trên các chiến trường và rơi vào thế lúng túng phải dựa vào đế quốc Mỹ. Cách mạng Trung Hoa thắng lợi, biên giới Việt Trung được khai thông. Các nước xã hội chủ nghĩa tích cực giúp đỡ ta về tinh thần và vật chất. Trên cơ sở đó Trung ương Đảng ta đề ra chủ trương tổng động

viên cả nước theo khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”, nhân dân vô cùng phấn khởi. Hàng trăm thanh niên nô nức tòng quân, trong đó các ông Nguyễn Thế Bình, Trương Ba, ... gia nhập tiểu đoàn 77 thuộc trung đoàn 108 (trung đoàn chủ lực của Liên Khu V). Nhân dân đóng góp quỹ để phục vụ cho cuộc tổng phản công được gần 1 triệu đồng và 5 tấn thóc.

Thời tiết thất thường, bom đạn địch lại luôn luôn bắn phá các bờ xe nước nên sản xuất nông nghiệp gặp khó khăn, mùa tháng 3 lại ít mưa, cây cấy không được bao nhiêu nên thu hoạch giảm sút rõ rệt. Chủ trương đề phòng nạn đói được nêu ra, nhân dân trồng rau, trồng cây ngắn ngày, tăng cường việc ăn độn. Tuy khó khăn nhưng nhờ sự lãnh đạo của Đảng và phấn đấu không mệt mỏi của nhân dân trong mấy năm, chất lượng cuộc sống được nâng cao rõ rệt. Chánh Lộ trước kia mang tiếng là tỉnh lý, tập trung đủ loại trường, nhưng chưa bao giờ có đến 1000 học sinh đi học các lớp cấp I (tiểu học) ở ngay trong xã, hàng trăm em theo học cấp II (trung học cơ sở) ở trường huyện và có gần 30 học sinh theo học cấp III (lớp 8, 9, trung học phổ thông) ở trường Lê Khiết⁽¹⁾. Công cuộc xây dựng đời sống mới ngày càng đi sâu vào quần chúng. Nạn cờ bạc, trộm cắp, hút sách hầu như mất hẳn. Tập tục cưới xin linh đình, ma chay chè chén được nhân dân tự ý dẹp bỏ. Cuộc vận động ăn ở vệ sinh được thực hiện đến từng thôn xóm: nhà sạch, đường quang. Việc uống nước

(1) Theo hệ thống cải cách giáo dục năm 1950. Cấp I có 4 lớp: 1, 2, 3, 4; cấp II có 3 lớp: 5, 6, 7 và cấp III có 2 lớp: 8, 9. Phần lớn theo học ở nơi sơ tán.

đun sôi để nguội, ăn dưa 2 đầu và khẩu hiệu tam tinh (3 sạch: ăn sạch, ở sạch, uống sạch) và tứ diệt (4 diệt: diệt ruồi, diệt muỗi, diệt chuột, diệt chấy, rận) được từng người dân tự giác thực hiện.

Thực dân Pháp âm mưu từ Komplong (Kontum) đánh ra miền Tây Quảng Ngãi để xóa bỏ vùng tự do Liên Khu V. Chúng cho bọn tay sai luồn về phá hoại ở Sơn Hà. Muốn ngăn chặn từ đầu, cấp trên chủ trương bổ sung lực lượng cho các huyện miền Tây. Chấp hành chủ trương đó, Nghĩa Lộ đã điều 4 người bổ sung cho Sơn Hà trong đó có các anh Tạ Duy Nghĩa, Tạ Huệ. Nhưng cuộc bạo loạn Sơn Hà vẫn xảy ra. Chúng đã giết chết nhiều cán bộ du kích đang công tác ở đây, trong đó có 2 người quê ở Nghĩa Lộ đi buôn, gây lo lắng cho mọi người. Được sự chỉ đạo của Trung ương mà trực tiếp là Hồ Chủ tịch các cấp lãnh đạo tiến hành việc giáo dục thuyết phục đồng bào bị lầm đường theo giặc lần lượt quay về và chặn đánh các cuộc hành quân của binh lính Pháp, gây cho chúng thất bại nặng nề. Cuộc bạo loạn dần dần được dẹp yên, nhân dân thêm tin tưởng vào đường lối của Đảng.

Chi bộ có đông đảo đảng viên, được bố trí lãnh đạo ở các cơ quan chính quyền, đoàn thể, mặt trận và các ngành chuyên môn đến từng thôn xóm nên mọi chủ trương chính sách được thực hiện khá nhanh, tốt. Nhưng công tác phát triển Đảng có lúc diễn ra ồ ạt, kết nạp 5, 7 người một lần. Việc giáo dục ý thức giai cấp, ý thức cách mạng không sâu, việc thử thách lại qua loa nên một số phú nông, địa chủ còn mang nặng tư tưởng bóc lột đã lọt vào Đảng và bắt đầu có phản ứng trong việc thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức,

đóng đảm phụ. Thấy được tình hình trên, tháng 9/1950, Trung ương Đảng có chủ trương tạm ngừng kết nạp Đảng viên, tiến hành củng cố Đảng.

Phong trào văn nghệ trong thời này lên rất cao. Ngoài các đội văn nghệ ở xã, ở tỉnh, đoàn văn nghệ Liên Khu V thường về biểu diễn ở Nghĩa Lộ. Mỗi lần nghệ sĩ Lệ Thi hát bài “Gửi người lính bên kia trận tuyến” của Lưu Trùng Dương, khán giả im phăng phắc, theo dõi, khi vừa dứt, tiếng vỗ tay vang dội, mọi người hết lời khen ngợi tán thưởng. Chị Lệ Thi còn đóng vai chánh trong tuồng “Chị Ngộ”, đến cảnh Tây giết và cắt đầu cán bộ Việt Minh, khán giả biểu lộ cảm thù cao độ. Văn nghệ đã góp phần to lớn trong việc động viên nhân dân kháng chiến và kiến quốc.

Chấp hành chủ trương của nhà nước và sự chỉ đạo của cấp trên thực hiện việc tinh giảm biên chế theo hướng “Kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, xây dựng xã”, cấp ủy đã đưa nhiều đảng viên thuộc thành phần nhân dân lao động, có quá trình thử thách, có uy tín với quần chúng vào các cơ quan, chính quyền, lực lượng vũ trang, mặt trận và các đoàn thể. Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố vững mạnh. Vào cuối năm 1951, theo chỉ đạo của cấp trên, tổ chức hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt củng cố thêm sự đoàn kết các tầng lớp nhân dân hướng vào kháng chiến, phê phán luận điệu phản tuyên truyền của một số phần tử Quốc dân đảng vừa mới xuất hiện, động viên mọi người thực hiện các chủ trương chính sách. Tiếp đó các đoàn thể cứu quốc cũng tiến hành đại hội, bầu ra Ban chấp hành mới có nhiều năng lực, năng nổ hơn. Đoàn thanh niên

cứu quốc xã dẫn đầu phong trào “khỏe để phục vụ Tổ quốc” trong toàn huyện, phong trào ăn ở vệ sinh ngày càng phát triển, 40% gia đình đã có giếng, 60% có nhà tắm, hố xí 2 ngăn.

Địch cũng ra sức đánh phá ta. Tháng 8/1951 chúng đưa quân đánh chiếm đảo Lý Sơn, uy hiếp cả vùng ven biển. Các ngư dân không thể đi đánh cá được. Cuộc sống ngày càng một khó khăn. Trong đất liền, máy bay địch thả bom, bắn phá nhiều hơn. Riêng ở Nghĩa Lộ chúng thả bom, nã pháo bắn phá ở Cửa Đông làm chết bà Cao Thị Ty, ông Nguyễn Hồ và một em nhỏ, ở Phú Mỹ Hạ làm chết bà Trần Thị Nhỏ. Chúng bắn nát hai bờ xe nước, phải điều máy ô tô ra chạy nước đến gần cả tháng để sửa chữa.

Sang năm 1952, thực hiện sắc lệnh về thuế nông nghiệp, chỉ bộ bàn bạc các biện pháp cụ thể. Lại thông báo, lại truyền hình... Các đoàn thể học tập, giải thích. Nhân dân tích cực thi đua nộp thuế nông nghiệp. Đêm nào loa cũng đi khắp nơi vừa động viên, vừa nhắc nhở, vừa biểu dương những gương tốt.

Hoan hô cho cụ Nguyễn Ân

Thuế thì nộp đủ chẳng cần nói lâu.

Nhờ chỉ đạo sát sao, Nghĩa Lộ nơi có nhiều người giàu có, nhiều ruộng đất phát canh thu tô nên số thuế nông nghiệp rất lớn nhưng đã hoàn thành xuất sắc ngay trong năm đầu. Tuy vẫn có người kêu ca, thắc mắc, trong đó có một số đảng viên.

Thực hiện chủ trương củng cố Đảng, cấp trên đã chỉ đạo

những nội dung và phương pháp nghiên cứu và thảo luận ở từng tổ Đảng. Qua học tập, mỗi đảng viên đều được xác lập quan điểm lập trường giai cấp công nhân, thông suốt chủ trương chính sách của Đảng, tự liên hệ để thấy chỗ yếu kém của mình và hạ quyết tâm khắc phục. Vui mừng với những kết quả học tập vừa đạt được, lại vui mừng Đảng ta ra công khai lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam, toàn Đảng bộ tổ chức đại hội. Đồng chí Võ Đình Trị được bầu làm Bí thư.

Hạn hán đã gây nhiều khó khăn cho sản xuất nông nghiệp từ năm 1951, bước sang năm 1952 còn khó khăn lớn hơn gấp bội. Máy bay địch nhiều lần thả bom, bắn phá nhiều nơi trong xã. Chúng thả bom ở Chùa Dầu, cầu phao Trường Giang, bến đò Trà Khúc, ở Gò Hống, làm chết bà Nguyễn Thị Sao và bà A, thường xuyên bắn phá bờ xe nước; chữa xong lại bị bắn phá. Hạn hán lại kéo dài, nước tưới thiếu nghiêm trọng. Nhiều ruộng không cấy được. Thu hoạch mùa tháng Tám giảm sút quá lớn. Tháng 8/1952 có trận bão lửa (nóng, phá hoại lớn). Tháng 10 lại có trận lụt lớn làm chết 5 người, hàng trăm nhà sụp đổ, 7 nhà bị nước cuốn trôi, cuốn trôi cả lương thực thực phẩm dự trữ. Đã thiếu lương thực còn thiếu cả muối. Do địch khống chế ở mặt biển và thường đổ bộ đánh phá các làng mạc ven biển, nhân dân ở đây đã không đánh cá được, đến làm muối cũng bị địch phá hoại đến cùng. Thiếu muối không chịu được, lẻ tẻ có người xuống biển gánh nước biển về nấu thay muối. Đảng bộ chủ trương nên đi có tổ chức, có lực lượng dân quân tự vệ đi bảo vệ. Nạn đói đã xuất hiện ở nhiều nhà. Nhưng nhờ chủ trương đề phòng nạn đói của Đảng bộ từ năm 1951, những cây ngắn

ngày, rau khoai trồng được khá nhiều cũng tạm đỡ bữa. Nhà nước lại kịp thời chủ trương giảm 100% thuế nông nghiệp cho các nông dân nghèo. Mọi người hết sức vui mừng, tin tưởng. Mặt trận chỉ còn đứng ra vận động giúp đỡ một số gia đình neo đơn, già cả quá khó khăn. Mọi sự quyên góp trong xã đều tập trung cho việc cứu đói, cho đồng bào ven biển Bình Sơn, Sơn Tịnh. Lợi dụng tình hình khó khăn trên, một số tên phản động đội lốt tôn giáo, Quốc dân Đảng truyền xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ, khoét sâu sự dao động, bất mãn của một số phú nông, địa chủ.

Công tác trọng tâm trước mắt là lãnh đạo nhân dân tập trung sản xuất lương thực vừa để đảm bảo cuộc sống, vừa cung ứng cho cuộc kháng chiến ngày càng nhiều. Chi ủy đã tập trung bàn bạc việc giải quyết nước tưới bằng mọi cách, bờ xe, động cơ ô tô, đào ao, vét giếng, tận dụng gàu, guồng,... Nhờ đó vụ tháng Tám năm 1953 cấy được hầu hết diện tích. Hoa màu cũng phát triển khá, thu hoạch tương đối tốt. Nhưng cuộc sống của nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn do hậu quả vay mượn từ nạn đói năm trước. Vì thế nhiều gia đình hết thu hoạch cũng là hết gạo.

Quán triệt nhiệm vụ “Phóng tay phát động quần chúng nông dân, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức, chia lại công điền, chia hẳn ruộng đất của thực dân Pháp và việt gian cho nông dân”. Dựa vào sự chỉ đạo của cấp trên và học tập kinh nghiệm một số xã ở Mộ Đức, Chi ủy củng cố lại Nông hội, phát huy vai trò của Nông hội, từ việc tổ chức cho các hội viên nông dân cứu quốc học tập, hiểu rõ chủ trương, thu thập

tất cả ý kiến, nguyện vọng của nông dân, trên cơ sở đó điều chỉnh lại việc chia 2,5 mẫu ruộng của Nguyễn Thân trước kia cho thật hợp lý. Chia lại công điền theo hướng rút phần chia cho người có nhiều ruộng trước đây, chia lại cho những người không có ruộng và giao cho nông dân chủ động đòi giảm tô, giảm tức đúng quy định. Chi ủy cũng chỉ đạo chặt chẽ giúp Mặt trận Liên Việt tổ chức học tập chủ trương cho tất cả các địa chủ và vận động mọi người nghiêm túc thực hiện việc giảm tô, giảm tức... Nhưng việc thực hiện không dễ dàng, địa chủ khai giảm diện tích, mượn cớ này cớ khác từ chối việc giảm tô hoặc giảm không đúng quy định. Tình hình giằng co buộc Chi ủy phải chấp thuận để nông hội tập hợp nông dân đấu tranh với 2 địa chủ, khi họ đồng ý từ bỏ cách chia tứ lục trước đây (4 phần của điền chủ, 3 phần cho tá điền, 3 phần cho xe nước) chấp nhận việc chia 3 (điền chủ, tá điền, xe nước mỗi bên 1 phần hoa lợi) và thôi hẳn việc đòi các tô phụ, nghiêm túc thực hiện chế độ lãnh canh (đảm bảo không tự ý thu ruộng đất) thì cuộc đấu tranh cũng kết thúc. Từ đó các địa chủ trong xã chịu chấp hành quy định giảm tô, giảm tức của Nhà nước. Cuộc đấu tranh kết thúc trong khí thế thắng lợi hào hứng, phấn khởi của nông dân. Phần lương thực được giảm tô và thoái tô nông dân thu được khá lớn. Đời sống được cải thiện. Tinh thần kháng chiến cũng được nâng lên rõ rệt. Qua đấu tranh, tinh thần của Đảng viên cũng được thử thách. Đồng chí Võ Đình Trị tỏ ra dao động, không yên tâm công tác, cấp trên đã quyết định cử đồng chí Đình Minh làm Bí thư Đảng bộ thay cho đồng chí Võ Đình Trị. Về Chi bộ do Đảng phát triển nhanh đến đầu

năm 1953 đã có gần 1000 đảng viên. Sinh hoạt Đảng hết sức khó khăn⁽¹⁾. Chấp hành chủ trương “Phân chi” thí điểm do Huyện ủy trực tiếp chỉ đạo, chi bộ chia làm 5 phân chi... Chi bộ 4 do đồng chí Trương Thanh làm Bí thư, chi bộ 5 do đồng chí Trần Tài làm Bí thư. Cấp ủy xã vẫn giữ như cũ lo việc chỉ đạo chung⁽²⁾.

Chấp hành chủ trương chỉnh huấn, chỉnh Đảng của Trung ương, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Tư Nghĩa, các đồng chí chi ủy đi dự lần lượt các khóa chỉnh huấn ngắn ngày do trường Đảng của tỉnh tổ chức, sau đó triển khai đến các chi bộ và đảng viên. Qua học tập, thảo luận và liên hệ kiểm điểm, các cán bộ đảng viên một lần nữa xác định lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân, phân biệt rõ ta, bạn, thù, nâng cao ý thức tư tưởng, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm. Các biểu hiện hữu khuynh bi quan, ngại khó, dao động được phê phán và đẩy lùi, ý thức vững vàng đảm đương nhiệm vụ cách mạng mới được nâng cao.

Từ tháng 5/1953, thực dân Pháp được sự hỗ trợ và xúi giục của đế quốc Mỹ ra sức xoay chuyển tình thế với âm mưu đánh chiếm toàn bộ các vùng tự do ở miền Nam, trong đó có vùng tự do Liên khu V, rồi tập trung chủ lực đánh bại quân ta trên chiến trường miền Bắc, giành thắng lợi quyết định, kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng. Để thực hiện

(1) Có lần Đại hội phải làm ngoài trời, tại sân ten-nít của Pháp trước kia (ở cửa Nam).

(2) Viết theo tài liệu cung cấp của các đồng chí Tạ Công Hiền, Đình Minh, Nguyễn Lý. Trong khi đó đồng chí Đoàn Thành lại bảo cả xã còn là 1 chi bộ. Xin ghi lại chỗ chưa thống nhất để nghiên cứu.

kế hoạch trên, chúng tăng cường thả bom, bắn phá bằng không quân, đổ bộ vùng ven biển đánh phá khắp nơi. Tháng 9/1953 chúng thả bom napal ở Ngọc Điền đốt cháy sạch nhà cửa và giết chết cả 2 mẹ con bà Lê Thị Tiên về sinh đẻ ở nhà cha mẹ. Tháng 11/1953, vợ ông Nguyễn Văn (đang đi dân công) bị bom địch giết chết ngay trên ruộng ở cuối Bàu Liên. Chúng cũng bắn hạ tất cả trâu bò, bờ xe nước, hồng triệt phá hoàn toàn việc sản xuất nông nghiệp⁽¹⁾. Với cả Liên khu V, từ tháng 12/1953 chúng mở cuộc hành quân Ất Lãng có 3 bước với âm mưu lần lượt đánh chiếm 4 tỉnh tự do của Liên khu V.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, của Liên khu V và quyết định của Tỉnh ủy Quảng Ngãi: "... huy động nỗ lực cao độ của Đảng bộ và quân dân toàn tỉnh, ra sức chiến đấu bảo vệ giữ vững vùng tự do, đồng thời tập trung ra sức phục vụ đắc lực cho chiến dịch Bắc Tây Nguyên"⁽²⁾, Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Lộ khẩn trương bắt tay ngay vào việc. Bên cạnh việc kêu gọi thanh niên tiếp tục đầu quân, chọn đủ số du kích bổ sung cho bộ đội chủ lực, kêu gọi một số nữ học sinh đi thanh niên xung phong, làm y tá phục vụ chiến trường; củng cố lực lượng dân quân, du kích, phân rõ nhiệm vụ của dân quân, của du kích; tiến hành củng cố lại làng chiến đấu, đắp thêm công sự, đào thêm hầm liên lạc, tiến hành đào hầm bí mật, củng cố lại các bãi chông, thực hiện chế độ trực ban, trực chiến với quyết tâm sẵn sàng bám đánh

(1) Viết theo hồi ức của ông Phạm Có - nđd.

(2) Dẫn theo Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân - NXB tổng hợp Nghĩa Bình 1988 - trang 130-131.

địch để bảo vệ quê hương. Các cụ Tạ Viên, Tạ Tục, Lê Xử, ... những bậc đầu quân gương mẫu đã sát cánh với anh chị em du kích trong mọi việc. Chấp hành chỉ thị của cấp trên, huy động hơn 300 dân công tiếp vận trong đợt đầu, tổ chức 50 người thành một đội, có đủ quang gánh, đi mỗi đợt 3 tháng để chuyển lương thực, thực phẩm, súng đạn, thuốc men lên Tây Nguyên. Đợt một sắp về thì đợt hai lên đường. Nhiều người đã liên tục đi 2, 3 đợt thế cho những người đau yếu như các ông Nguyễn Bình, Lê Ty, Nguyễn Thế. Ông Phạm Hách xin sung vào đội chuyển muối, chuyển đạn bằng ngựa. Đồng chí Nguyễn Hữu Thiệu được phân công tổ chức, điều hành công việc này. Hội phụ nữ trong dịp này cũng phát huy hết năng lực của mình trong phong trào “Ba đảm đang”, vận động tất cả chị em gánh vác tất cả công việc đồng áng từ cày, bừa, cuốc ải,... đến lo mọi việc gia đình, nuôi dạy con cái để chồng, con rảnh tay lo việc chuẩn bị chiến đấu ở địa phương và đi dân công phục vụ tiền tuyến.

Tuy vất vả, gian khổ nhưng lòng người đầy náo nức, lạc quan vì ai cũng nhận rõ ý nghĩa của việc mình đang làm. Tin tức thắng lợi trên toàn quốc và trên chiến trường Liên khu V, càng làm phấn khởi lòng người. Đêm 27/1/1954 tiếng súng tấn công Bắc Tây Nguyên của ta đã nổ dòn, tin căn cứ Măng Đen bị quân ta bóc sạch, tin các cứ điểm ở Komplong bị quân ta san phẳng dồn dập đưa về. Tiếp theo là các đoàn dân công từ chiến trường mang chiến lợi phẩm quay về, rồi ngày 7/2/1954 tin thị xã Kon Tum và toàn tỉnh Kon Tum hoàn toàn giải phóng. Mọi người sung sướng, reo hò như quên đi mọi vất vả, mệt nhọc và cảm thấy như thắng lợi đã gần kề.

Không ai bảo ai, mọi gia đình cùng nhau “đậu hàng”⁽¹⁾ làm heo ăn mừng chiến thắng và đón chồng con đi dân công trở về.

Kẻ địch bị thua chạy liểng xiểng nhưng chưa chịu thất bại, ngày 12/3/1954 chúng cố tập trung quân cơ động đổ bộ lên Quy Nhơn hòng chiếm tỉnh này rồi tiến ra Quảng Ngãi. Nhưng hôm sau ngày 13/3/1954 quân ta nổ súng tiến công vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Quân địch rối loạn thế chiến lược đành bỏ kế hoạch đánh chiếm vùng tự do Liên khu V. Không lâu sau, ngày 7/5/1954 tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị ta tiêu diệt hoàn toàn. Cả tướng quân kẻ chết, kẻ đầu hàng. Thắng lợi Bắc Tây Nguyên rồi thắng lợi Điện Biên Phủ là những thắng lợi có ý nghĩa quyết định của chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cũng là chiến thắng vĩ đại kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta.

Bị thất bại thảm hại, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, thực hiện ngừng bắn tạm lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời để quân Pháp tập kết ở miền Nam trong 2 năm rồi rút về nước để cho nhân dân Việt Nam tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Tình hình chuyển biến nhanh. Vui mừng thắng lợi chưa vơi thì nỗi lo tình hình mới, nhiệm vụ mới lại đến. Đảng, chính quyền ra sức giúp đỡ cho nhân dân hồi cư, trợ giúp cho các cụ già, các gia đình thiếu đói, khó khăn, tạo điều kiện

(1) Nhiều gia đình thống nhất với nhau về giá cả rồi mổ heo, mổ bò chia nhau ăn, đến mùa sẽ trả bằng tiền hoặc bằng lúa.

cho mọi người ổn định cuộc sống. Dựa vào lực lượng quân đội, chính quyền địa phương cho khôi phục, sửa chữa các bờ xe, đập ngăn Bàu Giang để nhân dân có điều kiện sản xuất năm sau. Đảng bộ cũng ra sức tuyên truyền chiến thắng, phân tích rõ tình hình đất nước phải tạm thời chia làm 2 miền, củng cố lòng tin của mọi người vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự tất thắng của sự nghiệp cách mạng; động viên, khuyến khích mọi người đi dự liên hoan mừng chiến thắng do Liên khu tổ chức. Đảng ủy, chính quyền còn theo sự chỉ đạo của cấp trên bố trí sắp xếp cán bộ, cốt cán, chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình mới. Thời gian còn ít, bao nhiêu việc phải làm, hối hả cả ngày lẫn đêm. Còn nhân dân thì vui mừng với chiến thắng nhưng lại lo lắng một ngày không xa nữa lại phải sống dưới chế độ áp bức của kẻ thù. Cuối cùng mọi người nói nhỏ với nhau là chỉ còn mong ở đường lối sáng suốt của Đảng. Một số gia đình lại phải chuẩn bị tiễn biệt nhau, các cuộc tiễn biệt lại diễn ra đủ vè. Vợ chồng ông Phạm Phương tiến đưa 2 người con (một trai, một gái)⁽¹⁾ ra miền Bắc với những lời dặn dò ân cần, cố gắng học tập rèn luyện để phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Nhưng cuộc chia tay ở nhà ông Phạm Đình Tường thì gay gắt đến mức đòi lấy súng bắn nhau⁽²⁾ ông Phạm Văn Diêu một sĩ quan cao cấp của quân đội ta đành ngậm ngùi xa gia đình, xa quê hương trong cảnh thấy rõ anh trai mình đã đứng bên kia trận tuyến chiến đấu.

(1) Nhà ông Phạm Phương có hai con tập kết ra Bắc là ông Phạm Đức và bà Phạm Thị Nga.

(2) Nhà ông Phạm Đình Tường cũng có hai con tập kết ra Bắc: ông Phạm Văn Diêu- sĩ quan quân đội và bà Phạm Thị Hường.

Cũng như nhân dân cả nước, cả tỉnh, nhân dân khu vực Nghĩa Chánh, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đấu tranh giành được chính quyền, làm chủ cuộc sống và làm đủ mọi việc trong kháng chiến chống thực dân Pháp để giữ vững tự do góp phần xuất sắc vào sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Tuy phải trải qua nhiều năm tháng gian khổ, khó khăn, nhưng ai cũng vui mừng được thụ hưởng cuộc đời nghìn năm có một và phấn khởi thấy mình có thể làm được nhiều việc to lớn, mới lạ chưa từng có. Cuộc đời như đang rộng mở, phơi phơi đi lên phía trước. Nhưng bão táp vẫn không ngừng đe dọa cách mạng Việt Nam. Nhân dân Nghĩa Lộ trong đó có nhân dân khu vực Nghĩa Chánh lại phải bước vào giai đoạn đấu tranh cách mạng mới.

PHẦN THỨ TƯ

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH THỜI KỲ 1954-1975

Đang ở trong tư thế tự do ngẩng cao đầu chiến đấu và chiến thắng, bây giờ vì sự phát triển chung của cách mạng, nhân dân miền Nam trong đó có nhân dân Nghĩa Lộ lại phải tạm chấp nhận cuộc sống bị đè đầu cưỡi cổ của chế độ thực dân mà mình đã từng đứng lên đánh đổ. Đất nước tạm thời phải chia thành hai miền, miền Nam dưới sự cai quản của đối phương, nhưng cho dù chỉ 2 năm (theo Hiệp định Giơ-ne-vơ) thì cũng đã là một nỗi khổ ải. Tất nhiên, cuộc đấu tranh cách mạng không thể hạn định bằng thời gian. Bác Hồ trong thư kêu gọi vào ngày 22/7/1954 đã nói: “Trung-Nam-Bắc là đều bờ cõi nước ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng”. Nhưng Bác cũng đã nói “... Đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn toàn độc lập, dân chủ cũng là cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ”. Đương nhiên đã xuất hiện trong cán bộ và nhân dân những băn khoăn trước một giai đoạn mới của cách mạng. Và thực tế quả không phải chỉ hai năm, mà phải kéo dài đến 20 năm máu lửa, nước ta mới đi tới thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch mùa xuân 1975. Hai mươi năm đấu tranh ấy, cán bộ và nhân dân Nghĩa Chánh đã trải qua nhiều bước thăng trầm để cùng toàn dân tộc đi tới thắng lợi hoàn toàn.

CHƯƠNG VII

CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH CHỐNG ĐỊCH TỔ CỘNG, DIỆT CỘNG, ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP NGHỊ GIƠ-NE-VƠ, BẢO TỒN THỰC LỰC CÁCH MẠNG (1954-1959)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong 80 ngày ngắn ngủi sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Đảng bộ xã Nghĩa Lộ đã tập trung hoàn thành các nhiệm vụ chính trị của mình trước tình hình mới, cụ thể là:

- Phát huy thắng lợi của Hiệp định Giơ-ne-vơ, phổ biến, quán triệt hiệp định trong toàn Đảng bộ, cán bộ và nhân dân, đồng thời ổn định cuộc sống của nhân dân, củng cố khối đoàn kết toàn dân, chuẩn bị tư tưởng cho mọi người sẵn sàng bước vào cuộc đấu tranh mới dưới ách thống trị của địch.

- Chuẩn bị bộ máy tổ chức, chọn bố trí cán bộ ở lại hoạt động, xã có từ 5-7 người, mỗi thôn xóm có từ 1-3 người, đồng thời xây dựng nơi ăn chốn ở cho lực lượng ở lại, truyền đạt phương pháp công tác và phương pháp đấu tranh trong lòng địch.

- Giải quyết cho cán bộ, chiến sĩ đi tập kết, bao gồm cán bộ chủ chốt quân, dân, chính, Đảng ở xã, thôn, ấp. Từ tháng 9/1954, Đảng bộ đã hình thành Ban chuyển hướng công tác xã Nghĩa Lộ do đồng chí Đinh Minh, nguyên Bí thư xã Nghĩa Lộ làm Trưởng ban⁽¹⁾, đồng chí Tạ Công Hiến (Mai Lương) làm Phó ban, đồng chí Nguyễn Lập làm ủy viên và một số

(1) Đồng chí Đinh Minh được đề bạt Huyện ủy viên Tư Nghĩa khi được bố trí làm Trưởng ban chuyển hướng công tác xã Nghĩa Lộ.

đồng chí khác (nhưng sau đó đồng chí Lập đi tập kết). Ban chuyển hướng công tác lo công việc ở xã Nghĩa Lộ bao gồm cả nội thị (đến tháng 8/1965, đơn vị thị xã Quảng Ngãi mới được thành lập). Ban chuyển hướng đã hết sức khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, bàn giao cho đối phương và có kế sách đối phó với các âm mưu, thủ đoạn khi chúng đến tiếp quản.

Ngày 28/10/1954, ta tiến hành bàn giao tỉnh lỵ Quảng Ngãi cho đối phương. Định cho các đơn vị quân Pháp và quân Ngụy dùng xe cơ giới đi vào tỉnh lỵ giữa hai hàng lính gác, từ cầu Trà Khúc đi vào trung tâm, theo sau là một bộ máy Ngụy quyền tỉnh, thị xã được chúng sắp đặt sẵn. Biết trước được tình hình trên, cấp trên đã chủ trương tổ chức cuộc biểu dương lực lượng quần chúng nhằm hạ uy thế của địch. Cuộc biểu tình hầu như đã thu hút toàn bộ nhân dân Nghĩa Lộ kéo nhau đi khắp các ngã đường, hô to các khẩu hiệu: “Hoan nghênh ủy hợp quốc tế!”, “Yêu cầu nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ!”. Ngay sau khi tiếp quản phía Bắc tỉnh, địch đã đặt ngay bộ máy thống trị và hệ thống kìm kẹp của chúng từ tỉnh đến xã, thôn. Đứng đầu chính quyền tỉnh là một đảng viên Quốc dân Đảng. Chúng đưa một số tên phản động từ các nơi khác đến và sử dụng bọn phản động tại chỗ dựng lên bộ máy ngụy quyền ở tỉnh, quận, xã, tìm cách xóa bỏ mọi dấu vết của cách mạng và những thành quả đạt được. Xã Nghĩa Lộ chúng đổi thành xã Tư Chánh, chia làm 5 ấp⁽¹⁾. Đứng đầu xã là xã trưởng, đứng đầu ấp là ấp trưởng. Bọn bất mãn, bất lương, trộm cắp bị ta

(1) Ấp Phú Hòa, Ngọc Điền, Phú Mỹ, Gò Phú, Yên Phú.

trấn áp từ thời kháng chiến đã nhân cơ hội này ngóc đầu dậy, làm tay sai cho địch, uy hiếp nhân dân. Một số tên Quốc dân Đảng nhiều năm nằm im, cũng nhân cơ hội ra mặt hoạt động, lên tiếng đe dọa trả thù. Địch đã lộ rõ bộ mặt đàn áp ngay từ đầu qua vụ Chợ Được ở Quảng Nam và Tịnh Thiện (Sơn Tịnh) Quảng Ngãi. Địch bắt ông Nguyễn Tình, cán bộ Công đoàn tỉnh trong thời kháng chiến chống Pháp, đánh đập tàn nhẫn, đã gây niềm căm phẫn lẫn nổi hoang mang dao động trong cán bộ đảng viên và nhân dân, kể cả số cán bộ thôn xã được bố trí ở lại. Một số người đã chạy vào Mộ Đức, nơi ta còn tạm quản lý, để xin đi tập kết. Ta đã tổ chức đấu tranh, đưa đơn tố cáo đến tổ liên hiệp tại Quảng Ngãi và ủy hội Quốc tế tại Đà Nẵng đòi mở cuộc điều tra tại tỉnh ta về việc ông Tình bị bắt.

Qua thực tiễn, phần đất đã bàn giao cho đối phương từ Quảng Trị đến Quảng Ngãi, số cán bộ huyện xã trong kháng chiến chống Pháp được bố trí ở lại hoạt động hợp pháp trực diện với địch đều bị bắt, ta nhận ra không thể dựa vào hiệp định để đấu tranh trực diện với địch. Từ đó, Tỉnh ủy bấy giờ chủ trương tinh giản bộ máy xã, mỗi xã chỉ để lại một đồng chí chuyển vào sống bất hợp pháp, đồng thời khẩn trương xây dựng đội ngũ cán bộ, cốt cán sống bất hợp pháp, xây dựng các tổ chức bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp. Thực hiện chủ trương này, đến tháng 5/1955, đồng chí Tạ Công Hiến đi tập kết ra Bắc, Nghĩa Lộ chỉ còn đồng chí Đình Minh chịu trách nhiệm.

Trước khi bàn giao phần đất phía Nam tỉnh cho đối phương, số cán bộ được bố trí ở lại lần lượt được trở về địa

phương. Đồng chí Bùi Tài, Phó bí thư Tư Nghĩa, Trưởng ban cán sự⁽¹⁾ phụ trách các xã phía đông cùng đồng chí Đinh Minh về ăn ở tại nhà cụ Nguyễn Thị Luyện (Thuộc) và cụ Nguyễn Thị Luân (Cự) xóm Gò Nại, nay thuộc Nghĩa Chánh. Sau một thời gian lại có thêm đồng chí Nguyễn Bá Xuân, nguyên là cán bộ Công đoàn tỉnh, được tỉnh bố trí ở lại sống hợp pháp hoạt động trong tầng lớp lao động thị xã nhưng bị lộ, phải lui vào sống bất hợp pháp cùng đồng chí Bùi Tài, Đinh Minh. Phục vụ cho sự chỉ đạo của ban cán sự phía Đông huyện và xã Nghĩa Lộ có bà Lê Thị Tuân, phụ trách trạm giao liên tại chợ thị xã, làm nhiệm vụ nhận chuyển tài liệu từ căn cứ đến các xã phía đông và ngược lại; bà Trương Thị Thưa (dâu cụ Luân) làm giao liên nhận chuyển tài liệu từ đồng chí Tài, Minh đến trạm trung tâm tại chợ do bà Tuân phụ trách.

Ngoài hai gia đình ở Gò Nại, mỗi xóm của xã Nghĩa Lộ lúc bấy giờ đều có nòng cốt, riêng ở khu vực Nghĩa Chánh, gia đình nuôi nấng, bảo vệ các đồng chí Bùi Tài, Đinh Minh, Nguyễn Bá Xuân còn có ông bà Trần Đạo (Gò Nại), Nguyễn Bình (Quán Đàng), Nguyễn Huấn (La Tá), bà Phối (Gò Hống), Trần Dợi (Lâm Quỳ)...

Ngày sau khi tiếp quản xong phần đất phía Nam tỉnh Quảng Ngãi, địch đã ra mặt đánh phá quyết liệt phong trào tại địa phương, bất chấp Hiệp định Giơ-ne-vơ. Chúng tập trung vào những người kháng chiến cũ, các gia đình có người đi tập kết, bắt hầu hết những gia đình này để giam cầm, xét

(1) Ban cán sự đông Tư Nghĩa gồm các đồng chí : Bùi Tá Đổng, Đinh Minh, Lương Ngọc Diệp, Đinh Thiên Thừa, Bùi Dừa, Nguyễn Thượng Quân, Phạm Tạo.

hỏi. Việc ăn ở, đi lại hoạt động của ta trong lòng địch vô cùng khó khăn. Ban đêm ở nhà cơ sở, còn ban ngày thì phải nằm hầm, lẩn tránh trong ruộng mía... Cuộc sống rất bấp bênh.

Để tránh tổn thất, ta hình thành mối liên lạc đơn tuyến và cao nhất chỉ xây dựng tổ liên lạc ba người ở từng thôn. Do tình hình địch vây ráp đánh phá ác liệt, lực lượng ta còn quá mỏng nhỏ, nên phong trào lúc này chủ yếu là bảo tồn lực lượng, che giấu cán bộ, đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, tuyên truyền rĩ rả về thắng lợi tất yếu của cách mạng, vạch rõ những tuyên truyền xảo trá của địch. Nhiều quần chúng cách mạng đã khôn ngoan bẻ gãy những luận điệu nói xấu cộng sản, nói xấu chế độ và xuyên tạc lịch sử cách mạng, hạ thấp tầm lớn lao của chiến thắng Điện Biên Phủ của quân dân ta.⁽¹⁾

Sau khi bố trí xong bộ máy ngục quyền ở xã, ấp, từ giữa năm 1955 đến năm 1956, địch mở 4 đợt tổ chức tố cộng, liên tục gọi đảng viên, cán bộ đến khùng bố tình thần rồi “giao nhiệm vụ”, nhằm bôi nhọ phẩm chất của cán bộ, đảng viên, buộc đảng viên phải “ly khai” Đảng. Đảng viên ai từ chối chúng sẽ mượn cơ “chống chính quyền” để bắt giam giữ và tra tấn dã man. Đối với nhân dân ta, địch chia làm 3 loại A, B, C và lấy phương châm dùng loại C (những người ít liên quan với cách mạng) đánh vào loại A (cán bộ, đảng viên, những người kháng chiến cũ) làm cho loại B (gia đình có người đi tập kết, có liên quan với những người kháng chiến) phải khiếp sợ, khuất phục. Chúng liên tiếp tổ chức các cuộc

(1) Xem phần phụ lục.

“học tập” nhằm “tẩy não”, loại trừ mọi ảnh hưởng của tư tưởng cộng sản ra khỏi đầu óc của nhân dân, buộc nhân dân phải khai báo những “cộng sản nằm vùng”, bắt con tố cha, vợ tố chồng, bà con xóm giềng đấu tố lẫn nhau, gây nên không khí nghi ngờ, hoang mang cho cả xã hội. Đồng thời địch cũng ra sức tuyên truyền cái gọi là “quốc gia, dân tộc”, “cần lao, nhân vị”, rêu rao về “chí sĩ” Ngô Đình Diệm, về sức mạnh của Mỹ hùng uy hiếp và buộc quần chúng phải khuất phục và xóa tan hy vọng vào cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước như Hiệp định Giơ-ne-vơ đã quy định. Chúng tìm cách bắt ép nhân dân vào các tổ chức, đảng phái phản động như Quốc dân Đảng, Đảng Cần lao nhân vị, Phụ nữ liên đới, Thanh niên Cộng hòa,... hòng tạo chỗ dựa cho chế độ Mỹ - Diệm. Mặc dù địch đã ra sức đánh phá, khủng bố, dụ dỗ, lừa bịp, nhưng hầu hết cán bộ, đảng viên, quần chúng cốt cán được bố trí ở lại vẫn trụ bám trong điều kiện ăn ở rất khó khăn, ăn cơm vắt, ngủ ngoài ruộng, đi lại vào ban đêm, thỉnh thoảng mới nhận được tờ báo hay bản tin của ta. Các đồng chí đã vượt qua mọi gian khổ hiểm nguy, đi sâu đi sát tuyên truyền giáo dục quần chúng giữ vững niềm tin vào thắng lợi của cách mạng và thực hiện các chủ trương của Đảng.

Thắng lợi đầu tiên và nổi bật của ta trong thời kỳ này là đã tranh thủ đưa được người của ta vào các vị trí quan trọng trong bộ máy quyền uyên xã. Thực hiện chủ trương của tỉnh “... các địa phương phải tìm người đưa vào bộ máy quyền uyên các cấp của địch”, đồng chí Từ Ty, Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Đình Minh

vận động đồng chí Cao Tửu (nguyên là đảng viên, Chủ tịch UBND xã Nghĩa Lộ trong kháng chiến chống Pháp) ra nhận chức đại diện nguy quyền xã Tư Chánh. Đồng chí Đinh Minh đã trực tiếp gặp và giao nhiệm vụ cho đồng chí Cao Tửu, đồng thời Ban chuyển hướng đã gợi ý cho cốt cán ở các thôn xóm vận động quần chúng tốt công khai ủng hộ việc đưa đồng chí Cao Tửu làm đại diện nguy quyền xã. Đồng chí Cao Tửu đã trúng cử và làm xã trưởng Tư Chánh. Thành công này đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho ta bảo tồn và phát triển lực lượng cách mạng.

Để đánh phá hạ tầng cơ sở của ta, nhất là ở những gia đình cán bộ, đảng viên, quần chúng nòng cốt, nơi mà chúng ta đã xây dựng nơi ăn ở, đi lại hoạt động cho cán bộ hoạt động bất hợp pháp, chúng tổ chức mạng lưới tề điệp ngầm theo dõi mọi hoạt động của ta. Về phía ta, ta lại chưa có kinh nghiệm xây dựng tổ chức trong vùng địch hậu, việc ngăn cản chưa đảm bảo, công tác bảo mật thiếu chặt chẽ. Do đó, địch lần ra đầu mối giao liên của ta, biết được một số nơi các đồng chí ta ăn ở. Chỉ một thời gian ngắn nhiều đồng chí các xã phía đông Tư Nghĩa rơi vào tay địch. Đặc biệt, vào khoảng 15^h30' ngày 8/8/1955, địch tập trung dân vệ, công an bất ngờ bao vây nhà cụ Nguyễn Thị Luyện - nơi các đồng chí Bùi Tại, Đinh Minh, và Nguyễn Bá Xuân đang ở. Phát hiện bị địch bao vây, đồng chí Bùi Tại và đồng chí Đinh Minh thoát ra ruộng lúa, còn đồng chí Nguyễn Bá Xuân bị bắt tại chỗ. Nhưng rồi ngay trong đêm đó đồng chí Bùi Tại cũng bị bắt. Bọn liên gia, xóm trưởng và công an xóm Gò Nại đã tịch thu của đồng chí Bùi Tại một súng ngắn, một chiếc đồng hồ và đánh đập đồng chí một cách dã man. Cùng

bị bắt trong vụ này có bà Trương Thị Thưa, bà Lê Thị Tuân, cụ Nguyễn Thị Luyện và một số cơ sở nòng cốt ở Nghĩa Lộ và Nghĩa Chánh ngày nay. Vụ tổn thất trên đã để lại muôn vàn khó khăn cho phong trào cách mạng ở đông Tư Nghĩa và khu vực Nghĩa Chánh một thời gian dài về sau⁽¹⁾.

Qua vụ tổn thất của ta, địch càng ra sức đánh phá quyết liệt hơn, cơ sở cốt cán của ta một số dao động nằm im, khiến ta vô cùng khó khăn. Đồng chí Đình Minh vượt thoát khỏi vòng vây của địch tại nhà cụ Luyện, nhưng phải đối mặt với muôn vàn khó khăn: mất sự chỉ đạo của cấp trên, đứt đầu mối trong ban cán sự, nơi ăn ở không đảm bảo, một mình phải lo liệu mọi mặt, ổn định tư tưởng cho cơ sở quần chúng, phải gồng sức đối phó với sự đánh phá, lùng sục của địch. Mặc dù được sự nuôi nấng, đùm bọc của cơ sở nhưng do những thủ đoạn nham hiểm của địch gây hoang mang dao động trong quần chúng nên chỗ ăn ở của đồng chí dần dần bị thu hẹp, việc liên lạc với cấp trên bị bế tắc, sức khỏe của đồng chí ngày càng giảm sút nghiêm trọng. Đồng chí phải nhờ sự đùm bọc, chăm sóc của gia đình. Địch theo dõi nắm được quy luật đi về gia đình của đồng chí. Đầu tháng 3/1956, khi đồng chí vừa về đến nhà, địch ập vào bắt, đánh đập tàn nhẫn và đưa đi giam giữ ở các nhà lao Quảng Ngãi, Huế. Từ đó, số đảng viên cốt cán còn lại ở khu vực Nghĩa Chánh nằm im đứt liên lạc đến 5 năm sau⁽²⁾.

(1) Mãi đến 1959-1960 mới liên hệ được với huyện, năm 1961 đội công tác do đồng chí Tạ Công Hiến về mới trực tiếp liên hệ với khu vực Nghĩa Chánh.

(2) Thời gian 1956-1959 chỉ còn đồng chí Nguyễn Bổng liên hệ được với huyện, đến tháng 8-1959 bị đứt. Nghĩa Chánh bị đứt liên lạc từ sau ngày đồng chí Đình Minh bị bắt.

Bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo bị mất nhưng các cơ sở, cốt cán ở mỗi thôn xóm khu vực Nghĩa Chánh vẫn tồn tại, tinh thần cách mạng vẫn được giữ vững. Vì vậy chỉ qua một thời gian, mặc dù chưa liên hệ được với trên, các đồng chí vẫn tự tìm bắt liên hệ với nhau, phân công đi tìm bắt liên lạc với các nơi có phong trào, từng bước khôi phục lại tổ chức như các đồng chí Nguyễn Huấn, Bùi Hay, Hồ Chua ...(1).

Các cơ sở cách mạng vẫn lãnh đạo nhân dân đấu tranh không vào các đảng phái phản động, trốn tránh địch bắt lính, tránh các tổ chức hội họp của địch.

Sau khi thẩm vấn, khai thác tại chỗ bằng mọi cực hình, địch đưa các đồng chí bị bắt ra nhà lao Thừa Phủ (tức nhà lao Trung Việt) ở Huế. Từ đây, các đồng chí Từ Ty (Bí thư Huyện ủy Tư Nghĩa), Nguyễn Bá Xuân bị đày đi Côn Đảo. Đồng chí Bùi Tại bị đánh chết ở Huế. Đồng chí Đinh Minh bị tiếp tục giam giữ ở đây.

Trong các năm 1957-1958, địch tiếp tục mở các chiến dịch “tố cộng” ở Nghĩa Lộ nhằm tiêu diệt tận gốc các “phần tử cộng sản”, thanh lọc dân cư. Chúng cho cảnh sát, tình báo, mật vụ lùng sục ngày đêm trong các thôn xóm và trường học để tìm “cộng sản nằm vùng” còn lại. Chúng bắt hàng loạt đảng viên, cán bộ cũ lâu nay nằm im, không hoạt động gì đưa về trung tâm thẩm vấn (địa điểm Sở Địa chính trên đường Hùng Vương ngày nay) để giam cầm, tra tấn bằng mọi cực hình hòng đánh gục tinh thần cách mạng ở mọi

(1) Các đồng chí Huấn, Hay, Chua và một số đồng chí tự liên hệ với nhau, liên hệ với Sơn Tịnh, các xã Tư Nghĩa, đồng thời tổ chức nắm dân tại chỗ để đón thời cơ.

người. Mặt khác, chúng tung luận điệu “bảy Việt cộng đứng không gầy một cành đu đủ”, và ra rả kêu gọi “lấp sông Bến Hải”, “Bắc tiến!” xe quân sự của địch kẻ khẩu hiệu “Bắc Tiến”, gắn loa phóng thanh cực mạnh loan tin thất thiệt về nạn đói rét ở miền Bắc và kêu gọi “Bắc tiến!”.

Bất chấp những hành động nham hiểm, xảo quyệt và những lời tuyên truyền tâm lý chiến gian trá của địch, nhân dân khu vực Nghĩa Chánh vẫn một lòng trung trinh với cách mạng. Địch tuyên truyền “lấy lính quốc gia vàng đeo đầy cổ, lấy lính cụ Hồ cực khổ muôn năm”, thì nhân dân đáp lại: “lấy lính quốc gia vàng đeo có lúc, lấy lính Cụ Hồ hạnh phúc muôn đời!”. Địch bảo “quốc gia có công kháng chiến” thì các cụ già vặn lại : “vậy thì quốc gia kháng chiến chống ai? Bảo có công kháng chiến sao thấy người nào cũng làm việc cho Tây?”. Địch bảo: “cộng sản đã cướp công kháng chiến của quốc gia”, các cụ hỏi lại: “vậy lúc đánh Tây, quốc gia ở đâu? Sao chỉ thấy toàn cộng sản?”.

Về phía nguy quyền, tuy ở vào thời kỳ được thế lên gân, nhưng nội bộ của chúng lại chứa đầy mâu thuẫn. Hai phái trong Quốc dân Đảng tranh giành quyền lực, lôi kéo lực lượng thành hai nhóm đấu đá nhau quyết liệt, Phạm Đình Nghị bị chúng kết tội là “có liên hệ với cộng sản”, Nghị bị lật. Y và gia đình phải chuyển vào Sài Gòn. Quốc dân Đảng đấu đá lẫn nhau nhưng rốt cuộc bọn “Cần lao Nhân vị” đã lên nắm quyền. Bọn Quốc dân Đảng mất hẳn quyền tự tung tự tác và bọn “Cần lao Nhân vị” được thể càng tỏ ra ranh ma, tàn bạo hơn. Bằng chính sách “tố cộng, diệt cộng”, không thành công, địch tiến đến chủ trương “đĩ dân diệt

cộng”, “giết lầm hơn bỏ sót” với các thủ đoạn bắt bớ, tra tấn, kể cả thủ tiêu, như chúng đã thủ tiêu đồng chí Bùi Thiệp ở xã Nghĩa Đông, đồng chí Thượng Quân ở xã Nghĩa Trung. Đỉnh cao của chính sách tàn bạo của địch là luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, chúng lê máy chém khắp miền Nam để chặt đầu những người yêu nước. Có thể nói đây là thời kỳ khó khăn nhất của phong trào cách mạng ở miền Nam và ở Nghĩa Lộ. Từ tư tưởng cách mạng, tình cảm thiêng liêng với Tổ quốc đến những quyền lợi cơ bản, thiết thân nhất của mỗi người dân đều bị chà đạp. Không khí tình nghi, khủng bố bao trùm. Rất nhiều gia đình, nhiều người ở khu vực Nghĩa Chánh bị tình nghi, bị bắt. Số đảng viên, cán bộ cũ chưa bị bắt, hoặc ở tù được thả ra vì không có chứng cứ buộc tội cũng phải chấp hành một quy định nghiêm ngặt, phải trình diện hàng tuần với chính quyền xã, quận và hàng tháng với Ty cảnh sát ngục quyền.

Bị o ép, khống chế một cách khắc nghiệt, các đảng viên, cốt cán và quần chúng khu vực Nghĩa Chánh vẫn một lòng hướng về với cách mạng, tuy liên lạc với cấp trên đã bị đứt và chưa chấp nối được, phương hướng đấu tranh không rõ ràng. Các đồng chí chỉ còn cách bí mật liên lạc với nhau, động viên nhau giữ vững phẩm chất của người đảng viên, cán bộ cách mạng. Đồng chí Cao Tửu với chức vụ xã trưởng ngục quyền đã khéo léo che chắn được một số cơ sở của ta khỏi nanh vuốt của địch.

Cho đến năm 1959, một tin vui mới đến với phong trào cách mạng khu vực Nghĩa Chánh khi được biết Trung ương Đảng đã có Nghị quyết 15 “dựa vào lực lượng chính trị là

chủ yếu, kết hợp lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến”, dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi xâm lược. Tiếp đó là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng bùng nổ ngày 28/8/1959 và loan ra khắp miền Tây Quảng Ngãi giành thắng lợi, số cán bộ tập kết ra Bắc đã lần lượt trở về chỉ đạo kháng chiến. Tin tức bí mật truyền cho nhau trong đảng viên, cán bộ và nhân dân khu vực Nghĩa Chánh càng củng cố niềm tin và sự thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Chặng đường 5 năm đối phó với cuộc “chiến tranh một phía” với những thủ đoạn đánh phá tàn bạo, nham hiểm của địch, phong trào cách mạng ở khu vực Nghĩa Chánh cũng như ở miền Nam đã phải chịu đựng nhiều tổn thất. Dù trước ngày bàn giao cho đối phương, ta đã có kế hoạch xây dựng khá toàn diện, từ việc sắp xếp cán bộ, xây dựng chỗ ăn ở, đường dây liên lạc, cơ sở địch tình,... nhưng do thiếu kinh nghiệm trong công tác địch hậu, nên việc sắp xếp người, các phương án xây dựng đều không thật thích hợp khi địch đánh phá ác liệt, chỗ dựa của cán bộ ở lại mong manh rồi mất dần, cơ sở bị vỡ, cốt cán bị bắt, lực lượng thu hẹp dần rồi mất thế chủ động. Mặt khác chúng ta có ảo tưởng là kẻ thù chấp hành hiệp định cũng nghiêm túc như ta nên có những qui định đôi khi cứng nhắc, khiến có đồng chí có súng trong người cũng không bắn lại khi bị địch đuổi bắt, đành chấp nhận cho chúng làm tù tội, bắn giết. Nói cách khác chúng ta đụng đầu với đế quốc Mỹ - kẻ thù nham hiểm hơn thực dân Pháp nhiều lần. Nhưng chúng ta chưa thấy hết bản chất hiếu chiến và âm mưu thâm độc, gian ngoan, trá trở của kẻ thù mới. Từ đó chúng ta lúng túng trong phương hướng, phương châm, phương pháp đấu tranh. Tổ chức Đảng và lực lượng

quần chúng của xã từ 1955-1959 đã chịu đựng nhiều hy sinh mất mát. Hàng chục người con ưu tú của quê hương đã bị giết hại, bị thủ tiêu bí mật. Hàng trăm người bị tra tấn, tù đầy đến tàn phế, gia đình ly tán. Tuy vậy, kẻ địch không thể nào tiêu diệt được hết những người cộng sản, không thể nào xóa bỏ được ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong quần chúng. Thực lực cách mạng vẫn được bảo tồn, chờ ánh sáng của Nghị quyết 15 soi đường để vùng lên đấu tranh trong một khí thế mới.

CHƯƠNG VIII

CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐỊCH (1959-1965)

Ánh sáng của Nghị quyết 15 chỉ đường, rồi khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi có được tiếng vang lớn. Tiếp đó là Bến Tre đồng khởi. Năm 1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, dẫn đến việc thành lập Mặt trận ở các cấp vào năm 1961. Đó là những tin vui lớn, nhưng đối với người dân khu vực Nghĩa Chánh, những người bị kìm hãm sâu trong lòng địch, những tin vui đó còn ở đâu đó rất xa vời, chỉ mới là niềm mơ ước.

Về phía địch, Ngô Đình Diệm đang làm Tổng thống của cái gọi Việt Nam Cộng hòa và đang được tô vẽ như một “cứu tinh dân tộc”. Chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm gây bất bình cho một số phe đối lập, nhưng chúng càng đánh phá cách mạng quyết liệt hơn. Chúng cho thành lập “biệt khu Quảng Ngãi” trực thuộc bộ tổng tham mưu Ngụy ở Sài Gòn,



**Nhà đồng chí Bùi Hay liệt sĩ ở xóm Trại, Phú Mỹ Hạ
nơi các cán bộ, đội công tác thường ẩn náu để
đánh địch thời chống Mỹ.**

đưa sư đoàn bộ binh số 25 ngụy và 30 cố vấn Mỹ cùng lực lượng bảo an, dân vệ đánh phá liên tục ở đây. Chúng thực hiện chế độ quân quản vùng thị xã, thực hiện chính sách “Ấp chiến lược” ở vùng nông thôn. Chúng còn ra sức đôn quân, bắt lính thực hiện chiến lược “dùng người Việt trị người Việt” theo chủ trương của Kennodi - Tổng thống Hoa Kỳ vừa mới nhậm chức (01/1960). Về mặt chính trị - xã hội, chúng cưỡng ép dân vào Thiên chúa giáo, xây dựng thêm nhà thờ, thực hiện chính sách chia rẽ lương-giáo để chống phá cách mạng. Ở đường phố thôn xóm, chúng lập ra “ngũ gia liên bảo”, “thập gia liên bảo” để ngăn chặn Việt Cộng xâm nhập, đồng thời bắt các gia đình đồng bào theo dõi, kiểm soát nhau. Mỗi nhà bắt buộc phải có dây, gậy, mō tre để báo động khi có “Việt Cộng” xâm nhập. Chúng lập thùng thư “dân nguyện” nghe như rất tôn trọng dân chủ, thực chất là để “đi dân diệt cộng” mặt khác chúng ra sức thanh lọc nội bộ, đưa những tên thật trung thành với chúng, bất kể là lưu manh, bất hảo, vào nắm các vai chủ chốt ở quận, xã thay thế cho những người chúng không vừa lòng. Khu vực xã Nghĩa Chánh nằm ngay trung tâm tỉnh lỵ, chịu sức ép nặng nề của các chính sách cả đối với thành thị và nông thôn của chúng.

Tình hình Tư Nghĩa nói chung, khu vực Nghĩa Chánh nói riêng, trong những năm 1959 - 1960 còn vô cùng khó khăn, mất liên lạc, mất sự chỉ đạo của cấp trên. Số cơ sở nòng cốt bố trí ở các thôn xóm đều nằm im. Toàn phía đông huyện Tư Nghĩa, chỉ liên hệ với một vài xã, riêng Nghĩa Lộ chỉ liên hệ được với một thôn. Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (8/1959) đã khơi dậy ý chí chiến đấu của mọi người, nhưng phong trào vẫn dừng lại không bùng lên được.

Một số đồng chí ở Tư Nghĩa cũng như ở Nghĩa Lộ phải lánh vào Tây Nguyên hay Nam Bộ để tránh né và tìm cách bắt liên lạc, hoạt động ở đó. Tình hình thiếu vắng cán bộ lãnh đạo lại càng nặng nề.

Để giải quyết khó khăn này, hậu phương lớn miền Bắc XHCN lập tức chỉ viện. Nhiều cán bộ tập kết ra Bắc được lệnh quay về Nam. Cấp trên đã điều về Tư Nghĩa 4 đồng chí. Đồng chí Tạ Công Hiền (Mai Lương) được phân công về phụ trách các xã miền Đông kể cả nội thị. Suốt mấy tháng 1959 và đầu năm 1960, đồng chí Mai Lương thông qua các cơ sở từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Hòa bắt được liên lạc với gia đình ở Nghĩa Lộ. Trên cơ sở đường dây đã chấp nối, đồng chí đề nghị Thường vụ Huyện ủy Tư Nghĩa cho phép đồng chí về nhà xem xét tình hình để có kế hoạch biện pháp hoạt động. Được tổ chức chấp thuận, đồng chí cùng đồng chí Vũ (một chiến sĩ quê ở Nghĩa Phương mới thoát ly) từ căn cứ Đá Sơn về nhà. Đồng chí đã bí mật về đến nhà⁽¹⁾ ở tại Gò Nai (Nghĩa Chánh) suốt một tuần lễ, điều tra nắm tình hình rồi trở lên căn cứ an toàn. Trên đường về, đồng chí hình thành rõ kế hoạch hành động như sau: để đảm bảo hoạt động liên tục trong mọi tình huống, không có cách nào khác là phải dựa vào dân, dựa vào núi Bút, núi Giàng, nhưng phương án tối ưu là phải có hầm bí mật phòng khi địch đánh phá ác liệt dân chịu không nổi, ta phải ở hầm. Báo cáo tình hình và đề xuất kế hoạch hoạt động cụ thể, được cấp trên chấp thuận, đồng chí chuẩn bị mọi mặt cho chuyến đi tiếp theo. Chuyến đi này còn có đồng chí Trần Văn Luyện (người Hội An) đội

(1) Nhà cụ Nguyễn Thị Luân, mẹ đồng chí Mai Lương.

trưởng đội đặc công. Về đến gần quê, đồng chí đào hầm ở núi Giàng (Nghĩa Đông) và tạm ở đó, liên lạc với gia đình. Qua gia đình đồng chí gặp gỡ một số quần chúng nhân dân tốt. Quả là nhân dân đang ở tình trạng cây bị khô hạn lâu ngày được gặp trận mưa rào, mọi người đã vui mừng đón tiếp và sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ của các đồng chí giao cho. Từ bàn đạp Gò Nại (Nghĩa Chánh) các đồng chí bắt tay xây dựng lại tổ chức, sắp xếp quần chúng trung kiên, bố trí cốt cán, mở rộng cơ sở ra toàn xã Nghĩa Lộ (cả nội thị) và các xã đông Tư Nghĩa. Từ ngày đó, cán bộ tỉnh huyện và đội đặc công bí mật về ăn ở tại nhà cụ Luyện, cụ Luân, ông Trần Nhơn (Gò Nại), cụ Tý, chị Đạt, anh Lượng, anh Bút, cô Phong, ông Trung Hậu, ông Đỗ Cao Đệ, Bùi Hay, ông Thủ, ông Mười (Phú Mỹ Hạ), gia đình đồng chí Hồ Chua, ông Hẹ, ông Gấu, chị Hoàn, bà Trần Xương, ông Nhị và đặc biệt là ở ngay trong nhà đồng chí Cao Tửu, đang đóng vai xã trưởng ngụy quyền (Tịch Điền), đồng chí Cao Tửu đã đào hầm bí mật, nuôi giấu cán bộ, nuôi đội đặc công của khu do đồng chí Trần Văn Luyện làm đội trưởng, giao cho các con là Cao Thái, Cao Bình canh gác. Sang năm 1961, trên cơ sở trụ bám được, ta tiến hành xây dựng lực lượng tự vệ, du kích mật, an ninh mật, giao liên hợp pháp làm nhiệm vụ đưa đón cán bộ, bộ đội ta tiếp cận các mục tiêu hành chính, quân sự của địch ở nội thị để chuẩn bị chiến trường. Tổ tự vệ mật đầu tiên tại đây có Cao Thái, Trần Tế Á, Nguyễn Dư, Cao Bình: cơ sở nội tuyến có Trần Tế Á, Đoàn Thu. Từ bàn đạp này ta phát triển thực lực chính trị trong học sinh, thanh niên, tiểu thương, người lao động, người theo đạo Phật, từng bước hình thành bộ máy và tiến đến hành động. Qua lực lượng đó ta

hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống đồn quân bắt lính, chống di dân có tổ chức hơn, và bắt đầu tranh thủ, cầm nắm các gia đình có người đi lính, làm việc cho địch, tiến đến tác động tư tưởng vào hàng ngũ dân vệ, nghĩa quân, thanh niên tân trang của địch, từng bước thực hiện chủ trương của khu, của tỉnh “đưa chiến tranh vào sào huyệt của địch”.

Trong năm 1961 có dư luận xôn xao về “Phật Lỗi” ở núi Thiên Bút. Nguyên tên tỉnh trưởng tỉnh Quảng Ngãi muốn lôi kéo đồng bào Thiên chúa giáo ủng hộ mình, đồng thời để tăng công với chế độ gia đình trị họ Ngô, gợi ý việc làm nhà thờ ở đỉnh Núi Bút - một danh thắng của Quảng Ngãi- Các vị chức sắc của Thiên chúa giáo còn phân vân và giáo dân cũng chẳng mặn mà gì về chuyện này. Biết được ý đồ của viên tỉnh trưởng, các thân hào trong xã cùng bàn với nhà sư Thích Giải Hậu ⁽¹⁾ đang trụ trì chùa Hội Phước (Phú Mỹ Hạ) đang đêm đưa tượng Phật lên an tọa và làm chỗ thờ tạm ngay trên đỉnh núi Bút. Tên tỉnh trưởng biết được, cay lắm, ra lệnh cho ngụy quyền quận Tư Nghĩa tháo dỡ nhưng tháo dỡ không xong, uy hiếp nhà sư Thích Giải Hậu cũng không thành, yêu cầu cấp trên ra lệnh cũng không ổn, trực tiếp đến dỡ dọn thì lý lẽ không hơn, đành bề mặt rút lui. Được sự ủng hộ của quần chúng, đồng bào các tôn giáo đã phá vỡ được âm mưu chia rẽ của địch. Cuộc đấu tranh đó chịu tác động phần nào của phong trào cách mạng vừa mới gây dựng lại. Qua vụ này ta tranh thủ được các tầng lớp trung gian thân hào, thân sĩ trong xã.

Ngày 19/5/1962, tại nhà ông Võ Cao Sơn thôn Phú Yên 2,

(1) Viết theo tư liệu do đồng chí Đỗ Cao Đệ cung cấp.

chi bộ xã Nghĩa Lộ được thành lập gồm 5 đồng chí: Nguyễn Vỹ, Lê Chuông, Lê Thành, Đoàn Sảng, Nguyễn Bổng do đồng chí Nguyễn Bổng làm Bí thư. Ngoài ra mỗi xóm, thôn ở Nghĩa Lộ còn có một số đảng viên đơn tuyến, riêng ở khu vực Nghĩa Chánh có các đồng chí: Nguyễn Huân (La Tá), Bùi Hay (Phú Mỹ Hạ), Cao Tửu, Hồ Chua (Tịch Điền)... Sự ra đời của tổ chức Đảng đánh dấu một bước tiến mới trong phong trào cách mạng ở Nghĩa Lộ nói chung và khu vực Nghĩa Chánh nói riêng. Qua thực tiễn phong trào cách mạng đã cho thấy, muốn đảm bảo hoạt động được liên tục thì phải trụ bám, muốn trụ bám được phải có thực lực tại chỗ. Do đó việc xây dựng thực lực tại chỗ trở thành nhiệm vụ trung tâm của khu vực Nghĩa Chánh lúc bấy giờ. Xây dựng thực lực tại chỗ gồm nhiều công việc, trong đó bao gồm các công tác bí mật, công tác công khai hợp pháp và bán công khai, chú trọng xây dựng công sự mật, xây dựng đội công tác, xử trí ác ôn, tích trữ, cất giấu vũ khí, lương thực. Nghị quyết của Huyện ủy Tư Nghĩa xác định nhiệm vụ kiên trì trụ bám, xây dựng thực lực, phát động quần chúng, diệt ác phá kìm, phá rã về tư tưởng để phá rã về tổ chức, vô hiệu hóa tổ chức chính quyền địch.

Từ bàn đạp ở đông Tư Nghĩa, ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang trong lòng địch. Từ đầu năm 1962, lực lượng đặc công phối hợp với du kích, tự vệ mật khẩn trương chuẩn bị các mục tiêu đầu não của địch trong nội thị như đặc khu (thành cổ), tòa hành chính, ty cảnh sát, nhà máy điện, chuẩn bị nơi giấu quân, cất giấu vũ khí, hầm bí mật cho người và khí tài trước và sau trận đánh. Hầm bí mật ở nhà đồng chí Cao Tửu

là nơi cất giấu đặc công. Ta cũng xây dựng trạm phẫu thuật tại nhà đồng chí Hồ Chua và các ông Cao Thái, Trần Tế Á chịu trách nhiệm cứu chữa thương binh và điều trị cho các cán bộ ốm đau.

Sau thời gian chuẩn bị hiện trường và chuẩn bị mọi mặt phục vụ cho trận đánh, vào hồi 20 giờ ngày 21/8/1962, lực lượng đặc công, đội công tác phối hợp cùng du kích xuất phát từ nhà cụ Luyện, cụ Luân (ở Gò Nại), chị Đạt, chị Đinh (ở Phú Mỹ Hạ) đứng giờ G tập kích vào đặc khu Quảng Ngãi. Thủ pháo, tiểu liên của ta nổ dồn dã, địch bị động không kịp đối phó, sau 1 giờ chiến đấu ta đánh sập nhiều cơ quan doanh trại, kho tàng, tiêu diệt một số địch. Về phía ta, đồng chí Mai Trúc chiến sĩ đặc công bị thương nặng, trong đồng tường đổ nát ta không đưa ra được. Đồng chí đã anh dũng hy sinh sau thời gian bị địch giam cầm.⁽¹⁾

Tiếp đó, cũng lực lượng này có du kích Nghĩa Đồng phối hợp, ta đánh vào cơ quan hội đồng Ngụy xã Nghĩa Hà, thiêu hủy tài liệu, đánh sập cơ quan, thu 4 súng. Đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang ta đánh vào nội thị và vùng đông Tư Nghĩa, địch tỏ ra choáng váng vì chúng vẫn cho rằng thị xã Quảng Ngãi và vùng đông Tư Nghĩa là nơi bất khả xâm phạm của chúng. Còn quần chúng thì rất phấn khởi, phong trào cách mạng toàn vùng bùng lên. Cũng từ đó, thực lực cách mạng phát triển đều khắp. Tại Nghĩa Chánh, căn cứ dần hình thành ở Phú Mỹ Hạ, Tịch Điền, Gò Nại, Phú Mỹ Trung, việc ăn ở của lãnh đạo huyện, các đội công tác đảm

(1) Đội đặc công do đồng chí Trần Văn Luyện làm đội trưởng chỉ huy trận đánh.

bảo an toàn, đủ sức hoạt động liên tục.

Để đối phó với phong trào cách mạng trên toàn khắp miền Nam cũng như ở khu vực Nghĩa Chánh, địch đã thực hiện “Quốc sách ấp chiến lược”. Chúng chú tâm thực hiện đào hào, rào vi ở vùng nông thôn xa xôi trước vì nghĩ rằng vùng ấy khả năng “Việt Cộng nằm vùng” hay xâm nhập là lớn hơn cả. Sau trận đánh bất ngờ của ta vào đặc khu vùng đông Tư Nghĩa năm 1962, địch bắt dân rào vi ở ấp Phú Mỹ Hạ, bắt các gia đình có người đi tập kết, người thoát ly, cán bộ kháng chiến cũ canh gác ngày đêm. Địch xây dựng bộ máy ở ấp gồm 3 tên, một ấp trưởng, hai ấp phó, trong đó có 1 ấp phó an ninh nắm lực lượng “thanh niên tân trang” (thanh niên cộng hòa); củng cố lại liên gia, xóm trưởng, cài cấy gián điệp theo dõi và kìm kẹp chặt chẽ nhân dân, thực hiện chỉ thị của Ngô Đình Nhu (cố vấn của Diệm) “Muốn tồn tại ta phải đập lên oán hờn của dân chúng để thực hiện cho được quốc sách ấp chiến lược”. Mặt khác địch tăng cường đồn quân bắt lính, tăng cường lực lượng bảo an, cảnh sát, phát triển lực lượng dân vệ ở xã lên 2 trung đội. Lực lượng nguy quân ở thị xã năm 1962 tăng lên gấp 20 lần so với năm 1960 và có đến 450 cố vấn quân sự Mỹ. Bị sức ép của ta, địch bỏ kho đạn ở Gò Su, phát quang toàn bộ núi Bút, làm kho đạn mới ở đây. Không những nơi thờ Phật mà danh thắng núi Bút cũng đã biến dạng từ đó. Đi đôi với hoạt động trên, bọn phản động bằng mọi thủ đoạn lừa mị quần chúng vào “phụ nữ liên đới”, “thanh niên cộng hòa” để tiện bắt lính, đồn quân. Các mũi tấn công ác liệt của địch đã gây cho ta nhiều tổn thất nghiêm trọng. Tháng 7/1963, đội công tác phía Bắc tổn thất nặng, 4 đồng chí dũng cảm hy sinh (được

tặng danh hiệu 4 dũng sĩ Vạn Tượng). Cán bộ lãnh đạo toàn vùng đông Tư Nghĩa chỉ còn lại 2 đồng chí, trong đó có đồng chí Tạ Công Hiền. Nghĩa Lộ dần dần thiếu sự chỉ đạo trực tiếp từ bên trên. Tổ chức cơ sở ở Nghĩa Lộ và nội thị bị vỡ, riêng khu vực Nghĩa Chánh, đồng chí Hồ Chua và một số cốt cán như Cao Thái, Trần Tế Á, Dư Thị Hành (vợ đồng chí Hồng), Huỳnh Nghĩa, Phạm Sang bị địch bắt. Bị địch truy lùng gắt gao, các đồng chí Trần Tư, Hồ Di, Bùi Hay, Trịnh Thị Hường, Trịnh Bé, Trương Trình phải thoát ly ra căn cứ. Cụ Nguyễn Thị Luyện ở Gò Nại cùng với con gái là Tạ Thị Lệ bị bắt lần thứ 2. Đồng chí Cao Tửu cũng bị địch theo dõi từ lâu, đến đây nắm được vài tin đồn là đồng chí có liên hệ với cách mạng nên bị địch bắt giam đồng chí ở quận Tư Nghĩa, khai thác một thời gian không tìm ra manh mối chứng cứ gì, chúng đành thả về và đồng chí tiếp tục đóng vai xã trưởng ngụ quyền như cũ.

Mặc dù cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng và mất liên lạc với cấp trên nhưng các đồng chí, các cốt cán còn lại đều lao vào chỉ đạo phong trào chống Diệm đang lên rất cao. Trong phong trào những người làm khuôn vác, đánh xe ngựa, kéo xe ba gác đấu tranh sôi nổi đòi giảm thuế, giảm giá hàng; trong phong trào học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề hội thảo đòi “phi chính trị hóa” nhà trường, chống “quân sự hóa” học đường, chống bắt lính, còn có thêm khẩu hiệu “đánh đổ chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm”, “Ngô Đình Diệm phải từ chức”. Đặc biệt trong Phật giáo nổi lên phong trào chống chèn ép Phật giáo, tổ chức cầu siêu cho hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối Mỹ-Diệm đàn áp Phật giáo ở Sài Gòn. Có sự hướng dẫn và động viên

khéo léo của các cốt cán của ta, phong trào đã lôi cuốn ngày càng đông đảo nhân dân các vùng xung quanh xuống đường. Nhân dân Nghĩa Lộ cũng nhập cuộc. Nội thị và vùng ven phối hợp với nhau nhịp nhàng, tiến công trên nhiều mặt cùng một mục tiêu là triệt hạ chế độ gia đình trị Ngô Đình Diệm, làm cho cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt hơn, khiến cho ngụy quyền hết sức lúng túng. Cùng lúc đó, Mỹ thực hiện chính sách “thay ngựa giữa dòng”, giật dây cho đám tướng tá ngụy làm đảo chính (11/1963) giết anh em Diệm, Nhu, phế bỏ chế độ thống trị của họ Ngô, đưa đám tướng tá thân Mỹ hơn lên cầm quyền để tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam. Nhân Diệm bị đảo chính, ta phát động quần chúng nổi dậy “đánh cần lao”, phá ấp chiến lược, triệt hạ bộ máy tề xã ấp. Riêng Nghĩa Lộ bộ máy xã vẫn tồn tại vì người của ta nắm quyền xã trưởng; ta cũng không đặt nặng vấn đề “phá ấp chiến lược” vì ở đây sát nách địch khả năng giải phóng chưa có, ta có phá rào vì thì địch lại bắt dân rào lại chỉ làm khổ dân. Ta chỉ cần thực hiện tốt phương châm phá rã về tư tưởng tiến đến vô hiệu hóa tổ chức của địch là đủ và có lợi nhất. Thực hiện phương châm đó ở Nghĩa Lộ, ta đã vô hiệu hóa lực lượng nghĩa quân, dân vệ, các mâm tề ngụy ở thôn ấp. Ta vận động nhân dân tham gia các cuộc biểu tình lớn, kéo dài đến tòa Hành Chính tỉnh, giương cao khẩu hiệu “Đả đảo Mỹ - Ngụy”, “chống tham nhũng”, “đưa những tên ác ôn ra xử trị”, “Đặng Văn Tất phải từ chức”. Cuộc đấu tranh kéo dài buộc ngụy quyền mới phải đưa một số tên “cần lao nhân vị” tay chân Diệm-Nhu ra xét xử, một số bị cách chức. Đặng Tất - tỉnh trưởng Quảng Ngãi - cũng bị cách chức và tịch thu toàn bộ tài sản. Nhân cơ hội

bộ máy nguy quyền mất tinh thần, không có hiệu lực, ta diệt được một số tên ác ôn nguy hiểm.

Qua vụ tổn thất vào giữa năm 1963, ta đã kịp thời rút kinh nghiệm xây dựng thực lực cách mạng ở vùng địch kiểm soát. Từ đó giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ, cốt cán niềm tin vững chắc vào đường lối, chủ trương, vào sự lãnh đạo của Đảng, niềm tin ở quần chúng, tin vào đồng đội và tin ở bản thân mình để có ý chí, nghị lực lớn vượt qua mọi thử thách, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước dân và có phương pháp, phương châm hoạt động thích hợp trong vùng địch. Chính nhờ làm tốt những việc trên mà ta đã bám chắc vào dân, được dân tin, dân nuôi dưỡng bảo vệ, sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản cho sự nghiệp cách mạng. Hành lang bàn đạp của ta được củng cố. Về cơ bản, từ năm 1961 đến tháng 9/1964, ta lấy bàn đạp từ căn cứ miền núi Nghĩa Kỳ xuống, và từ năm 1964, bàn đạp lại xuất phát từ đông Sơn Tịnh (Tịnh Kỳ, Tịnh Khê) qua sông Trà Khúc, đến Nghĩa Đông và đông Nghĩa Lộ, tức khu vực Nghĩa Chánh ngày nay. Bàn đạp này sử dụng cho cả Nghĩa Lộ và Nghĩa Điền, phía tây nam thị xã. Ta kịp thời củng cố lại đội công tác⁽¹⁾, xây dựng lại các cơ sở trong quần chúng và hình thành các lực lượng: lực lượng cơ sở trong các ngành, giới, đoàn thể hoạt động hợp pháp, lực lượng hoạt động bán hợp pháp, lực lượng bất hợp pháp. Ba lực lượng này hoạt động hỗ trợ cho nhau, vì vậy có lúc tổ chức bị vỡ nhưng phong trào không dừng lại. Từ lúc đồng chí Bùi Hay thoát ly. Đội công

(1) Đồng chí Tạ Công Hiền trực tiếp phụ trách đội công tác đông Tư Nghĩa. Đồng chí Bùi Hay làm đội trưởng đội công tác Nghĩa Lộ.

tác phía đông huyện do đồng chí Tạ Công Hiến phụ trách, đồng chí Hay được phân công trực tiếp phụ trách Nghĩa Lộ. Tháng 7/1963, đồng chí Đỗ Cao Đệ được kết nạp Đảng, hoạt động đơn tuyến.

Thực hiện chủ trương triệt hạ về tư tưởng để triệt hạ về mặt tổ chức địch, làm mất tác dụng của rào vi lẫn hệ thống chính quyền địch, ta phân hóa hàng ngũ địch, trừng trị bọn ngoan cố với phương châm “diệt một tên triệt cả bọn”. Phương châm này đã đạt những hiệu quả lớn trong năm 1964. Trong năm không có trận đánh nào lớn nhưng ta đã làm cho địch hoang mang, tạo điều kiện cho phong trào cách mạng tiến lên, từng bước hạn chế được sự hung hăng của địch. Tháng 3/1964, địch lại thả đồng chí Đinh Minh, sau đó đồng chí được các đồng chí Mai Lương giao cho nhiệm vụ tiếp tục hoạt động hợp pháp ở nội thị.⁽¹⁾

Về đấu tranh chính trị, trong suốt năm 1964, nhân dân Nghĩa Lộ liên tục tham gia và ủng hộ cho hàng vạn lượt quần chúng thuộc các huyện nông thôn, liên tiếp nhập thị (thường gọi là “chợ nhồi”), biểu tình tuần hành hô vang các khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai”, “phản đối hiến chương Vũng Tàu”, “Nguyễn Khánh phải từ chức!”⁽²⁾. Ta cũng đã lãnh đạo tổ chức hội nghị đại biểu học sinh, sinh

(1) Đồng chí Đinh Minh bị bắt 1956 đến tháng 2/1962 được thả, 1963 địch bắt lại đến 1963/1964 thả về. Đồng chí tiếp tục hoạt động. Địch đánh hơi biết được nên năm 1966 bắt lại đến cuối năm 1967 mới thả về cho đến ngày giải phóng.

(2) Sau khi lật đổ Dương Văn Minh, Nguyễn Khánh lên làm thủ tướng kiêm Tổng Tư lệnh quân đội Ngụy. Ngày 31/01/1964, Nguyễn Khánh đã ký hiến chương Vũng Tàu, bán đứng Cam Ranh cho Mỹ 99 năm.

viên Quảng Ngãi, thành lập Ban Chấp hành hội thanh niên, học sinh, sinh viên giải phóng trong các trường Trần Quốc Tuấn, Bồ Đề, phát hành bí mật báo “Tranh đấu” để hướng dẫn và cổ vũ phong trào thanh niên, học sinh chống Mỹ Ngụy. Có sự lãnh đạo của Đảng, có báo để động viên, cổ vũ, có đoàn thể tổ chức riêng của mình, phong trào đấu tranh của thanh niên học sinh ngày càng tập hợp được lực lượng đông đảo hơn, có nội dung phù hợp, kịp thời hơn. Trong lúc đó đội công tác, các cơ sở hợp pháp đã tấn phát hàng nghìn truyền đơn vào các đồn bót, gia đình binh sĩ ngụy, nhân viên ngụy quyền, phân tích sự thất bại của Mỹ-Ngụy, thế tất thắng của ta. Từ đó một số binh lính ngụy hoang mang, bỏ việc hoặc lơ là, có người trốn về gia đình hoặc mang súng về với cách mạng. Thế là trong đấu tranh giành cơ với địch từ năm 1963, 3 mũi giáp công đã dần dần hình thành ở Nghĩa Lộ, góp phần đánh bại từng bước chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch ngay ở vùng trung tâm của chúng, tạo nên một cục diện mới.

Tuy vậy trong đấu tranh sinh tử với kẻ thù, trong năm 1964 ta cũng có những tổn thất lớn. Riêng đội công tác phía đông Tư Nghĩa đã có nhiều đồng chí hy sinh⁽¹⁾. Ngày 9/6/1964, trong chuyến về căn cứ hợp, khi từ Nghĩa Hòa đến Đá Chẽ (La Hà) gặp địch phục kích, hai đồng chí Bùi Hay (phụ trách

(1) - Tháng 4/1964: tổn thất tại cầu Di - Nghĩa Điền.

- Ngày 9/6/1964: tổ công tác của đồng chí Bùi Hay có Bùi Kỳ, Vương Nam Phương, tổ công tác của đồng chí Lầu có Huỳnh Ấu, Nguyễn Bính, bị phục kích tại La Tả, nay thuộc thị trấn La Hà. Các đồng chí Bùi Hay, Phạm Lầu, Huỳnh Ấu hy sinh, đồng chí Bính bị bắt đến năm 1967 giải phóng nhà lao mới về.

đội công tác Nghĩa Lộ), Phạm Lầu (phụ trách đội công tác Nghĩa Hiệp) và một số đồng chí khác bị địch phục kích bắn chết và bị thương. Địch kéo xác hai đồng chí đến bỏ ở Bàu Giang. Đồng chí Bùi Hay hy sinh, tổ chức cơ sở ở phía đông Nghĩa Lộ, tức khu vực Nghĩa Chánh ngày nay, gặp khó khăn.

Để đối phó với ta, địch cho mật thám, chỉ điểm ngày đêm lùng vào dân theo dõi tình hình, phát hiện cộng sản. Không có kết quả, địch lập “cuộc cảnh sát” đưa đội “Chim Ưng” do tên Bửu ở Mộ Đức cầm đầu về rà soát đủ chỗ, tổ chức nhân dân “học tập”, tố cáo cộng sản nằm vùng. Đến cuối năm 1964, qua bọn chỉ điểm, chúng bắt một loạt 8 người của ta quê ở Nghĩa Chánh hoặc từ nơi khác đến, bao gồm đồng chí Cao Tửu, các cốt cán Cao Thái, Trần Nhơn, Trần Tế Á, Huỳnh Nghĩa, Trần Thị Cúc, Đoàn Văn Thu, chị Hành (vợ anh Đoàn Duy Hồng) giam giữ và tra tấn dã man trong suốt năm 1965, cuối cùng buộc tội các đồng chí Cao Tửu, Cao Thái với tội danh “chứa chấp cộng sản”, Đoàn Văn Thu và Trần Tế Á với tội danh “làm nội tuyến cho cộng sản” và kết án cả 4 đồng chí tử hình, dự định đưa ra bắn ở gò Thổi Quển để uy hiếp tinh thần nhân dân, nhưng gia đình đã kịp thời lo lót nên 4 đồng chí này đã thoát án tử hình. Sau đó một thời gian, đồng chí Cao Tửu được thả, số còn lại bị ở tù từ 1-3 năm⁽¹⁾.

Đồng chí Cao Tửu bị bắt, địch đưa Trần Thế Quế, một người già cả ốm yếu tạm thay trong thời gian tổ chức bầu cử xã trưởng mới. Chúng tuyên truyền bầu cử khá ồn ào với

(1) Sau khi được thả, đồng chí Cao Tửu và các con đều tham gia công tác ở địa phương cho đến ngày hoàn toàn giải phóng.

âm mưu đưa tên tay sai trung thành với chúng tranh cử chức xã trưởng với Tạ Đình Liên. Qua gia đình mẹ vợ y (gia đình vợ ông ta đang ở vùng giải phóng), ta định câu móc Tạ Đình Liên nhưng Liên không dám nhận. Tuy vậy, y không có ý chống phá ta, đỡ nguy hiểm hơn tên tay sai mà địch hết lòng o bế. Liên được dân chúng chấp nhận, ta lờ đi, không chủ trương cho quần chúng tẩy chay bầu cử, Tạ Đình Liên trúng cử xã trưởng Tư Chánh.

Trong lúc đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy “đưa chiến tranh vào sào huyệt của địch” và hỗ trợ cho chiến dịch Lê Độ, cơ sở Đảng và quần chúng cách mạng ở Nghĩa Lộ đã dựa vào tổ chức “khuông vức” của tín đồ Phật giáo xúc tiến phong trào đấu tranh trong những người theo đạo Phật, đòi được “tự do tín ngưỡng”. Phong trào thanh niên học sinh cùng phối hợp với phong trào Phật giáo, tiếp tục chống “quân sự hóa học đường”, chống bắt lính. Nhiều cuộc hội thảo sôi nổi diễn ra từ trường này đến trường kia, gây được tiếng vang rộng rãi. Các cơ sở quần chúng của ta đã vận động đồng bào tiểu thương, tiểu thủ đấu tranh chống thuế, chống hà thu lạm bổ. Ở các thôn xóm, bà con bàn nhau đưa con cái đến tuổi đi trốn hoặc liên kết nhau chống bắt lính, đồn quân. Nhiều thanh niên khu vực Nghĩa Chánh ra căn cứ tham gia cách mạng, gia nhập quân giải phóng.

Chiến thắng Ba Gia tháng 5/1965 tiếp tục giáng một đòn chí mạng kết liễu chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch. Chớp thời cơ, ta giải phóng một vùng rộng lớn ở vùng đông Tư Nghĩa. Một vùng đông Tư Nghĩa rộng lớn được giải phóng và trụ vững suốt 75 ngày đã gây được ảnh hưởng lớn

trong toàn cục. Niềm tin tất thắng trong nhân dân được tăng lên gấp bội. Ta đã tạo được một nguồn lực lớn để phát triển lực lượng, mở rộng hành lang phía đông cho mãi đến ngày giải phóng hoàn toàn.

Bị đòn đau ở tây Sơn Tịnh và nhiều nơi, địch cố gắng mở nhiều đợt hành quân phản kích, trong đó có các mũi phản kích xuống các xã đông Tư Nghĩa vào tháng 6/1965. Biết được ý đồ của địch, các lực lượng vũ trang ta đã phối hợp với tự vệ các xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông bố trí phục kích địch. Địch lọt vào trận địa ta, ta đồng loạt nổ súng tiêu diệt một đại đội cộng hòa, 2 trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn bảo an. Địch rối loạn chạy về thị xã.

Để hỗ trợ cho đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị cũng được đẩy mạnh. Tháng 6/1965, Tỉnh ủy huy động 10 vạn người từ các huyện nông thôn vào thị xã, nhiều phụ nữ đội khăn tang để “hỏi tin tức”, “tìm chồng con” bị chết, bị thương trong chiến dịch Ba Gia. Hàng ngàn dân khu vực Nghĩa Chánh xuống đường hoặc giúp cơm nước cho đồng bào nông thôn nhập thị, đến trại “vĩnh biệt” tìm chồng con... Tiếng kêu khóc đòi chồng con, tiếng hô khẩu hiệu “phản đối chủ trương tiếp tục chiến tranh” làm náo động cả thị xã. Nguy quyền hoang mang, dao động.

Nhìn lại cả chặng đường từ 1961-1965, nhất là trong 2 năm 1964-1965, tỉnh ta đã đủ thực lực vươn lên đánh địch nhiều trận lớn, giải phóng được nhiều vùng nông thôn rộng lớn. Riêng khu vực Nghĩa Chánh nằm trong vùng trung tâm đầu não của địch, ta chưa thể giải phóng được nhưng đã bám chắc. Tuy bị bể vỡ nhiều lần nhưng ta đã xây dựng được thực

lực cách mạng khá vững vàng. Ta đã sáng tạo nhiều cách đánh khác nhau, kiên quyết trừng trị 1 tên có nợ máu làm địch giao động cả tổ chức, vô hiệu hóa được nhiều tên, lôi kéo được số lượng chừng, sử dụng những người biết hối cải. Phương châm phá rã tư tưởng đi đến phá rã tổ chức địch đã trở thành hiện thực. Tuy chưa có những trận đánh lớn ở Nghĩa Chánh nhưng 3 binh chủng chính trị - quân sự - binh vận phối hợp nhau đã làm cho hậu phương địch thường xuyên bất ổn, buộc địch phải căng sức đối phó, tạo điều kiện cho các địa phương khác tiến công địch, giải phóng quê hương. Bài học bám dân, bám đất, là bài học lớn trong thời kỳ này.

CHƯƠNG IX

ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐỊCH (1965-1968)

Chiến lược “chiến tranh đặc biệt” phá sản, Mỹ-Ngụy chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ”,ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào miền Nam, hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến của ta. Đế quốc Mỹ còn mở cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng đường không quân và hải quân hòng chặn đứng chi viện của miền Bắc cho miền Nam, uy hiếp hậu phương miền Bắc hòng làm lung lay ý chí kháng chiến của ta. Thực hiện ý đồ đó, tháng 5/1965, Mỹ đã đưa một tiểu đoàn thủy quân lục chiến đổ bộ vào chốt ở đông Bình Sơn. Sau đó, các đơn vị của sư đoàn bộ binh, sư đoàn

ky binh bay, sư đoàn lính thủy đánh bộ sừng sỏ của Mỹ và lữ đoàn Rừng Xanh (của Nam Triều Tiên) tiếp nhau đến Quảng Ngãi. Trước tình hình đó, nhiều cán bộ, chiến sĩ, đồng bào ta cũng như bầu bạn năm châu đều băn khoăn không biết ta có đủ sức đánh và đánh thắng một đội quân được trang bị vũ khí tận răng, với bộ máy chiến tranh khổng lồ của đế quốc Mỹ hay không?. Thấu hiểu được lo lắng ấy, trong thư đề ngày 20/7/1965, chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ “đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu, dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”. Bác còn khẳng định “ta nhất định thắng, địch nhất định thua”. Lời Bác khiến mọi người yên tâm và như được tiếp thêm sức mạnh tiến lên chống lại cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo nhất trong lịch sử.

Tình hình mới, nhiệm vụ mới, cần có tổ chức thích hợp. Trung ương quyết định thành lập bộ máy chuyên trách công tác thành phố ở Khu và Tỉnh. Thực hiện chủ trương đó, tháng 5/1965, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra quyết định thành lập Ban Thành phố chuyên lo công tác thị xã, thị trấn, (đơn vị thị xã trực thuộc tỉnh, đơn vị thị trấn trực thuộc huyện, tách 4 phường nội thị và vùng ven⁽¹⁾ thành lập đơn vị thị xã chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và chỉ định Ban cán sự thị xã Quảng Ngãi⁽²⁾ do đồng chí Trần Đông (Vỹ) làm bí thư, đồng chí Tạ Công Hiến làm phó bí thư chuyên công tác địch hậu.

(1) Gồm 4 phường nội thị và 2 xã Nghĩa Lộ, Nghĩa Điền, sau thêm Nghĩa Đông.

(2) Vào tháng 8/1965.

Tỉnh uỷ còn điều động cán bộ các ngành của tỉnh, cán bộ lãnh đạo các huyện, xã tăng cường cho thị xã. Nhờ đó các ban, ngành, đoàn thể và 3 đội công tác chịu trách nhiệm hoạt động ở 3 hướng đông, nam, bắc được hình thành. Khi thành lập đơn vị thị xã, Nghĩa Lộ có 1 chi bộ chung cho toàn xã do đồng chí Nguyễn Bổng làm bí thư, mỗi B (ấp) đều có đảng viên đơn tuyến, tổ thanh niên, phụ nữ, nông hội, du kích, an ninh, tự vệ mật, nòng cốt đấu tranh chính trị, binh vận.

Rút kinh nghiệm từ thành công và thất bại trước đây, ban cán sự thị xã chỉ đạo chia các xã phường thành các đơn vị nhỏ, lấy đơn vị ấp chiến lược của địch làm cơ sở để tiện chỉ đạo chiến đấu, đặt tên các A cho các đơn vị ở nội thị, các B cho các đơn vị vùng ven theo nguyên tắc chia cắt bí mật. A, B này không biết được A, B kia. Xã Nghĩa Lộ bấy giờ có 6 B, khu vực Nghĩa Chánh thuộc B₂, B₃ và một phần của B₆. Thông qua lực lượng tại chỗ, ta trấn áp bọn tề ngụy, nắm dân, xây dựng nơi ăn chốn ở trú bám dài ngày, bảo đảm hoạt động liên tục. Ban cán sự cũng dần dần quy định rõ nhiệm vụ của đảng viên, cốt cán ở mỗi B trong việc xây dựng cơ sở cách mạng và lãnh đạo quần chúng ở B mình thực hiện các chủ trương. Lúc đầu các đội công tác phải đứng ở Tịnh Kỳ, Tịnh Khê hằng đêm lên hoạt động ở các A, B, sau lên bám được tại địa bàn. Thực lực cách mạng được tăng lên rõ rệt.

Tiếp sau chiến thắng Ba Gia tháng 5/1965, ở tây Sơn Tịnh kết liễu chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của địch là chiến thắng Vạn Tường tháng 8/1965 ở đông Bình Sơn của quân chủ lực và dân quân du kích địa phương trước một đội quân

viễn chinh Mỹ hùng hậu đã củng cố niềm tin ta hoàn toàn có thể đánh Mỹ, thắng Mỹ như lời Bác Hồ đã khẳng định. Phong trào diệt ác, phá kìm tại Nghĩa Lộ, Nghĩa Đông và nhiều nơi trong huyện, trong tỉnh dâng cao. Địch buộc phải tăng cường phòng thủ tại thị xã bằng việc xây dựng củng cố ấp chiến lược, hệ thống tề điệp, dựng lên các chốt điểm nhằm ngăn chặn hành lang, bàn đạp của ta.

Sau trận thua đau ở Vạn Tường, bọn chỉ huy Mỹ xua quân đánh phá khắp nơi. Chiến tranh ác liệt, bom đạn địch đã gây bao đau thương, tang tóc khắp các vùng nông thôn rộng lớn, nhân dân các vùng phải tản cư đến vùng ít bom đạn hơn. Từ đó hình thành các khu dồn lớn ở Bàu Giang, Đá Chẽ,... Nhân dân tản cư về thị xã ngày càng đông. Riêng khu vực Nghĩa Chánh số dân tại chỗ chỉ khoảng 4-5 nghìn người đã tăng vọt lên đến hàng vạn người với các lán trại che tạm, dựng lên san sát nhau. Nhân dân ở đây đã nhường cơm xẻ áo, cùng nhau chịu cảnh chen chúc chật chội, đùm bọc bà con. Địch lợi dụng tình hình đó tăng cường lực soát, kiểm tra quần chúng, lùng sục bắt lính, tăng cường phong thủ thị xã, tăng quân cho các lô cốt đã có, chốt thêm quân ở Yên Phú, Ngọc Điền. Chúng thực hiện chế độ quân quản ở tỉnh, quận bằng việc đưa sĩ quan làm tỉnh trưởng, quận trưởng, ra sức phát triển CIA, biệt đội sưu tầm nhằm tăng cường hoạt động tình báo gián điệp, chiêu hàng. Dã tâm xâm lược với bản chất hiếu chiến, tàn bạo của đế quốc Mỹ càng lộ rõ đã kích thích tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân ta. Thực hiện chủ trương của Ban Cán sự, đội tuyên truyền vũ trang thường xuyên tấn phát hàng loạt

truyền đơn, khẩu hiệu “Đả đảo đế quốc Mỹ xâm lược”, “Đế quốc Mỹ cút đi”, “Đả đảo Thiệu - Kỳ bán nước”. Cuối năm 1965, phối hợp với các cuộc đánh Mỹ-Ngụy ở khắp nơi, nhân dân vùng ven thị xã đã xuống đường biểu tình ngay ở hậu phương địch, giương cao khẩu hiệu “Phản đối đế quốc Mỹ”, “Phản đối chiến tranh”.

Quân Mỹ vẫn ồ ạt kéo vào miền Nam, từ 18 vạn tên năm 1965 lên 34 vạn tên vào năm 1966. Quân Mỹ tràn ngập ở nhiều nơi trong tỉnh cũng như thị xã Quảng Ngãi. Các B thực hiện chỉ thị của Ban Cán sự thị xã, tiếp tục phát triển lực lượng tại chỗ, chọn người bổ sung cho các đội công tác, các đội trinh sát vũ trang, xây dựng cơ sở an ninh mật, du kích mật, hình thành dần Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, hội Phụ nữ Giải phóng và Nông hội Giải phóng, củng cố thêm mối quan hệ giữa đội công tác và các B. Chi bộ của đội công tác làm nhiệm vụ truyền đạt nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và phối hợp với lãnh đạo các B bàn kế hoạch thực hiện. Lãnh đạo của các B có trách nhiệm quán triệt các chủ trương, biện pháp đến tận cơ sở, quần chúng cách mạng và chỉ đạo thực hiện ngay trên địa bàn với nhiệm vụ nắm dân và đẩy mạnh công tác đấu tranh chính trị. Dựa vào tổ chức mới được củng cố và thực hiện chủ trương của cấp trên “đưa chiến tranh vào sào huyệt địch”, tháng 4 năm 1966, đội trinh sát vũ trang an ninh cùng đội công tác, qua cung cấp tình hình của cơ sở B₂, ta đột nhập vào nhà Nguyễn Tàu (Lâm Quỳ) đánh trung đội thám báo đang đứng ở đây. Địch hốt hoảng bỏ chạy, ta thu 2 trung liên, 4 súng ga-răng, 1 máy bộ đàm. Cùng lúc, được cơ sở quần chúng cung cấp tin tức, đội

công tác Nghĩa Hà đã diệt được tên Thiết, ấp phó ác ôn Hiền Lương (Nghĩa Hà) hằng đêm ngủ ở Tịch Điền, ta thu được 1 súng ngắn. Cùng thời gian này ta đã trừng trị tên liên gia, xóm trưởng có nợ máu, thu 1 súng car-bin. Phong trào đấu tranh chính trị cũng có màu sắc mới đã lên đến đỉnh cao khi được tin lính Nam Triều Tiên đã tàn sát trên 400 đồng bào xã Bình Hòa (Bình Sơn), 180 đồng bào xã Tịnh Sơn (Sơn Tịnh) vào tháng 12 năm 1966. Thực hiện chỉ thị của Thị ủy, B₂, B₃, B₆ đã huy động hàng nghìn dân cùng hàng vạn đồng bào Bình Sơn, Sơn Tịnh đội khăn tang nhập thị cùng phản đối lính Nam Triều Tiên giết người, đòi nhà cầm quyền đưa bọn giết người ra trừng trị, đòi bồi thường cho các gia đình có người bị giết hại. Tiếng hô khẩu hiệu và tiếng hét căm hờn làm vang động cả thị xã. Nhân dân các B còn lên tiếng chống bắt lính, đòi bãi bỏ kiểm tra ngặt nghèo để nhân dân đi lại làm ăn, đòi cứu đói, cứu đau, bồi thường cho những người bị thương vì đạn lạc, vì vương lựu đạn, mìn của địch. Phong trào thanh niên, học sinh vẫn tiếp tục đấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống bắt lính, hội thảo đòi “Nước Việt Nam của người Việt Nam”. Đặc biệt các B đã vận động nhân dân tham gia vào phong trào đấu tranh của đồng bào theo đạo phật, đòi lật đổ Thiệu-Kỳ, tẩy chay bầu cử Quốc hội, bầu cử tổng thống nguy quyền. Phong trào lên đến đỉnh cao khi đại đức Thích Hạnh Đức tự thiêu tại chùa Tỉnh Hội.

Đầu năm 1967, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Thị ủy thay cho Ban cán sự Thị xã và chỉ định 7 Thị ủy viên do đồng chí Đỗ Việt Thanh (Chín Hoa) làm Bí thư, đồng chí Mai Lương làm Phó bí thư.

Tổ chức Đảng ở Nghĩa Lộ đã phát triển lên một bước mới. Tháng 8 năm 1967, chi bộ B₅ được thành lập gồm các đồng chí Lê Thành, Lê Quốc, Lê Lượng. Tháng 9/1967, chi bộ ghép B₂, B₃, A₂ được thành lập do đồng chí Huỳnh Quới làm Bí thư, đồng chí Hồ Chua làm đội trưởng công tác, được tăng cường thêm đồng chí Bùi Việt, Bùi Dân. Riêng đồng chí Đinh Minh vẫn hoạt động hợp pháp. Bên cạnh đó, thực hiện quyết định của Thường vụ Thị ủy, chuyển một số thị ủy viên, cán bộ thoát ly ra sống hợp pháp trong nội thị và vùng ven. Các đồng chí được nhân dân Gò Nai, Gò Hống, Phú Mỹ Hạ, bảo vệ và nuôi dưỡng như đồng chí Mỹ Lệ (Thị ủy viên), Phạm Thị Thá (Phó Bí thư công đoàn), Lê Thị Đường (Thị ủy viên) và nhiều đồng chí khác.

Chuẩn bị cho chiến dịch thu-đông 1967, khu vực Nghĩa Chánh là nơi trú quân và là một trong những bàn đạp, đánh vào 18 mục tiêu ở nội thị trong số 30 mục tiêu toàn tỉnh⁽¹⁾. Thực lực cách mạng ở địa phương được tăng cường. Các cơ sở quần chúng tích cực chuẩn bị chỗ ăn chỗ ở cho đội công tác và các lực lượng vũ trang thật đầy đủ và đảm bảo an toàn bí mật. Để mở màn trận đánh, đội công tác kéo vào ém quân tại Gò Nai, Gò Hống. Lực lượng vũ trang từ Tịnh Khê qua sông, vào Nghĩa Đông, được đội công tác và cơ sở dẫn đường tiến đánh vào đặc khu, các chốt phía nam, đông, tây thị xã. Trong chiến dịch này ta giải phóng được 1.200 tù nhân, trong đó có khá đông tù chính trị đưa ra hậu phương. Các cơ sở và cốt cán đã vận động nhân dân Nghĩa Chánh tham gia chuyển thương, chôn cất liệt sĩ, tiếp tế cho bộ đội,

(1) Theo tài liệu do đồng chí Nguyễn Nghĩa cung cấp.

che dấu cán bộ, chiến sĩ bị thất lạc đưa về hậu phương an toàn⁽¹⁾. Chiến công xuất sắc này đã làm rung chuyển thị xã, làm cho địch rung động, buộc địch từ chỗ phản công trong mùa khô 1967 phải chuyển sang bị động đối phó, bỏ dở các cuộc hành quân càn quét vào vùng giải phóng của ta, rút quân về phòng thủ thị xã. Cùng với tấn công vào các mục tiêu, ta còn đẩy mạnh công tác diệt ác, trừ gian, phá lỏng thế kìm kẹp của địch ở cơ sở, phát huy uy lực cách mạng. Bọn ác ôn ở các xã, huyện khác thường trốn vào thị xã và vùng ven. Vì thế nơi đây trở thành địa bàn diệt ác. Các lực lượng mật của các xã, huyện nông thôn vào liên hệ với lực lượng mật ở đây để tìm diệt ác ôn ở địa phương mình. Tuy nhiên vào cuối năm 1967 ta cũng có tổn thất lớn. Tháng 11/1967, do lộ hầm bí mật, các đồng chí Huỳnh Quới, Hồ Chua hy sinh, đồng chí Bùi Việt bị trúng bom.

Để chỉ đạo sát và kịp thời, để hạn chế bớt tổn thất, cuối năm 1967 Thường vụ Thị ủy quyết định thành lập 3 Ban Cán sự của 3 vùng Đông, Nam, Bắc do một đồng chí Thường vụ và nhiều Thị ủy viên phụ trách ở một vùng. Mỗi vùng có một đơn vị vũ trang, lực lượng an ninh, tự vệ, có trạm phẫu thuật và mạng lưới giao liên cần thiết. Thế và lực ta thêm mạnh.

Bị thiệt hại nặng trong thu đông 1967, càng cay cú, đế quốc Mỹ tiếp tục đưa thêm quân viễn chinh và chư hầu vào miền Nam lên đến hơn 50 vạn tên cùng 55 vạn quân Ngụy đánh phá ác liệt khắp nơi. Ở thị xã vào tháng 01/1968 thường xuyên có 7 tiểu đoàn Cộng hòa, 1 tiểu đoàn Mỹ, có 10 xe

(1) Viết theo tư liệu do đồng chí Tạ Công Hiền cung cấp.

tăng cơ động tại chỗ, 9 đại đội bảo an, 1 đại đội cảnh sát dã chiến, 1 đại đội thám báo, 1 trung đội nghĩa quân đứng chân trên từng thôn, xóm, lực lượng “dân vệ” làm công việc kiểm soát và đàn áp tại chỗ. Mỗi xã chúng đặt thêm một “Cuộc cảnh sát”. Đó là chưa kể lực lượng CIA, gián điệp được cài trang lùm sục vào mọi xó xỉnh, nhất là vùng ven, nhằm phát hiện cơ sở của ta, và lực lượng vũ trang của ta xâm nhập.

Ta chuẩn bị mở cuộc tổng tiến công, tổng công kích địch Xuân Mậu Thân 1968 trên toàn miền Nam. Mục tiêu chiến dịch 1968 ở Quảng Ngãi là giải phóng thị xã, đánh bại một bước chiến lược “chiến tranh cục bộ của Mỹ”. Để chuẩn bị cho chiến dịch qui mô lớn này, từ cuối năm 1967, các đội công tác đã nhập thị, rà soát lại địa bàn, chuẩn bị chỗ đứng và truyền đạt tinh thần Nghị quyết của Tỉnh ủy “Động viên toàn Đảng bộ, toàn dân nỗ lực phi thường, quyết tâm cao để thực hiện tổng tiến công và nổi dậy”. Và quyết tâm của Thị ủy là “động viên các đơn vị, đoàn thể, cán bộ, chiến sĩ, đảng viên, hội đoàn viên quyết tâm chiến đấu và chiến thắng với tinh thần “Hy sinh vì Tổ quốc”, “tất cả để chiến thắng”. Đợt sinh hoạt chính trị cấp tốc này đã giúp cho các đảng viên hợp pháp và bất hợp pháp, các cốt cán, cơ sở cách mạng và các đoàn thể quần chúng nhận thức rõ đây là một chiến dịch lớn, mũi tấn công tập trung vào đô thị và bộ phận đầu não của địch với phương châm kết hợp tấn công quân sự với nổi dậy của quần chúng.

Quán triệt tinh thần trên, mọi người bắt tay vào các việc được phân công. Các cơ sở quần chúng trong từng B tích cực chuẩn bị các địa bàn ém quân, tạo điều kiện cho các lực

lượng vũ trang ăn ở, trú, bám trong và sau chiến dịch, tổ chức lực lượng nổi dậy thành đại đội, tiểu đoàn làm nhiệm vụ chiếm lĩnh. Du kích, tự vệ mật chuẩn bị đầy đủ dụng cụ chiến đấu, sẵn sàng khống chế bọn tề điệp địa phương và phối hợp trong chiến đấu. Đảng viên, cốt cán đoàn thể quần chúng phân công nhau vận động nhân dân nổi dậy ở từng khu vực khi có lệnh, phân công người lo công tác hậu cần, chăm sóc và chuyển các liệt sĩ, thương binh... Nhờ cố gắng hết sức của mọi người, các lực lượng khu, tỉnh và thị xã đã được các B bố trí ém sát từ trước, quần chúng sẵn sàng nổi dậy cũng sẵn đủ dao, gậy... chờ lệnh vùng lên. Đội quân nổi dậy đông gần một trung đoàn do đồng chí Trần Tây Sơ (Thu Hảo) chỉ huy, đồng chí Tạ Công Hiền làm chính ủy đã sẵn sàng tiếp cận các mục tiêu để chiếm lĩnh sau khi các lực lượng vũ trang đánh dứt điểm. Đến khuya ngày mồng hai Tết Mậu thân, các lực lượng vũ trang âm thầm xuất phát từ nhiều nơi, ở phía đông đã từ Tịnh Khê qua Nghĩa Đông, Ngọc Án, Tịch Điền, Gò Nại, Gò Hống, Phú Mỹ Hạ được du kích B₂, B₃ dẫn đường hướng vào đặc khu. Chỉ huy chiến dịch phía đông do đồng chí Nguyễn Liễn (Ngọc) Phó Bí thư chỉ đạo, cơ quan chỉ đạo tại nhà bà Nguyễn Thị Luân, xóm Gò Nại. Tất cả đã sẵn sàng vào trận. Đúng 2 giờ 30 phút, lệnh nổ súng phát ra. Giữa đêm tối mịt mù, im ắng, đạn pháo nổ như bắp rang, làm rung động cả thị xã. Cánh quân từ Ngọc Án, Tịch Điền lên đã chiến đấu ác liệt ngay với quân địch được bố trí phản kích ngoài cửa Đông. Nhưng không có lực lượng phản kích nào ngăn nổi, quân ta ào ạt tiến vào đặc khu, triệt hạ các mục tiêu. Súng đạn nổ vang trời, cả thị xã thành một bãi chiến trường rực sáng đạn pháo

như ban ngày. Suốt ngày hôm sau, các đơn vị, các chiến sĩ của ta đã bám trụ từng nóc nhà, từng bức tường tiêu diệt địch trên từng đường phố, tiêu diệt từng mục tiêu như đại bản doanh Bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 ngụy, tòa Hành Chính, Tỉnh đoàn Bảo An, Ty Cảnh sát, đài Phát thanh, tung tâm cải huấn, nhà lao giải thoát thêm gần 1.000 tù chính trị (lần thứ hai giải phóng nhà lao)... Các đội công tác, đội tuyên truyền vũ trang của thị xã tấn phát hàng vạn truyền đơn, dùng loa pin cổ động cho tiến công và nổi dậy. Các cơ sở bên trong cùng du kích ở các B đồng loạt tiến công, truy tìm bọn tề ngụy ác ôn, phá rã các đội dân vệ, trừ khử hoặc cảnh cáo bọn chỉ huy có nợ máu. Cả thị xã suốt ngày như sôi lên trong bom đạn. Nhưng ta có khó khăn khi thực hiện vì “thay đổi giờ G” nên mục tiêu chiếm lĩnh không đạt được, quân ta phải tạm rút ra bên ngoài. Nghĩa Chánh vẫn là một trận địa quân chủ lực chốt giữ nhiều ngày. Ngày 4 và ngày 29 tháng 2 năm 1968, ta lại mở 2 đợt tấn công vào thị xã, đánh vào Tỉnh đoàn xây dựng nông thôn, diệt nhiều lính địch, đánh thiệt hại một tiểu đoàn cộng hòa vừa mới điều động đến, pháo kích vào sân bay, phá hủy một số kho tàng của địch. Tuy mục tiêu chiếm lĩnh chưa thực hiện được nhưng ta đã tiêu diệt nhiều tên Mỹ - Ngụy, làm tan rã nhiều đơn vị ngụy quân, ngụy quyền, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng và tài liệu quan trọng ngay tại trung tâm sào huyệt của địch, làm chủ nhiều giờ trên quốc lộ 1A từ ngã tư chính đến núi Bút.

Trong chiến dịch xuân Mậu Thân, bên cạnh gương chiến đấu kiên cường dũng cảm của các đơn vị, chiến sĩ vũ trang,

sự đóng góp chiến đấu của nhân dân B₂, B₃ và một phần B₆ (Gò Quán) cũng rất lớn. Các gia đình có quân ém trong nhiều ngày đã lo chu tất việc ăn uống, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ. Địch lòng sục bắn phá bờ bãi, nhà cháy, người chết vẫn không ai nản lòng, sẵn sàng thực hiện mọi yêu cầu của cách mạng, của lực lượng vũ trang. Khi một đơn vị vũ trang ta đánh diệt một đơn vị nguy trên địa bàn, bà con thôn Phú Mỹ Hạ đã giết gia súc, gia cầm để khao quân. Nhiều gia đình cho con em gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng. Khi quân ta rút ra, một chiến sĩ bị thương nặng nằm trên đường đã được nhân dân đưa vào nhà băng bó, che giấu rồi chuyển đến nhà đồng chí Lê Ty. Vợ chồng đồng chí đã chăm sóc chu đáo rồi đến đêm công người chiến sĩ ấy đến gặp lại đơn vị đang đóng quân ở Nghĩa Đồng. Chiến dịch Xuân Mậu Thân đã nâng cao hơn nữa ý chí đấu tranh, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta. Các đảng viên, cơ sở cách mạng và nhân dân khu vực Nghĩa Chánh tiếp tục hỗ trợ, phối hợp chiến đấu trong 2 đợt mùa hè và mùa thu năm 1968 với hàng chục trận đánh. Riêng du kích mật đã đánh diệt nhiều địch, phá hủy nhiều xe quân sự, trong đó có trận đánh xuất sắc vào cơ quan hội đồng xã Tư Chánh, diệt nhiều tên nguy quyền ác ôn.

Cùng với tấn công quân sự, lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng cũng liên tục tấn công địch. Sau vụ giặc Mỹ thảm sát dã man 504 đồng bào Sơn Mỹ (16/3/1968), Đảng bộ thị xã đã phát động cán bộ, chiến sĩ và quần chúng trong toàn thị trả thù cho nhân dân Sơn Mỹ bằng nhiều trận đánh, nhiều cuộc nổi dậy. Đỉnh cao là cuộc xuống đường biểu tình

của đồng bào thị xã phối hợp với nhân dân Sơn Tịnh nhập thị tố cáo tội ác dã man của giặc Mỹ với các khẩu hiệu “Đả đảo giặc Mỹ khát máu!”, “Nợ máu phải trả bằng máu”. Thanh niên, học sinh liên tục biểu tình hô vang khẩu hiệu “Đế quốc Mỹ cút đi!”. Đồng bào theo Phật giáo thì tổ chức cầu siêu cho oan hồn Sơn Mỹ.

Thời gian này, ta cũng chịu nhiều tổn thất. Chỉ tính ở Nghĩa Lộ đã có hàng chục đảng viên, cốt cán hy sinh, lực lượng an ninh, đội công tác và du kích tổn thất nhiều. Nhiều đồng chí lãnh đạo thị cũng như nhiều chiến sĩ của ta hy sinh chưa kịp đưa ra, tuổi xương đốt rồi chôn chung một hố⁽¹⁾.

Chiến dịch Xuân Mậu Thân ở thị xã Quảng Ngãi tuy có tổn thất, chưa giành được chính quyền, nhưng cùng với cuộc tổng tiến công nổi dậy trên toàn miền, đã giành được thắng lợi lớn và có ý nghĩa, đưa cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam tiến lên một bước mới, buộc địch phải xuống thang, ngưng ném bom miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán ở Paris.

Nhiệm vụ cách mạng ngày càng lớn, để có sự lãnh đạo tập trung, tại chỗ, đồng chí Tạ Công Hiến (lúc đó mang mật danh Vương Bản) đã trực tiếp thành lập chi bộ dự bị B₃ gồm 3 đồng chí Đỗ Cao Đệ là Bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Nổi làm Phó Bí thư, đồng chí Tạ Thị Chậm đảng viên. Có được chi bộ, B₃ có người lãnh đạo trực tiếp, các cơ sở cách mạng

(1) Sau giải phóng, các hài cốt liệt sĩ này đã được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ, còn ở địa điểm ấy, ta đã xây một phù điêu tưởng niệm (nằm ở góc đường Nguyễn Du - Nguyễn Nghiêm ngày nay).

được xây dựng củng cố thêm.

Nhìn chung thì từ năm 1965, khi Đảng bộ thị xã được thành lập, tình hình cách mạng ở thị xã đã có bước chuyển mới, ta đủ sức tổ chức các trận đánh lớn vào hang ổ của địch bằng 3 mũi giáp công, đưa công tác đấu tranh chính trị lên cao, phối hợp nhịp nhàng với đấu tranh vũ trang. Công tác binh vận đã đi vào chiều sâu, xây dựng thêm nhiều cơ sở trong binh lính, nhân viên ngụy quyền. Riêng B₂, B₃ và một phần B₆ (khu vực Nghĩa Chánh) cũng được chuyển hẳn sang thế mới. Chi bộ Đảng được thành lập rồi chuyển lên chính thức (1968), phát triển thêm nhiều đảng viên hoạt động đơn tuyến, cơ sở cách mạng phát triển rộng, an ninh mật, du kích mật phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, ngoài việc phối hợp với các lực lượng vũ trang đánh các trận lớn, còn có thể độc lập tác chiến phá hoại các chốt, bót của địch, tiêu diệt được từng bộ phận nhỏ sinh lực địch và khống chế được lực lượng dân về ở địa phương - Các đoàn thể cách mạng phát triển rộng lớn - Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng, Hội Phụ nữ Giải phóng, Hội Nông dân Giải phóng đều có hàng chục hội viên, trong chiến dịch Mậu Thân đã treo dán nhiều áp - phích nói rõ chính sách 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng treo nhiều cờ mặt trận; trong Tết Mậu thân đã huy động hầu hết nhân dân (kể cả nhân dân tản cư đến) tham gia chiến dịch. Tinh thần yêu nước và cách mạng trong quần chúng đã dâng lên khá cao. Những cố gắng to lớn đó đã góp phần cùng nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ - Ngụy.

CHƯƠNG X

ĐẢNG VIÊN VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HÓA CHIẾN TRANH” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1969-1972)

Thất bại trong chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, rút dần quân Mỹ về nước, tăng cường viện trợ tiền bạc và phương tiện chiến tranh cho ngụy quyền Sài Gòn, tiếp tục đánh phá cách mạng, thực hiện âm mưu thâm độc “lấy người Việt đánh người Việt”, “thay màu da trên xác chết”. Địch chuyển “tìm diệt” sang “quét và giữ”, “chuyển bình định” thành “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt”. Chúng dồn quân về thị xã rất đông. Chưa đủ, chúng ra sức đôn quân, bắt lính, bắt tất cả những người khỏe mạnh, không kể lứa tuổi, bắt cả học sinh, giáo viên, công chức vào lính. Ngoài ra địch còn bắt mọi người vào dân vệ và phòng vệ dân sự, lập thêm nhiều lô cốt, tháp canh quanh thị xã cấm chốt đồn Gò Quán, rào kẽm gai dọc bờ Nam sông Trà Khúc, dân dân vệ, nghĩa quân làm hàng rào canh gác và gài mìn, lựu đạn tạo thành thế bảo vệ dày đặc quanh thị xã rồi tung quân đánh phá các hành lang, bàn đạp của ta. Để kiểm soát dân chặt hơn chúng biến Phú Mỹ Hạ thành ấp tân sinh, đưa những tên gian ác lên làm ấp trưởng, liên gia trưởng và phụ trách an ninh. Chúng liên tục tổ chức học tập “tổ cộng” hòng quét sạch “Việt cộng”, tố giác nội tuyến của ta. Chúng còn tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu an, cho ra đời các đội “Phượng hoàng”, “Thiên nga”



Ảnh cụ Nguyễn Thị Luyện, người nuôi giấu cán bộ, 3 lần bị địch bắt, 3 lần tù đầy vẫn một lòng kiên trinh, bất khuất.

hù dọa lôi kéo cán bộ, chiến sĩ ta, lũng đoạn tư tưởng quần chúng, bắt buộc dân vào Đảng dân chủ của Thiệu, vào Đảng công nông, vào Mặt trận cứu nguy dân tộc, “nghiệp đoàn lao động”, “nông liên hội”. Các hoạt động gián điệp, chiến tranh tâm lý của chúng đã gây cho ta không ít thiệt hại. Chỉ riêng hoạt động của đội Phương Hoàng đã làm một số cơ sở của ta lo sợ nằm im. Một số người chấp nhận chiêu hồi, khai báo. Một số trung kiên bị bắt, bị tra tấn hết sức dã man.

Về phía ta, sau chiến tranh Mậu thân, tại B₂, B₃ thực lực cách mạng vẫn được giữ vững, niềm tin thắng lợi được củng cố, tuy có một số người thấy ta chưa “chiếm lĩnh” được chính quyền tỏ ra mệt mỏi ngần ngại địch. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về củng cố và phát triển vùng ven và chủ trương của Thị ủy phát triển mọi mặt phong trào cách mạng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, phá kẹp, giành dân, diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ, B₂, B₃ tiếp tục củng cố và phát triển thực lực. Tháng 3/1969 chi bộ Gò Hồng được thành lập gồm 4 đảng viên: Lê Cường, Lê Ty, Tạ Thị Nó, Tạ Duy Nghĩa do đồng chí Lê Ty làm bí thư⁽¹⁾. Du kích mật, an ninh mật được phát triển thêm. Các anh Tạ Minh Tuấn, Trần Thực Châu tham gia tự vệ mật⁽²⁾, bà Bùi Thị Rí được công nhận là cơ sở. Dưới sự lãnh đạo của các đội công tác và các chi bộ, các đoàn thể cách mạng phát triển tốt cả lượng và chất. Đồng chí Nguyễn Thế Bình được điều động về làm đội trưởng đội công tác B₂ (Tịch Điền, Ngọc Án) và đưa con trai là Nguyễn Thế Dân tham gia đội công tác. Đồng chí Đinh

(1) Đồng chí Lê Ty, Lê Cường bị địch bắt cuối năm 1970.

(2) Viết theo tư liệu do đồng chí Lý Minh Tâm cung cấp.

Minh hoạt động hợp pháp được giao làm bí thư chi bộ ghép A & B (Đội công tác và đảng viên hợp pháp). Rút kinh nghiệm các lần đổ vỡ trước, các đồng chí phân công cho cốt cán theo dõi việc đi lại, hoạt động của địch báo cáo cho chi bộ hoặc đội công tác để có đối sách tấn công hay né tránh kịp thời. Bằng công tác bình tế vận, chúng ta phân hoá những người cầm súng và làm việc cho địch xây dựng thành cơ sở nội tuyến, báo cáo cho ta những âm mưu, thủ đoạn, quy luật hoạt động của địch rất có lợi cho ta.

Trên cơ sở thực lực đã xây dựng được hoạt động quân sự trong năm 1969 của ta có mấy mốc đáng chú ý:

Ngày 23/02/1969, ta đánh vào rất nhiều điểm trong đặc khu và Nghĩa Lộ, riêng ở khu vực Nghĩa Chánh đánh vào các chốt ở Cống Kiếu, Gò Hống, Gò Nại, Hội đồng xã Tư Chánh...

Ngày 15/5/1969, ta đánh vào các chốt ở Tam Thương, Tịch Điền.

Ngày 12/8/1969, ta đánh vào La Tá, kho đạn Nút Bút, đặc khu.

Ngày 17/8/1969, ta đánh địch giữa ban ngày ở Gò Hống, Gò Nại, Bàu Lát, Bàu He⁽¹⁾... và đưa ra căn cứ một số nòng cốt cốt cán thanh niên như Tạ Công Dũng, Tạ Công Hùng, Trần Thọ ở Gò Nại, Lê Dữ ở Gò Hống bổ sung cho đội công tác, lực lượng vũ trang. Các đồng chí này thoát ly một thời gian thì quay về hoạt động ở địa phương. Ta cũng vận động đưa nhiều thanh niên lên căn cứ tham gia cách mạng, phá chính sách đồn quân, bắt lính của địch.

(1) Theo tài liệu của đồng chí Nguyễn Nghĩa cung cấp.

Năm 1969 cũng có nhiều sự kiện trong nước làm phấn khởi lòng người. Ngày 6/6/1969 Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam ra đời. Tháng 7/1969, Ủy ban nhân dân Cách mạng thị xã được thành lập và tháng 9/1969 Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ I khẳng định những thành tích của thị xã trong thời gian qua và trên cơ sở ưu điểm, khuyết điểm và những bài học rút ra được định rõ phương hướng nhiệm vụ mới “ra sức mở rộng và củng cố vùng làm chủ... tăng cường lực lượng vũ trang, chính trị ... xây dựng Đảng vững mạnh... nhất là ở cơ sở nhằm đẩy mạnh công kích và nổi dậy”. Cũng ngay trong Đại hội này đồng chí Đỗ Cao Đệ được Tỉnh ủy chỉ định là Thị ủy viên dự khuyết⁽¹⁾.

Ngay sau giờ bế mạc Đại hội, được tin Hồ Chủ tịch qua đời, Ban chấp hành mới tổ chức ngay lễ truy điệu và chịu tang Hồ Chủ tịch, đồng thời phát động trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân biến đau thương thành hành động cụ thể, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội. Tin Bác Hồ qua đời loan ra, nhân dân ai cũng bàng hoàng đau xót. Hầu hết nhà dân đều được cấm nhang tưởng nhớ Bác. Mỗi buổi sáng dậy hay buổi tối trước khi đi ngủ mọi người đều giành 1 phút hướng về miền Bắc tưởng nhớ Bác. Nhân dân và những người theo đạo Phật đến chùa Hội Phước đông hơn mọi ngày vừa viếng Phật vừa cầu siêu cho Bác. Phong trào tưởng niệm, để tang Bác lan rộng trong nhiều binh lính ngụy và nhân viên ngụy quyền. Sau Đại hội Đảng bộ thị xã, các

(1) Vì đồng chí Đỗ Cao Đệ đang hoạt động hợp pháp nên Đại hội không bầu chỉ do Thường vụ Thị ủy đề nghị, Thường vụ Tỉnh phê chuẩn, nhưng không cho ai biết.

đơn vị được củng cố lại. Đội công tác B₂ do đồng chí Thừa, Thị ủy viên trực tiếp làm đội trưởng, đồng chí Toán, Thị ủy viên trực tiếp là Bí thư chi bộ B₃.

Trên cơ sở thực lực được củng cố và biến đau thương thành hành động cách mạng, B₂, B₃ đã huy động mọi lực lượng phối hợp với các lực lượng vũ trang đánh vào thị xã.

Đầu năm 1970, 6 đồng chí của ta cải trang làm lính Sư đoàn 2 bộ binh ngụy xuất kích vào lúc 3 giờ chiều, có đồng chí Lê Ty dẫn đường lên Phú Mỹ Hạ định diệt tên ác ôn an ninh tại đây, bị lộ, ta rút lui, bị địch bao vây và nổ súng, một đồng chí bị thương nhẹ.

Tháng 4 năm 1970, chủ lực vào thôn Phú Mỹ Hạ và Gò Hống, Gò Nại xây dựng công sự đánh địch và chốt giữ nhiều ngày. Địch đưa quân ra phản kích, máy bay ném bom, ta bắn rơi một máy bay HU1A, tiêu diệt một số địch. Nhân dân Gò Nại, Gò Hống bị bom địch thả, nhà bị cháy, gia súc bị chết, tài sản bị thiệt hại khá nhiều. Trong chiến dịch này, nhân dân Gò Hống, Gò Nại dưới sự lãnh đạo của chi bộ và đội công tác đã cùng bộ đội đào hầm, bố trí trận địa, cung cấp tình hình địch và phục vụ chiến đấu. Sau trận đánh, nhân dân lo chôn cất liệt sĩ, đưa đón, dẫn đường các chiến sĩ đi lạc về với đơn vị rồi mới về giúp nhau sửa chữa nhà cửa, ổn định cuộc sống.

Trong đấu tranh sinh tử, quyết liệt với kẻ thù, lực lượng ta cũng đã chịu nhiều hy sinh, mất mát. Cuối năm 1970, hầm bí mật ở Lâm Quý bị lộ, đồng chí Thừa, Thị ủy viên đội trưởng đội công tác B₂ cùng đồng chí Nguyễn Dân đội viên hy sinh, đồng chí Thành, đồng chí Nhị (đội viên) bị địch bắt.

Tiếp sau đó, đồng chí Châu đội trưởng công tác B₃ hy sinh, đồng chí Toán, thị ủy viên, lên thay lại hy sinh. Tuy tổn thất nặng nhưng ta đã kịp thời củng cố và luôn luôn thay đổi chiến thuật đánh địch, đánh ngày, đánh đêm, bằng các lực lượng trinh sát vũ trang, đặc công, du kích tự vệ an ninh mật, với thuốc nổ, súng ngắn, lựu đạn, đánh tập kích, phục kích, hóa trang,...⁽¹⁾.

Cùng với đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị công khai hợp pháp cũng liên tục nổ ra. Đồng bào đã đấu tranh buộc địch phải bồi thường cho những thanh niên trốn lính bị địch bắn chết, nông dân đi làm ruộng bị vướng mìn, lựu đạn. Nông dân chống địch lấy ruộng đất làm nhà cho lính. Học sinh tổ chức hội thảo đòi văn hóa hòa bình, chống lệnh tập quân sự của địch. Về binh tề vận, ta vừa tấn phát truyền đơn vừa tuyên truyền giáo dục gia đình binh sĩ, nhân viên ngục quyền, xây dựng được nhiều cơ sở trong các sắc lính, biến 2 tổ “thanh niên tân trang” thành du kích mật, làm đào rã ngũ nhiều tên, cùng với lực lượng thị xã phá rã các đại đội “bảo vệ học đường” ở trường Trần Quốc Tuấn. Về mặt đóng góp cho kháng chiến, ngoài việc nuôi dưỡng, bảo vệ cho các đơn vị vũ trang chiến đấu, nhân dân còn đóng góp nhiều lương thực, thực phẩm, thuốc men gửi cho các nơi cần thiết.

Ngày 26-28 tháng 11/1970, Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ II⁽²⁾ đánh giá tình hình, ưu khuyết điểm vừa qua và đưa ra phương hướng đấu tranh mới với quyết tâm xây

(1) Viết theo tư liệu do đồng chí Mai Lương cung cấp.

(2) Tại Gò Chè-Lang Cao (Mình Long).

dựng phong trào cách mạng thị xã vững mạnh toàn diện, góp phần đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch. Thị ủy tăng cường phát triển các đội đặc công và trinh sát vũ trang từ 1 đại đội lên 3 đại đội và đòi hỏi rèn luyện thật tinh nhuệ. Các B cũng ra sức củng cố thực lực của mình, nhất là xây dựng thực lực chính trị tại cơ sở. Do đó các đoàn thể cách mạng phát triển thêm nhiều hội viên. Từ các đoàn viên thanh niên cách mạng chọn ra những du kích mật, an ninh mật tổ chức thành nhóm và luôn luôn động viên tinh thần sẵn sàng chiến đấu.

Quân địch sa lầy và thất bại ở đường 9 Nam Lào, buộc địch phải đưa phần lớn Quân sư đoàn 2 đứng ở Quảng Ngãi ra ứng cứu. Nhân đó trong năm 1971 cả tỉnh đã tổ chức nhiều trận đánh lớn mở rộng thêm vùng giải phóng. Riêng thị xã đã đánh 33 trận vào các nơi. Riêng khu vực Nghĩa Chánh, du kích mật và an ninh mật đã phối hợp với các lực lượng vũ trang đánh 9 trận, tiêu diệt nhiều tên địch, làm bị thương nhiều tên, phá hủy nhiều dụng cụ chiến tranh của địch, trong đó có 2 trận tiêu biểu.

1/ Ngày 08/01/1971 đội công tác B₂, B₃ do đồng chí Liên Thị ủy viên làm đội trưởng cùng các đồng chí Nguyễn Tổ, Lê Dữ, Trương Ban dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Hùng (Lâm) Thường vụ Thị ủy về hoạt động tại Gò Hống, Gò Nại bị lộ, địch kéo đến bao vây. Đồng chí Trương Ban bị bắt. Các đồng chí Nguyễn Hùng, Liên, Tổ đã đánh trả quyết liệt, khi hết đạn các đồng chí phá hủy vũ khí, thủ tiêu điện đài, tài liệu, đánh đến viên đạn cuối cùng rồi hy sinh. Riêng đồng chí Lê Dữ bị thương nặng đồng chí đã dùng quả lựu

đạn cuối cùng rút chốt lót dưới người chờ kẻ địch đến thì thả cần cho lựu đạn nổ, quyết tử với kẻ địch và đồng chí hy sinh trên ngay mảnh đất chôn nhau cắt rốn của mình⁽¹⁾.

2/ Ngày 14/3/1971 lực lượng của thị được tỉnh tăng cường thêm một lực lượng mạnh kể cả pháo binh, ta pháo kích vào đặc khu và núi Bút, lực lượng vũ trang đến bố trí trận địa ở Gò Nại, Gò Hồng và ngã tư Ba La, kéo Trung đoàn 4 (Sư đoàn 2 ngụy) ra để diệt. Cả 2 ngày 13, 14 chiến đấu ác liệt ta diệt 68 tên, làm bị thương 86 tên, thu 12 súng, bắn cháy một máy bay. Ta hy sinh 3 đồng chí, bị thương 12 đồng chí. Gò Nại, Gò Hồng trở thành căn cứ lăm vững chắc⁽²⁾.

Bị thua đau địch tăng cường canh gác sục sạo khắp nơi. Đồng chí Nguyễn Thị Bích Liên, Thị ủy viên đứng chỉ đạo ở đây thường liên hệ với đồng chí Mai Dũng (đội phó đội công tác) bây giờ phải chuyển sang liên lạc vào ban đêm.

Cùng với tiến công về quân sự, phong trào đấu tranh chính trị cũng phát triển mạnh. Nhân dân B₃ cùng đồng bào nội thị tham gia đấu tranh quyết liệt với bọn chỉ huy Mỹ khi một xe Jeep Mỹ cán một xe lam làm chết nữ sinh Nguyễn Thị Anh và làm bị thương 10 người khác. Đồng bào cùng học sinh có đến 7.000 người kéo đến bọn chỉ huy Mỹ đòi bồi thường và hô vang khẩu hiệu “Đế quốc Mỹ rút về nước”.

Nhân chiến thắng Nam Lào, thực hiện chủ trương của Thị ủy B₂, B₃ động viên nhân dân tham gia cuộc tuần hành chính trị quy mô lớn cùng với các gia đình binh sĩ Ngụy kéo đến

(1) Viết theo tư liệu của đồng chí Mai Lương cung cấp.

(2) Viết theo tư liệu của đồng chí Lý Minh Tâm, người chỉ huy trận đánh cung cấp.

trụ sở chính quyền tỉnh hỏi tin tức chồng con, đòi đưa xác chồng con về Quảng Ngãi. Sau đó hướng dẫn cho 5, 3 gia đình binh sĩ ngụy lần lượt đến dinh Tỉnh trưởng đòi thả chồng con, đòi không đưa chồng con ra làm bia đỡ đạn, vừa gây khó khăn cho ngụy quyền, vừa khuyếch trương thắng lợi của ta ở đường 9 Nam Lào. Cũng nhân dịp này ta phát động quần chúng tấn công địch về tư tưởng phân hóa từng đối tượng, cầm nắm từng người trong hàng ngũ ngụy quân và bộ máy ngụy quyền. Bước sang năm 1972, địch vẫn ra sức tăng cường phòng thủ ở thị xã Quảng Ngãi cắm chốt ở hành lang đông tây và đông bắc, bố trí cụm pháo ở Gò Cờ để tiến hành bình định ở các nơi. Phân bố lực lượng địch tại khu vực Nghĩa Chánh như sau: Tại B₂ một tiểu đội lính Cộng hòa đóng ở đồn Lò Gạch, một tiểu đội bảo an, một tiểu đội cảnh sát 8 tên ở chốt cửa Đông, 1 trung đội dân vệ 25 tên, 1 liên toán nhân dân tự vệ 28 tên. Tại B₃ lực lượng ngụy quân bố trí dày đặc hơn: 1 đại đội bảo an 85 tên đóng ở núi Bút, 1 tiểu đội cảnh sát 12 tên, 1 tiểu đội thám báo 9 tên, 1 trung đội dân vệ, 2 liên toán nhân dân tự vệ gồm 100 tên, 2 trung đội chiêu hồi đứng ở Núi Voi (La Tá) còn đóng chốt tại Miếu Xóm (Gò Nại) để cảnh giới⁽¹⁾. Qua công tác binh địch vận và tấn công về tư tưởng ta chi phối được cả lực lượng dân tự vệ của cả hai nơi, nắm được ấp trưởng Ngọc Điền, hạn chế hành động đánh phá của chúng, trên cơ sở đó ta xây dựng lực lượng ở cơ sở.

Chấp hành quyết định của Hội nghị Thị ủy huy động các lực lượng của thị xã tham gia các chiến dịch năm 1972, các

(1) Viết theo tư liệu do đồng chí Nguyễn Nghĩa cung cấp.

lực lượng B₂, B₃ đã phối hợp với các lực lượng của trên đánh nhiều trận nhỏ diệt hàng chục tên địch, làm bị thương nhiều tên. Ta đã bám vững trên địa bàn giành quyền làm chủ cho hàng nghìn người, làm lỏng lẻo kẹt ở hầu hết các khu vực, xây dựng được hàng chục cơ sở mật bên trong các đội nghĩa quân, dân vệ đóng ở địa phương. Các đoàn thể cách mạng phát triển nhanh có đến hàng trăm hội viên, chọn đoàn viên thanh niên cách mạng tích cực nhất xây dựng thêm một cơ sở an ninh mật.

Ta cũng huy động nhân dân tham gia hàng chục cuộc đấu tranh chính trị lớn nhỏ, đẩy lên phong trào đấu tranh đòi văn hóa hòa bình, hòa hợp dân tộc. Các đấu tranh về quân sự, chính trị kể trên đã góp phần quấy rối hậu phương địch tạo điều kiện cho các địa phương đánh địch, làm cho địch phòng thủ ở thị xã cũng phòng thủ không xong mà bình định nông thôn cũng không bình định được. Tuy thế ta cũng bị tổn thất đáng kể. Tên Vũ, một cán bộ quân đội đã chạy theo địch rồi dẫn địch về bắt gia đình đã nuôi nấng, bảo vệ hắn. Các đồng chí Nguyễn Ngỗng, Lê Mạnh bị địch bắt, tra tấn dã man gây thiệt hại cho phong trào.

Tóm lại từ 1969-1972, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Thị ủy, các chi bộ ở các B và nhân dân khu vực Nghĩa Chánh đã vượt qua những mất mát hy sinh để đẩy mạnh 3 mũi giáp công tấn công địch về mọi mặt làm thất bại cả âm mưu phòng thủ và bình định của chúng, làm lỏng lẻo đi đến giành dân, giành quyền làm chủ cho quần chúng nông thôn. Trên cơ sở đó xây dựng thêm thực lực của mình; đã có được 3 chi bộ nằm ở cả 2B và hơn hàng chục đảng viên, hàng

chục du kích, hàng chục cơ sở mật; các đoàn thể cách mạng ngày càng vững mạnh có hơn 100 hội viên; phối hợp tốt với các đội công tác; tạo điều kiện tốt cho các lực lượng vũ trang tiến công địch; ta lần lượt đưa cán bộ các ngành, các đồng chí Phó Bí thư Thị ủy, Thường vụ cấp ủy thị như các đồng chí Huỳnh Thị Mỹ, các đồng chí Trúc, Vân, Nhân, Đường, Lan, Dân vào sống hoạt động hợp pháp ở nội thị và vùng ven. Ta cũng tổ chức tốt nhiều cuộc đấu tranh chính trị, tấn công liên tục về tư tưởng vào binh lính ngụy, nhân viên ngụy quyền và gia đình họ làm cho họ hoang mang, dao động, rệu rã về hàng ngũ. Trong thử thách một mất một còn với kẻ địch, Đảng và nhân dân khu vực Nghĩa Chánh càng lớn mạnh, góp phần xứng đáng cùng cả tỉnh, cả miền đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch.

CHƯƠNG XI

ĐẢNG VÀ NHÂN DÂN KHU VỰC NGHĨA CHÁNH THAM GIA GIẢI PHÓNG THỊ XÃ, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM (1973-1975)

Từ cuối tháng 11 năm 1972 (từ ngày 23 - 26) Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III đã đánh giá ưu khuyết điểm trong đấu tranh cách mạng của thị xã và ra nghị quyết chỉ rõ phương hướng chỉ đạo sắp tới là “...đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, diệt ác, phá kìm, giành dân... khẩn trương xây dựng và phát triển thực lực chính trị, vũ trang vững mạnh, tăng cường giáo dục cho cơ sở cốt cán bên trong. Tích cực củng cố và mở rộng bàn đạp xây dựng vùng

ven...”⁽¹⁾. Đây là phương hướng chỉ đạo trong suốt năm 1973. Giữa lúc đang quán triệt tinh thần trên đến tận các đảng viên các cơ sở và lực lượng cách mạng thì được tin ngày 27.1.1973 chính quyền Mỹ buộc phải ký kết Hiệp định Paris cam kết chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân Mỹ và chư hầu về nước, thừa nhận thực tế ở miền Nam có 2 chính quyền, hai quân đội và ngày 27.3.1973 Bộ chỉ huy Mỹ ở Sài Gòn làm lễ cuốn cờ rút quân Mỹ về nước. Ai cũng vui mừng vì thấy đây là một thắng lợi to-lớn của ta. Tuy nhiên vẫn có không ít người lo lắng phân vân vì chính đế quốc Mỹ đã từng xóa bỏ hiệp định Giơ-ne-vơ trước đây. Ta phải giải quyết về nhận thức giúp cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ thấy rõ đế quốc Mỹ đã thất bại liên tiếp trên chiến trường, lại bị nhân dân tiến bộ Mỹ và thế giới đấu tranh quyết liệt buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, buộc phải rút quân, mà đã rút quân là Mỹ đã chịu thất bại. Quân Mỹ đã rút thì khó trở lại, mà quân Mỹ đã rút thì nguy chóng sụp đổ. Vấn đề chính là ta phải xây dựng thực lực, kiên quyết đấu tranh buộc chúng phải thi hành Hiệp định, từ đó ổn định dân tư tưởng, xây dựng quyết tâm đấu tranh mới. Các B ra sức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 3 xây dựng thực lực, phát triển thêm đảng viên, đoàn viên thanh niên cách mạng, tổ chức thêm cơ sở mật và an ninh, triển khai các mũi tiến công theo chủ trương trên.

Trong lúc đó tuy quân Mỹ cuốn cờ về nước nhưng đế quốc Mỹ không ngừng âm mưu biến Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Chúng ra sức đổ tiền của,

(1) Trích văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ III.

súng đạn nuôi dưỡng chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu, đốc thúc bọn này phá hoại hiệp định Paris.

Với số lượng lớn tiền của, thiết bị quân sự hiện đại và hàng vạn nhân viên quân sự đội lốt dân sự của Mỹ để lại, tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ” hòng phá thế “da báo” đã hình thành từ nhiều năm trước. Chúng ra sức dồn quân bắt lính. Ở thị xã chúng tăng quân số ở mọi sắc lính⁽¹⁾, riêng ở khu vực Nghĩa Chánh, chúng đưa thêm trung đội dân vệ (có lúc là bảo an) đóng ngay giữa ranh giới xã Nghĩa Đông và Ngọc Án (Nghĩa Chánh) từ Nghĩa Đông lên chúng cấm nhiều chốt với quân số 1 tiểu đội trở lên, thực hiện giới nghiêm không cho dân đi lại vào ban đêm, điều quân đánh phá liên tục hành lang phía đông nhằm ngăn chặn đường tiến quân của ta từ phía đông vào nội thị như nhiều lần trước. Địch phân quân chúng thành 5 loại rồi tổ chức chiến dịch “sao chổi” nhằm truy quét những người thuộc loại C, loại E (loại đối lập và cộng sản). Ngoài CIA, gián điệp mật báo, chúng còn dùng các em nhỏ lang thang, cơ nhỡ huấn luyện thành chỉ điểm rồi giả dạng làm người bán kem, bán báo lặn lội đến bến xe, nhà ga... để dò xét phát hiện những đặc công, du kích của ta. Chúng ra sức kìm kẹp nhân dân phòng thủ thị xã để có điều kiện tung quân lấn chiếm vùng giải phóng. Với quân lực vừa được bơm to, Nguyễn Văn Thiệu hò hét “tràn ngập lãnh thổ”. Quân nguy ra sức lấn chiếm trên toàn miền, toàn tỉnh. Nhiều nơi vì tôn trọng hiệp định, vì chủ quan, bị địch chiếm lại gần hết vùng giải phóng. Ở Quảng Ngãi tuy chủ trương chống

(1) Xem "Phong trào yêu nước... thị xã Quảng Ngãi" - 1999 - trang 264.

lấn chiếm đưa ra sớm nhưng lúc đầu lực lượng vũ trang của ta bị đẩy ra xa, ta bị tổn thất nhất định. Riêng thị xã và B₂, B₃ vẫn giữ được thế tiến công, thế và lực ổn định.

Đến tháng 8/1973 thực hiện quyết định của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V, các nơi đã tổ chức lực lượng, bằng bạo lực đánh trả để chống địch lấn chiếm, giữ vững địa bàn. Kẻ địch bắt đầu thua liểng xiểng khắp nơi. Lực lượng quân nguy lúc đầu hung hăng, nhưng sau khi thất bại mấy trận, quan binh đều hoang mang, dao động. Ngay ở thị xã Quảng Ngãi, do chúng bắt bừa, bắt ẩu, chúng đã bắt phải những người thiếu tinh thần, lại bắt nhầm nhiều du kích, cơ sở mật của ta. Anh em đã nhanh chóng liên hệ được với nhau, bằng mọi cách chống lại lệnh hành quân, tung tin thất thiệt, tác động tinh thần những tên nhất gan, làm rối loạn ngay trong hàng ngũ địch.

Thị ủy xác định Hiệp định Paris là một thắng lợi to lớn của ta nhưng với bản chất xâm lược và hiếu chiến của Mỹ-Ngụy, quá trình đấu tranh thực hiện hiệp định là cả một quá trình đấu tranh gian khổ, quyết liệt với tinh thần tiến công mới đến thắng lợi hoàn toàn.

Thực hiện Nghị quyết của Thị ủy, các đội công tác, cán bộ ngành giới, lực lượng vũ trang vượt qua mọi khó khăn ác liệt, luồn lách vượt qua các phòng tuyến phòng thủ của địch vào trụ luôn tại địa bàn, phát động quần chúng, củng cố về tư tưởng, tổ chức, xác định nhiệm vụ cho các chi bộ, đảng viên, cơ sở nòng cốt trong các tổ chức quần chúng, củng cố về tư tưởng, tổ chức, xác định nhiệm vụ cho các chi bộ, đảng viên, cơ sở nòng cốt trong các tổ chức quần chúng. Đồng

thời ta mở rộng diện nắm dân, thuần khiết nội bộ trong nhân dân, tập hợp mọi lực lượng chuẩn bị cho hoạt động lâu dài. Nhờ khẳng định được vai trò, trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên, thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng, ta đã chuyển hóa tình hình từ bị động sang chủ động tiến công địch. Lực lượng ta vẫn bám trụ tại Gò Nại, Gò Hống, Phú Mỹ, Tịch Điền (hợp pháp và bất hợp pháp).

Các đội công tác các B đã tấn phát hàng ngàn bản sao hiệp định, tổ chức tuyên truyền nhỏ lẻ trong từng nhóm người về nội dung hiệp định, vạch rõ thế thắng của cách mạng, thế thua của Mỹ-Ngụy. Các cán bộ được cử đi học các lớp huấn luyện ở khu, ở tỉnh về hiệp định Paris, về phương pháp và hình thức đấu tranh, trở về đưa cuộc tuyên truyền đấu tranh đòi thi hành hiệp định đi sâu vào các tầng lớp có hiệu quả. Các đảng viên hoạt động hợp pháp được giao nhiệm vụ qua tuyên truyền phổ biến hiệp định, phổ biến các chủ trương của Thị ủy trong giáo viên, học sinh, đồng bào theo đạo và tầng lớp trên, từ đó hình thành phong trào chống lấn chiếm, đòi bồi thường cho học sinh trốn lính bị bắn chết, đòi văn hồi hòa bình, Các tầng lớp nhân dân liên tục tố cáo địch vi phạm hiệp định và đấu tranh giành lại hơn 40 thanh niên bị bắt lính...

Chủ trương của Thị ủy mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân chống Mỹ- Ngụy với khẩu hiệu “hòa bình độc lập, trung lập, hòa giải và hòa hợp dân tộc”, hướng vào mục tiêu đánh đổ ngụy quyền, tay sai hiếu chiến của đế quốc Mỹ, giành chính quyền về tay nhân dân, đã mở ra một hướng mới đi vào các tầng lớp nhân dân, cả trong ngụy quân, ngụy quyền.

Đồng bào theo Phật giáo có tinh thần dân tộc, chống Mỹ-Ngụy, thiết tha hòa bình, đã nhiệt liệt hưởng ứng. Các nhà giáo, các trí thức chán ghét chế độ Mỹ-Ngụy và có lòng yêu nước đứng ra vận động học sinh chống chiến tranh, chống Mỹ-Thiệu. Các phong trào dâng cao đã dẫn đến kết quả là tháng 10/1974, Ban chấp hành các lực lượng hòa giải, hòa hợp dân tộc Quảng Ngãi được thành lập, do nhà giáo Nguyễn Văn Hàm làm Chủ tịch. Trong buổi ra mắt trước cuộc mít-tinh ở chùa Tỉnh hội có hàng ngàn người tham gia, ông Nguyễn Văn Hàm đã công khai lên án Nguyễn Văn Thiệu ngoan cố làm tay sai cho Mỹ, kéo dài chiến tranh, chia cắt lâu dài đất nước, gây đau thương cho cả dân tộc và kêu gọi đồng bào tham gia lực lượng hòa hợp, hòa giải dân tộc, đấu tranh lật đổ Nguyễn Văn Thiệu, chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình. Phong trào đã có ảnh hưởng rộng trong các tầng lớp nhân dân, bọn tay sai của Nguyễn Văn Thiệu bị cô lập sâu sắc.

Trong khi đó, từ đầu năm 1974, ta đã hình thành nhiều khu lôm, việc nắm dân được mở rộng. Hầu hết đội công tác, cán bộ ngành giới và lực lượng vũ trang đều ăn ở, trụ bám tại chỗ. Lực lượng quân nguy đang đóng tại khu vực Nghĩa Chánh có D125 đứng ở núi Bút, D137, D138 lực lượng dự bị của tiểu khu Quảng Ngãi thường sục sạo ở Nghĩa Chánh. Dịch tuy đông, hệ thống lô cốt, đồn bót dày đặc nhưng chúng đang dao động, không ít người bộc lộ tâm tư, nguyện vọng muốn hòa bình, hòa giải hòa hợp dân tộc⁽¹⁾. Lực lượng chính

(1) Viết theo tư liệu do đồng chí Nguyễn Nghĩa cung cấp.

trị ở các B luôn luôn tìm cách tác động vào họ, có người đã đào ngũ hoặc tìm cách làm bị thương rồi xuất ngũ.

Tháng 8/1974, lực lượng vũ trang của ta tiêu diệt chi khu quận lỵ Minh Long, giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long và huyện Sông Rhe. Sau đó ta đánh chiếm cao điểm núi Đình Cương (Nghĩa Hành) rồi chốt giữ Đình Cương uy hiếp quận lỵ Nghĩa Hành, tạo bàn đạp tấn công giải phóng thị xã. Nguy quyền, nguy quân Quảng Ngãi rung động vì nguy cơ mất tỉnh lỵ chỉ tính trong từng ngày. Vì vậy chúng huy động cả 1 trung đoàn tổng hợp có pháo binh, máy bay yểm trợ ngày đêm dội bom đạn lên các chốt điểm của ta. Càng ác liệt, quân ta càng ngoan cường bất khuất giữ nguyên chốt điểm, cuộc chiến đấu giằng co kéo dài quyết liệt. Tình hình đó ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình thị xã. Nguy quyền lúng túng, nguy quân ngơ ngác. Lợi dụng tình thế, hỏa tiễn A12 của ta bắn vào sân bay, tiểu khu gây cho địch nhiều thiệt hại. Lực lượng đặc công phối hợp với du kích, cơ sở mật B₃ đánh vào kho xăng, kho đạn núi Bút, chỉ phá kho đạn được một ít, riêng kho xăng bốc cháy liên tiếp trong 2 ngày⁽¹⁾.

Mỹ rút quân, ta đánh mạnh, phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ, sâu rộng của các tầng lớp nhân dân thị xã làm cho tinh thần tư tưởng của địch càng giảm sút nghiêm trọng. Nhân đó ta rải hàng loạt truyền đơn, gửi hàng trăm thư kêu gọi, tranh thủ thuyết phục gia đình binh sĩ nguy gọi chồng,

(1) Viết theo tư liệu trong "Phong trào yêu nước... Thị xã Quảng Ngãi" - Tlđd - trang 271

con bỏ ngũ, bỏ việc về với nhân dân. Chưa bao giờ có hiện tượng đào, rã ngũ kể cả rã ngũ tập thể đông như lần này. D137, D138 có đến hơn 10 binh lính đào ngũ, 12 người tự làm bị thương rồi trốn về nhà, 2 người trốn ra vùng giải phóng. Cả 2 đội thanh niên tân trang của cả 2B đều rã ngũ tập thể trong đó có nhiều cơ sở của ta, buộc địch phải củng cố lại, ta nắm chắc và sâu hơn các liên toán nhân dân tự vệ.

Giữa thắng lợi về nhiều mặt, Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ IV⁽¹⁾. Căn cứ vào các ưu điểm và khuyết điểm trong thời gian qua và dự đoán tình hình phát triển trong thời gian tới Đại hội đã quyết định: “Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, nhanh chóng phát triển thực lực cách mạng, đưa 3 mũi giáp công lên cao trào, đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của địch tại thị xã, hỗ trợ đắc lực cho nông thôn, đánh bại bình định lấn chiếm của địch, sẵn sàng tiến lên giải phóng thị xã khi có điều kiện⁽²⁾. Tháng 12/1974 Thị ủy lại chỉ thị thực hiện phương châm chỉ đạo “táo bạo, kiên quyết vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ điều kiện và tạo thời cơ giành thắng lợi”.

Chi bộ ở các B chấp hành nghị quyết của Đại hội và chỉ thị của Thị ủy đã tiến hành củng cố các nhóm du kích, an ninh mật, chuẩn bị cho các cơ sở sẵn sàng phối hợp với đội công tác tích cực chuẩn bị địa bàn đón tiếp các lực lượng vũ trang. Đồng thời chọn lọc thêm các cơ sở mới, nâng cao trách nhiệm các cơ sở cũ; chuẩn bị cho các cốt cán, các đoàn

(1) Từ ngày 25 đến 27 tháng 11 năm 1974 tại Nghĩa Thắng.

(2) Trích văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã lần thứ IV.

thể cách mạng, sẵn sàng vận động nhân dân tập hợp đội ngũ khi cần thiết. Tất cả mọi hoạt động đã được thực hiện với ý chí, quyết tâm cao “Tất cả cho chiến dịch Xuân Hè 1975”, “Tất cả cho chiến thắng”.

Tỉnh trưởng Phước Long hoàn toàn giải phóng (6/1/1975) lại biết quân Mỹ ít có khả năng quay lại xâm lược Việt Nam, mọi người càng phấn khởi, xúc tiến nhanh mọi việc đã được giao. Du kích và các cơ sở ở B₃ đã hỗ trợ cho lực lượng đặc công đánh vào lô cốt Cống Kiếu liên tiếp 2 lần trong tháng 1 và tháng 2/1975, đồng thời tháo dỡ một số điểm lẻ khác, diệt một số tên ác ôn, tạo dần chỗ đứng cho ta⁽¹⁾.

Giải phóng Buôn-Mê-Thuột (10/3/1975) tiếp theo là các tỉnh Tây Nguyên lần lượt được giải phóng và khả năng quân Mỹ trở lại miền Nam không còn nữa, thực sự là niềm phấn khởi, tin tưởng to lớn cho mọi người. Tỉnh thể cách mạng chuyển biến từng ngày, từng giờ có lợi cho ta.

Thị ủy lại một lần nữa đôn đốc phải khẩn trương tập trung mọi lực lượng, nhất là lực lượng tại chỗ, chuẩn bị hình thành các tổ chức như Ban khởi nghĩa, lực lượng nổi dậy, lực lượng chiếm lĩnh trong từng A, B, bám sát tình hình tư tưởng, âm mưu thủ đoạn của địch... Chớp thời cơ giải phóng thị xã khi có điều kiện. Chấp hành chỉ thị trên, đội công tác và chi bộ các B đều lên kế hoạch chi tiết, cụ thể cho từng phương án, từng việc. Trong lúc đó các cán bộ lãnh đạo, các ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang ở bên ngoài lần lượt vào trụ

(1)Viết theo tư liệu trong "Phong trào yêu nước... Thị xã Quảng Ngãi " - Tlđd - trang 276

bám trong từng B, tổ chức trận tuyến, xây dựng giao thông liên lạc, từng giây từng phút sẵn sàng nhận lệnh công kích, khởi nghĩa. Tin vui thắng trận từ khắp nơi dồn dập đưa về, trong đó có tin các huyện miền núi Quảng Ngãi đã được giải phóng, quân nguy các nơi bỏ chạy về thị xã. Quân nguy ở núi Đình Cương cũng rút chạy, mọi người thấy rõ giờ phút giải phóng thị xã và giờ phút cáo chung của nguy quân, nguy quyền đã đến.

Nội thị lúc bấy giờ thực sự nhốn nháo. Nguy quân các nơi chạy về trong tình thế tả tơi, không hàng ngũ, ngày càng đông, đói khát dẫn đến cướp bóc trắng trợn càng làm cho tình hình rối loạn thêm. Trong lúc đó chấp hành lệnh tổng công kích và khởi nghĩa của Tỉnh ủy, đại quân ta từ các ngả thừa thắng xông lên, có xe tăng và pháo binh yểm trợ tiến vào thị xã. Các lực lượng vũ trang, trình sát vũ trang du kích, an ninh (do đồng chí Lê Nam Hà, Phó Bí thư trực tiếp chỉ huy⁽¹⁾) vũ trang tiếp cận các mục tiêu được phân công. Khi phát hiện địch đã rút chạy, thực hiện lệnh của Thị ủy, các đội công tác, các lực lượng vũ trang phối hợp với du kích, an ninh B₂, B₃ và B₆ đã nhanh chóng chiếm giữ các cơ quan, kho tàng, nhân dân nổi lên diệt ác, phá vỡ bộ máy nguy quyền cơ sở, kêu gọi binh lính và những người làm việc cho địch nộp vũ khí, tài liệu, truy bắt những tên tìm cách chạy trốn, treo cờ mặt trận, tấn phát hàng nghìn truyền đơn⁽²⁾. Tất cả mọi việc đã được tất cả các A, B thuộc thị xã làm xong

(1) Bộ phận chỉ đạo giải phóng vùng đông thị xã.

(2) Từ đây trở lên phần lớn viết theo tư liệu do ông Mai Lương cung cấp.

trong 10 giờ kể từ khi tên chuẩn tướng Trần Văn Nhật và bọn chỉ huy tiểu khu Quảng Ngãi bỏ chạy. Đúng 23 giờ 30 ngày 24 tháng 3 năm 1975, thị xã Quảng Ngãi được hoàn toàn giải phóng. Cờ đỏ sao vàng và cờ Mặt trận dân tộc giải phóng đã được kéo lên trước tòa hành chính tỉnh, cắm một mốc son chói lọi cho lịch sử Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thị xã Quảng Ngãi và khu vực Nghĩa Chánh. Nhân dân khu vực Nghĩa Chánh cũng như toàn thị xã vui mừng như ngày hội. Hầu như không ai ngủ được, mọi người ra đường reo hò, phấn khởi. Những ngày tiếp theo, vẫn trong niềm hân hoan cao độ, cán bộ đảng viên và nhân dân khu vực Nghĩa Chánh tập trung sức truy quét tàn quân địch, bắt giữ một số tên gian ác trốn tránh tìm cách chạy theo địch, xây dựng chính quyền cách mạng ở thôn, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng mọi mặt chống phản kích, chống oanh tạc của địch, mặt khác động viên nhân tài, vật lực, phục vụ cho nhiệm vụ giải phóng toàn miền Nam.

Nhìn lại 21 năm chống Mỹ - Ngụy (1954-1975) là cả một quá trình đấu tranh giằng co, quyết liệt, có lúc đến mức ác liệt. Từ năm 1954-1959, tại thị xã nói chung và khu vực Nghĩa Chánh nói riêng, kẻ địch đánh phá ác liệt, ta tổn thất nghiêm trọng, chỉ còn ra sức chống tư tưởng đầu hàng, giữ vững phẩm chất cách mạng, cố gắng bảo tồn lực lượng.

Từ năm 1960-1965, nhờ chi viện của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, chi viện của cấp trên, thực lực cách mạng được dần dần xây dựng lại, bắt đầu tiến công, tiêu diệt địch, nhưng có lúc bị địch phá nát đến trắng tay, khôi phục lại bị đánh phá nhiều lần, nhưng chúng ta đã vượt qua máu lửa để bám trụ

được vào dân, tạo điều kiện chiến đấu trong các giai đoạn tiếp theo.

Từ năm 1965-1968, được cấp trên hướng dẫn xây dựng tổ chức và phương thức phối hợp mới phù hợp với tình hình, thực lực cách mạng phát triển và dần dần đứng vững, chiến đấu giằng co với địch và qua chiến tranh tạo ra những phương pháp và phương châm đấu tranh với từng loại quân địch, phù hợp với vùng bị địch kìm kẹp ác liệt ở sâu trong vùng hậu phương địch. Nhưng cũng không ít lần cơ sở bị bể vỡ, đảng viên cán bộ chiến sĩ bị giết, tù đầy. Các đội công tác B₂, B₃ đến 2 lần bị địch diệt gọn, khó khăn chồng chất khó khăn. Tuy nhiên qua tổn thất chúng ta kịp thời rút kinh nghiệm và dũng cảm đứng lên góp phần xứng đáng vào chiến dịch tổng tấn công tết Mậu Thân.

Từ 1969-1972, nhờ kinh nghiệm và những bài học rút ra từ các giai đoạn trước, chúng ta bám vào dân tốt hơn, xây dựng thực lực cách mạng vững chắc hơn, phối hợp 3 mũi giáp công thuần thực và có hiệu quả hơn, tiến công địch trên mọi mặt. Tuy có lần bị bể vỡ nhưng thực lực vẫn được bảo tồn, phong trào cách mạng không dừng lại.

Từ năm 1973-1975, tuy vẫn còn nằm sâu trong vùng địch chiếm nhưng với những thực lực đã xây dựng được, khu vực Nghĩa Chánh cũng ở thế tấn công như cả thị xã, cả tỉnh. Đảng viên ngày càng phát triển, quần chúng cách mạng ngày càng đông, mặt trận đoàn kết toàn dân đánh Mỹ - Ngụy được mở rộng, đưa kẻ địch vào thế bị cô lập đến cao độ và bị tấn công về mọi mặt, nhất là trong chiến dịch Xuân-Hè 1975, lần đầu tiên trong lịch sử tỉnh nhà, nhân dân khu

vực Nghĩa Chánh (B₂, B₃, một phần B₆), cùng với nhân dân toàn thị xã đã nổi dậy phối hợp với các lực lượng vũ trang có cả xe tăng, pháo binh của tỉnh, nghiền nát bộ máy ngụy quyền thống trị Quảng Ngãi, giành thắng lợi hoàn toàn đem lại quyền làm chủ cho nhân dân, thực hiện xuất sắc Nghị quyết của Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ III và thứ IV đã đề ra.

Nhân dân khu vực Nghĩa Chánh một lòng một dạ với Đảng, với Bác Hồ, hoàn toàn có thể tự hào trong việc xây dựng thực lực, chiến đấu có nhiều thành tích trên địa phương mình, còn làm tròn sứ mạng là một hành lang, một bàn đạp cho các cuộc tiến công, nổi dậy của mọi lực lượng vào thị xã và đã đóng góp nhân tài, vật lực to lớn cho sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, thực hiện được ước mơ thiết tha hòa bình, độc lập, thống nhất cho Tổ quốc thân yêu của mình, xứng đáng với 3 huân chương mà Đảng và nhà nước trao tặng.

PHẦN THỨ NĂM

ĐẢNG BỘ NGHĨA CHÁNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI (1975-2000)

Miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước sạch bóng quân thù, nhân dân khu vực Nghĩa Chánh cũng như nhân dân cả nước vui mừng đến tột bậc trong việc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ, kháng cao đầu nhìn đất nước Bắc Nam liền một dải. Đấu tranh càng gian khổ, nước mắt và máu đã đổ ra càng nhiều, đồng bào càng thấy quý quyền làm chủ vừa mới giành lại được. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nghĩa Chánh trong mấy năm đầu cùng nhân dân Nghĩa Lộ bắt tay vào xây dựng cuộc sống mới và từ đầu năm 1979 được tách ra thành một xã riêng. Hơn 20 năm, xây dựng cơ sở vật chất và quan hệ sản xuất mới, nhân dân xã Nghĩa Chánh đã tạo được những điều kiện cơ bản để tiến lên xây dựng một phường hiện đại cho chính mình và góp phần đưa thị xã Quảng Ngãi từng bước đi lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

CHƯƠNG XII

CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN NGHĨA CHÁNH, DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ XÃ NGHĨA LỘ (CŨ) BẮT ĐẦU XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI (1975-1979)

Trong lúc đại quân ta vào giải phóng các tỉnh phía Nam, ngày 31/3/1975 thực hiện chủ trương của tỉnh và của thị, hầu

như tất cả nhân dân Nghĩa Lộ có mặt cùng nhân dân cả tỉnh phấn khởi tham gia diễu hành giữa rừng cờ hoa khắp các đường phố rồi tập trung tại sân vận động Diên Hồng dự cuộc mít ting lớn chào mừng tỉnh Quảng Ngãi hoàn toàn giải phóng, chào mừng Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh ra mắt nhân dân và chăm chú nghe đồng chí Nguyễn Nghĩa - Chủ tịch Ủy ban Quân chính thị xã đọc lời kêu gọi.

Thực hiện chỉ thị của Ủy ban Quân chính thị xã Quảng Ngãi, nhân dân các thôn vùng ven tạm thời thành lập Ban quản trị thôn mình và dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy (được cấp trên chỉ định) tiến hành ngay những nhiệm vụ cấp bách để ổn định cuộc sống của nhân dân; giải quyết việc hồi cư cho đồng bào thị xã và tạo điều kiện về quê cho đồng bào các nơi khác đến; kêu gọi ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện; truy quét tàn quân ngụy và các phần tử phản động, cấp tốc huy động sức người, sức của cùng quân dân cả nước tiếp tục đánh bại quân ngụy giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Xã Nghĩa Lộ lúc bấy giờ có 18 đảng viên. Thị ủy chỉ đạo thành lập một chi bộ và chỉ định các đồng chí Võ Thành Ký làm Bí thư, Đinh Minh làm Phó Bí thư. Chi ủy đã lãnh đạo các thôn thực hiện các nhiệm vụ đề ra. Riêng thôn 5 gồm phần lớn khu vực Nghĩa Chánh ngày nay cử lực lượng du kích và an ninh do đồng chí Trần Thực phụ trách phối hợp với các tổ thanh niên học sinh vừa mới thành lập canh gác, giữ gìn trật tự an ninh ở các cơ quan tỉnh và nội thị. Ban quản lý thôn đã giải quyết nhanh chóng việc bà con tản cư đi các nơi quay về và giúp đỡ họ bắt đầu ổn định cuộc sống. Đồng bào các nơi đến cũng được sắp xếp lần lượt trở về quê. Ngụy

quân, nguy quyền có cấp bậc cao đã chạy trốn từ trước. Số còn lại, theo đúng quy định, chính quyền chỉ giữ lại một số ít, còn hầu hết đều tạo điều kiện để họ quay về với gia đình. Một số người quá khiếp sợ trốn một thời gian rồi cũng xin ra đầu thú. Để góp phần giải phóng các tỉnh miền Nam, nhiều thanh niên ở Nghĩa Chánh đã tình nguyện bổ sung vào các đơn vị lực lượng vũ trang lần lượt hành quân về phía Nam. Đặc biệt là trong đợt lạc quyền “vì giải phóng hoàn toàn miền Nam” bà con ra sức đóng góp được một số của cải vật chất rất lớn. Ban quản trị các thôn đã nộp lên trên để kịp thời chuyển cho miền Nam. Tuy bận rộn với hàng trăm việc trước mắt nhưng đồng bào vẫn chăm chú theo dõi cuộc tiến công của quân ta ở phía Nam. Mỗi ngày lại có tin vui mới về một tỉnh thành được giải phóng. Hồi hộp nhất là những ngày 28, 29, 30/4/1975, khi được tin từ Đài phát thanh công bố “Ngụy quân Sài Gòn đã đầu hàng”, “quân ta đã làm chủ hoàn toàn Sài Gòn”, mọi người không kể già trẻ, gái trai hân hoan reo mừng. Băng, cờ, khẩu hiệu chào mừng “Đại thắng mùa Xuân lịch sử” rực rỡ khắp các ngã đường trên phố, trong khắp thôn xóm. Có người còn đốt hương khấn vái mời Hồ Chủ tịch, tổ tiên về cùng mừng với đất nước đã sạch bóng quân thù. Ủy ban Quân chính thị xã cho phép mọi cơ quan nghỉ làm việc và phát động nhân dân tổ chức liên hoan mừng chiến thắng. Bà con khu vực Nghĩa Chánh lại cùng nhau quét dọn đường sá, vệ sinh nhà cửa và cùng nhau “đậu hàng” làm heo, gà, vịt ăn mừng.

Sau những ngày vui tột cùng đó, Thị ủy Quảng Ngãi lo ngay việc kiện toàn Đảng bộ và xây dựng chính quyền cấp

xã. Với Nghĩa Lộ, Thị ủy thấy số đảng viên tại chỗ và mới về sinh hoạt đã được hơn 50 đồng chí, nên quyết định cho thành lập Đảng bộ và chỉ định đồng chí Võ Thành Ký làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Đinh Minh làm Phó Bí thư. Toàn Đảng bộ chia làm 6 chi bộ phụ trách 6 thôn. Thôn 5 có 8 đảng viên do đồng chí Trần Tài làm Bí thư. Đến đây Ủy ban Quân chính thị xã mới chính thức cho thành lập chính quyền cấp xã và chỉ định đồng chí Đinh Minh, Phó Bí thư Đảng ủy làm Chủ tịch. Cơ quan xã đóng tại một nhà lớn tại nội thành⁽¹⁾. Các đoàn thể quần chúng phát triển rất nhanh. Nhiều việc phải triển khai ngay. Trước mắt là tiến hành giáo dục sâu rộng chính sách hòa giải dân tộc của Đảng và Chính phủ. Các đoàn thể tiến hành học tập, thảo luận để thấy rõ chính sách nhân đạo của Đảng và truyền thống xóa bỏ hận thù của dân tộc, giải tỏa nỗi căm hận cho các gia đình có người thân bị nguy quân, nguy quyền giết chết, làm bị thương, bắt tù đầy trước đây, đồng thời ổn định tư tưởng và tạo điều kiện làm ăn cho những người đã từng tham gia nguy quân, nguy quyền. Quan hệ giữa các gia đình, thôn xóm dần dần hòa hợp. Tiếp đó chính quyền xã huy động nhân dân san bằng các ấp chiến lược, dọn bỏ các đoạn rào vì còn sót lại. Đồng chí Việt Hà từ miền Bắc về được phân công làm xã đội trưởng dân quân, du kích, hướng dẫn nhân dân san lấp các hào (quanh ấp chiến lược cũ). Tỉnh đội cử cán bộ quân giới đến hỗ trợ tháo gỡ đi hàng chục quả mìn, hàng trăm quả lựu đạn do địch để lại. Dân quân, du kích tháo dọn các rào vì, san lấp một số hầm chữ chi trên các ngã đường, tạo nên

(1) Ngay trên nền đất khách sạn Cẩm Thành hiện nay.

không gian thông thoáng, đi lại thuận tiện ở khắp nơi trong xã.

Các vùng nông thôn ven thị bắt tay ngay vào sản xuất nông nghiệp, tập trung sức giải quyết ngay vụ tháng tám, vụ quan trọng nhất trong năm. Ủy ban xã bàn việc khôi phục lại 3 bờ xe nước ở khu vực Nghĩa Chánh cho kịp vụ mùa. Kể từ đã bỏ suốt trong 20 năm chúng thống trị ở đây, nên khối lượng khôi phục khá lớn. Thắng lợi hoàn toàn trong cả nước như động viên thêm sức lực mọi người. Ủy ban triệu tập ngay những “trùm xe” có kinh nghiệm trước kia ngồi lại bàn bạc ra quyết tâm, và ngay sau đó huy động hầu hết lực lượng thanh niên trong xã đi thu thập cây, bổ động viên dân quân đồn tre, lấy dây rừng, làm bờ ngăn, làm bánh xe, sửa chữa kênh mương,... Tuy có chậm gần nửa tháng so với mùa vụ nhưng các bờ xe đã hoàn thành và nước sông Trà Khúc lần lượt theo các bánh xe đổ về Bàu Liên, Bàu Đĩa, ... Vụ mùa tháng tám năm đó được lớn làm hả lòng, hả dạ mọi người.

Sang năm 1976, Ủy ban xã còn xây dựng được 2 máy bơm chạy dầu, một ở phía tây, một ở núi Rùa phía đông đường quốc lộ để tưới các cánh đồng phía bắc sông Bàu Giang. Sản xuất nông nghiệp hầu như đã được khôi phục, nhưng nhân dân nhiều người không có ăn do hậu quả của tình trạng lấn chiếm, cướp giạt ruộng đất trong chế độ cũ. Theo chỉ thị của cấp trên, Ủy ban đã chia ngay lại công điền, lấy ruộng bỏ ruộng quyền đầu sở bỏ chạy, những ruộng vắng chủ chia với tinh thần đảm bảo cho người cày có ruộng. Đồng thời xã dựa vào hội nông dân ra sức động viên mọi người chú trọng đến các khâu nước, phân, cần, giống - kỹ thuật đã từng áp dụng

thời chống Pháp.

Cuối năm 1975, cùng với các nơi khác, Nghĩa Lộ triển khai chủ trương cải tạo công, thương nghiệp. Ở Nghĩa Lộ số hộ hành nghề công thương nghiệp không nhiều. Khu vực Nghĩa Chánh lại càng ít, chỉ có một số nhà buôn nhỏ từ Cổng Kiếu trở vào, càng vào trong càng thưa thớt; dọc phía nam đường Nguyễn Nghiêm và đường từ cửa Đông đi Ba La lại còn thưa thớt, nhỏ bé hơn. Đáng kể và thuộc vào loại thuế siêu ngạch chỉ có một số cơ sở buôn bán lớn như trại gỗ Nghĩa Hưng⁽¹⁾.

Theo chính sách của Đảng và nhà nước, chính quyền ra sức khuyến khích các cơ sở cơ khí mở rộng sản xuất các mặt hàng phục vụ đời sống nhân dân, hết sức động viên các chủ buôn chuyển sang sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, nếu còn tiếp tục buôn bán nên liên kết nhau lập các hợp tác xã. Ở khu vực Nghĩa Chánh chỉ có vài cửa hiệu cơ khí mở rộng được quy mô sản xuất chút ít, không nơi nào vươn lên được xí nghiệp thủ công kể cả xí nghiệp chế biến lâm sản. Các hiệu buôn cũng mở cửa tiếp tục buôn bán nhưng hàng hoá mới không có, số còn lại bán hết nên dần dần đóng cửa, một số chuyển sang buôn bán nhỏ hoặc gia nhập các hợp tác xã thủ công.

Để đáp ứng nhu cầu cuộc sống, xã Nghĩa Lộ đã lập Hợp tác xã mua bán (HTXMB) khá sớm do nhân dân góp vốn tổ chức. Đại hội xã viên bầu Ban quản trị. Đồng chí Đào Tiến Phương được bầu làm chủ nhiệm. Cửa hàng mua bán nhiều mặt hàng theo yêu cầu của cuộc sống nhân dân. Riêng các

(1) Nhà số 661 - Quang Trung hiện nay.

hàng hóa sản xuất từ công nghiệp, do trong nước chưa sản xuất được như máy quạt, bóng đèn điện, xăng, dầu, vải lụa,... đều thực hiện chế độ phân phối theo đầu người. Thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã làm bà đỡ thật đắc lực trong những năm nền kinh tế của đất nước dựa trên cơ chế bao cấp.

Đến cuối năm 1976, xã đã làm thêm được nhiều phòng học ở các thôn, trong đó có trường tiểu học Ngọc Điền, trường tiểu học Phú Mỹ Hạ⁽¹⁾ thu nhận hầu hết con em ở đây đi học. Số học sinh trong xã tăng lên gấp 3 lần so với lúc mới giải phóng. Núi Bút bị tàn phá tro trụi trong chiến tranh, được chính quyền xã chủ trương, nhân dân toàn xã nhiệt liệt hưởng ứng, toàn bộ 23 ha ở đây đã được trồng cây trở lại, đồng thời san ủi khu gò tây núi Bút với mong ước khôi phục lại một danh lam thắng cảnh của tỉnh nhà.

Thời gian này cũng có một số sự kiện làm ảnh hưởng đến tinh thần và khí thế lao động và xây dựng của nhân dân. Chấp hành quyết định của cấp trên 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định nhập chung thành tỉnh Nghĩa Bình trụ sở tỉnh lỵ đóng ở Quy Nhơn, từ đó phải sắp xếp lại tổ chức hành chính ở cấp dưới. Mọi người đều được học tập, được giải thích việc nhập tỉnh khi đất nước đi vào xây dựng theo quy mô lớn, nhưng về mặt tình cảm mọi người cảm thấy chưa yên tâm.

Cũng trong thời gian này tổ chức phản động Bảo Long phục quốc vừa mới nhen nhóm bắt đầu hoạt động, đầu mối ở ngay trung tâm thị xã. Chúng mọc nổi được vài cơ sở ở các

(1) Gần trạm xá hiện nay- Đến khi làm trường trung học cơ sở hiện nay thì bỏ chỗ ấy.

huyện nông thôn, một vài Phật tử ở hai chùa thuộc Phú Mỹ Hạ. Chúng chưa làm được gì thì đã bị phát hiện và triệt phá ngay.

Đầu năm 1977, Đảng bộ đã có hơn 70 đồng chí, phần lớn là các đảng viên các nơi được chuyển về và một số đồng chí bị án tù trong thời kỳ Mỹ-Ngụy được khôi phục đảng tịch. Được cấp trên cho phép Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ I. Đại hội đã đánh giá các thành tích đã đạt được và những thiếu sót tồn tại trong thời gian qua và có những nghị quyết, biện pháp cụ thể cho thời gian đến. Đại hội cũng đã bầu ra một Ban chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Các đồng chí Cao Kỳ được bầu làm Bí thư, đồng chí Đinh Minh được bầu làm Phó Bí thư.

Sau bầu cử Hội đồng nhân dân xã, đồng chí Đinh Minh được bầu tiếp làm Chủ tịch UBND xã, các đồng chí Đỗ Cao Đệ, Nguyễn Lý, Phạm Sang làm Phó Chủ tịch, đồng chí Đỗ Cao Đệ phụ trách công an xã, đồng chí Nguyễn Lý phụ trách kinh tài, đồng chí Phạm Sang phụ trách nội chính.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội Nông dân tập thể làm nòng cốt, nông dân tích cực thâm canh bằng biện pháp “cuốc ải” truyền thống và tăng cường phân xanh làm cho ruộng đất phần phía đông liên tiếp xanh tốt, bội thu. Phần phía tây đường quốc lộ, đồng bào đào ao, vét giếng, dùng cần vọt, dùng gàu để đưa nước lên ruộng đồng. Sản lượng có tăng thêm nhưng năng suất rất thấp vì ruộng đất là đất thổ bạc màu.

Sau khi cử một số người đi học nghề làm nghề mộc, lãnh đạo của xã tập trung sức lực vào xây dựng hợp tác xã mạnh



Hội thảo lần thứ II.

trúc⁽¹⁾. Từ việc tìm nguồn để thu mua nguyên liệu, sản xuất thử, dần dần nâng cao tay nghề tạo ra sản phẩm bền, đẹp và tìm nơi tiêu thụ, hợp tác xã vươn lên làm được những sản phẩm có chất lượng được thị trường chấp nhận. Từ đó hợp tác xã ngày càng lớn có lúc thu hút đến hơn 200 lao động giải quyết được công ăn việc làm cho một bộ phận nhân dân, chủ yếu là khu vực Nghĩa Chánh.

Tiếp theo, xã chấp thuận đơn của ông Vĩnh Phú, một nhà buôn hưởng ứng chính sách cải tạo công thương nghiệp, bỏ tiền ra xin lập tổ hợp sản xuất gạch ngói lấy tên là Sao Vàng đặt ở phía bắc núi Bút. Tuy được thành lập chậm nhưng để đáp ứng được yêu cầu của nhân dân nên hợp tác xã phải sản xuất suốt ngày đêm. Gạch, ngói được sản xuất ra không đủ cung cấp cho những người đặt hàng.

Đầu năm 1978, đồng chí Tạ Duy Nghĩa được kết nạp lại⁽²⁾ và được cử đi học tập xây dựng hợp tác xã nông nghiệp về, lập phương án. Các cơ quan lãnh đạo bàn bạc và trình lên cấp trên xin chủ trương xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp ở phía đông xã làm thí điểm, trước khi phát triển ra các khu vực khác trong xã. Được cấp trên chấp thuận, Hợp tác xã nông nghiệp được bắt đầu xây dựng từ tháng 6/1978. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, Đảng bộ và chính quyền đã có quyết tâm lớn, từ chủ động tổ chức và kiểm tra việc học tập chủ trương hợp tác hóa nông nghiệp và điều lệ hợp tác xã. Qua vận động, giáo dục, nhân dân khu vực Nghĩa Chánh nhận thức được mặt tích cực của việc tổ chức làm ăn

(1) Nơi sản xuất đặt ở góc phía bắc đường Nguyễn Nghiêm giáp Nguyễn Du - nay thuộc phường Nguyễn Nghiêm.

(2) Vì trước đó cho là "Ngộ nhận" nên đã đưa ra khỏi Đảng.

tập thể và chỉ trong vòng một tháng rưỡi, 93% nông dân ở đây đã tự nguyện đăng ký tham gia, đem ruộng đất, trâu bò, cày bừa sung vào làm tài sản của hợp tác xã. Trên cơ sở mọi việc chuẩn bị đã đầy đủ Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo tổ chức đại hội xã viên lần thứ nhất tại hội trường của xã⁽¹⁾. Đại hội đã bầu Ban quản trị, đồng chí Tạ Duy Nghĩa được bầu làm Chủ nhiệm. Ban quản trị xúc tiến mọi việc chuẩn bị bước vào sản xuất.

Chiến sự ở biên giới Tây Nam rất căng thẳng. Tiếp theo là chiến tranh ở biên giới phía Bắc. Nghĩa Lộ cũng như nhiều nơi khác đều triển khai công tác bố phòng đồng thời đã cùng nhau đem tài lực, vật lực của mình phục vụ cho cuộc chiến đấu ở 2 đầu đất nước. Chủ trương cải tạo nền kinh tế cũ xây dựng mối quan hệ sản xuất mới có ít nhiều bị ảnh hưởng. Nhưng được sự lãnh đạo của cấp trên, Nghĩa Lộ vẫn vững vàng tiếp tục sự nghiệp xây dựng của mình, đồng thời chấp hành quyết định của cấp trên, bàn bạc và thực hiện chủ trương chia xã Nghĩa Lộ thành 2. Xã Nghĩa Chánh ra đời từ tháng 3/1979 gồm tất cả phần đất phía đông đường quốc lộ 1⁽²⁾ xã Nghĩa Lộ còn lại toàn bộ phần đất phía tây⁽³⁾.

Trong 4 năm ổn định và khôi phục kinh tế, xã Nghĩa Lộ đã nhanh chóng quét mọi tàn dư của chế độ Mỹ - Ngụy; thực hiện chính sách khoan hồng đối với mọi ngụy quân, ngụy quyền đã có nhiều lầm lỗi trước kia; ổn định cuộc sống cho mọi người và trong hoàn cảnh bị cấm vận ngặt nghèo, mọi

(1) Nay là phần đất gần khách sạn Trung Tâm (bắc đường Lê Lợi).

(2) Nay là đường Quang Trung.

(3) Sau một thời gian xã Nghĩa Lộ (phần đất phía tây quốc lộ) lại chia 2 một lần nữa thành phường Nghĩa Lộ và phường Chánh Lộ hiện nay.

thứ đều thiếu thốn, đã phấn đấu xây dựng được một số cơ sở kinh tế tập thể ban đầu, giải quyết được công ăn việc làm của nhân dân lao động rồi thực hiện chủ trương chia xã. Xã Nghĩa Chánh ra đời từ đấy.

CHƯƠNG XIII

XÃ NGHĨA CHÁNH ĐƯỢC THÀNH LẬP, ĐẢNG BỘ NGHĨA CHÁNH LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG CUỘC SỐNG MỚI (1979-1986).

Ngày 24 tháng 3 năm 1979, Hội đồng Bộ Trưởng ra quyết định số 127/CP về việc chia xã Nghĩa Lộ (cũ) ra thành hai xã là Nghĩa Lộ và Nghĩa Chánh. Bắt đầu từ ngày tháng này, xã Nghĩa Chánh xuất hiện trên bản đồ của thị xã Quảng Ngãi. Cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân Nghĩa Chánh phấn khởi, vui mừng đón nhận quyết định của Chính phủ và thể hiện lòng quyết tâm xây dựng xã nhà.

Tiếp theo đó ngày 4 tháng 5 năm 1979, Ban chấp hành Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi ra Quyết định số 07/QĐ-TU về việc tách Đảng bộ Nghĩa Lộ (cũ) ra thành hai Đảng bộ: Nghĩa Lộ và Nghĩa Chánh, và chỉ định Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ Nghĩa Chánh gồm 7 đồng chí do đồng chí Bùi Quang Minh Thị uỷ viên về làm Bí thư, đồng chí Võ Thành Lượng làm Phó Bí thư. Đến ngày 1 tháng 7 năm 1979, chính quyền xã Nghĩa Chánh ra đời do đồng chí Võ Thành Lượng làm Chủ tịch và đồng chí Trần Thục làm Phó Chủ tịch phụ trách công an. Đồng chí Nguyễn Nhuận Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế

Các hội đoàn thể quần chúng cũng bắt đầu được xây

dựng và kiện toàn.

Những ngày đầu tiên, xã Nghĩa Chánh gặp rất nhiều khó khăn phức tạp, đòi hỏi phải nhanh chóng giải quyết. Đội ngũ cán bộ của Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể vừa thiếu vừa yếu về kinh nghiệm lãnh đạo, trình độ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ. Cơ sở vật chất được chia ra từ xã Nghĩa Lộ (cũ) hầu như không có gì, phương tiện làm việc ít ỏi, ngân quỹ của xã chỉ có 500 đồng được chia từ ngân quỹ của xã Nghĩa Lộ (cũ). Nợ làm việc của Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phải mượn tạm xưởng gỗ Nghĩa Hưng cũ⁽¹⁾, trạm xá xã tạm đóng trong một nhà vắng chủ⁽²⁾. Cơ sở văn hóa - giáo dục - xã hội của xã Nghĩa Lộ (cũ) hầu như thuộc về xã Nghĩa Lộ (chiếm 90%). Xã Nghĩa Chánh lúc đầu chỉ có một trường hai lớp cấp I mà đã hư hỏng nặng. Trong điều kiện khó khăn như vậy, một số cán bộ, đảng viên và đồng bào trong xã có biểu hiện tư tưởng so sánh thiệt hơn với xã Nghĩa Lộ.

Trước tình hình đó, Đảng bộ và chính quyền xã Nghĩa Chánh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, động viên giáo dục đảng viên và quần chúng về truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường bất khuất, tinh thần chịu khó, chịu khổ, cần cù và sáng tạo trong chiến đấu và xây dựng của đồng bào xã nhà. Đảng bộ đã đề ra nhiều biện pháp thực hiện hai nhiệm vụ chủ yếu là phải xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh (chú ý kiện toàn ngay chỉ bộ ở các thôn) và xây dựng chính quyền, các đoàn thể đủ sức đảm nhiệm chức

(1) Số nhà 561 - Quang Trung hiện nay.

(2) Hiện nay là nhà 801-Quang Trung - cơ sở mộc Tân Trinh.

năng quản lý xã hội, làm nòng cốt trong các phong trào xây dựng xã.

Về kinh tế, nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ trong lúc này là cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xác lập quan hệ sản xuất mới trong sản xuất nông nghiệp và công thương nghiệp. Trước mắt là xúc tiến việc xây dựng bờ xe nước, sửa chữa mương máng, chuẩn bị phân, giống đầy đủ với quyết tâm làm một vụ tháng tám đạt năng suất cao ngay trong lần đầu tiên làm ăn tập thể. Được Đảng bộ và Chính quyền động viên, khuyến khích, tổ hợp sản xuất gạch ngói Sao Vàng ngày càng mở rộng quy mô sản xuất, thu hút thêm nhiều lao động. Số người của xã tham gia Hợp tác xã mạnh trúc⁽¹⁾ cũng tiếp tục tăng. Hợp tác xã mua bán còn trong quá trình tính toán sổ sách và phân chia tài sản với xã Nghĩa Lộ vừa tiếp tục cung cấp, phân phối kịp thời các nhu yếu phẩm cho nhân dân.

Ủy ban nhân dân xã lên kế hoạch đắp sửa các đường liên thôn, liên xã, khắc phục tình trạng ngập úng, bùn lầy trong mùa mưa lũ; lên kế hoạch xin kinh phí chuẩn bị xây dựng trường tiểu học và trang thiết bị cho trạm y tế đủ điều kiện khám và chữa bệnh thông thường cho nhân dân.

Đồng chí Đào Tiến Vàng được giao nhiệm vụ xây dựng đội dân quân của xã. Công việc tuần tra canh gác bảo vệ an ninh, trật tự ở các thôn xóm đi vào nề nếp.

Các đoàn thể phát triển khá mạnh và lần lượt tổ chức bầu cử các ban chấp hành. Hội nông dân tập thể do đồng chí

(1) Hợp tác xã mạnh trúc lúc này thuộc xã Nghĩa Lộ quản lý.

Đình Chiêm làm Chủ tịch, Hội phụ nữ do đồng chí Bùi Thị Kim Lan làm Hội trưởng. Đoàn thanh niên do anh Tạ Minh Tuấn làm Bí thư.

Mọi công việc được triển khai trong niềm tin tưởng hồ hởi của mọi người. Tiếc rằng do thiên tai, vụ tháng 8 năm 1979 bị mất nặng. Nước các bờ xe không đủ tưới, lúc có lúc không, 4 ha lúa bị mất trắng vì không có nước, công lao động chỉ được chia 1,5 ký lúa. Xã lại thiệt hại một phần tài sản do chậm trễ dỡ bờ xe nước để trận lũ sớm cuốn trôi đi tất cả. Ủy ban kiểm điểm nghiêm túc các tập thể, cá nhân thiếu trách nhiệm trong quản lý tài sản của công. Ngay sau đó, xã cử người đi tìm và đã vớt được phần lớn các nguyên thiết bị cần thiết ở vùng hạ lưu sông Trà Khúc.

Giữa những thành công và thiếu sót như vậy, vào tháng 8 năm 1980, Đại hội Đảng bộ xã Nghĩa Chánh lần thứ I khai mạc với 39 đảng viên đều có mặt. Đại hội đã đánh giá sự cố gắng toàn diện trong gần một năm qua và kiểm điểm một số thiếu sót, yếu kém của toàn Đảng bộ, trong đó có việc tại sao mất mùa, tại sao các bờ xe nước chậm được dỡ cất để bị lụt cuốn trôi. Đại hội thấy rõ việc Ủy ban nhân dân xã trực tiếp quản lý các bờ xe nước là không hợp lý. Ý kiến đúng đắn đó đã được ghi nhận và sửa chữa ngay sau đó. Đại hội cũng nhất trí thông qua kế hoạch hành động nhiệm kỳ 1980-1982 và bầu 7 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ mới, trong đó 5 đồng chí đảng ủy viên trong Ban chấp hành lâm thời trúng cử lại và đồng chí Bùi Quang Minh được tín nhiệm tiếp tục làm Bí thư.

Thực hiện nghị quyết Đại hội, Đảng bộ và chính quyền

tập trung vào việc xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất. Khắc phục thiếu sót vừa qua chính quyền xã giao các bờ xe nước cho Hợp tác xã nông nghiệp quản lý từ đầu năm. Trước tình hình ngày công lao động quá thấp, xã viên tư tưởng thiếu ổn định, chưa tin cơ chế sản xuất mới, có người chạy theo nghề khác. Nhiều xã viên lao động cầm chừng, làm dỗi, làm ẩu chạy theo công điểm. Đảng ủy đã chỉ đạo việc giải quyết tư tưởng, củng cố tổ chức, quy định thưởng phạt nghiêm minh và nêu gương người tốt việc tốt. Việc tăng gia sản xuất dần dần ổn định và sang năm 1981, chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về khoán sản phẩm nông nghiệp đến nhóm và người lao động ra đời. Đảng bộ đã quán triệt chủ trương của Thị ủy: “Vừa củng cố hợp tác xã, vừa tổ chức lại sản xuất, ổn định tư tưởng xã viên, tiếp tục vận động nông dân cá thể vào làm ăn tập thể, dần dần tháo gỡ khó khăn, đưa việc làm ăn vào nền nếp”.

Đầu năm 1980, Hợp tác xã nông nghiệp đã xây dựng được một trạm bơm điện ở Bàu Giang với công suất nước tưới đạt $1.350 \text{ m}^3/\text{giờ}$. Vào cuối năm 1982 hợp tác xã xây dựng tiếp hai trạm bơm tại sông Trà Khúc đạt công suất nước tưới $450 \text{ m}^3/\text{giờ}$ thay hẳn cho bờ xe nước. Xã viên hợp tác xã bỏ nhiều ngày công đào đắp các tuyến kênh mương (tổng cộng khoảng 5.000 m^3) dẫn nước về các cánh đồng và xây dựng 8 cống nằm trong hệ thống tưới tiêu của xã. Vì vậy, đến cuối năm 1982 việc tưới tiêu trên khắp các cánh đồng Nghĩa Chánh đã đi vào khâu thủy lợi hóa cho nên xã viên rất phấn khởi, chăm lo sản xuất.

Chính quyền và các đoàn thể của xã đã tổ chức huy động

xã viên tiến hành công việc mở con đường từ quốc lộ 1 đi Bàu Sung, đắp mới đường từ thôn 1 đến thôn 5 và tu bổ sửa chữa các con đường liên thôn, phục vụ cho việc đi lại, sinh hoạt, buôn bán của nhân dân được thuận lợi hơn.

Bằng tinh thần tự lực, tự cường, năm 1982 HTXNN đã xây dựng được một sân phơi lúa, hoa màu với diện tích 1.500m², một nhà kho có thể chứa được 200 tấn lúa. HTXNN xây dựng một nhà giữ trẻ với sức chứa được khoảng 30 cháu tạo điều kiện cho bà con yên tâm sản xuất.

Đến năm 1982, hợp tác xã đã xây dựng hoàn chỉnh văn phòng làm việc của Ban quản trị và nơi tổ chức hội họp của xã viên. Tài sản cố định của hợp tác xã đạt giá trị 1.900.000 đồng vào thời điểm này.

Nhờ giải quyết được khâu thủy lợi tốt nên quanh năm nông dân Nghĩa Chánh gieo cấy được 3 vụ, so với trước kia có nơi trong năm chỉ cấy được 1 vụ. Năng suất lúa bình quân tăng hàng năm. Nếu như vụ đông-xuân năm 1980-1981 đạt sản lượng 23 tạ/ha thì đến vụ đông-xuân năm 1981-1982 đã đạt 28,5 tạ/ha. Vụ hè-thu năm 1980 đạt sản lượng 25 tạ/ha thì đến vụ hè thu năm 1982 đã đạt 28,7 tạ/ha. Tổng sản lượng lúa của xã năm 1980 đạt 600 tấn thì đến năm 1982 đã đạt 1.222 tấn.

Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trong xã cũng được chú ý phát triển thêm. Tổ xây dựng tập hợp những người theo nghề mộc, nghề nề, nhận xây dựng nhà của nhân dân và các công trình của nhà nước. Tính riêng hợp tác xã gạch ngói Sao Vàng trong năm 1982 đạt chỉ tiêu sản xuất 2.300.000 viên nhưng thực tế đã làm ra 2.378.000 viên, đạt

và vượt kế hoạch 103,43%. Vào cuối năm 1982, xã đã vận động tư nhân bỏ vốn xây dựng cơ sở gồm Thiên Bút, tạo ra nguồn sản phẩm phục vụ đời sống nhân dân và bán ra xã ngoài.

Vừa sản xuất phục vụ đời sống vật chất cho nhân dân trong xã, hàng năm xã đã nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ lương thực đối với nhà nước. Năm 1980, thuế của xã nộp cho nhà nước là 45,296 tấn lúa (trong đó HTXNN đóng 33,721 tấn) thì đến năm 1982 so với chỉ tiêu thuế là 54 tấn xã đã nộp 54,805 tấn, đạt và vượt 101%. Về đối lưu hai chiều với nhà nước, năm 1980 là 41,811 tấn (trong đó HTXNN đóng 35,851 tấn) thì vào năm 1982 với chỉ tiêu là 63,300 tấn, xã đã nộp 65,800 tấn, đạt và vượt 103,93%. Ngoài ra, xã đã trả nợ cho nhà nước về đối lưu trong thời gian trước là 8,2tấn, đạt chỉ tiêu 100%. Năm 1982 với việc hoàn thành nghĩa vụ lương thực đối với nhà nước, xã Nghĩa Chánh được Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Ngãi khen thưởng thành tích.

Bên cạnh trồng trọt, Đảng bộ và chính quyền xã từng bước đưa chăn nuôi phát triển, vừa cải tạo sức kéo, cung cấp phân bón cho đồng ruộng, vừa tăng thêm nguồn thực phẩm phục vụ nhân dân. Số lượng trâu, bò, heo của xã ngày càng tăng.

Đáp ứng yêu cầu cung cấp tốt hàng hóa trong sinh hoạt, học tập và đời sống, xã đã xây dựng hợp tác xã mua bán (HTXMB) của xã (sau khi thanh quyết toán với xã Nghĩa Lộ xong), tiếp tục cung ứng các mặt hàng thiết yếu như xi măng, giấy, vải, dầu thắp, phân bón... cho nhân dân. Dù có nhiều khó khăn do cơ chế, nhưng HTXMB đã cố gắng hết

sức phục vụ cho các nhu cầu của đồng bào xã nhà. Để tiếp tục giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, Đảng và Chính quyền lãnh đạo xây dựng HTX giấy 2/9.

Xác định nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa-xã hội là công việc cấp bách và lâu dài, Đảng bộ, chính quyền đã xây dựng một trường tiểu học 5 lớp và cuối năm 1982 xây thêm một lớp mới, xóa bỏ được tình trạng các cháu phải đi học vào buổi trưa và giao cho HTXNN xây dựng các trường mẫu giáo ở các xóm (nay thuộc thôn 3, thôn 5, 6, 7 và 10) tạm đủ cho các cháu đến tuổi được đến trường.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên của xã ngày càng được bổ sung và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Nhằm nâng cao vai trò của các thầy cô, Đảng bộ xã quan tâm phát triển Đảng trong trường học và đã kết nạp được 3 đảng viên trẻ, tăng cường thêm sức mạnh của đội ngũ Đảng.

Đảng bộ và chính quyền xã cố gắng tận dụng mọi nguồn lực xây dựng trạm xá 7 phòng gồm các phòng cho thuốc, phòng chữa bệnh, phòng sinh đẻ... Đến cuối năm 1982, trạm xá của xã cơ bản bảo đảm công tác chữa bệnh cho nhân dân và phục vụ công tác sinh đẻ cho chị em phụ nữ.

Ba công trình vệ sinh là cầu tiêu, buồng tắm và giếng nước đang được tích cực vận động xây dựng. Cuối năm 1982 đồng bào thôn 2, thôn 3 được tỉnh và thị xã công nhận là địa phương hoàn thành tốt. Công tác tuyên truyền, giáo dục việc sinh đẻ có kế hoạch cũng được bắt đầu. Tất cả những yếu tố trên đã góp phần không nhỏ trong việc giữ gìn và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Trong hoàn cảnh chung đất nước vừa có hòa bình và vừa

phải đương đầu với âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, Đảng bộ và chính quyền xã luôn quan tâm đến việc xây dựng lực lượng bán vũ trang ở cơ sở, cả về số lượng, cả về chất lượng, giáo dục tư tưởng, tổ chức và huấn luyện kỹ thuật chiến đấu, và hàng năm tham dự các kỳ hội thao của thị xã. Trung đội dân quân cơ động thường xuyên tuần tra canh gác ban đêm. Ở các thôn, lực lượng dân quân có từ 1 đến 2 tiểu đội, làm nhiệm vụ tuần tra canh gác ban đêm, phát hiện các phần tử xấu, bảo vệ cuộc sống và sản xuất của đồng bào.

Vào cuối năm 1982, lực lượng bán vũ trang của xã dự hội thi toàn thị xã Quảng Ngãi, đạt hạng tư và có nhiều môn cá tập thể, cá nhân đạt xuất sắc được hội thi biểu dương khen thưởng.

Đảng bộ cũng thường xuyên phát động phong trào quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội và được nhân dân tích cực hưởng ứng. Các tổ chức an ninh, các đội bảo vệ ở các cơ sở đều làm tốt nhiệm vụ, không để xảy ra vụ việc sai phạm nào lớn.

Trong công tác thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc, xã còn thiếu sự lãnh đạo chặt chẽ nên trong những năm 1980, 1981 xã không đạt chỉ tiêu giao quân. Năm 1982, nhờ lãnh đạo, kiểm tra sâu sát, sự tích cực vận động giáo dục của chính quyền và các đoàn thể quần chúng nên Nghĩa Chánh đã có 56 thanh niên lên đường tòng quân nhập ngũ so với chỉ tiêu trên giao là 22. UBND tỉnh và thị xã Quảng Ngãi đã có khen thưởng và biểu dương thành tích của xã.

Ngoài số thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự, xã

Nghĩa Chánh đã đưa một số hộ gia đình đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Tây Nguyên. Nhiều thanh niên xung phong từ già quê hương đi tạo dựng những vùng sản xuất mới với tinh thần hồ hởi.

Từ nhận thức sâu sắc nhiệm vụ thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xã đã lập nhiều hồ sơ đề nghị cấp trên xem xét giải quyết, công nhận liệt sĩ, thương binh, người có công với cách mạng. Đối với các gia đình liệt sĩ không có nơi nương tựa, già yếu, mất sức lao động hoặc gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, HTXNN bán lúa điều hòa cho mỗi gia đình từ 20 kg đến 30 kg lúa/ một vụ. Gia đình không có tiền mua thì xã có chính sách hỗ trợ. Đối với các gia đình có con em tại ngũ gặp khó khăn, HTXNN cũng có chính sách bán lúa điều hòa hoặc hỗ trợ.

Nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ 27 tháng 7 năm 1982, chính quyền xã chấp hành lệnh của tỉnh tổ chức qui tập nhiều mồ mả liệt sĩ nằm rải rác trong các thôn xóm về nghĩa trang liệt sĩ Núi Bút. Xã cũng trích một phần kinh phí và vận động nhân dân xây dựng một ngôi nhà tình nghĩa cho một gia đình liệt sĩ không có chỗ ở.

Nhân dân xã Nghĩa Chánh còn tích cực giúp đỡ đồng bào các nơi bị thiên tai. Chỉ trong cuối năm 1982, HTXNN và đồng bào đã đóng góp 2 tấn lúa và 4.700 đồng giúp cho nhân dân bị lũ lụt ở Nghệ An, Hà Tĩnh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân Nghĩa Chánh cơ bản hoàn thành việc thực hiện những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Trong lãnh đạo xây dựng chính quyền, Đảng bộ đặc biệt quan tâm công tác tổ

chức cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ trẻ của các ngành, giới. Đảng bộ lấy việc giáo dục tư tưởng chính trị làm chính để rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ. Nhiều cán bộ xã, thôn được cử đi học các lớp quản lý, chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên mở và học tập bổ túc văn hóa, nâng cao trình độ. Đồng thời Đảng bộ kết nạp được 7 đảng viên mới, trẻ, có trình độ.

Bên cạnh xây dựng chính quyền, Đảng bộ cũng quan tâm lãnh đạo xây dựng các hội đoàn thể như thanh niên, phụ nữ, nông dân tập thể. Đảng bộ phân công một số đảng viên tham gia và làm nòng cốt trong các đoàn thể và bố trí cán bộ chuyên trách lãnh đạo. Nửa cuối năm 1982, Hội phụ lão các thôn được thành lập, bước đầu đã đi vào hoạt động thiết thực. Bên cạnh những thành tích rất phấn khởi đã đạt được, xã vẫn còn một số khó khăn, khuyết nhược điểm tồn tại, nhất là ngày công lao động ở HTXNN mới chỉ được 2,5 kg thóc. Đời sống xã viên chưa được cải thiện bao nhiêu đòi hỏi phải có sự khắc phục kịp thời.

Ngày 6/11/1982, Đại hội Đảng bộ xã Nghĩa Chánh lần thứ II được khai mạc với 63 đảng viên có mặt đông đủ. Đại hội dành phần lớn thời gian thảo luận, đánh giá báo cáo kiểm điểm tình hình của Đảng bộ nhiệm kỳ qua và phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ đến. Đại hội phấn khởi trước những kết quả, thành tích đạt được. Đại hội nhất trí nhận định Đảng bộ có sự đoàn kết cao, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã phát huy được tính giai cấp, lập trường, quan điểm đúng đắn và thẳng thắn chỉ ra những tồn tại trong việc quản lý, điều hòa sản phẩm nông nghiệp, chưa quan tâm đầy

đủ đời sống của xã viên.

Đại hội đã ra nghị quyết xác định nhiệm vụ phương hướng chủ yếu của xã trong thời gian tới là phát triển nông, công nghiệp là mục tiêu hàng đầu, có tính lâu dài. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 9 đồng chí, có nhiều đồng chí mới và ngay sau đó Ban chấp hành đã họp và cử đồng chí Bùi Quang Minh tiếp tục làm Bí thư, đồng chí Vũ Thành Anh làm Phó Bí thư, đồng chí Trần Thực ủy viên Thường vụ. Sau đó Hội đồng nhân dân xã đã bầu đồng chí Trần Thực làm Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Ngọc và Tạ Minh Tuấn làm Phó Chủ tịch UBND xã.

Đảng bộ và nhân dân Nghĩa Chánh ra sức thực hiện các nghị quyết đã nêu ra trong các năm 1983, 1984 và đến ngày 10 tháng 12 năm 1984 Đại hội Đảng bộ lần thứ III được triệu tập. Trên cơ sở đánh giá việc thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ trước, Đại hội đã ra nghị quyết về tình hình nhiệm vụ mới, phát động toàn bộ nhân dân phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần, ý chí lao động sáng tạo trong sản xuất để đưa các mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của địa phương tiến thêm một bước. Đại hội đã bầu Ban chấp hành nhiệm kỳ mới, với Ban Thường vụ như cũ, đồng chí Bùi Quang Minh lần thứ 3 được tín nhiệm bầu làm Bí thư.

Trong 2 nhiệm kỳ, Đảng bộ đã đẩy mạnh việc giáo dục, nâng cao ý thức của nông dân trong việc thực hiện tốt các chủ trương của nhà nước và tiếp tục thể hiện bản lĩnh của người nông dân vốn có truyền thống lao động sáng tạo. Đảng bộ tổ chức cho nhân dân học tập quán triệt khoán 100 rất chu đáo và triển khai thực hiện chặt chẽ, kiên quyết.

Không khí thôn xóm Nghĩa Chánh lúc này rất sôi nổi, phấn khởi. Các hộ xã viên vui mừng nhận khoán ruộng của HTX để canh tác. Từ khi thực hiện cơ chế khoán sản phẩm, xã viên Nghĩa Chánh tích cực và tự giác hơn trong lao động, mạnh dạn đầu tư thêm phân bón, thuốc trừ sâu, sử dụng giống mới cho nên năng suất lúa, màu tăng lên rõ rệt. Từ năm 1983 đến năm 1985 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân trong xã nhận thức được đầy đủ hơn nên ra sức cải tạo mối quan hệ sản xuất cũ, xây dựng và củng cố mối quan hệ sản xuất mới, tổ chức lại nền sản xuất tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nông thôn mới, con người mới. Vào cuối năm 1984, hợp tác xã đã tổ chức cho trên 30 hộ nông dân cá thể học tập Nghị quyết 157 của Tỉnh ủy và Chỉ thị 54 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc củng cố, xây dựng hợp tác xã ở nông thôn và ngay sau đó 30 hộ nông dân trên đã tự nguyện gia nhập HTXNN.

Vụ hè thu năm 1985 đại đa số nông dân các đội 1, 2, 4 và 5 đã nhận diện tích 30 ha của hợp tác xã, phấn đấu xây dựng vùng cao sản 10 tấn/ha mỗi năm. Đây là một trong những thành tích lớn nhất sau khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư. Ngày công của xã viên được trả cao hơn trước nhiều, nông dân tập thể đã an tâm trong sản xuất, hàng năm giao nộp đủ sản phẩm cho hợp tác xã và sản phẩm sạch sẽ đúng quy định.

Để phát triển nông nghiệp toàn diện, hợp tác xã đã chú ý học tập kinh nghiệm của các xã bạn và hướng dẫn xã viên mạnh dạn tiếp thu những kiến thức mới. Bắt đầu năm 1983 hợp tác xã tiến hành chỉ đạo điểm ở đội 1 trồng 1 ha sù với

số hộ tham gia gần 30 người. Vượt qua khó khăn do hạn chế kỹ thuật, thời tiết không thuận lợi nông dân đội 1 thu hoạch bán cho ngoại thương 20 tấn sù, hoàn thành chỉ tiêu pháp lệnh. Tiếp đó nông dân các đội 2, 4 và 5 đã mạnh dạn nhận khoán trồng sù. Vào năm 1984 thời tiết khắc nghiệt hơn so với các năm trước và một số giống sù trồng bị mất do mưa bão nhưng đại đa số nông dân vẫn an tâm tìm mua giống ở bên ngoài về trồng lại và thu hoạch được 94 tấn sù. Bên cạnh cây sù, nông dân cũng phát triển trồng ớt, đậu tương... để bán cho ngoại thương xuất khẩu.

Ngoài việc trồng lúa và các loại cây trên, nông dân tranh thủ trồng các loại cây hoa màu phụ như lang, bắp. Hàng năm bà con trồng bắp vào vụ 3 và bảo đảm giao nộp sản phẩm đầy đủ cho hợp tác xã. Đồng bào sản xuất và thu hoạch mía cho nhà máy đảm bảo chỉ tiêu, không có ai dựng chòi ép mía riêng.

Từ năm 1983, các trạm bơm chạy bằng dầu đều được chuyển sang dùng điện, thuận lợi, tiết kiệm hơn. Hàng năm nông dân đóng góp rất nhiều ngày công để tu sửa, đào vét lại những kênh mương tưới tiêu phục vụ sản xuất kịp thời mà đặc biệt là những con mương có tác dụng chống úng. Đội 5 đào vét hoàn thành hệ thống tiêu nước Bà Liên tương đối lớn, giải quyết việc sản xuất trên phần diện tích mà trước đó bị úng thủy phải bỏ vụ 3. Cho đến năm 1986, hệ thống thủy lợi Nghĩa Chánh tương đối hoàn chỉnh, đóng vai trò quan trọng trong việc tăng diện tích gieo trồng, khắc phục được tình trạng bỏ hoang ruộng do thiếu và thừa nước.

Đi đôi với trồng trọt, hợp tác xã nông nghiệp dùng nhiều

biện pháp có hiệu quả như cho vay vốn, nhập giống mới (heo, gà) mở rộng mạng lưới thú y xã, thôn để khuyến khích xã viên, nông dân phát triển chăn nuôi. Đàn gia súc, gia cầm của bà con xã viên ngày càng nhiều, góp phần tăng sức kéo và cung cấp nhiều thực phẩm cho trong và ngoài xã. Để giúp vốn cho nông dân phát triển sản xuất, Đảng bộ và chính quyền cho phép thành lập hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã tín dụng đã phát huy vai trò tích cực của mình trong nhiều năm.

Các hợp tác xã, các tổ hợp tiểu thủ công nghiệp như gạch ngói, gốm ngày càng mở rộng phạm vi sản xuất, làm ra được nhiều hàng hóa, sản phẩm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của bà con trong xã và bán ra ngoài, tích lũy vốn để tái sản xuất.

Trong thời gian này HTXMB dưới sự điều khiển của Chủ nhiệm Đỗ Cao Đệ làm ăn rất hiệu quả ngoài việc bán phân phối các sản phẩm công nghiệp còn tổ chức mổ heo cung cấp thịt, mở dịch vụ ăn uống. Ngoài trụ sở chính là tầng dưới nhà 661 Quang Trung hiện nay, HTX còn mở thêm xưởng mắm và xưởng gỗ. Việc mua bán phát đạt, đời sống xã viên được cải thiện tạo được nhiều phấn khởi. HTXMB đến lúc này có 5.410 cổ phần (của 1.463 hộ) vốn sản xuất cố định có 750.000 đồng và vốn tự có 6.260.000 đồng.

Hệ thống giáo dục của xã ngày càng tốt hơn. Đội ngũ giáo viên trưởng thành, có nhiều giáo viên đạt danh hiệu dạy tốt. Số lượng học sinh đến lớp trong độ tuổi mỗi năm bảo đảm quy định và chất lượng học tập của các em có nhiều tiến bộ so với các năm trước. Năm 1983 Đảng ủy và chính quyền tập trung sức xây dựng trường trung học cơ sở

Nghĩa Chánh. Trường mẫu giáo thôn 5 cũng được xây dựng. Các phương tiện phục vụ văn hóa, văn nghệ của xã đầy đủ hơn. Công tác tuyên truyền, phổ biến tin tức, sự kiện trong và ngoài tỉnh được thực hiện đúng chủ trương. Đội văn nghệ chuyên về nghệ thuật cải lương có tên “Tiếng ca Sông Trà” do ông Trương Tịch phụ trách được thành lập từ năm 1982, đội được tập luyện thường xuyên và ngày càng trưởng thành. Đội thường biểu diễn cho nhân dân trong xã xem vào ngày lễ, ngày tết và thỉnh thoảng còn đi biểu diễn ở các nơi khác. Đời sống tinh thần của nhân dân thêm được cải thiện.

Trong công tác y tế ngoài việc xây dựng củng cố trạm xá, Đảng bộ và chính quyền xã còn vận động nhân dân xây dựng tủ thuốc tại gia đình, vận động bà con trồng các loại cây làm thuốc Nam. Sau khi có chỉ thị, nghị quyết của trên về sinh đẻ có kế hoạch, các gia đình phấn đấu hạ tỷ lệ sinh đẻ, chú ý nuôi con khỏe, dạy con ngoan nhiều hơn trước.

Việc tiếp tục xây dựng, cải tạo 3 công trình vệ sinh được đẩy mạnh. Đảng bộ và chính quyền liên tục tổ chức phát động học tập sâu rộng và hướng dẫn các hộ làm các bản đăng ký. HTXNN hỗ trợ bằng cách bán gạch giá rẻ cho nông dân và tạo điều kiện cho họ thực hiện tốt công tác này. Kết quả gần 100% hộ nông dân thực hiện làm cầu tiêu hai ngăn, giếng có buồng tắm. Đoàn kiểm tra y tế của Trung ương công nhận xã Nghĩa Chánh dứt điểm 3 công trình vệ sinh và biểu dương thành tích của xã không để xảy ra dịch bệnh gì.

Công tác nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc tiếp tục được thực hiện. Việc khám tuyển và chọn người lên đường phục vụ Tổ quốc luôn đạt chỉ tiêu trên giao.

Xã xây dựng lực lượng dân quân tự vệ từ một trung đội lên một đại đội cơ động có 4 trung đội với trên 270 chiến sĩ.

Đảng bộ Nghĩa Chánh luôn cố gắng xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Số lượng đảng viên ngày càng đông, chất lượng Đảng viên được nâng cao rất nhiều, và bản lĩnh chính trị của đại đa số đảng viên được giữ vững. Đến cuối năm 1986, Đảng bộ Nghĩa Chánh có 80 đảng viên, trong đó có một số đảng viên trẻ mới được đứng vào hàng ngũ của Đảng, có ý chí cách mạng và mong muốn được cống hiến sức mình cho sự nghiệp chung. Chính quyền và các đoàn thể quần chúng của xã ngày càng mạnh, giải quyết tốt các vụ việc xảy ra. Nhưng chuẩn bị Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ IV, Đảng bộ gặp một số khó khăn.

CHƯƠNG XIV

NHÂN DÂN VÀ ĐẢNG BỘ NGHĨA CHÁNH TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-2000)

Trong thời kỳ nền kinh tế nước ta ở trong cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, tuy có nhiều thành tích khả quan về xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, xã hội nhưng Nghĩa Chánh vẫn không thoát ra khỏi bối cảnh chung là kinh tế, xã hội có biến động gay gắt, giá cả tăng nhanh, đồng tiền trượt giá gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của nhân dân trong cả nước. Tình hình an ninh chính trị trong xã cũng chưa hoàn toàn trong sạch thuần khiết. Hơn 600 nhân viên nguy quân, nguy quyền cũ trong đó có gần 40 sĩ quan, hơn 100 người là đảng viên các đảng

phái phản động cũ, có người làm đến Bí thư tỉnh đảng bộ trước đây ⁽¹⁾, hầu hết đều nghiêm túc cải tạo, thấy rõ chính nghĩa cách mạng, tập trung lo việc làm ăn, có người đời sống khá giả hẳn lên, nhưng vẫn còn một vài người tìm cách nói xấu hợp tác xã, nói xấu cán bộ. Thêm vào đó những đối tượng hình sự như trộm cắp, lưu manh, côn đồ, xì ke ma túy của xã hội cũ để lại vẫn lén lút hoạt động, gây rối,... Mặt khác nội bộ của Đảng ủy mất đoàn kết ảnh hưởng xấu đến vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, cần được giải quyết để có thể bước vào thời kỳ đổi mới. Trong 14 năm tiếp theo có thể chia làm ba thời kỳ như sau:

a- Chuyển động trong trấn trở (1986-1990).

Trong tình hình của đất nước, của Đảng bộ như vậy, tháng 8 năm 1986 Đại hội Đảng bộ lần thứ IV được tổ chức có 82 đảng viên tham gia. Đại hội đã tập trung đánh giá tình hình trong xã, khẳng định những thành tựu đã đạt được và phê phán nghiêm khắc tình hình mất đoàn kết của Đảng ủy, bàn bạc về nhân sự cấp ủy mới. Đồng chí Bùi Quang Minh xin rút tên trong danh sách ứng cử. Sau khi đề ra phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1986-1988 Đại hội bầu 11 đồng chí vào Đảng ủy. Đồng chí Lê Ngọc Trung (được Thị ủy tăng cường) được cử làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Hường làm Phó Bí thư, đồng chí Lý Chiêu Hoàng làm Ủy viên Thường vụ. Một thời gian sau, Đảng ủy đang triển khai công việc thì đồng chí Lê Ngọc Trung được rút về thị. Đồng chí Nguyễn Hường được cử làm Bí thư.

Đó cũng là lúc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI

(1) Theo số liệu trong báo cáo chính trị của Đảng ủy cuối năm 1983.

(12/1986) của Đảng ta đề ra đường lối vận dụng qui luật giá trị, đẩy mạnh sản xuất kinh tế hàng hóa, phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đường lối đổi mới của Đảng tạo một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo một luồng sinh khí mới gây phấn khởi trong toàn Đảng, toàn dân.

Đảng bộ đã khẩn trương triển khai học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi và Nghị quyết Đại hội IV của Đảng bộ xã rộng rãi trong toàn Đảng bộ, trong các đoàn thể và quần chúng nhân dân mở ra cách nhìn, cách suy nghĩ, cách làm mới trong phát triển kinh tế ở xã. Sau đó hai năm, ngày 15/9/1988, Đại hội Đảng bộ lần thứ V được tổ chức với 86 Đảng viên tham dự. Đại hội đã khẳng định những thành tích bước đầu của thời kỳ đổi mới và tiếp tục phê phán tư tưởng e dè, bảo thủ không chuyển biến kịp yêu cầu của một số đảng viên. Đại hội đề ra nhiệm vụ tiếp tục quán triệt Nghị quyết VI của Đảng và bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Tạ Văn Tới được cử làm Bí thư, đồng chí Lê Quảng, Chủ tịch xã được cử làm Phó Bí thư.

Chấp hành các nghị quyết của hai nhiệm kỳ trên, Đảng bộ và chính quyền đã tập trung lãnh đạo nhiệm vụ hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp như dùng giống mới, ứng dụng khoa học kỹ thuật phấn đấu đưa năng suất bình quân tăng lên hàng năm và chú ý các loại cây họ đậu xuất khẩu, phát triển trồng các loại cây gỗ lâu năm trên các đường liên thôn, giữ vững và cải tạo đàn trâu bò hiện có,

đẩy mạnh việc chăn nuôi ở từng hộ gia đình.

Năm 1987, do thời tiết không thuận lợi, cơ cấu giống mới không thích nghi nên vụ đông-xuân, hè-thu bị mất mùa. Sản lượng khoán bị giảm 72 tấn và thu nhập bình quân ngày công của xã viên bị trụt. Đảng bộ và chính quyền chỉ đạo hợp tác xã khắc phục việc giảm sản lượng bằng biện pháp thiết thực như cho không 2 kg phân urê trên mỗi sào, cho không thuốc trừ sâu, trả lại cho xã viên 4.500 kg thóc mượn lúc trước và tăng thêm giá trị ngày công (bằng cách trích các quỹ kinh doanh). Nhờ vậy sản xuất của bà con dần dần khôi phục được. Trong năm 1988, diện tích gieo trồng trên các cánh đồng Nghĩa Chánh vẫn đảm bảo như cũ và gặp thời tiết thuận lợi. Vụ đông-xuân, hè-thu đều đạt năng suất lúa đạt 48 tạ/1ha, có nơi đạt 10 tấn/ha/1 năm. Giá trị ngày công của bà con xã viên tăng. Phấn khởi trước thành tích đã đạt được nhiều đội xin đăng ký vào câu lạc bộ 10 tấn/ha/năm.

Năm 1987 cây mía được trồng trên diện tích 10 ha và sản lượng thu được 50 tấn/ha; năm 1988 trồng được 13 ha, sản lượng có tăng thêm nhưng không đáng kể. Về cây lâu năm, HTXNN trồng được 20.000 cây các loại, nhân dân trồng được 200 gốc tiêu và 500 cây đào lộn hột nhưng hiệu quả kinh tế thấp.

Đảng bộ và chính quyền xã đã lãnh đạo hợp tác xã không ngừng đẩy mạnh công tác cải tạo đồng ruộng và mở rộng diện tích sản xuất. Trong hai năm 1986-1987 hợp tác xã đã san ủi bờ vùng, bờ thửa được 33 ha; di chuyển mô mả, san ủi gò Thối Quyển, tiếp đó 1987 san ủi Gò Cát, Gò Công, Gò Đại, Gò Rùa, Gò Ngựa được 17 ha và đưa vào sản xuất một

số diện tích và đã hóa giá mua gần 100 con trâu cho xã viên.

Hợp tác xã chăm lo cải tạo giống và tăng số lượng đàn trâu bò. Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm ở các hộ gia đình có tiến bộ hơn trước, đáp ứng tương đối tốt nhu cầu thực phẩm trong cuộc sống hàng ngày của nhân dân.

Về việc phát triển tiểu thủ công nghiệp, Đảng bộ và chính quyền xã đề ra nhiệm vụ phải giải quyết tốt bộ máy quản lý của hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu sản lượng, phát triển thêm một số tổ hợp, tạo điều kiện giải quyết một phần số lao động dư thừa tại địa phương. Dựa vào chủ trương đó, xã thành lập thêm hai tổ mộc, một tổ đúc nhôm, hai tổ làm đường kết tinh và một tổ xây dựng. Hợp tác xã gạch ngói Sao Vàng đến cuối năm 1988 có tài sản cố định 11.617.000 đồng, vốn lưu động đạt 7.579.000 đồng với số lượng công nhân là 73 người. Trong 4 năm 1986-1990, tuy gặp nhiều khó khăn về nguyên liệu, nhiên liệu và bị thiên tai nhưng hợp tác xã bảo đảm kế hoạch sản xuất, hàng năm đạt gần 90% kế hoạch, bảo đảm được đời sống cho công nhân lao động, xây dựng được quỹ phúc lợi, quỹ dự trữ, quỹ dưỡng lão, và có một số tiền dư gửi tiết kiệm. Hợp tác xã gốm Thiên Bút vốn cố định chỉ có 867.813 đồng, vốn lưu động 792.387 đồng với số công nhân 35 người. Ban chủ nhiệm của hợp tác xã mới được củng cố, hoạt động trong điều kiện có nhiều khó khăn, nhưng đã có nhiều cố gắng bảo đảm được chỉ tiêu kế hoạch. Tổ hợp giấy 2/9 sau khi được củng cố lại bộ máy phụ trách đã bắt đầu hoạt động với tài sản cố định 21.000.000 đồng và vốn lưu động 700.000 với 13 công nhân. Tổ hợp đã trả bớt được một

số nợ cũ, trong hai năm 1987, 1988 sản xuất được 28 tấn giấy.

Bộ phận kinh tế cá thể của tư nhân dần dần tự phát, đầu tiên là các ngành nghề hàn xì, mua bán đồ dùng gia đình, may mặc, hàng cơ điện... và hoạt động không thường xuyên, thuận làm khó nghĩ, có biểu hiện kêu ca về thuế.

Hợp tác xã tín dụng của xã được tăng nguồn vốn, phục vụ cho nhu cầu vay, mượn, gửi tiết kiệm của bà con xã nhà lúc cần thiết.

Trong suốt thời gian này, xã Nghĩa Chánh dù nhiều khó khăn nhưng đã hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước trong việc nộp thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp. Đồng bào của xã tích cực tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc và đóng góp nhiều tiền cho quỹ tiền phương. Ngân sách của xã được cân đối hợp lý, chế độ kiểm tra, thanh quyết toán được thực hiện tốt và xã có điều kiện đầu tư xây dựng một số cơ sở vật chất có tác dụng thiết thực ở địa phương.

Về mặt giáo dục tính đến năm 1990 xã đã lo tốt cơ sở trường lớp cho con em học tập. Số lượng học sinh phổ thông, các cháu mẫu giáo năm học sau tăng hơn năm học trước. Chất lượng dạy và học nhiều tiến bộ, trường trung học cơ sở đạt chất lượng giảng dạy, học tập tốt. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp và lên lớp cao, thuộc loại trường khá trong toàn thị xã, chỉ sau trường Trung học cơ sở Nguyễn Nghiêm. Năm học 1988-1989 nhà trường cùng Hội Liên hiệp phụ nữ đi vận động từng gia đình đưa được 20 em bỏ học trở lại lớp. Xã cũng đã xây dựng thêm 2 trường mẫu giáo cho các thôn chưa có và 4 lớp mới cho trường Trung học cơ sở.

Hệ thống truyền thanh của xã được giữ vững, hoạt động đều đặn theo kế hoạch. Phong trào thể dục thể thao liên tục được phát động, thường xuyên tham gia các kỳ hội diễn, hội thi của thị xã Quảng Ngãi tốt. Nhiều băng rôn, khẩu hiệu, panô được treo dựng ở các trục đường chính của xã. Đoàn cải lương Sông Trà tuy thường xuyên biến động về diễn viên, điều kiện vật chất không tốt nhưng luôn được củng cố và hoạt động tích cực, xây dựng được nhiều tiết mục mới, mở rộng địa bàn biểu diễn chẳng những trong xã mà còn các xã bạn trong tỉnh, còn đi phục vụ các tỉnh bạn như Quảng Nam - Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Quảng Bình và một số tỉnh Tây Nguyên, đóng góp một phần cho ngân sách xã, được nhiều huy chương và bằng khen. Đoàn kịch nói của xã đi hội diễn văn nghệ không chuyên toàn quốc ở Đà Lạt được Huy chương vàng. Hội Liên hiệp phụ nữ tham dự Hội diễn văn nghệ các lực lượng vũ trang thị xã Quảng Ngãi đạt giải A.

Trạm y tế của xã đến năm 1988 có 8 giường bệnh và đội ngũ y sĩ, hộ lý đủ đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Trạm đã tổ chức tiêm chủng định kỳ cho các cháu trong độ tuổi khám bệnh, cấp thuốc, phục vụ việc sinh đẻ của chị em kịp thời. Công tác kế hoạch hóa gia đình dần dần đi vào chiều sâu, nhiều cặp vợ chồng trẻ đã có ý thức sâu sắc về công tác này. Đồng chí Phạm Tuyết Tâm, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã đã kết hợp được phong trào xây dựng Hội và phong trào kế hoạch hóa gia đình, có nhiều đóng góp.

Liên tục trong 4 năm, thanh niên của xã lên đường tham

gia nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc đạt chỉ tiêu trên giao. Nhân dân của xã đã đóng góp rất nhiều ngày công đào đắp kênh N6 thuộc công trình thủy lợi Thạch Nham chạy thẳng từ tây sang đông ở gần giữa xã tạo nên một sự đổi đời mới, nước tự chảy đến mọi cánh đồng ở phía bắc cũng như phía nam, làm cho lòng xã mát mẻ, lúa bắp xanh tươi suốt bốn mùa. Cũng trong thời gian này đường Gò Rùa đi Quán Đàn được mở rộng và nâng cấp, đường Gò Hồng đi thôn 1 được đắp mới. Các tuyến đường khác được tu sửa và bồi đắp.

Chính quyền xã tăng cường phát động và hướng dẫn nhân dân thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát hiện và xử lý một số vụ việc mang tính tội phạm hình sự xảy ra trên địa bàn. Qua các đoàn thể, xã tổ chức cho đồng bào học tập các luật như Luật hình sự. Bộ máy an ninh xã thôn được củng cố và xây dựng chặt chẽ hơn trước, đã phát hiện và xử lý một số vụ việc về tội phạm hình sự và buôn bán hàng quốc cấm. Công tác hộ tịch, hộ khẩu được chú ý hơn. Số lượng dân quân của xã có gần 90 đồng chí mặc dù xã đội trưởng bỏ việc, Đảng ủy đã kịp thời củng cố, đảm bảo huấn luyện tập huấn đầy đủ và tham gia lực lượng dân quân phòng thủ của Quân khu V.

Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã do đồng chí Nguyễn Thường Sơn làm Chủ tịch, cùng các đoàn thể quần chúng đã vận động hội viên của mình làm nòng cốt góp phần lập nên những thành tích nói trên. Phải khẳng định trong hai nhiệm kỳ 1986-1990, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân làm được rất nhiều việc theo tư duy mới, phương thức mới, đưa xã tiến lên một bước mới. Nhưng đây cũng là thời

gian xảy ra nhiều việc đáng buồn. Đầu tiên là HTXMB bị phát hiện là có quỹ đen, cửa hàng phải tạm đóng cửa để kiểm tra. Sau khi cấp trên kiểm tra thấy không có gì lớn, cử đồng chí Nguyễn Văn Tưu làm Chủ nhiệm và cho mở cửa trở lại. Nhưng HTXMB sống ngắc ngoải, buôn bán thua lỗ, không thu được nợ, đồng tiền xuống giá và dẫn đến đổ vỡ. Tiếp theo là những thắc mắc trong việc chi phí san ủi gò Thối Quển và một số thanh niên trong xã va chạm với giáo sinh trường Cao đẳng Sư phạm cũng làm cho nhân dân không an tâm. Bên cạnh đó, xã phải tập trung giải quyết những tồn đọng từ trước như các vụ kiện cáo, khiếu nại về nhà đất... Điều đáng nói là đã có hiện tượng đảng ủy viên tự ý bỏ việc, 4 đảng viên xin ra Đảng. Đảng bộ đã liên tục tổ chức các cuộc đấu tranh để phân tích rõ cái mới, cái cũ, cái đúng, cái sai, cái tiến bộ, cái lạc hậu, phân tích rõ nội dung nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu lên sự khác nhau giữa chủ động và lạm quyền. Chân lý dần dần sáng rõ, nguyên tắc lãnh đạo của Đảng vẫn được giữ vững, một số đồng chí bị phê bình, kỷ luật nhưng trước tác động hai mặt của cơ chế thị trường và việc khối Đông Âu và Liên Xô tan rã đã làm cho một số đảng viên mơ hồ về nhận thức, lơ lửng trong công tác.

b- Phát triển trong đấu tranh (1991-1995).

Việc chia lại tỉnh năm 1989; đường tránh Đông được bắt đầu khởi công vào năm 1991 chạy xuyên gần giữa xã suốt từ bắc đến nam, chủ trương mở rộng thị xã về phía đông là 3 sự kiện mới làm nức lòng đảng viên và nhân dân xã Nghĩa Chánh.

Sau khi học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Quảng Ngãi lần thứ X, tháng 9 năm 1991, Đại hội Đảng bộ lần thứ VI khai mạc với sự tham dự của 105 đảng viên. Đại hội đã khẳng định những thành tựu đáng mừng đã đạt được dưới ánh sáng đổi mới của Đảng, đồng thời đã chỉ ra những thiếu sót về nguyên tắc tổ chức, về trách nhiệm lãnh đạo trong thời gian qua và định ra phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới. Với tinh thần đổi mới, mạnh dạn giao việc cho thế hệ trẻ, Đại hội đã bầu Ban chấp hành mới gồm 9 đồng chí phần lớn là trẻ và đồng chí Tạ Văn Tới được bầu làm Bí thư. Sau 2 năm vừa xây dựng vừa đấu tranh, tháng 12 năm 1993, Đại hội Đảng bộ lần thứ VII được tổ chức với sự tham dự của 108 đảng viên. Đại hội đã xác nhận những chuyển biến mới, biện pháp mới đưa đến những thành tựu mới đồng thời phê phán những biểu hiện của tự tư tự lợi, tự do vô nguyên tắc, nêu biện pháp khắc phục, thông qua phương hướng nhiệm vụ của nhiệm kỳ 1993-1995 và bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Ngọc Cang được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Hồ Văn Bảy được cử làm Phó Bí thư, đồng chí Lê Quảng Chủ tịch UBND xã làm Ủy viên thường vụ.

Chấp hành Nghị quyết của đại hội cả 2 nhiệm kỳ dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Nghĩa Chánh với tinh thần làm chủ đã làm được nhiều việc đáng khẳng định. Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, xã viên đã chăm sóc mùa vụ chu đáo, thực hiện tốt quy trình gieo trồng đúng lịch, sử dụng phân bón thuốc trừ sâu hợp lý, lại nhờ thời tiết thuận lợi nên

năng suất lúa không ngừng được nâng lên. Năng suất lúa năm 1992 có nơi đạt 10 tấn/ha, năm 1995 đạt 11,5 tấn/ha. Diện tích cấy lúa cũng tăng hơn 10 ha (109 ha - 120 ha). Cây mía chỉ còn 1,6 ha nhưng nhờ vào thâm canh giỏi, bà con đã thu được 90 tấn/ha đúng định mức trên giao. Thực hiện chương trình khuyến nông HTXNN đầu tư giống, vốn cho xã viên trồng rau, màu xuất khẩu nên năng suất đạt cao, giá trị tính bằng tiền cao gấp 2 lần so với lúa, mía.

HTXNN đầu tư vốn khuyến khích xã viên nuôi bò Lai-Sin. Đến năm 1995 trong xã đã có đàn bò Lai-Sin 40 con. HTXNN phát huy tốt vai trò lãnh đạo hướng dẫn sản xuất và làm đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước. Phong trào chăn nuôi gia súc, gia cầm của bà con trong xã tiếp tục có chiều hướng tốt. Đến năm 1995 hầu hết các gia đình nuôi được từ 2 đến 3 con heo, từ 5 đến 20 đầu gà, vịt. Đã có nhiều hộ đầu tư nhiều vốn nuôi vịt, nuôi cút để bán thịt và trứng.

Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền, các cơ sở sản xuất của hợp tác xã như gạch ngói, chế biến mắm, gôm, xay xát, vận tải vẫn ổn định và phát triển tốt, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động, tạo thêm nguồn vốn cho hợp tác xã. Trong hai năm 1994-1995 hai cơ sở gạch ngói sản xuất tốt lãi trên 17 triệu đồng. Hàng năm cứ vào dịp tết, hợp tác xã đã trích từ quỹ ra vài chục triệu đồng và nhiều tấn lúa cho bà con xã viên ăn tết. Đảng bộ và chính quyền chỉ đạo hướng giải quyết cụ thể sắp xếp lại nhân sự cho cơ sở gỗ liên doanh Sông Trà, khắc phục tình trạng trì trệ và làm ăn thua lỗ mấy năm trước. Các hộ kinh doanh và buôn bán cá

thể đã có đến 413 hộ (năm 1995 phát triển thêm 30 hộ) đều thực hiện đúng chế độ đăng ký và nộp đầy đủ thuế cho nhà nước.

Lĩnh vực xã hội, y tế tiếp tục giữ vững thành tích đã đạt được và chú trọng công tác phổ biến chủ trương đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, từng bước hình thành đội ngũ cộng tác viên ở cụm để phòng ngừa và chăm sóc sức khỏe nhân dân kịp thời.

Công tác giáo dục, văn hóa đã giữ vững được phong trào thi đua 2 tốt trong nhà trường, chú ý giáo dục truyền thống cách mạng của đất nước, quê hương. Học sinh lên lớp và chuyển cấp đạt khá cao (từ 90-95%). Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng như tham gia biểu diễn văn nghệ của phụ nữ, tập thể dục dưỡng sinh của người cao tuổi và phong trào tập luyện thi đấu bóng chuyền đạt kết quả khá. Điểm hạn chế là các hoạt động trên môi trường mạng tính thời vụ, không thường xuyên. Đoàn nghệ thuật Tiếng ca Sông Trà không còn đất biểu diễn, dần dần giải thể. Mặc dù có vài phần tử muốn lợi dụng tôn giáo để quấy rối, nhưng lực lượng dân quân, an ninh xã đã phối hợp với cấp trên ngăn chặn. An ninh, trật tự trong xã căn bản được giữ vững.

Ngoài ra, Đảng bộ và chính quyền dưới sự chỉ đạo của tỉnh, thị tiếp tục quy hoạch lại gò Thối Quển hình thành khu dân cư mới, hình thành tuyến đường Lê Thánh Tông và bến xe liên tỉnh, đồng thời huy động lực lượng san lấp Bàu Ruộng và các ao hồ xung quanh, cơ bản hoàn thành việc tạo địa bàn cao ráo, thông thoáng cho xã. Đặc biệt xã dồn sức vào việc tổ chức học tập, giải quyết đền bù nhà cửa, hoa

màu, cấp đất tái định cư, và tạo điều kiện cho dân đến nơi tái định cư một cách hợp lý để việc xây dựng đường tránh Đông thực hiện đúng tiến độ.

Nhưng trong cả hai nhiệm kỳ cũng xảy ra nhiều việc đáng buồn. Năm 1994 HTXMB sau nhiều ngày hoạt động bế tắc được Đảng bộ đồng ý cho tiến hành mở Hội nghị xã viên báo cáo việc thanh lý tài sản, thu hồi nợ và đề nghị giải thể, trả vốn lại cho các cổ đông. Hội nghị thống nhất việc giải thể. Rồi đến hợp tác xã tín dụng cũng thế, cổ phần đầu thu hồi nợ để trả cho ngân hàng (không có nợ với cổ đông) rồi kết thúc nhiệm vụ. Ai cũng hiểu là do tác động cạnh tranh của cơ chế thị trường, kiểu làm ăn như cũ thì không tránh đổ vỡ. Việc cho giải thể là hợp lý. Tưởng mọi việc đến thế là xong, nhưng do cách làm việc không đầy đủ của lãnh đạo xã, không giải quyết dứt điểm từng vấn đề, nên để lại nhiều dư âm không tốt cho thời gian sau này.

Đáng nói nhất là trong vấn đề xây dựng Đảng và chính quyền, ngoài việc chấp hành nghị quyết đại hội, Đảng ủy đã tách được từ 6 chi bộ với gần 140 đảng viên thành 10 chi bộ theo cụm dân cư để tiện việc lãnh đạo và sát dân, còn lại là cuộc đấu tranh làm rõ nguyên tắc tổ chức và vai trò lãnh đạo của Đảng diễn ra liên tục. Một vài đồng chí dựa vào lý do làm nhiệm vụ quản lý phải chủ động, kịp thời, chính quyền thường tự ý chủ trương nhiều việc không xin ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy. Lại có đồng chí tự ý ứng cử vào Hội đồng nhân dân xã và thị, mặc dù Đảng không giới thiệu, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng. Nội bộ Đảng ủy lại không phân biệt được đúng sai. Đảng bộ đã nhiều lần họp

phân tích hiện tượng sai trái trên và quy định nền nếp hội ý, hội báo, xác định nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện của Đảng bộ. Nhưng kết quả không như ý muốn, buộc Thị ủy phải ra quyết định thi hành kỷ luật các đồng chí ấy và cử đồng chí Nguyễn Hữu Trung cán bộ của thị về làm Bí thư, chỉnh đốn lại sự lãnh đạo của Đảng. Kỷ luật nghiêm minh của Đảng đã khiến các đảng viên và nhân dân yên tâm, rút được bài học quan trọng cho mình, nhưng để lại ảnh hưởng không tốt về lòng tin vào Đảng của nhân dân trong xã.

c- Phấn đấu để thay hình đổi dạng.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những tồn tại được rút ra từ các nhiệm kỳ trước, tháng 1 năm 1996 Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII có mặt đầy đủ 142 đảng viên được tiến hành trong 2 ngày, khẳng định những gì đã đạt được, phân tích làm rõ nguyên nhân những yếu kém. Đại hội cũng quyết định một chương trình hoạt động trong cả nhiệm kỳ 4 năm của mình⁽¹⁾ với tinh thần kiên quyết quán triệt tinh thần Nghị quyết 6 (lần 2) của Trung ương Đảng đẩy mạnh phê bình và tự phê, kiện toàn Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt; tích cực chuyển đổi tỷ trọng trong cơ cấu sản xuất theo hướng đô thị hóa; chăm lo công tác giáo dục, văn hóa, xã hội; giữ vững an ninh quốc phòng. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành Đảng bộ mới với 11 ủy viên, đồng chí Vũ Minh Niềm được tín nhiệm bầu làm Bí thư, đồng chí Hồ Văn Bảy Phó Bí thư Đảng ủy cũ được bầu làm Phó Bí thư, đồng chí Tạ Minh Tuấn được bầu làm Ủy viên Thường vụ. Sau một thời gian, Hội đồng nhân dân xã tín nhiệm bầu đồng chí

(1) Đến đây nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ cơ sở được cấp trên quy định 4 năm.

Tạ Minh Tuấn làm Chủ tịch UBND xã.

Đảng lại bắt tay vào việc lãnh đạo nhân dân thực hiện chủ trương mở rộng thị xã về phía Đông của cấp trên. Chủ trương đã triển khai được một số việc nhưng đến đây mới đến vấn đề giải tỏa đền bù ruộng đất, nhà cửa để thực hiện dự án khu dân cư Thành Cổ-Núi Bút theo quy hoạch. Đất nông nghiệp chỉ có 153 ha chiếm tỉ lệ 37,98% diện tích toàn xã, bình quân đầu người chỉ có 134m² nay lại mất thêm một diện tích lớn để quy hoạch thành khu đô thị, ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư, tình cảm, thói quen, nghề nghiệp sinh sống của người dân. Vì thế công tác tuyên truyền vận động, giáo dục được đẩy mạnh, tập trung chủ yếu vào các thôn xóm nằm trong quy hoạch. Gần 50 gia đình phải chuyển chỗ ở, hàng trăm hộ nông dân không còn đất cày cấy phải chuyển đổi sản xuất. Được nhà nước đền bù thỏa đáng, hợp tình, hợp lý, nhưng phải nói là những người nông dân vốn nghìn đời bám chặt vào ngôi nhà, mảnh ruộng của mình làm sao tránh khỏi vướng mắc trong tâm tư nhưng sau khi học tập thấy rõ yêu cầu kiến thiết, xây dựng mở rộng thị xã nên bà con đã lần lượt di chuyển. Các Bàu Liên, Bàu Lát,... những cánh đồng phì nhiêu đã tồn tại đã mất đi, trở thành vùng đất cao dành chỗ cho khu dân cư mới với trục đường Thành Cổ-Núi Bút rộng lớn, hiện đại chia đôi nửa phía tây xã làm hai, kèm theo đó là hệ thống đường ngang đường dọc theo kiểu đô thị.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII, xem phát triển kinh tế là trọng tâm, đồng thời xác định nông nghiệp vẫn còn là mặt trận hàng đầu, Đảng bộ lãnh đạo việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp theo kiểu mới thực hiện khoán 10, một

công việc khá phức tạp, phải tạo sự chuyển biến tư tưởng, nhận thức từng xã viên. Sau khi quán triệt chủ trương cấp trên trong toàn Đảng bộ, Đảng ủy tổ chức ngay việc học tập trong toàn thể nhân dân phân tích cái trì trệ chưa tốt của cách làm ăn theo tổ chức Hợp tác xã kiểu cũ, làm rõ cái mới, cái tiến bộ của hợp tác xã kiểu mới, qua đó uốn nắn dần những suy nghĩ thiển cận, lệch lạc, tạo sự đồng tình, hỗ trợ của mọi người trong việc tiếp nhận chủ trương mới. Đồng thời Đảng ủy chỉ đạo Ban quản trị hợp tác xã cũ thanh toán các khoản nợ, tổ chức thanh quyết toán và xác định rõ vốn hiện có của hợp tác xã, từ đó căn cứ vào công sức của xã viên đóng góp từ trước phân định rõ cổ phần hiện có của mỗi xã viên. Công việc được tổ chức công khai, tính toán chi ly và công bố đầy đủ, gây được niềm tin tưởng phấn khởi của mọi người. Cũng trên cơ sở vốn hiện có của hợp tác xã và quy mô sản xuất mà phân định vốn cố định và vốn lưu động và xác định 7 dịch vụ chủ yếu phải làm của hợp tác xã là: giống, thủy lợi, IBM, xay sát, mắm, vận tải, gạch ngói. Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất lúa ngô, xã còn chú ý phát triển nông nghiệp toàn diện với chủ trương cải tạo vườn tạp trồng cây có giá trị kinh tế và kết hợp chặt chẽ giữa trồng trọt và chăn nuôi. Đại hội đại biểu xã viên hợp tác xã nông nghiệp theo kiểu mới được tổ chức và các phương án sản xuất đã được Đại hội nhất trí với sự phấn khởi. Đại hội đã cử ra Ban quản trị mới và ông Vi Văn Minh được bầu làm chủ nhiệm. Trong sản xuất, vấn đề giống lúc đầu vẫn là khó khăn lớn. Nông dân vẫn quen dùng giống cũ, năng suất thấp và thường bị sâu bệnh, nên Ban chủ nhiệm phải vừa đấu tranh vừa làm đổi chứng mới chuyển đổi dần nếp nghĩ, cách làm của họ.



Trụ sở UBND phường hoàn thành năm 2002.

Nhờ chuyển đổi được giống lúa, giống ngô lai có năng suất cao và nhờ sự hỗ trợ tích cực về thủy lợi, về khoa học kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh của hợp tác xã, năng suất lúa, ngô tăng lên từng năm một, từ 9 tấn trước đây đã lên đến 12,5 tấn/ha/năm và cá biệt có đám đạt đến 14 tấn/ha. Tuy diện tích trồng trọt bị thu hẹp nhưng sản lượng mỗi năm một tăng, năm 1999 đạt 1.660 tấn. Giá trị thu nhập hàng năm trên 1 ha từ 21 triệu đồng năm 1996 đã tăng lên 33 triệu đồng năm 1999. Đàn bò Lai-Sin tăng. Đàn heo đạt 4.100 con. Đặc biệt chăn nuôi gia cầm, gà công nghiệp, vịt siêu trứng, cút công nghiệp phát triển rất tốt. 24 ha vườn tạp đã được cải tạo trồng các loại cây ăn trái có hiệu quả kinh tế như xoài, ổi, ca cao... Nhờ quyết tâm lớn của Đảng bộ và toàn thể bà con nông dân trong xã nên việc chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp theo kiểu mới của Nghĩa Chánh đã thành công và hợp tác xã luôn phát huy vai trò chủ đạo, hướng dẫn trong sản xuất, trong lúc nhiều xã khác trong thị xã không làm được. Và nhờ hợp tác xã nông nghiệp chuyển đổi đã thúc đẩy sản xuất phát triển có thu hoạch cao, cải thiện được một bước đời sống của 70% nông dân trong xã. Nhiều hộ nông dân có tiền sửa chữa nhà cửa, mua sắm xe máy và các phương tiện nghe nhìn. Xã đã thành lập hợp tác xã vận tải số 1 với 53 đầu xe và hoạt động có hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ, chính quyền xã hết sức khuyến khích và tạo điều kiện cho các ngành dịch vụ, thủ công và tiểu công nghiệp phát triển. Hàng trăm hộ nông dân nằm trong dự án Thành Cổ - Núi Bút và đường Lê Thánh Tông bị mất đất nhưng được đền bù thỏa đáng đã quyết tâm “ly nông bất ly hương” đã được khuyến khích chuyển sang một số

ngành dịch vụ. Có chủ trương đúng và được xã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhiều người có nghề nghiệp, có vốn đã xây dựng các xưởng thủ công như bánh kẹo, kem que, bánh mì, sữa chữa và đại tu ô tô, sản xuất lốp xe, hàn tiện.v.v. Có vài cơ sở sản xuất tương đối lớn như cơ sở sản xuất thịt bò khô Anh Vũ, Anh Việt, cửa hàng Inox Phước An... Năm 2000 các nhóm ngành nghề trên đã góp vào ngân sách 180.000.000 đồng. Đến năm 1999, cơ cấu lao động trong xã như sau: 1.481 người sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ 26,9%, 3.695 người làm dịch vụ thương nghiệp chiếm 67% và 320 người kinh doanh công nghiệp và thủ công nghiệp chiếm 5,8% lực lượng lao động trong xã⁽¹⁾. Tỷ trọng của mỗi ngành sản xuất trong cơ cấu nền kinh tế của xã hội thay đổi tốt theo đúng nghị quyết. Đó là kết quả tốt đẹp của cả một quá trình phấn đấu, xây dựng của toàn Đảng bộ và nhân dân. Về xây dựng cơ sở vật chất, Quán triệt Nghị quyết 2 của Ban chấp hành Trung ương xem phát triển giáo dục là “quốc sách hàng đầu” xã đã làm được nhiều việc như xây dựng trường mẫu giáo của thôn 2, làm cổng ngõ tường rào, làm hệ thống điện nước cho trường tiểu học hết hàng trăm triệu đồng. Cũng bằng ngân sách địa phương xã nâng cấp về mọi mặt cho trường trung học cơ sở, đảm bảo cho mọi con em đến tuổi được đến trường và phấn đấu nâng cao chất lượng trong giảng dạy và học tập. Đã có nhiều học sinh giỏi xuất hiện (23% ở bậc tiểu học, 7% ở bậc trung học cơ sở). Đồng thời nâng cấp một bước trạm y tế của xã với 7 biên chế, có một bác sĩ, tạo điều kiện tốt hơn trong việc khám và

(1) Theo "Quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh" - tài liệu đã dẫn trang 11.

chữa các bệnh thông thường của nhân dân trong xã. Về đường giao thông ngoài các tuyến do tỉnh và thị đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn đường hiện đại, xã cũng làm thêm được một số đường mới từ Gò Hồng đi thôn 1, đường thôn 7, thôn 5 và nâng cấp đường Núi Bút đi Gò Nại. Tuy mới là đường đắp bằng đất sỏi nhưng được mở rộng và nhờ xe lu lèn chặt nên khắc phục được tệ nạn bùn lầy nước đọng, tạo điều kiện đi lại giao lưu thuận lợi cho khắp khu vực này. Xã cũng đã làm việc với ngành điện nước và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đường điện, ống nước được kéo dài để thêm được nhiều hộ dân được dùng điện, dùng nước sạch. Đến cuối năm 1999 toàn xã đã có 855 hộ sử dụng nguồn nước máy do mạng lưới cấp nước thị xã cấp (đạt 35,25% tổng số hộ)⁽¹⁾ và có đến trên 98% số hộ dùng điện⁽²⁾. Tuy còn khiêm tốn nhưng đó là một bước tiến lớn đối với một vùng trước đây là nông thôn lạc hậu. Về công tác xã hội, xã đã giải quyết cho hàng ngàn lao động có việc làm, tu sửa 6 nhà thương binh liệt sĩ, trong đó có 2 là nhà Mẹ Việt Nam anh hùng, làm mới 4 nhà tình thương giúp cho 4 hộ nghèo. Chính quyền phối hợp với các đoàn thể tăng cường việc giáo dục pháp luật, chủ trương chính sách của nhà nước, phổ biến và quán triệt quy chế dân chủ ở cơ sở, thành lập các tổ hòa giải ở các thôn, mặt nào cũng thu được kết quả khả quan. Xét thấy trụ sở của xã nằm ở số 661 Quang Trung là không thuận tiện, Hội đồng nhân dân xã xin cấp trên cho chuyển về xây dựng trụ sở ở một địa điểm trung tâm xã. Được cấp trên chấp thuận và chuẩn chi cho 500 triệu đồng, xã xây dựng trụ sở

(1) Theo quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh - tài liệu đã dẫn trang 8.

(2) Như trên - trang 10.

xã (mới tăng trật) tại Gò Sung (trên đường Nguyễn Du và gần đường Lê Thánh Tông theo quy hoạch) và từ năm 1998 cơ quan đã chuyển về đây làm việc. Nhà 661 Quang Trung được bàn giao lại cho tỉnh. Về xây dựng hệ thống chính trị, chấp hành nghị quyết của đại hội, Đảng ủy và các chi bộ đã tạo mọi điều kiện để Mặt trận Tổ quốc xã, thôn hoạt động nhịp nhàng hơn. Ủy ban Mặt trận do đồng chí Nguyễn Mai là Chủ tịch đã phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư” tạo được chuyển biến mới đến từng thôn, xóm. Đồng thời Đảng ủy cũng tập trung sức củng cố và đẩy mạnh các hoạt động của Hội nông dân, đồng chí Tạ Duy Nghĩa và các đồng chí tiếp theo làm Chủ tịch, đã vận động nông dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thực hiện chương trình IBM trong trồng trọt và vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh do đồng chí Võ Anh Thông làm Bí thư cũng tăng cường hoạt động, giữ đều đặn sinh hoạt và làm nòng cốt trong việc xây dựng cuộc sống mới, xây dựng đội ngũ dân quân tự vệ và tuyển quân hàng năm. Hội cựu chiến binh được thành lập, đồng chí Đào Tiến Vang được mời làm Chủ tịch Lâm thời. Sau đó Đại hội bầu đồng chí Phạm Ngọc Châu làm Chủ tịch⁽¹⁾, Hội phát triển nhanh chóng thực sự trở thành chỗ dựa cho Đảng và Chính quyền trong công tác quốc phòng an ninh. Các đoàn thể xã hội khác như Hội Chữ thập đỏ, nhờ hoạt động tích cực của Ban chấp hành mà tiêu biểu là Chủ tịch Trương Tịch đã chăm sóc thường xuyên kịp thời những người gặp khó khăn, bị tai nạn, thương tật và khám chữa bệnh hàng năm cho

(1) Chủ tịch nhiệm kỳ 3.

những người cao tuổi. Hội những người cao tuổi được thành lập từ năm 1995 do đồng chí Nguyễn Thường Sơn làm Chủ tịch tiếp đến nhiệm kỳ II do đồng chí Bùi Quang Minh làm Chủ tịch liên tục phát triển nhanh, nhiều chi hội ở thôn xóm đã được thành lập, các cụ đã phát huy vai trò thôn trưởng trong các gia đình vận động con cháu thực hiện các đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, bài trừ các tệ nạn xã hội. Gần cuối năm 2000 Hội những người tù chính trị yêu nước của xã được thành lập. Đại hội đã bầu Ban chấp hành do đồng chí Đỗ Cao Độ làm Chủ tịch và bắt tay vào hoạt động. Thành tựu đáng kể trong vấn đề này là Đảng ủy đã mạnh dạn khuyến khích, tạo điều kiện cho nhiều cán bộ trẻ đi học bổ túc văn hóa các cấp, và đi học chính trị sơ trung cấp nhằm tạo nhân lực lâu dài cho xã. Công tác kế hoạch hóa gia đình năm nào cũng vượt kế hoạch của cấp trên đề ra. Tỷ lệ tăng tự nhiên từ 1,1% - 1,2% năm⁽¹⁾. Cuộc vận động ăn ở theo đời sống mới đạt được kết quả đáng kể. Trong số 2.425 hộ đã có 500 hộ có hố xí nhà tắm kiểu mới, đúng quy cách, 1.270 hố xí tự hoại, 640 hố xí thô sơ, chỉ còn một ít gia đình ở vùng trung thuộc thôn 5, thôn 6 là chưa xây dựng được hố xí còn phải đi nhờ⁽²⁾. Đặc biệt công tác xóa đói giảm nghèo đã có tiến bộ vượt bậc. Cũng theo thống kê của Viện quy hoạch đô thị và nông thôn năm 1999, số hộ giàu chiếm 520 hộ (21,4%) số hộ khá 693 (chiếm 28,5%), số hộ trung bình 1.100 hộ (45,36%), số hộ nghèo 112 hộ (4,62%), không còn hộ đói⁽³⁾. Công tác an ninh quốc phòng cũng có

(1) Theo quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh - Tlđđ-trang 4.

(2) Như trên - trang 9.

(3) Như trên - trang 6.

tiến bộ khá. Đội dân quân tự vệ do đồng chí Đoàn Hùng Dũng làm Xã đội trưởng và Bí thư Đảng ủy Vũ Minh Niềm trực tiếp là Bí thư đã được củng cố và phát triển đúng số lượng, chất lượng theo quy định của cấp trên, xây dựng phương án và diễn tập việc tác chiến tại chỗ và phối hợp cùng các xã Nghĩa Đông, Nghĩa Dũng xây dựng phương án phòng thủ cụm. Công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự liên tục vượt kế hoạch trong nhiều năm liền.

Tuy còn một số tồn tại yếu kém như chưa tập trung giải quyết những tồn đọng từ những nhiệm kỳ trước nhưng với những thành tựu toàn diện kể trên được đánh giá là khá tốt, tạo điều kiện để thay đổi hình dạng của một vùng nông thôn bùn lầy nước đọng sang dáng dấp một khu vực đô thị đang tiến lên phía trước. Đây là những thắng lợi bước đầu tạo tiền đề quan trọng để chuyển đổi từ xã lên phường. Làm được điều đó vì một nguyên nhân then chốt là việc xây dựng Đảng bộ đã đạt được kết quả. Sau khi phổ biến đầy đủ nghị quyết 6 (lần 2) của Ban chấp hành Trung ương Đảng đến từng đảng viên là tiến hành liên hệ kiểm điểm những vấn đề lập trường quan điểm phẩm chất chính trị và tư tưởng của người đảng viên và vấn đề chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Sau kiểm điểm, phê bình của các đồng chí trong Đảng ủy và Bí thư chi bộ, là từng đảng viên kiểm điểm tự phê bình nghiêm túc. Có thể nói đây là đợt đấu tranh tư tưởng khá toàn diện, sâu sắc để giải quyết triệt để những gì là lệch lạc sai trái chưa giải quyết hết sau sự kiện các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô tan rã. Qua đấu tranh từng đảng viên xác lập lại lập trường tư tưởng giai

cấp công nhân của mình, tính Đảng, tính tổ chức của một đảng viên, từ đó tạo sự nhất trí cao với đường lối chủ trương của Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm và quyết tâm phấn đấu của mỗi người. Những quan điểm sai trái được phân tích góp ý tận tình. Những luận điệu mơ hồ, dân chủ giả trá và những phát ngôn vô tổ chức bị nghiêm khắc phê phán. Thái độ thiếu trách nhiệm, làm trái pháp luật nhà nước, tư tưởng tự tư, tự lợi đều bị vạch trần và buộc phải sửa chữa cụ thể. Qua đợt sinh hoạt, các đảng viên trưởng thành rõ rệt, chi bộ được củng cố, mỗi đảng viên được phân công nhiệm vụ cụ thể của mình. Sinh hoạt Đảng đảm bảo đều đặn có chất lượng, nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng được củng cố. Nhờ đó mọi nhiệm vụ chính trị được giao đều được thực hiện nghiêm túc, đến nơi, đến chốn. Có thể nói thành công trong xây dựng Đảng trong thời kỳ này là nguyên nhân của mọi nguyên nhân thắng lợi như đã trình bày trên kia. Cũng qua đấu tranh ngoài việc phê bình, cảnh cáo một số đảng viên kể cả các ủy viên thường vụ có biểu hiện mất đoàn kết, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, còn có đến 2 đồng chí trong Ban chấp hành Đảng ủy chịu mức kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng vì vi phạm pháp luật nhà nước trong việc chiếm đất làm nhà trái phép. Có thể nói đó là một tổn thất đau lòng của toàn Đảng bộ. Nhưng đó là tổn thất trong quá trình trưởng thành của Đảng ta - một Đảng chỉ lấy quyền lợi của Đảng, của dân, của nước làm mục tiêu phục vụ của mình. Bên cạnh việc xây dựng Đảng bộ về tư tưởng, tổ chức cơ bản đó, trong nhiệm kỳ Đảng bộ cũng phát triển thêm được 18 đảng viên mới, trẻ, có trình độ; hoàn thành được việc chia 2

chi bộ giáo dục, một chi bộ lãnh đạo giáo dục tiểu học và một chi bộ ở trường Trung học cơ sở; xây dựng và đưa vào sinh hoạt có nền nếp chi bộ Dân quân tự vệ.

Nhân dân xã Nghĩa Chánh đang nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội năm cuối cùng của thế kỷ XX thì cũng là lúc kết thúc nhiệm kỳ Đại hội lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ lần thứ IX tiến hành trong tháng 9/2000 với 144 đảng viên lại mở ra một thời kỳ mới. Đại hội đã phân tích và khẳng định 3 thành tích nổi bật về xây dựng phát triển kinh tế, về hoàn thành các nhiệm vụ xã hội nâng cao mức hưởng thụ của nhân dân và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 6 (lần 2) trong vấn đề xây dựng chính đồn Đảng và chú ý đào tạo nhân lực trẻ nối tiếp trong các nhiệm kỳ sau. Đồng thời đại hội cũng chỉ rõ những tồn tại yếu kém và thông qua nhiệm vụ chính trị của toàn bộ nhiệm kỳ với một quyết tâm cao hơn về xây dựng phát triển kinh tế, về công tác xã hội, giáo dục văn hóa, đặc biệt là nắm vững khâu then chốt là xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt để xứng đáng là một xã đang được đề nghị nâng lên thành phường và cũng là đáp lại nguyện vọng tha thiết của nhân dân xây dựng xã thành một đơn vị phát triển toàn diện vào đầu thế kỷ thứ XXI. Đại hội đã bầu Ban chấp hành mới gồm 9 đồng chí, có nhiều đồng chí trẻ. Đồng chí Trần Đại được bầu làm Bí thư, đồng chí Phạm Ngọc Châu được bầu làm Phó Bí thư Thường trực và đồng chí Tạ Minh Tuấn được bầu là Ủy viên Thường vụ và sau đó được Hội đồng nhân dân xã tín nhiệm tiếp tục bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Các đồng chí đã được Đảng bộ giao cho trọng trách điều hành mọi công việc theo nghị quyết. Những trọng trách này nằm ngay ở những năm

đầu thiên niên kỷ mới. Vinh dự to lớn ấy chắc chắn sẽ là một phần trong những động lực thúc đẩy các đồng chí vươn lên phấn đấu không ngừng để đáp lại sự tín nhiệm của toàn Đảng bộ, sự kính yêu gắn bó của nhân dân và sự mong mỏi của Đảng, nhà nước cấp trên.

*

* *

Đến khi viết xong những dòng cuối cùng của giai đoạn xây dựng trong hòa bình này thì xã Nghĩa Chánh đã thành phường Nghĩa Chánh được hơn một năm. Nhìn lại quá trình xây dựng trong hơn 20 năm và từ một xã được cấp trên chấp thuận chuyển thành phường là cả một quá trình phấn đấu đầy gian khổ, khó khăn nhưng cũng đầy tự hào nhất là sau khi có đường lối đổi mới, hết chuyển mình trong trăm trở đến đấu tranh để phát triển rồi phấn đấu để thay hình đổi dạng của nhân dân và các đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam xã Nghĩa Chánh.

Chỉ một thời gian ngắn ruộng đồng Nghĩa Chánh đã được nước hệ thống thủy lợi Thạch Nham tự chảy đến ruộng tạo điều kiện làm 2,3 vụ, lúa và hoa màu suốt 4 mùa xanh tốt. Nhà cửa khang trang, đường làng rộng rãi, ánh điện sáng khắp nơi. Trẻ em đến tuổi đều được cấp sách đến trường. Cơm no, áo ấm. Chưa kể đến 2/3 gia đình sắm được xe gắn máy, ti vi. Đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Được như vậy đã là quá ước mơ, quá mức tưởng tượng hay là một sự đổi đời như nhiều cụ đã nói. Nghĩa Chánh đang đổi thay hàng ngày theo hướng đô thị hóa, hiện đại hóa. Nhưng cũng cần nói rõ có được cuộc sống hôm nay

chúng ta không thể không nhắc đến công ơn của Đảng.Cộng sản Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành lại độc lập cho đất nước, tự do cho nhân dân rồi tiếp đó Đảng ra sức lãnh đạo nhân dân xây dựng cuộc sống mới: Cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Đối với Nghĩa Chánh, Đảng không chỉ lãnh đạo bằng đường lối, chủ trương mà Đảng và Nhà nước còn dành kinh phí đầu tư, dành công sức xây dựng tạo nên quá trình biến đổi to lớn, nhanh chóng. Điều phải được khẳng định rõ ràng là nếu không có sự lãnh đạo của Đảng, Nghĩa Chánh không thể có cuộc sống hôm nay.

VÀI LỜI CUỐI SÁCH

Nghĩa Chánh đang trong quá trình chuyển biến đi lên, e rằng viết ngay những kết luận là quá vội. Hãy để cho thời gian và lịch sử có những lời phán xét khách quan và đúng đắn hơn. Ở đây, chúng tôi xin viết một vài lời chủ yếu là nêu rõ đặc trưng riêng của Nghĩa Chánh.

1. Nét riêng trong truyền thống lao động sáng tạo của người Nghĩa Chánh.

Cũng như người nông dân ở mọi nơi khác, người Nghĩa Chánh cũng một nắng hai sương cày cấy lao động, khai hoang vỡ hóa tạo thành những ruộng đồng, gò bãi và tuyển chọn những cây trồng thích hợp để canh tác. Nước là khâu đầu tiên của nền nông nghiệp lúa nước. Như nhiều nơi khác trong tỉnh, người Nghĩa Chánh cũng đã đào ao, vét giếng, làm bờ xe, làm guồng nước để đưa nước lên ruộng, nhưng quan sát hệ thống mương máng còn lại của các bờ xe nước (có từ 8 đến 10 bánh) trên một khúc sông khá rộng, khá sâu người ta thấy tài năng thiết kế, thi công sáng tạo để đưa nước được vào mọi cánh đồng, nhất là những cánh đồng cao, cánh đồng xa. Đến khi tỉnh lỵ được xây dựng sát kề bên nách, người Nghĩa Chánh vẫn bám chặt ruộng đồng, bên trồng trọt, chăn nuôi còn sáng tạo ra bao nhiêu nghề phụ từ việc chế biến các nông phẩm ra hàng hóa để cung cấp cho nhu cầu xã hội. Cũng thức khuya dậy sớm làm bánh nổ, bánh thuẫn,... như nhiều nơi khác, nhưng không đâu bánh đẹp do khéo tay bằng người ở đây. Ở gần trung tâm tỉnh lỵ luôn chứng kiến bao nhiêu nghịch cảnh, kẻ cướp nước và bán nước thì sống chễm chệ ở nơi cao sang, còn người lao

động đầu tắt măt tối thì sống trong nghèo đói, tối tăm. Chưa có cách gì thay đổi được hoàn cảnh trở trêu đó, nhưng hơn ai hết, họ thông hiểu nỗi khổ sở, nhọc nhằn của những người cùng cảnh ngộ. Tuy sống kiem ước nhưng họ luôn sẵn sàng cứu mang người khác khi gặp khó khăn với tấm lòng “thương người như thể thương thân”. Phẩm chất lao động sáng tạo và những tình cảm hình thành được trong cuộc sống đã hạn chế bớt tính riêng lẻ, đơn độc vốn có ở người nông dân. Họ sống cởi mở hơn, thương yêu nhau hơn và biết dựa vào nhau để vượt qua thiên nhiên khắc nghiệt và chế độ xã hội bất công để mà tồn tại và phát triển.

Những phẩm chất đó là những cơ sở tư tưởng, tình cảm hết sức quan trọng, tạo điều kiện cho người Nghĩa Chánh nhanh chóng tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng của Đảng, và khi đã tiếp thu thì xem nó là máu thịt, là lẽ sống của mình. Cuộc đấu tranh ngoan cường, không mệt mỏi từ ngày có Đảng đến nay đã chứng minh điều đó. Ngược lại, được lý tưởng cao đẹp của Đảng soi rọi, các phẩm chất ấy lại càng phát huy rực rỡ hơn. Lúc chiến đấu chống ngoại xâm bất chấp tù đầy, chết chóc, người Nghĩa Chánh tự đào hầm nuôi giấu cán bộ Đảng trong nhà. Lúc xây dựng hòa bình, người Nghĩa Chánh sẵn sàng từ bỏ ruộng vườn của mình để thực hiện chủ trương mở rộng thành phố, dùng tiền đền bù để chuyển sang nghề khác với quyết tâm “ly nông bất ly hương”, và không kỳ thị, không phân biệt chánh ngự, cũ mới, nhanh chóng hòa vào nhau, cùng nhau lao động sáng tạo. Có thể nói đặc tính tháo vát thông minh, nhanh nhạy thông thoáng, ít hẹp hòi là những nét riêng dễ nhận thấy

trong truyền thống lao động sáng tạo của người Nghĩa Chánh.

2- Truyền thống đấu tranh chống bóc lột, bất công và tinh thần yêu nước, yêu chế độ. Lao động cần cù và sáng tạo trên đồng ruộng do chính bàn tay mình khai phá. Nhưng chưa bao giờ người nông dân ở đây có được những ngày no cơm, ấm áo. Các chế độ xã hội bất công trong lịch sử nối tiếp nhau bóc lột và đàn áp người nông dân lao động bằng mọi cách. Người nông dân hết thế hệ này đến thế hệ khác không bao giờ ngóc đầu lên được, nhưng biết kêu kiện ai, khi chính quyền là đại diện cho kẻ giàu. Từ khi tỉnh lỵ dời về Chánh Lộ ai cũng tưởng là được gần “đền trời soi xét”, chắc nhân nghĩa sẽ an ủi được lòng dân, công lý được làm sáng tỏ. Không ngờ chẳng những không có gì tốt đẹp mà nhân dân còn bị bóc lột, đàn áp khốc liệt hơn. Tiếp đó là thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta. Tai họa càng đè nặng hơn, thực dân và phong kiến cấu kết nhau bóc lột đến xương tủy của người dân.

Không còn con đường nào khác là phải đấu tranh để bảo vệ cuộc sống của mình và gia đình. Có áp bức, có đấu tranh hầu như là một quy luật chung trong xã hội bất công bất cứ ở đâu, ở thời kỳ nào. Nghĩa Chánh cũng không nằm ngoài quy luật chung đó, nhưng được sống ở một địa điểm có mặt bằng văn hóa cao hơn nhiều nơi khác nên vẫn có nhiều điều khác đáng nói.

Lịch sử đã chứng kiến bao cuộc đấu tranh của nhân dân chống chế độ bất công, chống kẻ thù xâm lược, nhưng các cuộc đấu tranh đó đều bị kẻ thù dìm vào bể máu, bao nhiêu

lãnh tụ phong trào cứu nước đã bị chúng xử tử tại đây. Ai mà chẳng đau lòng, nhưng tai nghe không bằng chính mắt thấy. Nỗi đau lòng và từ đó là lòng căm thù kẻ địch hung ác và lòng yêu nước trong lòng người Nghĩa Chánh càng sâu đậm, có sức nặng cụ thể và sẽ bộc lộ quyết liệt khi cần thiết. Có xát mũi với kẻ thù, còn phải dựa vào nhau trong đấu tranh, nhục điểm hay cố chấp thường định kiến của người nông dân giảm bớt, tinh thần thương yêu, sẵn sàng cứu mang cho đồng bào, đồng chí lúc khó khăn càng bộc lộ rõ. Một điều đáng lưu ý là nhiều người giàu có ở đây đã coi nhẹ của cải, danh vọng của riêng mình, sẵn sàng tham gia vào các phong trào yêu nước, đem tài sản, tính mệnh của mình cống hiến cho sự nghiệp cứu nước và khuyên nhủ con cháu đi theo con đường cách mạng và nhiều người trong số họ đã có nhiều cống hiến quan trọng cho đất nước.

Chúng ta càng thấy rõ hơn điều đó từ ngày có Đảng, chỉ cần biết Đảng là người tổ chức cho nhân dân đánh đổ nền thống trị của thực dân phong kiến để cứu nước, cứu dân, thế là ở đây có ngay chi bộ Đảng đầu tiên. Kẻ địch đã dùng mọi cực hình đối với người cộng sản, đã lên án, xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản bằng mọi cách. Nhưng cũng lạ, mọi việc lại diễn ra trái ngược với ý muốn của kẻ thù, lòng yêu nước, lòng tin yêu chế độ cộng sản, lòng yêu Đảng Cộng sản của nhân dân lại càng sâu sắc thêm và hình thức đấu tranh cũng linh hoạt phong phú hơn nhiều.

Chỉ có lòng tin tuyệt đối vào Đảng, nhân dân Nghĩa Chánh mới hết lòng làm tấm lá chắn che mắt kẻ địch để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng lúc gặp khó khăn. Hàng loạt các bà

Đạt, bà Tý, bà Nhi, bà Ái... không ai bảo ai, tự đào hầm nuôi giấu cán bộ trong nhà mình, tiêu biểu là cụ Thuộc không phải 1 lần mà đến 3 lần bị địch bắt cán bộ tại nhà, bà vẫn chấp nhận tù đầy, chém giết, quyết tâm: “Còn máu là tao còn làm cộng sản”. Lòng người đã là thành lũy vững chắc nhất để bảo vệ cán bộ, lại được vị trí, địa thế có núi, có sông nhiều thuận lợi, tạo điều kiện cho người Nghĩa Chánh phát huy hết đức tính sáng tạo, gan dạ, hy sinh dũng cảm của mình trong chiến đấu mà các liệt sĩ Bùi Hay, Hồ Chua, Lê Dữ,... là những tấm gương tiêu biểu. Lòng người và vị trí đó đã tạo địa điểm ém quân, xây dựng cứ điểm chiến đấu đạt hiệu quả cao và là hành lang để các chiến sĩ tiến công vào thị xã, trong sự nghiệp đánh Mỹ cứu nước vừa qua. Đúng như lời đồng chí Tạ Công Hiền, người xây dựng cơ sở đầu tiên và lặn lội ở đây trong hầu hết những năm chống Mỹ đã nhận xét: “Điều không thể nào quên được là nhân dân ở đây thật sự kiên cường. Mặc cho địch khủng bố, chém giết, gắp được cán bộ là sẵn sàng cưu mang, bảo vệ. Quần chúng, cơ sở có người bị bắt, bị đánh đập, tù đầy, chồng con còn người ngồi tù, nhưng khi ta đã bám vào thì họ không còn biết sợ gì hết”. Ước mơ được sống tự do, được hưởng đầy đủ thành quả lao động của chính mình, được no cơm, ấm áo, con cháu được học hành là ước mơ nghìn đời của nhân dân lao động. Nhưng ước mơ vẫn là ước mơ, ước mơ đó chỉ được thổi bùng lên thành một sức mạnh diệu kỳ từ khi có Đảng Cộng Sản Việt Nam. Người ta tin rằng ước mơ nghìn đời đó có thể trở thành hiện thực ngay trên cõi đời này. Vì thế nhân dân Nghĩa Chánh sớm tiếp thu tư tưởng của Đảng, một lòng một dạ đi theo Đảng hơn 70 năm qua. Khi Đảng phân tích

rõ, độc lập dân tộc phải đi đôi với chủ nghĩa xã hội, lòng yêu nước và lòng yêu chế độ bổ sung cho nhau, hòa trộn vào nhau tạo nên sức mạnh chiến đấu chống quân xâm lược bảo vệ quê hương một cách anh dũng, quyết liệt như trên kia đã nói. Nó cũng có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với một bộ phận không nhỏ trong xã đã từng lầm lạc đi theo sự lung lạc của kẻ thù, cầm súng chống lại nhân dân, chống lại cách mạng một thời. Tuy chưa giàu có, nhưng đất nước đã độc lập, nhân dân được tự do, có cơm no áo ấm, con cái đều được học hành, đời sống tinh thần ngày càng được cải thiện, ước mơ đã dần dần thành hiện thực là tất cả những gì làm cho nhân dân càng yêu thương gắn bó với Đảng hơn và ra sức bảo vệ đất nước bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp hiện nay.

3- Phần đấu ngang tầm với nhiệm vụ chính trị, nhận rõ đặc thù về địa lý, về lòng dân, Đảng bộ Nghĩa Chánh lãnh đạo nhân dân đi lên phía trước.

Tổ chức Đảng đã có mặt ở đây từ những ngày đầu thành lập, bất chấp gian khổ hy sinh lao vào cuộc chiến đấu sinh tử với kẻ thù, được nhân dân hết lòng tin yêu che chở. Nhân dân cũng không tiếc xương máu, sẵn sàng thực hiện mọi chủ trương của Đảng, xem sự nghiệp của Đảng là sự nghiệp của chính mình. Sự gắn bó đó đã làm nên những trang vẻ vang cho đất nước nói chung, cho Nghĩa Chánh nói riêng. Cuộc nổi dậy long trời lở đất của nhân dân trong Cách mạng tháng Tám; chiến đấu giữ vững vùng tự do và chiến thắng thực dân Pháp trong 9 năm chống Pháp; với đế quốc Mỹ, tên đế quốc hùng mạnh nhất thế giới, nhưng nhân dân Việt Nam anh



**Khu dân cư khối 8, nơi trước kia là đồng ruộng,
nghĩa địa nay đã trở thành phố xá đông đúc,
nhà cửa, đường sá hiện đại.**

hùng, trong đó có nhân dân Nghĩa Chánh đã vượt qua gian khổ, hy sinh đánh bại hành động xâm lược của chúng, lập nên chiến thắng hào hùng ngày 30/4/1975, hoàn thành một cách vẻ vang nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Tất cả những sự kiện lịch sử trên đều chứng minh cho nguyên lý “Đảng có đường lối đúng, gương mẫu đi đầu, được nhân dân tin yêu và hành động là bách chiến, bách thắng”.

Nhưng đó là trên trận địa chiến đấu vũ trang, còn trên trận địa xây dựng hòa bình đã có người bắn khoản sẽ như thế nào. Nhìn rộng trên toàn quốc, chỉ mới hơn 20 năm, từ một đất nước nghèo nàn, xơ xác vì tai họa chiến tranh, chẳng những đã đảm bảo được an ninh, chính trị, xã hội, lương thực còn xuất khẩu gạo vào hàng nhất, nhì trên thế giới. Công thương nghiệp được thế giới công nhận là nước phát triển nhanh và ổn định. Công cuộc xóa đói giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân được công nhận là nước đạt kết quả tốt nhất... Nhìn riêng trong xã, dù kẻ nào có xấu bụng đến đâu cũng không phủ nhận được sự thay đổi hàng ngày, hoàn toàn khác trước và đời sống của nhân dân đã thật sự no cơm, ấm áo. Vì thế nguyên lý trên đây hoàn toàn đúng trong mọi hoàn cảnh.

Nhưng ai cũng biết, nhiệm vụ chính trị của Đảng mỗi lúc một khác, yêu cầu nhận thức và hành động của mỗi đảng viên mỗi lúc càng không giống nhau. Vì thế không có cách nào khác là Đảng bộ phải không ngừng xây dựng chính trị, tư tưởng và tổ chức, ra sức nâng cao năng lực rèn luyện phẩm chất ngang tầm với nhiệm vụ cho mỗi Đảng viên. Mỗi

đảng viên phải có ý thức đầy đủ trách nhiệm của chính mình trong việc chống 4 nguy cơ mà Đảng đã nêu ra và không ngừng đấu tranh trước những cám dỗ vật chất do mặt trái của cơ chế thị trường gây ra. Một số vụ thi hành kỷ luật trong thời gian qua là bài học cảnh tỉnh cho tất cả mọi người.

Chưa đủ, mỗi đảng viên phải hiểu rõ đặc thù về địa lý của Nghĩa Chánh - một vùng đất nông thôn đang trong quá trình đô thị hóa. Người dân ai cũng vui mừng tin tưởng vì cuộc sống ngày mai sáng lạn, hạnh phúc được đảm bảo vững chắc, nhưng trong quá trình chuyển đổi bao nhiêu phức tạp đã diễn ra. Việc chấp nhận đền bồi, việc dịch chuyển mồ mả, tổ tiên, nhà cửa,... là một cuộc đấu tranh tư tưởng của từng người trong việc chuyển nền nếp sống đã quen thuộc sang một lối sống khác. Và cũng từ đặc thù riêng về địa lý đó đã hình thành nên tính cách riêng của người Nghĩa Chánh. Có hiểu đầy đủ những mặt mạnh, mặt yếu của họ mới phát huy được tài năng của họ trong việc xây dựng quê hương, đất nước. Đảng ta tất cả vì dân mà phục vụ. Nhưng chính dân mới là người lao động xây dựng nên cuộc sống hạnh phúc của chính mình. Có gần dân, sát dân, hiểu dân mới lãnh đạo dân đạt hiệu quả cao trong thực hiện mọi chủ trương của Đảng và nhà nước.

Đảng bộ Nghĩa Chánh ngày một đông đảo đảng viên hơn nhưng có mặt hạn chế ở điểm phần đông là những cán bộ về hưu và thường là người không phải gốc ở Nghĩa Chánh, hiểu biết về Nghĩa Chánh về người Nghĩa Chánh còn rất ít. Khắc phục được điều này cũng là làm cho Đảng bộ mạnh thêm, tăng thêm năng lực lãnh đạo.

Đảng mạnh, có đường lối đúng, chủ trương sát hợp, dân một lòng tin yêu Đảng, ra sức thực hiện mọi chủ trương của Đảng thì không có việc gì là không chiến thắng trong đấu tranh trước đây cũng như trong xây dựng hòa bình hiện nay.

Với những nhân tố quý giá có được trong quá trình đấu tranh hàng trăm năm lịch sử, với những thành quả độc lập, hạnh phúc đã giành được, lại nằm ở một vị trí đặc biệt và trong vòng tay ân tình chăm sóc của Đảng, chúng ta tin rằng nhân dân xã Nghĩa Chánh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng Nghĩa Chánh không chỉ thành một phường, mà còn là một phường có nhiều công trình kỹ thuật đầu mối giao thông, năng lượng, là trục trung tâm văn hóa và là vành đai ngăn chặn lũ lụt phía đông thị xã, góp phần đưa thị xã thành thành phố loại 3, phát triển vững chắc toàn diện.

Tương lai đang chờ ở phía trước, Nghĩa Chánh đang phấn đấu vươn lên từng giờ.

PHẦN PHỤ LỤC

I. Giai thoại và thơ văn về núi sông Nghĩa Chánh

1- Giai thoại về sông Trà Khúc:

Sông Trà Khúc là con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi, phát nguồn từ dãy Trường Sơn hùng vĩ, chảy qua nhiều đồi núi dốc rồi về thẳng đồng bằng, chảy dọc phía bắc xã Nghĩa Chánh và qua nhiều xã khác trước khi đổ ra biển. Thủy lực của sông biến đổi theo mùa nhưng thời nào sông cũng là nguồn cung cấp nước vô cùng quan trọng cho cả lưu vực sông chảy qua, cho nên con người mọi thời đại đều trân trọng gọi là “dải lụa xanh sông Trà”. Giai thoại “dải lụa xanh” đó được hình thành không rõ từ bao giờ nhưng phản ánh một tình yêu thắm thiết như sau: “Từ xa xưa một chàng trai và một cô gái yêu nhau tha thiết, nhưng vì luật lệ ngang trái của thời ấy, hai người không thể lấy được nhau. Không cam chịu thất bại trong tình yêu, họ đã thề nguyện sẽ cưới nhau trong kiếp sau rồi cùng nhảy xuống dòng nước bạc trong một đêm mưa bão. Vừa lúc đó, đàn tiên nữ xuống trần đang đùa giỡn trên vùng cát trắng đã cứu thoát và đưa nàng về trời. Còn chàng cũng được Đông hải Long Vương đem xuống cho vua Thủy Tề làm con nuôi. Tuy được sống trong nhung lụa, êm ấm nhưng họ không bao giờ quên được tình xưa nghĩa cũ. Nhân một hôm đàn tiên chị được phép giáng trần. Nàng xin được đi theo và mang theo dải lụa xanh quý với dụng ý làm quà tặng cho chàng. Chẳng may tìm mãi không gặp chàng mà giờ giáng trần đã hết. Đàn tiên chị phải

bay về trời, nàng không thể nào lưu lại được. Khi bay đến đỉnh Trường Sơn, nỗi xót xa thương nhớ người yêu khiến nàng thả dải lụa xanh quí lại với mong ước tạo một vạch nối giữa mối tình trời nước đôi đường. Từ đó nàng không bao giờ được phép trở lại trần gian một lần nữa. Nhưng với chàng, thương nhớ người yêu, chàng đã có cách riêng của mình. Chàng đã trộm lệnh vua Thủy Tề dâng nước lên tận Trường Sơn thu trọn dải lụa xanh đem về trong một đêm mưa gió, sấm sét triền miên. Nước dâng, sóng dậy mấy ngày liền. Đến khi trời quang mây tạnh, những nơi có dải lụa xanh vắt qua ngày nào, nay đã biến thành dòng nước lớn từ chóp đỉnh Trường Sơn kéo đến biển đông. Đó là con sông Trà Khúc, con sông của tình yêu xanh mượt tình người, xanh mượt ruộng đồng, nhưng cũng là tình yêu đầy sóng gió”.

2- Giai thoại về núi Thiên Bút:

Núi Thiên Bút là một trong mười hai cảnh đẹp Quảng Ngãi mà người xưa đã xếp hạng. Núi Thiên Bút ngày xưa thuộc làng Chánh Lộ, phủ Tư Nghĩa, nay nằm đúng ở phần phía nam phường Nghĩa Chánh, thị xã Quảng Ngãi. Núi chỉ cao trên 60m (nay đã bị bào mòn nhiều, nằm sát quốc lộ 1A. Nếu núi Thiên Ấn ở bờ bắc sông Trà Khúc có hình thang cân, đỉnh bằng, thì núi Thiên Bút chân tròn, đỉnh nhọn, như cái bút lông dựng ngược nên gọi là Thiên Bút. Khi có mây nổi lên bầu trời, đứng nhìn lên tựa như cây bút ấy vẽ lên bầu trời những hoa văn nên gọi là Thiên Bút phê vân (bút trời vẽ mây). Phía nam núi Thiên Bút còn một núi nhỏ, vuông vắn được gọi là hòn Nghiên. Bút, Nghiên đi liền với nhau được người xưa xem đó là biểu trưng của Sĩ khí Quảng Ngãi. Phía

đông Thiên Bút còn một số gò cao được người xưa dựa vào hình dáng đặt tên là gò Rùa, gò Ngựa...

Về sự hình thành núi Thiên Bút tuy có nhiều di bản khác nhau nhưng giai thoại ngày xưa vẫn xoay quanh câu chuyện về “Ông khổng lồ” như sau “Một chàng trai được sinh ra trên mảnh đất khô cằn này, lúc nào cũng ra sức làm nhiều việc tốt mong đem lại cuộc sống no ấm cho nhân dân quanh vùng. Càng lớn chân càng cao, tay càng dài, thân thể chàng càng to lớn khác thường, mọi người xung quanh đặt cho chàng cái tên “Ông Khổng lồ”. Nhân lúc một tên vua gian ác bắt nhân dân phải làm sưu dịch liên miên để đắp thành Châu sa cho hấn. Chàng Khổng lồ đã thay dân gánh đất đắp thành. Mọi việc sắp xong chỉ còn một vài chỗ khuyết trống. Muốn cho hoàn hảo, chàng khổng lồ gánh thêm một gánh đất cuối cùng. Vì cố gánh thật nhiều, nặng nên lúc trở vai, chàng trai mất thăng bằng, trượt chân ngã ngửa, gánh đất bị đổ. Đầu gánh bên trái là núi Thiên Ấn, đầu gánh bên phải là núi Thiên Bút. Chân trái chàng in lún sâu xuống mặt tảng đá gần cửa Sa Kỳ, chân phải chàng trai đập ra cửa Cổ lũy (còn gọi là cửa Đại). Đầu chàng gối cao lên dãy núi Trường Sơn. Thân hình chàng lún sâu xuống đất để nước nguồn theo đó chảy ra biển cả. Đó là dòng sông Trà Khúc”.

3-Những bài thơ vịnh thắng cảnh Thiên Bút:

Núi Thiên Bút từng được xếp là một trong mười thắng cảnh của tỉnh Quảng Ngãi. Các thi nhân xưa và nay đã từng đến ngoạn cảnh và ngâm vịnh. Ở đây xin trích 3 bài tiêu biểu nhất, đại diện cho các thế hệ khác nhau:

THIÊN BÚT PHÊ VÂN

Trước thành đồng trống lổng lổng lổng
Núi Bút phê vân khéo lạ lòng
Cây điểm ra hoa, hoa điểm nhụy
Mây thành có sắc, sắc thành không
Giang Sơn đúc lại còn danh giá
Cốt cách xinh vầy tự hóa công
Thêu dệt văn chương trên đế tọa
Hơn mười hai cảnh giữa non sông.

Nguyễn Cư Trinh

*

*

*

DẠ VỊNH BÚT SƠN THI

Dựng ngược giữa trời bút một cây
Chữ là hàng nhận, giấy là mây
Sao vì chấm hằn từng câu rõ
Trắng cứ khuyên lần mấy chữ hay
Nước mực mưa chan nào có đậm
Cái ngòi gió thổi cũng không lay
Nghìn thu cao ngất hình còn tạc
Tạo hóa vì ai khéo đắp xây

Diệp Trường Phát

NÚI THIÊN BÚT

Bao đời đứng sững giữa đồng xanh
Tỏa mát làng quê cả thị thành
Nước tốt rẽ mây trắng dọi bóng
Cây vươn chân gió đá thu hình
Vang lời thi khách ca danh thắng
Dừng gót anh hào bước viễn chinh
Non nước anh hùng tô vẽ đẹp
Nghìn thu Thiên Bút mãi còn danh

Lê Hồng Long

II- Một số thơ văn yêu nước cách mạng có ảnh hưởng sâu trong nhân dân Nghĩa Chánh.

Nhân dân Nghĩa Chánh tiếp nhận nhanh chóng văn thơ yêu nước cách mạng từ nhiều nơi đưa đến. Mỗi thời kỳ cách mạng lại có văn thơ khác nhau, còn ghi lại ít nhiều trong ký ức của người dân Nghĩa Chánh. Ở đây chỉ xin trích một số bài tiêu biểu có liên quan đến Nghĩa Chánh.

1- Một số bài thơ yêu nước:

ĐỂ RỒI XEM⁽¹⁾

Năm Tân Sửu tuổi vừa hăm tám⁽²⁾

Kể niên ba cũng chưa đáng bao lăm

(1) "Để rồi xem" bài thơ viết năm Tân Sửu (1901) của chí sĩ yêu nước Nguyễn Thụy (Suy). Cuộc đời ông đã được chú thích ở trang 44 trong sách này. Ông là người thường đi lại và có quan hệ chặt chẽ với khu vực Nghĩa Chánh.

(2) Nếu "năm Tân Sửu tuổi vừa hai tám" như ông đã viết trong bài thơ thì ông phải sinh vào năm 1873 (Quý Dậu) chứ không phải năm 1880 như nhiều tài liệu đã viết.

Gắng công đèn sách bấy nhiêu năm
Khoa bảng đề danh chưa thỏa chí⁽¹⁾
Câu tất nghiệp đã ngâm nơi vị thủy,
Chốn đồ Kiêu nào phỉ chí nam nhi,
Gặp mặt ngày xuân khi cờ, khi kiệu,
Khi chén rượu ngâm nga ba bữa tết.
Lặn lội với đời chi cho mệt,
Chi cho bằng vô sự tiểu thần tiên.
Gắm lại nhà mình ít cửa, ít tiền,
Sớm rượu cúc, tối trà long, vui với phận.
Chữ rằng: phong lưu hơn vật đông tây cận,
Đài các văn chương đã tiêu đồ,
Cấp bút nghiên mà theo lữ Tô Hồ⁽²⁾
Cùng chúng bạn học thêm năm bảy chữ
Học làm chi chữ Lang Sa Pháp tự
Hội công danh nào ai dám nhường ai
Chớ cười rằng ta không trí, không tài
Dẫu không trí, không tài, thôi cũng mặc.
Để xem thế sự rồi đây ai đắc thất.
Thử chờ xem, ai đại với ai khôn.
Học làm chi mà lắm kẻ bồn chồn
Kẻ trông biển nọ, người dòm non kia!

(1) Ông đỗ cử nhân năm 1903.

(2) Tô Hồ: chưa rõ nói ai.

Đường ai kia đêm khuya thanh vắng
Để rồi xem vàng trắng lộn nhau.
Đời dâu bể, vui đâu mà lặn lội,
Nhục non sông lo gởi cho xong
Mới rõ mặt anh hùng hồ thỉ
Ấy mới là phỉ chí nam nhi !
Vinh hoa danh dự mà chi ?!

Nguyễn Thụy

*

*

*

Khi Đảng bộ Đảng Cộng sản tỉnh Quảng Ngãi thành lập, sau cuộc biểu tình lớn của nhân dân chiếm huyện lỵ Đức Phổ là cao trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng nổi lên khắp các phủ huyện. Kẻ thù vừa ra sức đàn áp, vừa ra sức my dân. Tên tuần vũ Nguyễn Bá Trác đã viết bài “Đoàn Kết” đầy lời lẽ phản động, hòng lừa bịp dân chúng. Các đồng chí ta đã họa ngay một bài vạch mọi sự gian trá của chúng. Bài họa nhanh chóng được phổ biến rộng rãi. Bài đã góp phần nâng cao chính nghĩa Cộng sản và khí thế cách mạng của quần chúng thời bấy giờ. Ngày nay nhiều người vẫn còn nhớ từng đoạn một. Dưới đây xin trích một đoạn:

Lũ bay kia, quân tư sản
Khủng bố dân ta gọi là làm loạn
Xưa không bảo hộ, cũng được trị an
Lũ nó làm ngang, dân ta khổ cực

Giả lòng nhân đức, bóc lột dân nhiều
Lũ nó làm liều, dân ta đau khổ
Căm thù lũ nó, thật lũ bất nhân
Giết hại lương dân, bán nhà, bán nước
Lại bày mưu chước, nói ngược, nói xuôi
Cách mạng xong rồi bay đùng trốn mất
Khắp trong trời đất, chẳng những nước mình
Quyết chí biểu tình, thành công cộng sản
Chưa dùng súng đạn, há phải tay không
Nhóm lại cho đông, tùy nơi nhiều ít
Ta lại đoàn kết, ta gióng trống lên
Xã dưới làng trên cùng lòng chung sức
Sợ gì nó bắt! Sợ gì nó tìm !
Cách mạng ta nghiêm, anh em cứ vững
Lúc đứng ta đứng, lúc đi ta đi
Lệnh truyền chỉ huy, anh em tiến tới !
Tiến ! Tiến tới !
Việc làm dân chủ, ta họp thành đoàn
Lũ nó làm ngang ra tay giải cứu
Không được hoãn đãi, cấp bách trị trừng
Cộng sản anh minh, thành công vạn tuế !...

*

* - *

Ông Trương Thanh sinh năm 1907 tại Gò Quán (Chánh Lộ) đi làm ăn ở Sài Gòn, tham gia Hội tương tế, một tổ chức yêu nước ở đây. Ông được giao nhiệm vụ rải truyền đơn và vận động công nhân, bồi bếp tham gia biểu tình chống chiến tranh đế quốc. Ông được Hội giao truyền đơn mang về Quảng Ngãi. Ông đã bí mật để truyền đơn trong lòng một chiếc đôn sứ đưa về và bí mật rải ở các đường phố và làng xóm thuộc Chánh Lộ vào đêm 1/8/1938. Truyền đơn có nhiều loại, dưới đây xin trích 1 bài.

KÊU GỌI ĐỒNG BÀO

Đồng bào ơi! Hỡi đồng bào
Đồng bào ta phải tính sao?
Nhà tan, nước mất, bảy tám mươi năm
Đem thân ta làm nô lệ
Cảnh tình như thế há dễ ngồi yên!
Lũ tham tàn! Nói càng thêm giận
Này cách mạng, nợ cơ quan
Tổ chức hợp đoàn, cùng nhau liên lạc
Tất cả vì nước, vì dân
Sau trước một lòng đánh đổ cường quyền
Ta giành tự do! Tự do!
Việc ta làm, ta phải liệu, phải lo
Lo cho An Nam cách mạng
Thành công, thành công nhất định thành công!

2- Vài câu chuyện và thơ văn thời chống Mỹ.

2.1- Ai chiến thắng ở Điện Biên Phủ:

Thực hiện Hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta tạm chia làm 2 miền. Cán bộ, bộ đội ta tạm thời tập kết ra Bắc, ngược lại quân đội và chính quyền thực dân Pháp tạm thời tập kết vào miền Nam. Cuối năm 1954, thực dân Pháp mới tiếp quản thị xã Quảng Ngãi được vài tháng. Duy một thanh niên ở Gò Hồng (hiện nay thuộc khối 5, phường Nghĩa Chánh) theo ông Già Lầu vào nội thành làm nhà cho bọn công chức ngụy vừa mới đến tiếp quản vừa kiếm tiền để sống, vừa dò la tình hình.

Vào làm ở đây, nhiều lần nghe bọn tay sai của thực dân Pháp rêu rao là chúng đã chiến thắng đuổi cán bộ và quân đội Việt Minh phải trốn chạy ra miền Bắc, nào Ngô chí sĩ là nhà “Đại cách mạng” là “cứu tinh” Việt Nam, Duy bực tức trước những luận điệu xuyên tạc trắng trợn của bọn chúng, cố tìm cách vạch sự gian trá đó của chúng, giữ lòng tin của quần chúng vào sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước của Đảng.

Hôm ấy vào khoảng 12 giờ trưa, tốp thợ và lao động vừa ăn cơm xong (cơm nhà mang theo ăn trưa để chiều làm tiếp) tên trung úy Hiền đã có mặt, giọng miền Bắc trọ trọ lên giọng tuyên truyền:

- Sáu tháng nữa “cụ Ngô” sẽ lên nắm quyền. Quảng Ngãi rồi sẽ huy hoàng sung sướng, không còn cảnh “ăn tro mò trấu” thời cộng sản nữa... Rồi hấn lại hênh hoang về chiến thắng của quốc gia... Về Hoa Kỳ viện trợ...

Nghe hẳn nói, Duy tức lắm nhưng cố giả lơ. Một phút sau, Duy hỏi: Làm xong nhà, tết này trung úy đưa vợ con vào phải không? Chắc gia đình trung úy ở Hà Nội thì phải?

Hiền ngạc nhiên, hỏi lại một cách thăm dò:

- Anh hỏi để chi? Anh quen ai ngoài ấy phải không?

Duy trả lời là không rồi hỏi tiếp:

- Hỏi thật trung úy, trước đây Việt Minh tuyên truyền chiến thắng Điện Biên Phủ to lắm, thực dân Pháp bó tay, cầu cứu đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ cũng chẳng làm gì được. Cả đội quân viễn chinh Pháp dưới quyền một viên tướng chỉ huy đã thất bại thảm, tướng bị bắt, quân ra hàng. Sau đó Việt Minh làm lễ ăn mừng chiến thắng to lớn lắm phải không? Trung úy ở ngoài đó chắc biết rõ hơn chúng tôi ở trong này. Mong Trung úy cho biết để chúng tôi hiểu đầy đủ hơn! Bảo quốc gia đã chiến thắng sao quốc gia không đánh luôn Việt Minh đi mà lại phải vào đóng ở miền Nam?

Hiền xịu mặt, lúng túng một phút rồi mới tráo trở:

- Sức mấy mà Việt Minh đánh được Điện Biên Phủ! Đó là Trung Quốc đánh! Còn bảo sao quốc gia không đánh rốc đi một thể, vì muốn để cho nhân dân miền Bắc hiểu sự bất tài của cộng sản rồi sẽ “Bắc tiến” tiêu diệt cũng chẳng vội gì!

Không chịu được thái độ lật lọng của hẳn, Duy lấy ngay sự thật ở miền Nam để vạch trần:

- Trung úy nói sao tôi không rõ lắm, chứ ở đây, tôi cũng như nhiều người di dân công ở chiến trường Tây Nguyên. Chúng tôi tận mắt thấy Việt Minh đánh bắt Tây cả đoàn, đồn lũy Tây bị Việt Minh phá tan tành. Vậy thì Trung Quốc ở đâu?

Hiền tái mặt, nhưng lại trợn mắt nhìn Duy rồi hằm hằm bỏ đi. Nhóm thợ có mặt cảm thấy hả hê trước sự thất bại của một tên trung úy ngụy muốn làm ngông. Ông già Lầu có kinh nghiệm hơn, nghiêm giọng bảo Duy:

- Mày thấy gì không? Đi làm kiếm tiền thì đừng khua khua cái mồm! Chết mẹ mày rồi đó!

Duy cũng đoán được việc gì sẽ xảy ra, nhưng đã lỡ nóng vội và quá lời chỉ còn cách trốn chạy. Duy nói nhỏ với ông già Lầu:

- “Việc đã rồi, bác trách cháu làm gì, bây giờ cháu phải đi tránh, lúc nào bọn chúng đến hỏi cháu, bác bảo bác gặp cháu giữa đường xin đi theo làm thuê. Ăn trưa xong, nó bảo ra phố mua thuốc lá mãi chưa thấy trở lại...”.

Bác già Lầu không nói gì, chỉ gật đầu. Duy đội nón và lẩn trong dòng người trên đường. Về sau hỏi lại quả là chiều hôm đó trung úy Hiền dẫn theo 6 cảnh sát có vũ trang, mang theo công số 8 đến truy hỏi người thanh niên lúc sáng. Bác già Lầu trả lời đúng như ý Duy đã dặn. Tên Hiền hùng hổ, dọa nạt. Rốt cuộc biết chẳng làm gì được nữa, nhưng trước khi rút lui hấn cổ ném một câu dọa:

- Để rồi bay sẽ xem.

Duy cũng mất hơn 6 tháng trời phải tránh mặt, không lai vãng đến nội thành như trước.

2/ Câu đố về “cái hũ” và “cây đòn gánh”

Giữa lúc cả bộ máy tuyên truyền của ngụy ở miền Nam mở hết tốc lực đề cao Ngô Đình Diệm là “Ngô chí sĩ”, là “Ngôi sao cứu tinh”, Duy tìm mọi cách vạch trần bộ mặt giả

đối của chúng và cảnh tỉnh quần chúng đừng nghe theo luận điệu tuyên truyền của chúng. Biết sáng mồng một tết âm lịch năm nào, bọn chúng cũng tổ chức chào cờ đầu năm, sau đó bọn bảo an dân vệ kéo đến nghĩa từ cúng đầu năm rồi chè chén ở đó. Tối hôm trước Duy cố nặn óc tìm ra vài câu đố.

Đúng sáng mồng một Tết Tân Sửu (1961) cả bọn tề tựu trong đó cả ấp trưởng Nguyễn Lê và bọn bảo an, dân vệ có đến 20 người sau chào cờ là bước vào chè chén. Những thanh niên được gọi đến phục dịch có đến 5 người trong đó có Tạ Duy Nghĩa, Lê Ty, Lê Thìn... Gần chỗ chúng ăn uống, mọi người trêu chọc nhau. Duy lên tiếng:

- Người ta đố tôi 2 câu đố, nghĩ mãi không ra. Ai biết xin giải đáp dùm:

Có người giục:

- Câu đố gì, nói đi ! Nói đi !

Thấy ở đám phục vụ cười đùa, vui vẻ, đám ngụ quân, ngụ quyền vừa chè chén, vừa lắng nghe.

Duy bình tĩnh đọc câu đố:

Cái chi chi chẳng giống cái chi chi

Tưởng mi lùn, ruột lại phê phì

Đầu mi một núm như tai nắm

Chỉ thiên loa miệng. Là cái chi chi?

Không ai trả lời mặc dù có người hiểu đó là cái hũ (còn gọi là cái diệm). Mọi người cười thích thú, Duy ra bộ giục mọi người nói, nhưng lại không chờ người trả lời, Duy đọc tiếp câu thứ hai:

Ốm yếu, dẹp dài, lại dẻo dai
Nợ thiêng liêng có mầu hai đầu
Yêu lao động sớm trưa điu dất
Muôn dân nghèo tạc dạ ân sâu

Mọi người như hiểu ý, nhưng không ai dám nói ra. Chỉ có ông già Trí, người được bọn chúng gọi đến hầu hạ, nước non cao hứng giục già: Giải đi, giải đi!

Duy từ tốn kể:

“Thời xa xưa ở một xóm nhỏ có 2 thanh niên quá nghèo, phải bỏ xứ đi kiếm ăn ở xa. Một đi ở cho một gia đình trung nông, tuy tay cuốc, tay cày, tay lấm chân bùn nhưng cơm nước cũng được no cái bụng. Một đến ở cho một chánh tổng. Tên chánh tổng đưa cho anh một hũ to bằng gốm bắt anh xuống sông lấy nước tưới cau, tưới tre vườn hấn. Anh đem nó xuống sông lấy nước rồi xách không nổi anh phải đội lên đầu đi tưới vườn. Đội lâu ngày, đầu anh rụng hết tóc. Ăn uống lại quá thiếu thốn nên ghẻ lở đầy người. Giận quá có lúc anh tung chân đá vào hũ và bảo:

- Mày là cái chi chi! Ai sinh mày ra mà làm khổ người hời cái chi chi!

Người bạn ở nhà trung nông có lần đến thăm anh, thấy anh vất vả thương tình cho anh một chiếc đòn gánh để anh gánh nước. Đúng là nhờ đó anh làm lụng đỡ vất vả hơn. Nhưng tên chánh tổng thấy anh làm tốt lại bắt anh phải tưới một diện tích gấp đôi. Anh làm đến kiệt sức. Một hôm bạn anh (người ở cho trung nông) đến thăm thấy vậy nổi giận giật lấy chiếc đòn gánh vừa phang vào chiếc hũ vừa nói:

Cũng vì mi mà bạn ta phải chịu trọc đầu
Tao đánh một gậy cho mày vùi sâu xuống bùn
Cái đòn gánh đánh cái hũ, quẳng xuống bùn
Ơi ời bà con ơi! Cho nó biết thân.

Chiếc hũ vỡ toang ngay từ cái phang đầu tiên, nhưng anh không dừng tay, phang tiếp khiến cho chiếc hũ thành những mảnh vụn rồi anh khuyên bạn đừng chịu cảnh áp bức bóc lột này nữa, cùng nhau về quê làm ăn. Trước khi đi, cả 2 anh cùng hát câu:

Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục ao nhà đã quen

Đã nói là “cái hũ”, người chậm hiểu như ông già Trí cũng đã hiểu ra, cứ lắc lư khen hay. Đám thanh niên thì nhao nhao cười đùa. Bọn tể ngục khi vỡ lẽ thì đã muộn, sợ việc lộ ra sẽ bị cấp trên quở trách chuyện chèn ép nên đành làm im. Tưởng thế là xong, không rõ vì đâu hết trưởng thôn rồi an ninh xã gọi đến tra hỏi nhiều lần đến mức an ninh quận buộc tội là “Cộng sản nằm vùng” giam giữ tra hỏi đến 2 tháng, tìm mãi không ra chứng cứ chúng mới đành chịu thôi nhưng ra lệnh cho Hội đồng hương chính quản thúc chặt chẽ tại địa phương.

3/ Bài thơ cảm tác nhân Tết Nhâm Dần (1962)⁽¹⁾

À, xuân Nhâm Dần đã đến !

Thử hỏi xem đã mấy xuân rồi nhỉ?

(1) Bài thơ do ông Nguyễn Trọng người ở khối V (gò Hống) làm vào mùa xuân năm Nhâm Dần (1962).

Thì tính ra 4+7+15⁽¹⁾

Mặt soi gương mà tủi hổ với thân tầm
Đem kiếp sống đọa đày qua năm tháng
Ái còn nhớ một mùa xuân hừng sáng
Tiếng gà⁽²⁾ kêu báo hiệu đón xuân về.
Từ nông thôn thành thị đến vùng quê
Đều bừng dậy một mùa xuân dân tộc
Rồi bỗng đâu ngựa⁽³⁾ về trong gió lốc
Chà đạp lên giá trị của mùa xuân
Ôi thương thay cho kiếp sống mịt mù
Đời gian khổ suốt trong sự khổ
Nhà tan nát, thịt rơi, xương máu đổ
Vì uy quyền và vũ lực của ngoại bang
Tiếng súng reo là ngã gục cả hàng ngàn
Ngày Tết đến bẽ bàng trong cô quạnh
Ta sống sót trong những ngày xuân tẻ lạnh
Thề đấu tranh giữ kiếp sống làm người
Rồi xuân sau, sau nữa sẽ trở về
Cũng với mùa xuân bừng dậy như mùa xuân cũ⁽⁴⁾

(1) 4+7+15 - Ông muốn nói năm đó ông 26 tuổi.

(2) Gà: chỉ năm Dậu, năm Ất Dậu Cách mạng tháng Tám thành công.

(3) Ngựa: năm Giáp Ngọ (1954), năm thực dân Pháp và tay sai thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ đến tiếp quản miền Nam Việt Nam.

(4) Về sau có chữa lại là "với mùa xuân gà gáy sáng" chỉ năm Dậu 1945. Ở đây xin giữ theo nguyên văn.

Bài thơ được đọc trong ngày tết Nguyên Đán Nhâm Dần được lưu hành trong thôn, nhiều người đến ngày nay vẫn còn thuộc.

III- Danh sách cấp ủy từ 1979-2000

Tháng 3 năm 1979, theo quyết định của cấp trên xã Nghĩa Lộ chia thành 2 xã: Nghĩa Lộ và Nghĩa Chánh. Đảng bộ Nghĩa Lộ cũng chia thành 2 Đảng bộ xã Nghĩa Lộ và Đảng bộ xã Nghĩa Chánh. Đảng bộ xã Nghĩa Chánh có 28 đảng viên. Đảng ủy xã Nghĩa Chánh do cấp trên chỉ định theo Quyết định TU số 7 ngày 4.5.1979 do đồng chí Bí thư Thị ủy Quảng Ngãi: Tạ Công Hiền ký, có 7 đồng chí:

- | | |
|--------------------|--------------------------|
| 1. Bùi Quang Minh | Thị ủy viên - Bí thư |
| 2. Võ Thành Lượng | Phó Bí thư - Chủ tịch xã |
| 3. Nguyễn Đơn | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Trương Thanh | Ủy viên |
| 5. Bùi Thị Kim Lan | Ủy viên |
| 6. Đinh Chiêm | Ủy viên |
| 7. Trần Thục | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ I nhiệm kỳ 1980-1982 Đảng bộ có 39 đảng viên. Đại hội bầu 7 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| 1. Bùi Quang Minh | Bí thư |
| 2. Võ Thành Lượng | Phó Bí thư - Chủ tịch |
| 3. Nguyễn Đơn | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Trần Thục | Ủy viên |
| 5. Đào Tiến Phương | Ủy viên |
| 6. Đào Tiến Vãng | Ủy viên |
| 7. Đinh Chiêm | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ II nhiệm kỳ 1983-1984. Đảng bộ có 63 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

1. Bùi Quang Minh	Bí thư
2. Vũ Thành Anh	Phó Bí thư
3. Trần Thục	Ủy viên - Chủ tịch
4. Trương Tịch	Ủy viên
5. Đào Tiến Vàng	Ủy viên
6. Bùi Thị Kim Lan	Ủy viên
7. Tạ Duy Nghĩa	Ủy viên
8. Tạ Minh Tuấn	Ủy viên
9. Đinh Chiêm	Ủy viên

Đại hội Đảng bộ lần thứ III. Nhiệm kỳ 1985-1986 Đảng bộ có 76 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

1. Bùi Quang Minh	Bí thư
2. Võ Thành Anh	Phó Bí thư
3. Trần Thục	Ủy viên- Chủ tịch
4. Trần Tiến Thăng	Ủy viên
5. Nguyễn Văn Tửu	Ủy viên
6. Tạ Văn Tới	Ủy viên
7. Trương Tịch	Ủy viên
8. Nguyễn Thị Phi Yến	Ủy viên
9. Tạ Duy Nghĩa	Ủy viên

Đại hội Đảng bộ lần thứ IV. Nhiệm kỳ 1986-1988 Đảng bộ có 82 đảng viên. Đại hội bầu 11 đồng chí vào Đảng ủy:

1. Lê Ngọc Trung Bí thư, cán bộ của Thị ủy tăng cường cho xã, bầu trúng Bí thư. Nhưng làm được 4 tháng thị rút về. Đồng chí Nguyễn Hường được bầu làm Bí thư.
2. Nguyễn Hường Phó Bí thư

- | | |
|-----------------------|--------------------|
| 3. Lý Chiêu Hoàng | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Lê Quảng | Ủy viên - Chủ tịch |
| 5. Lê Trung Kiên | Ủy viên |
| 6. Nguyễn Thị Phi Yến | Ủy viên |
| 7. Huỳnh Thị Liên | Ủy viên |
| 8. Trương Tịch | Ủy viên |
| 9. Tạ Văn Tới | Ủy viên |
| 10. Nguyễn Văn Tửu | Ủy viên |
| 11. Nguyễn Hạt | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ V. Nhiệm kỳ 1988-1990, Đảng bộ có 86 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|------------------------|---------------------|
| 1. Tạ Văn Tới | Bí thư |
| 2. Lê Quảng | Phó Bí thư-Chủ tịch |
| 3. Lý Chiêu Hoàng | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Nguyễn Văn Tửu | Ủy viên |
| 5. Phạm Tuyết Tâm | Ủy viên |
| 6. Tạ Minh Tuấn | Ủy viên |
| 7. Nguyễn Hạt | Ủy viên |
| 8. Nguyễn Thị Thu Thủy | Ủy viên |
| 9. Trần Quang Hoài | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ VI. Nhiệm kỳ 1991-1993, Đảng bộ có 105 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 1. Tạ Văn Tới | Bí thư |
| 2. Lê Quảng | Phó Bí thư - Chủ tịch |
| 3. Nguyễn Ngọc Cang | Ủy viên Thường vụ |
| 4. Lý Chiêu Hoàng | Ủy viên |

- | | |
|--------------------|---------|
| 5. Trần Quang Hoài | Ủy viên |
| 6. Phạm Tuyết Tâm | Ủy viên |
| 7. Tạ Minh Tuấn | Ủy viên |
| 8. Đoàn Hùng Dũng | Ủy viên |
| 9. Trần Thị Huê | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ VII. Nhiệm kỳ 1993-1995, Đảng bộ có 108 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|----------------------|--|
| 1. Nguyễn Ngọc Cang | Bí thư gần hết nhiệm kỳ bị cấp trên đình chỉ công tác, đồng chí Nguyễn Hữu Trung, cán bộ thị về thế làm Bí thư |
| 2. Hồ Văn Bảy | Phó Bí thư |
| 3. Nguyễn Thị | Ủy viên |
| 4. Trần Quang Hoài | Ủy viên |
| 5. Phạm Tuyết Tâm | Ủy viên |
| 6. Nguyễn Mai | Ủy viên |
| 7. Nguyễn Ngọc Thanh | Ủy viên |
| 8. Võ Văn Minh | Ủy viên |
| 9. Nguyễn Đậy | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII. Nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ có 142 đảng viên. Đại hội bầu 11 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|----------------------|-----------------------------|
| 1. Vũ Minh Niềm | Bí thư |
| 2. Hồ Văn Bảy | Phó Bí thư |
| 3. Tạ Minh Tuấn | Ủy viên Thường vụ- Chủ tịch |
| 4. Cao Thị Xuân Tình | Ủy viên |
| 5. Phạm Đình Nhẫn | Ủy viên |

- | | |
|------------------------|---------|
| 6. Đoàn Hùng Dũng | Ủy viên |
| 7. Phạm Ngọc Châu | Ủy viên |
| 8. Nguyễn Thị Thu Thủy | Ủy viên |
| 9. Đinh Nhất Khiết | Ủy viên |
| 10. Nguyễn Mai | Ủy viên |
| 11. Nguyễn Đậy | Ủy viên |

Đại hội Đảng bộ lần thứ IX. Nhiệm kỳ 2000-2004, Đảng bộ có 145 đảng viên. Đại hội bầu 9 đồng chí vào Đảng ủy:

- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| 1. Trần Đại | Bí thư |
| 2. Phạm Ngọc Châu | Phó Bí thư |
| 3. Tạ Minh Tuấn | Ủy viên Thường vụ- Chủ tịch |
| 4. Trần Đình Hoàng | Ủy viên |
| 5. Nguyễn Thị Thu Thủy | Ủy viên |
| 6. Phạm Văn Trung | Ủy viên |
| 7. Trần Đức Biên | Ủy viên |
| 8. Hồ Văn Bảy | Ủy viên |
| 9. Nguyễn Nam | Ủy viên |

IV- Danh sách các bà mẹ Việt Nam anh hùng (hiện đang hưởng chính sách tại xã Nghĩa Chánh).

La Thị Xứ

Phạm Thị Khá

Ngô Thị Be

Phạm Thị Hía

V- Liệt sĩ.

Có 92 Liệt sĩ, trong đó :

- Chống Pháp: 32 liệt sĩ.
- Chống Mỹ: 60 liệt sĩ.

VI- Thương binh các loại.

Có 137 thương binh, trong đó 6 người là thương binh 1/4.

VII- Các vị cách mạng lão thành.

Có 7 vị.

VIII- Các vị hoạt động thời kỳ tiền khởi nghĩa.

Có 11 vị

IX- gia đình có công với cách mạng.

Có 27 gia đình.

X - Các phần thưởng cao quý:

- Tập thể nhân dân và chiến sĩ xã Nghĩa Chánh: 3 Huân chương Kháng chiến hạng ba, 1 Huy chương Giải phóng hạng nhất.

- Cán bộ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến các loại: 41.

- Cán bộ và chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ: 104.

- Chiến sĩ được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang: 44.

- Cán bộ chiến sĩ được tặng thưởng Huy chương các hạng: 28.

X- Danh sách những người giữ chức vụ, cấp bậc, trình độ văn hóa, nghề nghiệp cao.

(Chỉ kể những người vốn gốc ở khu vực Nghĩa Chánh)

1. Làm chính trị (đến Tỉnh ủy viên)

Ông Tạ Công Hiền.

Ông Lê Văn Phú.

2. Quân đội (đến cấp đại tá)

Ông Cao Thanh Trà.

Ông Phạm Văn Diêu.

3. Khoa học (có trình độ học vấn cao)

Ông Lâm Tô Lộc, Giáo sư, Tiến sĩ khoa học (mỹ học)

Ông Lê Văn Phước, Giáo sư, tiến sĩ (y học)

4. Nghệ thuật

Bà Lê Thi, Nghệ sĩ nhân dân.

5. Giáo dục.

Ông Nguyễn Đức Tấn, nhà giáo ưu tú.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

- 1- Phủ biên tạp lục, Nxb KHXH- 1997.
- 2- Lịch triều hiến chương loại chí, Nxb sử học- 1960.
- 3- Quy hoạch xây dựng thị xã Quảng Ngãi, Viện quy hoạch- 1996.
- 4- Quy hoạch xây dựng xã Nghĩa Chánh, Viện quy hoạch 1999.
- 5- Đặc điểm khí hậu tỉnh Nghĩa Bình, trạm khí tượng (1982).
- 6- Sơ thảo lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Sự Thật Hà Nội-1981.
- 7- Nam Trung Bộ kháng chiến 1945-1975, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội (1995).
- 8- Việt Nam những sự kiện lịch sử, Nxb KHXH Hà Nội- 1981.
- 9- Sơ lược lịch sử Y tế Việt Nam, Nxb Y học Hà Nội - 1995.
- 10- Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1925-1945, Nghĩa Bình- 1985.
- 11- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm 1945-1975, 1988.
- 12- Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi- 1995.
- 13- Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 1945-1975, Bùi Định, VHTT Nghĩa Bình.

14- Phong trào yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ -thị xã Quảng Ngãi 1930-1975, Nxb Chính trị Quốc gia-1999.

15- Quảng Ngãi tỉnh chí- Nguyễn Bá Trác-1930. Bản đánh máy ở thư viện tỉnh Quảng Ngãi.

16- Lê Trung Đình.

17- Nguyễn Bá Loan- cuộc đời và sự nghiệp cứu nước, Nxb chính trị Quốc gia 1999.

18- Đồng chí Nguyễn Nghiêm- Người chiến sĩ cách mạng kiên cường, Bí thư đầu tiên của Đảng bộ Đảng Cộng sản Quảng Ngãi. Ban Tuyên giáo Quảng Ngãi 2001.

19- Khuôn mặt Quảng Ngãi, Phạm Trung Việt.

20- Hồi ký cụ Nguyễn Công Phương.

21- Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb chính trị Quốc gia Hà Nội 1996, tập 10.

22- Hồi ức của cụ Phạm Hách, Phạm Có.

23- Hồi ký của các đồng chí: Cao Hùng, Tạ Công Hiền, Đoàn Thành, Nguyễn Lý, Đình Minh, Bùi Quang Minh, Tạ Duy Nghĩa, Trần Thục, Nguyễn Thị Bích Liên.

24- Các văn bản lưu trữ của Thường vụ Đảng ủy phường Nghĩa Chánh từ năm 1979 đến 2000.

MỤC LỤC

- Lời nói đầutrang 5
- Vài lời của người viếttrang 9
- **Phần thứ nhất:**
 - Đặc điểm tự nhiên
 - Lịch sử và truyền thống yêu nướctrang 13
- **Phần thứ hai:**
 - Tiếp thu chủ nghĩa Mác-Lênin,
 - Đảng cộng sản ra đời lãnh đạo
 - cao trào cách mạng (1927-1945)trang 58
- **Phần thứ ba:**
 - Xây dựng chế độ mới, tham gia
 - kháng chiến Chống thực dân Pháp
 - (1945-1954)trang 107
- **Phần thứ tư:**
 - Phong trào cách mạng của Đảng bộ và
 - nhân dân khu vực Nghĩa Chánh thời kỳ
 - (1954-1975)trang 135
- **Phần thứ năm:**
 - Đảng bộ xã Nghĩa Chánh lãnh đạo
 - nhân dân xây dựng cuộc sống mới
 - (1975-2000)trang 201
- Vài lời cuối sách.....trang 253
- Phụ lụctrang 262
- Tài liệu tham khảo.....trang 285

In tại Công ty In - PHS và Thiết bị Quảng Ngãi.
Số lượng: 500 quyển khổ 14,3 x 20,3 Giấy phép xuất bản số:
08/XBNT-VHTT do Sở VHTT cấp ngày 06/4/2004. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 5/2004.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000085